

MIỀN XANH THẨM

TRẦN HOÀI DƯƠNG

- Bản e-book này do Nhà văn Trần Hoài Dương và NXB Kim Đồng đóng góp vào Thư Viện Online.
- Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, phát tán bản e-book này với mục đích thương mại hoặc các mục đích khác mà chưa được sự đồng ý của Đơn vị xuất bản/Tác giả.
- Hãy mua sách in hợp pháp để ủng hộ các Đơn vị xuất bản và các Tác giả.



ThuVienOnline

Miền xanh thẳm

1.

Buổi sáng ấy trời đẹp lạ lùng. Gần đến mười giờ, nắng vẫn rất dịu. Những đám mây lông ngỗng phơ phất bay tản mát khắp bầu trời. Từng cụm, từng cụm mây bông nõn, mỏng tang trôi chậm chậm trên nền trời xanh thẳm, trong vắt. Gió vi vút thổi. Có thể nhận ra từng đợt gió trườn đi nhẹ nhàng trên cánh đồng qua từng đợt sóng lúa lúc xanh đậm, lúc hoe vàng cuộn cuộn xô dạt tới nơi xa tít tắp.

Con tàu sầm sập sầm sập lao đi giữa một vùng đồng bằng phì nhiêu. Thình thoảng nó lại rú lên một hồi còi lãnh lối đầy kiêu hãnh. Khói tàu trắng xóa cuộn cuộn phun lên rồi nhanh chóng nhạt nhòa trong không gian.

Tôi nài ni thầy Tín cho tôi được ngồi sát bên cửa sổ. Đây là lần đầu tiên tôi được đi tàu. Tuyến đường sắt Hà Nội - Mộc Nam Quan mới được khôi phục trước đây ít lâu. Hòa bình mới được trở lại sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp đầy hy sinh gian khổ. Không khí náo nức của những ngày hòa bình đầu tiên vẫn đang chan hòa khắp nơi khắp chốn. Đâu đâu cũng vang lên câu hát: “Trùng trùng say trong câu hát. Lốp lốp đoàn quân tiến về...”, “Bồ câu tung cánh bay trên nền trời xuân thắm tươi. Lòng hân hoan sướng vui đón hòa bình ca vang khắp nơi...”. Ngồi bên cửa sổ, tôi thỏa sức nhìn ra cánh đồng. Ở những cánh đồng ruộng trũng, lúa xanh mon mơn. Trên những thửa ruộng cao, người cày, người cuốc, người tát nước, người gieo hạt... Những chú bé chăn trâu chăn bò nhảy cẫng lên reo hò đến khản giọng chào đón con tàu. Có chú còn chạy đuổi theo một thời dài. Bọn bò bê nhiều con cũng thôi gặm cỏ, ngước mắt lên nhìn theo đoàn tàu, miệng bồm bẻm nhai, đôi mắt ngơ ngác. Ở đầu các bờ ruộng, đây đó cắm những lá cờ đỏ sao vàng, cờ hòa bình xanh da trời ở giữa có con chim bồ câu trắng tung cánh bay. Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc. Trên con đường nhựa chạy song song với đường sắt, những chiếc ô tô hàng lao vun vút, có hành khách nhòai ra cửa xe vẫy đoàn tàu. Mấy chiếc xe bò chở gạch, chở cát dừng đỉnh, chiếc nào cũng cắm cờ đỏ, cờ xanh trên thành xe. Một đoàn thiếu nhi đang diễu hành, tiếng chiêng trống rộn ràng, biểu ngữ, cờ hoa tung bùng. Trông thấy đoàn tàu, đám thiếu nhi cùng nhảy lên hò reo, tiếng trống, tiếng kèn náo động hẳn lên. Để đáp lại nhiệt tình của lũ nhỏ, con tàu rú lên một hồi còi dài đầy phấn khích.

Tôi như mê đi trước bao cảnh vật mới lạ đang hiện hiện ra trước mắt. Quang cảnh rộn ràng náo nức của những ngày hòa bình đầu tiên ấy in sâu mãi mãi vào ký ức tôi, suốt đời không thể nào quên. Con tàu vẫn sầm sập lăn bánh. Cả một không gian rộng lớn đang xoay vòng xung quanh tôi. Cánh đồng trải rộng hút tầm mắt, những lũy tre mờ xa, những hàng cây phi lao, cây xà cừ ven đường, những ngôi nhà, những con người đang mải mê cày cuốc..., tất cả đang xoay vòng, đang lùi lại dần ở phía sau. Con tàu kiêu hãnh như một nàng công chúa đang ung dung dạo gót trước sự ngưỡng mộ của đất trời, của con người. Tôi đắm chìm trong một cảm giác ngây ngất trước bao cảnh đẹp mới lạ lần đầu tiên được thấy.

- Này, chú bé mơ mộng, nghĩ gì mà đắm chiêu thế? - Thầy Tín vỗ nhẹ vai tôi, đưa tôi trở về thực tại.

Tôi chớp chớp mắt, mỉm cười ngượng ngịu:

- Đẹp quá, thầy nhỉ?

- Sắp đến thị xã Bắc Ninh rồi đấy. Quá lên mạn trên nữa, cảnh vật còn đa dạng hơn. Có đồi núi, có sông, có những xóm làng vùng bán sơn địa, đẹp hơn nhiều.

- Thế bao giờ thì đến thị xã Bắc Giang ạ?

- Hơn một tiếng đồng hồ nữa thôi...

Thầy Tín kể cho tôi nghe về thị xã Bắc Giang, nơi chúng tôi sắp sửa đến. Thầy kể về tuyến đường sắt Hà Nội - Mộc Nam Quan vừa mới được khôi phục mấy tháng trước. Rồi đây, tuyến đường sắt này còn kéo dài thêm nhiều nữa. Trước mắt, sẽ vượt qua biên giới, nối đến Bằng Tường của Trung Quốc. Rồi Bắc Kinh. Rồi Ulan Bato của Mông Cổ. Rồi Mạc Tư Khoa của Liên Xô. Rồi các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu, những Ba Lan, Tiệp Khắc, Hunggari, Rumani, Cộng hòa dân chủ Đức...

Thầy nói hào hứng. Tôi mê mãi lắng nghe như muốn nuốt lấy từng lời nói của thầy. Viễn cảnh về một tương lai vô cùng đẹp để mở rộng trước mắt tôi. Tôi lại nhìn ra ngoài cánh đồng đang chậm chậm xoay tròn. Những cánh đồng lúa xanh bát ngát. Những luống cày đang được lật lên, màu đất nâu ẩm ướt màu mỡ. Những thửa ruộng đang bắt đầu được trồng ngô, trồng khoai, màu xanh non còn loáng thoáng, chưa phủ kín đất. Chỗ này người lúi húi tra đỗ, tra lạc, chỗ kia người vung tay gieo hạt... Đất nước cũng giống như cánh đồng đang cày vỡ kia, còn biết bao ngổn ngang, dang dở nhưng rồi đây sẽ xanh tươi, sẽ trù phú, sẽ được hồi sinh, đó là một điều chắc chắn...

Lòng náo nức, tôi hồi hộp chuẩn bị bước vào những ngày mới. Lần này, tôi xa nhà, lên Bắc Giang trọ học. Gia đình tôi sống ở Hà Nội. Riêng mình tôi, mười ba tuổi, xa nhà lên trọ học ở Bắc Giang cũng là có nguyên do, sau này tôi sẽ kể kỹ hơn. Một trong những nguyên do đó là trường Ngô Sĩ Liên, nơi tôi sắp đến học lớp năm, vốn là trường các anh chị tôi đã từng học từ ngày còn kháng chiến. Hòa bình lập lại, các anh chị tôi người đi bộ đội, người học Sư phạm, người về Hà Nội học tiếp. Các thầy giáo, cô giáo của nhà trường biết rõ hoàn cảnh gia đình tôi, rất yêu quý các anh chị tôi, nên khi chị cả tôi xin cho tôi vào học, các thầy giáo, cô giáo vui vẻ nhận lời ngay. Thầy Tín vốn là bộ đội, sau khi giải ngũ, thầy về làm giáo viên dạy môn chính trị và giáo dục công dân ở trường. Thầy đặc biệt thân thiết với các anh chị tôi vốn là những học trò xuất sắc của thầy. Nhân có việc về Hà Nội lo công chuyện của nhà trường, thầy ghé thăm gia đình tôi, tiện thể đón tôi cùng đi luôn. Mẹ tôi mất sớm, khi tôi mới lên bảy tuổi, từ đó tôi đã từng sống ở nhiều nơi, nay với ông bà, mai với chú thím... nên lần này đi xa, tôi cũng không ngỡ ngàng, lo lắng lắm. Thầy Tín bảo thầy sẽ gửi tôi vào sống cùng một nhóm mấy anh em học sinh nghèo, có những hoàn cảnh khó khăn đặc biệt nên rất yêu thương gắn bó với nhau. Trong số đó có mấy anh biết anh chị tôi nên tôi càng yên tâm hơn.

Con tàu bắt đầu đi vào một vùng bán sơn địa. Những xóm nghèo ở rải rác mỗi nơi dăm bảy nóc nhà tường đất thấp, mái rạ cũ kỹ ẩn dưới những lùm tre lơ phơ vàng hoe. Những ngọn đồi đất đỏ đầy sỏi đá, những bụi sim, bụi mua, những lau lách vốn không xa lạ gì đối với tôi trong những năm tháng tản cư ở vùng đồi núi Yên Thế trước đây...

Xa xa, những ngọn đồi như bát úp, ngọn giống hình con rùa, ngọn giống hình con voi nằm phủ phục. Bên phía tay phải, một rặng núi dài án ngữ nơi chân trời. Thầy Tín bảo tôi: “Núi Neo đây! Cả thấy có chín mươi chín ngọn. Sự tích hay lắm. Để hôm nào thầy kể cho mà nghe”. Rồi sông Thương hiện ra trước mắt. Con “sông Thương nước chảy đôi dòng” tôi đã từng được nghe nói đến nhiều, bây giờ đang ở ngay trước mặt tôi kia. Trên bến dưới thuyền tấp nập. Không khí làm ăn, xây dựng rộn ràng lây cả sang tôi, làm tôi cũng thấy náo nức theo.

Thầy Tín bảo tôi:

- Tới nơi rồi đó, em! Ta chuẩn bị xuống tàu.

Tự nhiên tôi bỗng thấy hơi ngần ngại, thoáng lo sợ. Sắp tới đây, tôi sẽ gặp gỡ những ai? Những ngày tới tôi sẽ sống thế nào? Tôi thầm ước giá mình cứ được ngồi trên tàu lâu thêm chút nữa, kéo dài thêm cảm giác lâng lâng của một chuyến dạo chơi đầy thú vị. Nhưng thầy Tín đã đứng lên, lấy trên giá để hành lý xuống chiếc ba lô, quàng lên vai tôi, nắm tay tôi đi dần ra cửa toa.

2.

Ở ga xuống, thầy Tín đưa tôi về khu tập thể giáo viên của nhà trường, nơi thầy có một căn phòng nhỏ ở cuối dãy. Trước mặt khu tập thể là trường học gồm mười mấy ngôi nhà vách đất, lợp lá gồi, chạy song song với nhau, ngôi nọ cách ngôi kia chừng bốn, năm mét. Đang giờ học buổi chiều. Học sinh ngồi đầy trong các lớp nhưng rất yên tĩnh. Chỉ thấy vang lên tiếng các thầy cô đang giảng bài.

Khu tập thể vắng tanh. Tôi thầm mừng mình đến đúng vào lúc các thầy cô giáo đang lên lớp. Nếu không, tôi sẽ rất lúng túng trước các thầy cô giáo lạ. Chợt một người phụ nữ cao lớn, tóc cắt ngắn đi tới. Vừa mở khóa phòng, thầy Tín vừa cười xởi lởi:

- Hôm nay chị không có giờ lên lớp hở chị Kim?

- Tôi vừa dạy xong hai tiết đầu. Thế nào, anh đi Hà Nội có được việc không? Lại có chú bé nào thế kia?

- Cậu Thiện, em cô Trọng, cô Ngà học sinh cũ của trường, chị còn nhớ không?

Cô Kim cười, để lộ chiếc răng khênh làm vẻ mặt cô thêm tươi và gần gũi:

- Nhớ chứ sao quên được! - Rồi cô quay sang tôi, vồn vã. - Các anh chị có khỏe không em? Lâu quá cô cũng chưa gặp lại cái Trọng, cái Ngà, thằng Hiệu. Chắc em lên đây học trường cũ của các anh chị cho tiện hả?

Tôi ấp úng chưa kịp trả lời thì thầy Tín đã đỡ lời:

- Đúng đây chị Kim ạ. Cô Trọng đã trình bày mọi chuyện với anh Lê Minh hiệu trưởng từ mấy tháng trước rồi. Anh Lê Minh đã đồng ý. Nhân tôi về Hà Nội, cô Trọng nhờ tôi đón Thiện đi luôn.

Cô Kim hỏi tôi:

- Thiện học lớp mấy rồi?

- Dạ thưa cô, em học lớp năm.

- Vậy là vào đúng lớp cô làm chủ nhiệm. Sáng mai em bắt đầu lên lớp được chưa?

- Dạ, được ạ! - Tôi đáp lí nhí.

Như chợt nhớ ra điều gì, cô quay sang hỏi thầy Tín:

- Anh Tín đã thu xếp cho em nó ở đâu chưa?

Thầy Tín cười vui vẻ:

- Tôi đã tính sẵn hết rồi. Định để Thiện ở với cậu Nhu, cậu Hoàng. Các cậu ấy rất tốt, lại là bạn cũ cùng lớp của cô Trọng, cô Ngà.

Cô Kim mừng rỡ hiện rõ ra nét mặt:

- Thế thì yên tâm rồi. Lại ở ngay gần trường, qua lại cũng tiện. - Chợt giọng cô thẳng thốt. - À, mà hai thầy trò đã cơm nước gì chưa? Chắc mới xuống tàu, chưa ăn gì phải không? Thôi, hai thầy trò rửa ráy chân tay rồi sang bên tôi ăn cơm luôn thể. Tôi cũng đã ăn uống gì đâu. Hôm nay nhà có món riêu cua ăn mát ruột lắm.

Sau khi ăn cơm ở nhà cô Kim xong, thầy Tín dẫn tôi đi gặp anh Nhu. Tôi định xách ba lô theo, nhưng thầy ngăn lại:

- Mình cứ sang tay không đã em ạ. Giờ này không biết mấy anh em bên đó có nhà không?

Tưởng đi đâu xa, hóa ra nhà mấy anh trọ ở liền kề ngay trường học, chỉ cách một bờ rào bằng nứa. Trước khi sang, để cho chắc ăn, thầy Tín đứng trên hiên nhà, gọi với sang qua hàng rào:

- Cậu Nhu có nhà không đấy?

- Ai đấy? Ai gọi Nhu đấy? - Tiếng đáp lại gần như liền tức thì, cứ như là người trả lời đã chờ sẵn câu gọi từ lâu.

Một anh người cao, có khuôn mặt chữ điền từ trong nhà chạy ra. Tôi chợt giật mình. Đúng là anh Nhu rồi. Anh Nhu ngày trước... Ban sáng nghe thầy Tín nói, tôi đã hơi ngờ ngợ nhưng chưa dám tin hẳn. Tôi cứ nghĩ hòa bình rồi, anh sẽ về quê... Anh Nhu cũng nhận ngay ra tôi. Anh reo lên:

- Thiện đấy à? Em lên đây bao giờ? Ai đưa em lên?

- Tôi chứ ai! - Thầy Tín cười khà khà, neho mắt hỏi cả tôi và anh Nhu. - Thế ra hai anh em đã biết nhau từ trước rồi à?

Anh Nhu cũng cười:

- Vâng ạ. Thăng Thiện thì em còn lạ gì. Chị Trọng, chị Ngà, anh Hiệu có khỏe không em? Sao các anh chị em không lên chơi luôn thế?

Thầy Tín nói thay tôi:

- Vừa mới đầu năm học, ai mà bỏ đi chơi được? Tiện tôi về Hà Nội, kéo cậu này đi theo luôn. Nhu à, Thiện ở đây với bọn em, được không?

- Được quá đi chứ ạ. Thầy cứ để Thiện ở với chúng em. Thăng này nó hiền và ngoan lắm. Từ lâu em đã rất quý nó.

Thầy Tín bảo tôi chạy vào nhà lấy ba lô quần áo rồi thầy dẫn tôi sang bên anh Nhu. Giọng thầy vui vẻ:

- Thầy trò mình phải vòng ra phía cổng chính em ạ. Thật đúng là gần nhà xa ngõ.

Ngôi nhà bọn anh Nhu ở trọ nhỏ xíu, chỉ có một gian hai chái, vách đất, mái rạ. Anh Nhu ra tận ngoài đầu ngõ đón hai thầy trò tôi. Anh vồn vã nắm vai tôi, xách chiếc ba lô giùm tôi. Anh cười khò hời:

- Gớm! Người thì mảnh dẻ còn chiếc ba lô sao mà nặng thế! Về đây, về đây ở với bọn anh.

Bước vào trong nhà, hầu như chẳng có đồ đạc gì đáng kể. Anh Nhu chỉ về phía góc trái ngôi nhà, giới thiệu:

- Đây là giường của bà Muộn, chủ nhà. Bà cụ chỉ sống có một mình, ngày ngày chăm sóc mấy sào ruộng. Bà cụ cho bốn đứa chúng em ở nhờ. Chúng em ăn ngủ gian bên này. Chiếc chõng giữa nhà, vừa để tiếp khách, vừa là bàn học. Tối nào nóng quá, bọn em dựng chõng lên, trải chiếu nằm ngủ luôn. Bà cụ tốt tính lắm, coi chúng em như con. Để chiều bà cụ về, em sẽ thưa qua bà một tiếng, xin phép cho Thiện ở cùng với chúng em, chắc bà cụ cũng vui lòng thôi.

Thầy Tín hơi sững lại:

- Ồ, tôi cũng sơ suất thật. Đáng lý ra mình nên xin phép bà cụ trước, sau đó dẫn Thiện đến, như vậy thuận hơn.

Anh Nhu cười xuề xòa, trấn an thầy giáo:

- Không lo, thầy ạ. Bà cụ dễ tính lắm. Mộc mạc, chất phác, em thuyết phục được ngay mà! - Chợt anh hốt hoảng kêu lên. - Ấy chết! Em vô ý quá. Từ nãy đến giờ cứ để thầy và em Thiện phải đứng. Mời thầy ngồi uống nước ạ.

Anh chạy xuống bếp, mang ra mấy chiếc bát ăn cơm và chiếc ấm đất. Mặt đỏ bừng, vừa rót nước, anh vừa phân bua:

- Mong thầy thông cảm. Bọn em chẳng có ẩm chén gì... Nhưng nước sôi thì uống lành lắm thầy ạ.

Vừa uống nước, tôi vừa quan sát xung quanh. Bà chủ nhà chắc cũng nghèo. Đồ đạc ngoài chăn màn xếp ở đầu giường, chỉ còn một chiếc hòm gian nhỏ kê bên góc, kế đó là bồ thóc, mấy thúng mùng và một chạn để thức ăn nhỏ. Gian của mấy anh còn sơ sài hơn: Quần áo, chăn màn để ở góc giường; sát mái nhà, gác mấy thanh tre làm thành một cái kệ để sách vở. Ở một góc nhà có giăng một sợi dây mây, trên vắt tạm bộ mấy bộ quần áo.

Thầy Tín lắc đầu:

- Đừng để quần áo thế này, Nhu ạ. Muỗi nhiều lắm.

- Vâng, em đã nói mấy lần, các cậu ấy chứng nào vắn tật nấy.

Vừa nói, anh Nhu vừa rút quần áo trên dây xuống. Anh vừa động tay vào, mấy con muỗi đã vo ve bay lên.

Có tiếng léo xéo ngoài ngõ. Anh Nhu cười bảo tôi:

- Thiện có bạn chơi rồi đấy. Thằng Bảo đã đi học về. À, quên khuấy đi mất. Em học lớp mấy rồi nhỉ? Lớp năm à? Vậy là vừa khéo. Thằng Bảo cũng lớp năm; lớp cô Kim làm chủ nhiệm đấy.

- Ai nói vụng trộm gì về “lão mỗ” đấy?

Tiếng thằng Bảo xoe xoe ở ngoài sân. Nó chợt đứng sững lại, mồm há hốc khi nhận ra thầy Tín ngồi trong nhà. Nó lè lưỡi, rút cổ về lo sợ, lùi ngay ra sau nhà.

Anh Nhu gọi với theo:

- Vào đây, Bảo! Có bạn mới cho chú mày đây!

Thằng Bảo khấp nép đứng áp người vào phen cửa. Người nó đậm chắc, mắt hơi híp, mặt đỏ hoa.

- Làm gì mà bẽn lẽn như cô dâu mới về nhà chồng thế hở “lão mỗ”? - Thầy Tín cười sáng khoái, nói đùa. - Làm quen với nhau đi. Đây là bạn Thiện...

Anh Nhu cười phá lên:

- Thầy khỏi phải lo. Chỉ thoáng một cái là chúng nó thân nhau ngay ấy mà! Bảo rủ bạn ra ngoài chơi cho thoáng đi.

Hình như chỉ chờ có thế, thằng Bảo nháy mắt, ngoắc tay ra hiệu cho tôi. Tôi còn ngần ngại chưa dám ra thì thầy Tín đã nắm vai tôi đẩy nhẹ về phía cửa:

- Đi chơi với bạn cho vui, em! Phải mạnh dạn lên...

Vừa ra khỏi cửa, thằng Bảo đã kéo tay tôi lôi xềnh xệch ra ngõ, leo lên triền đê cao. Tôi hơi ngạc nhiên đây không có sông sao bỗng dưng lại có một con đê cao như thế này. Đúng là một con đê chứ không phải đường cái quan. Toàn thân đê phủ kín cỏ, chỉ ngoằn ngoèo một lối mòn thoắt ẩn thoắt hiện cho người đi bộ. Sau này tôi mới biết đó là con đê quai, phòng xa khi lũ lớn nước khời tràn vào thị xã. Sở dĩ tôi phải dừng lại nói hơi kỹ về con đê quai này vì nó rất đẹp. Các triền thoải thoải phủ đầy cỏ mịn của nó sau này sẽ là nơi chiều chiều mấy anh em tôi thường ra ngồi chơi, có lúc cùng nằm sóng soài trên đó mà tán gẫu hoặc gối đầu trên hai cánh tay, vắt chân chữ ngũ, nằm ngửa mặt ngược nhìn lên bầu trời có những đám mây bông xốp trôi chậm chậm...

Thằng Bảo hớn hờ rủ tôi:

- Ra sân vận động chơi đá bóng đi. Còn sớm chán!
- Đê hôm khác có được không? Thầy Tín đang chờ ở nhà...
- Thế thì chơi tạm quanh quẩn ở đây vậy. Mà dân Hà Nội, thường chơi những trò gì?

Tôi lúng túng chưa biết trả lời ra sao thì thằng Bảo đã tía lia:

- Đê rồi hôm nào tao sẽ dẫn mày đi câu, đi tát cá, đi bắt ếch, thôi thì đủ thứ trò. À, mà mày có biết bơi không? Chúng mình sẽ ra sông Thương bơi thỏa thích, tiện lượm củi luôn thể.

Thấy một đám cỏ mềm thích mắt, thằng Bảo nằm lẩn ra, trồng cây chuối rồi rủ tôi làm theo. Tôi chưa mạnh dạn được như nó nên chỉ ngồi nhìn nó biểu diễn các trò nhào lộn một cách hào hứng. Nhào lộn chán, nó nằm dang chân dang tay ra hết cỡ, mắt lim dim nhìn trời, giọng trở nên xa xôi:

- Đê hôm nào tao sẽ dẫn mày về quê tao chơi. Đẹp không chê được mày ạ. Cũng gần thôi, chừng mười bốn, mười lăm cây số. Hai thằng vừa đi vừa chạy đuổi nhau chỉ mất ba tiếng đồng hồ là cùng. Thế nhé! Về quê tao chơi, mày sẽ mê liền à!

Nằm nghĩ ngợi một lát, nó ngồi nhồm dậy:

- Sao mày không học ở Hà Nội lại lên đây?
- Mình thích học xa nhà...
- Lạ nhỉ! Tao lại chẳng thích xa nhà một tý nào. Ở nhà, sướng như vua. Mẹ tao chiều tao hết mực. Quê tao chưa có trường cấp hai nên tao mới phải lên đây học. Cực lắm mày ạ.

Đăm chiêu một thoáng, nó chép miệng:

- Nhưng kể ra đi xa cũng có nhiều cái khoái. Tha hồ bay nhảy tự do. Mấy anh ở đây cũng tốt lắm. Mày mới chỉ gặp anh Nhu thôi nhì. Còn anh Hoàng, thằng Nam nữa. Họ cũng sắp về cả rồi đấy.

Chiều đang dần xuống. Đã tắt nắng nhưng những xóm làng ở xa tít tắp vẫn còn nhìn rõ mồn một. Không khí trong trẻo lạ thường. Ngồi trên triền đê thoáng đang nghe gió ù ù thổi, nhìn ra xung quanh, mọi cảnh vật thật êm đềm, lòng tôi thanh thản vô cùng. Đúng là đi xa cũng có những điều thú vị thật. Ở Hà Nội, làm sao có được những cảm xúc như thế này? Những ngày sắp tới, chắc tôi sẽ còn gặp nhiều điều ngỡ ngàng, lạ lẫm, không tránh khỏi những khó khăn, vấp vấp nhưng tôi mơ hồ cảm thấy có lẽ nhiều điều thú vị sẽ đến với tôi. Ngày đầu tiên xa nhà như thế này kể ra cũng đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng tốt đẹp. Giả thử, nếu tôi vẫn ở nhà, thì ngày hôm nay chắc cũng sẽ chỉ là một ngày mờ nhạt giống như bao ngày khác... Nghĩ vậy, tôi thấy vui lên và yên lòng. Tôi nói với Bảo:

- Thôi, mình về đi kẻo anh Nhu mong.

Thằng Bảo vùng dậy, đâm vào lưng tôi mấy cái khá đau rồi ù té chạy. Nó cười phá lên, vừa chạy vừa quay lại nhăm nhó trêu tôi. Bất giác, tôi quên hết mọi ưu tư, cũng bật cười, chạy đuổi theo thằng Bảo.

3.

Khi chúng tôi về đến nhà thì tất cả đã có mặt đông đủ. Anh Nhu dẫn tôi đến chào bà cụ Muộn. Anh vui vẻ nói:

- Đây, em nó đây bà ạ. Nó hiền lành chứ không nghịch phá như thằng Bảo.

- Có gì đâu mà chú cứ phải lo! - Bà cụ Muộn cười móm mém trả lời anh Nhu, rồi xuề xòa bảo tôi. - Cháu cứ ở đây với mấy anh cho vui. Ăn mất nhiều chứ ở mất bao nhiêu!

Nói rồi bà cụ quày quả bung rổ rau và chiếc niêu nhỏ đi xuống bếp. Dáng bà hơi cồng, tóc đã bạc gần hết, da mặt nhăn nheo, khắc khổ. Nhưng khi bà cụ cười thì rõ ra một con người phúc hậu.

Anh Nhu lần lượt giới thiệu cho tôi làm quen với anh Hoàng, thằng Nam. Hai người đều mỉm cười nhìn tôi đầy thiện cảm. Anh Hoàng ít nói, hiền lành. Thằng Nam nhỏ người, nhanh thoăn thoắt.

- Thôi, dọn cơm ăn đi. Tôi đã nấu xong xuôi cả rồi đấy. Bữa nay chỉ có rau lá nháo nấu canh với ít lạc rang, các vị ăn tạm nhé. Mai đi chợ mua mấy lạng thịt về liên hoan, gọi là để mừng chú Thiện gia nhập hội. - Anh Nhu vừa bung nồi cơm ra giữa sân vừa tươi cười nói.

Thằng Bảo, thằng Nam nhanh nhẩu bung mâm, bung nồi canh cùng một chồng bát đũa ra, đặt trên chõng tre đã được anh Hoàng mang đặt giữa sân. Mấy anh em người đứng, người ngồi xì xụp ăn. Anh Nhu lấy thìa xúc lạc cho tôi, giọng ái ngại:

- Ở với bọn anh, cực đấy em ạ. Ăn uống kham khổ chứ không được như ở nhà đâu. Không biết rồi em có chịu được hay không?

- Em chịu được ạ. - Tôi nói nhỏ vừa đủ cho anh nghe.

Tối hôm ấy, bên ngọn đèn bão đặt giữa chõng, mấy anh em chụm đầu ngồi học bài. Tôi chưa có gì để học, và lại suốt buổi ngồi trên tàu, gặp gỡ người này người khác, đầu óc khá mệt mỏi nên mới ngả lưng nằm trên giường một lát, tôi đã ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Nhưng cũng chỉ chợp mắt được ít phút, tôi bừng tỉnh. Từ đó cứ thao thức, nghĩ lan man chuyện này chuyện khác.

Lần này xa nhà, tôi không tránh khỏi lo lắng vì phải sống giữa nhiều người xa lạ. Nhưng thú thật, tôi cảm thấy vui nhiều hơn. Tôi tin những lạ lẫm ban đầu rồi sẽ nhanh chóng qua đi. Khi ấy tôi sẽ được sống thoải mái, tha hồ học, tha hồ chơi. Gia đình tôi, nói ra thì hơi buồn, nhưng quả thật không mấy lúc được vui vẻ. Sau hòa bình lập lại, nhà tôi như khánh kiệt. Do một số điều bất ưng, bố tôi nghỉ việc, không đi làm. Mẹ kế của tôi (mà chúng tôi thường gọi là cô) lâu nay chỉ ở nhà lo việc nội trợ; khó khăn quá xoay ra buôn bán vặt, lúc nấu xôi chè, lúc bán bún thang, bún riêu nhưng cũng chỉ được dăm bữa nửa tháng lại phải đóng cửa vì ế ẩm, vì không quen với cách làm ăn xô bồ, chộp giật. Chị cả của tôi đi thanh niên xung phong, sau đó được đi học trường Sư phạm. Chị thứ hai của tôi cũng bỏ học dở dang. Do xinh xắn và có năng khiếu múa hát, giữa lúc mấy anh chị em tôi sống quá khó khăn, nhân một lần đoàn văn công quân đội tuyển diễn viên, chị tôi trúng tuyển và vào bộ đội từ lúc mới mười lăm tuổi. Hai chị tôi chỉ hưởng phụ cấp, không có lương bổng nên cũng không giúp gì cho gia đình. Ba anh em tôi cùng với bốn em con của cô tôi, tất cả đều đang tuổi đi học. Bố tôi, cô tôi cùng bảy đứa con sống bấp bênh, không có một nguồn thu nhập nào ổn định. Tôi nhớ có một Tết Trung Thu, mỗi số hộ khẩu gia đình được mua một chiếc bánh dẻo, một chiếc bánh nướng. Vậy mà bố tôi cũng không có tiền mua, phải cho gia đình hàng xóm mua kéo phí mất tiêu chuẩn. Nhiều hôm đi học về, đói mồm cả mắt, vậy mà chờ mãi, chờ mãi cũng chẳng thấy ai nói gì đến cơm nước. Cô tôi mệt mỏi năm quay mặt vào tường. Chúng tôi lẳng lặng nhìn nhau, tự biết là hôm ấy nhà hết gạo, bố tôi không có đồng nào để đưa tiền chợ cho cô tôi. Chúng tôi phải sống không ít ngày trong cái không khí nặng nề như thế. Không có cảnh đánh chửi nhau. Không có chuyện quăng bát quăng đĩa. Rất ít khi to tiếng. Nhưng sao mà trầm uất... Ngay từ khi mười một, mười hai tuổi tôi đã luôn có mặc cảm là mình có tội, mình là gánh nặng của gia đình, không tự kiếm sống được mà phải sống dựa vào bố mẹ, ăn nhờ vào chính những người thân của mình. Suốt cả những ngày niên thiếu của tôi, tôi luôn nung nấu một ao ước là mong sao lớn thật mau để được đi làm, để khỏi phải sống dựa vào gia đình. Nhà tôi ở đầu phố Khâm Thiên. Đường chim bay đến ga Hàng Cỏ rất gần. Đêm đêm tôi trần trọc không ngủ được vì tiếng còi tàu giục giã. Hàng chục đoàn tàu vào ga rồi rời ga, hú lên những hồi còi đầy nôn nóng và náo nức. Tôi phân biệt rất rõ tiếng lạnh lói cao vút của những con tàu cũ từ thời Pháp và tiếng trầm trầm ùng ùng đồm đồm của những con tàu Trung Quốc mới. Chúng gọi nhau, chúng chào đón nhau, chúng thúc thúc nhau đi đến những miền đất xa xôi. Lòng tôi cũng bồn chồn, cũng náo nức theo chúng. Tôi cũng ao ước được bứt phá khỏi cuộc sống buồn tẻ này. Nhưng tôi còn nhỏ quá. Tôi mới chỉ mười ba tuổi. Biết đến bao giờ tôi mới đủ mười sáu, mười bảy tuổi để được đi làm, để khỏi phải ngong ngóng chờ đến bữa cơm mà nhiều hôm chờ đến ngang chiều cũng không thấy có... Trong đêm thanh vắng, nghe tiếng còi tàu hú gọi nhau, lắm khi tôi thậm ứa nước mắt.

Chính vì thế, khi được lên Bắc Giang trọ học, tôi thích thú vô cùng. Bố tôi lo tôi còn nhỏ đã phải xa nhà sống một mình, nhưng rồi vẫn bằng lòng để tôi đi, có lẽ một phần cũng vì bố tôi gặp quá nhiều khó khăn, có muốn giữ tôi ở lại cũng không có điều kiện. Thầy Tín hứa hẹn sẽ đề nghị nhà trường cấp cho tôi một suất học bổng.

Bố tôi vay ở đâu đó được hai mươi đồng bạc đưa cho tôi, bảo đó là tiền ăn của tháng tới và tiền sách vở đầu năm học. Hàng tháng bố tôi sẽ cố gửi đều lên cho tôi mỗi tháng mười đồng. Thầy Tín nói vậy cũng tạm đủ.

4.

Sáng nào anh Nhu, anh Hoàng cũng dậy sớm để đi làm. Các anh học buổi chiều. Bài vở cho ngày hôm sau, các anh dồn hết vào buổi tối. Sáng sáng các anh đi làm phụ thợ hồ để lấy tiền ăn học. Hầu như gia đình hoàn toàn không phải chu cấp gì cho các anh. Trong một bữa cơm tối, anh Nhu bảo mấy anh cũng chỉ gắng làm thêm trong năm học lớp chín này, cốt sao có đủ tiền ăn và dư ra một ít dành cho năm sau, còn sang năm lớp mười thì phải toàn tâm toàn ý vào việc học để cuối năm còn thi tốt nghiệp phổ thông và thi đại học.

Thằng Nam học lớp sáu. Tôi và Bảo học lớp năm. Cả ba đứa tôi đều học buổi sáng. Nhờ học so le như vậy nên việc phân công nấu nướng, quét dọn... rất thuận tiện. Các anh dậy từ khi chúng tôi còn đang ngủ lửn ngủ lóc. Các anh nấu nướng xong, ăn vội ăn vàng rồi đi làm, cơm canh để phần lại cho chúng tôi ăn sau. Gọi là “để phần” cho sang chứ thực ra bữa cơm của chúng tôi rất đạm bạc, thường chỉ có rau muống hoặc rau cải luộc, đĩa muối riềng hoặc hôm nào sang hơn là muối vừng trộn loãng thoảng ít mảnh lạc. Buổi chiều đến lượt mấy thằng nhóc chúng tôi nấu. Thường buổi chiều bao giờ bữa cơm cũng thú vị hơn vì có mặt đông đủ mấy anh em chứ thức ăn thì cũng không có gì hơn buổi sáng.

Ăn uống kham khổ, ở chật chội, đèn đóm tù mù, nói chung mọi thứ đều kém xa Hà Nội nhưng tôi thấy thanh thản vô cùng. Lớp tôi là lớp năm A, do cô Kim làm chủ nhiệm. Cô biết khá rõ hoàn cảnh gia đình tôi. Các anh chị tôi trước đây cũng đều là những học sinh có một số mặt nổi bật trong nhà trường. Tôi thường nghe mọi người, cả các anh chị học sinh những lớp lớn và một số thầy giáo ca ngợi chị Trọng, chị cả của tôi là một cán bộ hiệu đoàn học sinh rất năng nổ, dễ chan hòa, có sức cuốn hút lớn đối với mọi người, được cả trường yêu quý. Uy tín của các anh chị tôi rất thuận lợi cho tôi. Thêm nữa, tôi học vào loại giỏi, mặt mũi lại sáng sủa, dáng thư sinh hiền lành nên được các thầy cô và bạn bè có cảm tình. Đặc biệt, thầy Luyện dạy môn văn rất yêu quý tôi. Những bài luận tôi làm, hầu như bài nào thầy cũng cho 5 điểm, điểm cao nhất, và thầy đem ra đọc cho cả lớp nghe. Chính tôi nhiều khi cũng tự thấy thầy khen tôi quá mức, thầy quá yêu tôi nên hơi thiên vị, nhưng tôi vô cùng biết ơn thầy. Có lẽ thầy là người đầu tiên khuyến khích tôi, cổ vũ tôi một cách nhiệt thành để tôi mạnh dạn bước những bước đầu tiên đi vào con đường văn học.

Chính những tình cảm yêu thương của các thầy cô giáo và bạn bè đã làm cho tôi mỗi ngày một gắn bó hơn với cái tập thể nhỏ bé của mấy anh em tôi.

Đặc biệt, tôi rất thích thằng Bảo. Nó là một thằng sống đầy tình cảm. Nhà nó ở nông thôn. Mẹ và mấy anh chị đều làm ruộng. Bố nó làm cán bộ ở Ty giáo dục nên cho nó lên đây trọ học. Nó lớn hơn tôi một tuổi nhưng to con, da ngăm đen, tay chân săn chắc. Nó luôn tự nhận nó là anh tôi. Hễ có đứa nào va chạm với tôi chút xú, nó liền nhảy bổ đến sừng sộ: “Có chuyện gì đấy? Đứa nào động đến em tao đấy?”. Đi đâu nó cũng đi cùng tôi. Tôi thì mảnh dẻ, trắng trẻo, có phần nhút nhát. Còn nó thì đậm chắc, da bánh mật, bước đi huỳnh huých, ăn nói bậm trợn. Có người nói đùa nó là vệ sĩ của

tôi, nó không bực tức, trái lại còn hoa chân múa tay, đi mấy đường quyền, tỏ ra rất đắc ý.

Bảo thường hay kể chuyện về quê nó. Cứ theo lời nó kể thì quê nó phải đẹp vào loại nhất nhì thế giới. Đầu làng có hồ sen rộng đến hàng mấy mẫu. Mùa sen nở, suốt đêm dân làng đắm mình trong hương sen thơm. Trước khi vào làng phải qua một bãi hoang, có nhiều gò đồng và những bụi dứa dại. Đó là giang sơn riêng biệt của lũ trẻ chăn trâu. Đặc biệt, trên một gò cao có một mòm đá bị chém làm đôi, hai nửa vẫn còn nằm cạnh nhau, mảnh lớn có một lỗ sâu hun hút, đổ bao nhiêu nước xuống cũng không đầy. Tục truyền rằng từ xa xưa, đây là nơi trú ngụ của một đàn gà mẹ con bằng vàng ròng. Đêm đêm, vào những giờ khắc yên tĩnh, vắng lặng nhất, từ trong hang, gà mẹ dẫn bảy con vàng óng, lung linh kỳ ảo túc túc vẫy quanh. Hào quang bao phủ quanh chúng sáng rực cả xung quanh. Vào những lúc như thế, bọn trẻ trong làng rủ nhau chạy ra xem. Phải tuyệt đối im lặng, không được cười nói, không được gây ra tiếng động. Phải đứng nấp từ xa, nín thở ngắm nhìn đàn gà nhón nhor dạo chơi. Đang yên đang lành, dân làng đang tự hào vì quê mình có một điểm phúc như thế, chợt một lão phù thủy ở đâu xuất hiện. Lão muốn bắt đàn gà vàng. Một đêm kia, lão phục sẵn gần mòm đá. Chờ cho đàn gà mẹ con dẫn nhau ra thật xa, lão mới một tay cầm chiếc túi lớn, miệng túi mở toang hoác sẵn, tay kia cầm thanh kiếm sắc, rượt đuổi đàn gà. Đàn gà chạy tán loạn, lão cố hết sức mà không lừa bắt được con nào. Cuối cùng, gà mẹ dẫn bảy gà con quay vòng trở lại, chạy tuốt vào hang. Cả một luồng ánh sáng vàng rực hun hút hun hút tuôn vào hang tối. Lão phù thủy tức điên, lồng lộn vung kiếm chém theo nhưng không kịp. Lưỡi kiếm tóa lửa. Mòm đá bị xẻ làm đôi, dấu tích còn mãi đến tận bây giờ...

Thằng Bảo còn kể nhiều chuyện thú vị khác làm tôi mê mẩn. Nó rủ tôi hôm nào được nghỉ học hai, ba ngày, hai đứa sẽ về quê nó chơi. Tôi cũng náo nức muốn tận mắt nhìn thấy làng quê của nó. Và biết đâu duyên may lại đến với tôi, tôi được gặp lại đàn gà vàng kỳ lạ.

Thấy tôi có vẻ thích thú lắng nghe những chuyện làng quê của nó, thằng Bảo càng phổng mũi, hăng hái kể cho tôi nghe nhiều chuyện hơn. Có thể nói nó có cả một kho những chuyện về quê nó, về sự tích ngọn núi này, chiếc đầm nọ, cánh đồng kia. Đặc biệt chuyện về ma thì vô thiên lủng. Nhiều chuyện làm cho tôi sợ nhưng vẫn thấy hiếu kỳ muốn nghe. Nó bảo thời bây giờ tân tiến, ma bỏ đi đâu hết chứ thời trước ma nhan nhản. Mẹ nó đã gặp ma nhiều lần. Ma hay nhất mẹ nó, trêu chọc mẹ nó cho vui. Có lần mẹ nó đi bắt cua, gần hết buổi chẳng được con nào. Trời chiều, đến quãng đồng gần bãi tha ma, bỗng nhiên cua ở đâu bò ra lồm ngồm khắp bờ ruộng. Mẹ nó chỉ việc nhanh tay chộp lấy. Nhoáng cái đã được đầy một giỏ. Về nhà, hớn hờ đổ cua ra chiếc ang thì trời ơi, toàn sòi là sòi. Ông ngoại nó bực lắm, biết là ma nhát mẹ nó, liền cho đóng sòi đó lên chảo rang. Thế là tiếng kêu oai oái vang khắp nhà. Ma không chịu được lửa nóng, cuống quýt lay như té sao, van xin tha tội chết... Lại một lần khác, giữa đêm mưa gió đùng đùng, cả nhà nó nằm yên trên giường, mấy người lớn làm rầm cầu khẩn mong sao mưa bão nhanh chóng qua đi. Bỗng thấy hàng loạt sòi đá ném tới tấp vào cánh cửa. Cửa vẫn đóng kín mà chẳng hiểu sao sòi đá vẫn lọt được vào trong nhà. Ông ngoại thằng Bảo mới đốt lửa lên, vút hết sòi đá vào lửa. Tiếng van xin thảm thiết đến rợn người. Thì ra bọn ma thấy mưa gió lớn, muốn rủ nhau vào nhà tránh rét. Sáng hôm sau lại tuyệt nhiên chẳng thấy đám sòi đá ấy đâu nữa. Những chuyện nó kể chẳng biết thực hư thế nào. Tôi nghi là nó nghe kể lại những chuyện xưa chuyện xưa, nhưng để tăng tính thuyết phục, làm cho tôi phải tin hoàn toàn, nó đã gán cho mẹ nó,

ông ngoại nó từng tham dự vào các sự việc đó. Nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn không cưỡng nổi lòng ham muốn nghe nó kể. Càng nghe, tôi càng thêm có được một vùng quê như nó quá. Bảo đã được sống ở quê suốt cả thời thơ ấu nên nó có nhiều kỷ niệm về quê mình. Còn tôi, xa quê từ lúc lên bốn, lên năm tuổi, tôi nhớ rất ít hình ảnh về quê gốc của mình. Quê tôi ở thị xã Hải Dương. Giờ nhớ lại chỉ thấy thấp thoáng những kỷ niệm rời rạc, không rõ nét, lúc hư, lúc thực, tất cả như ẩn hiện qua một lớp sương mù lúc đậm lúc nhạt. Nhưng đặc biệt có một hình ảnh rõ nhất mà tôi còn hình dung ra được là ngôi nhà của bố mẹ tôi. Đó là một ngôi biệt thự khá lớn. Phía trước có cổng sắt, có tường xây lừng, phía trên là hàng song sắt màu xanh lá cây, có giàn ăngtigôn bò lan quần quýt với những chùm hoa li ti màu hồng phấn loáng thoáng đưa gợi một vẻ gì rất quý phái. Sau cổng là một khu vườn rộng. Chính giữa vườn, một bồn hoa lớn hình tròn, có bờ cỏ tóc tiên với những bông hoa hình loa kèn nhỏ xíu màu hồng nhạt viền quanh, ôm lấy một gốc đào lâu năm to bằng bắp chân người lớn, thân xù xì mốc mác, nổi u nổi bướu, phía trên tỏa ra nhiều nhánh cành cong queo phơ phất vài chùm lá thưa thớt, trông có vẻ cằn cỗi khô xác đã hết nhựa sống, nhưng cứ gần đến Tết là cây đào thay đổi hoàn toàn. Như có một phép màu diệu kỳ, cây đào như hồi sinh trở lại sau suốt một năm mơ màng ngủ dưỡng sức. Vừa có hơi xuân, những nụ đào mập mạp tròn căng lập tức nhú ra từ những nách lá, lớn nhanh như thổi, rồi bung ra thành những bông hoa màu hồng phấn đầy kiêu sa làm sáng rực cả khu vườn. Vòm cây không còn một chiếc lá, hồng rực lên từng chùm từng chùm hoa cánh mỏng manh phập phồng run rẩy, ngỡ như chúng có thể đồng loạt bay lên bất cứ lúc nào, khi có một làn gió nhẹ thoảng qua... Hai bên bồn hoa là hai con đường lớn trải sỏi cuội thoải thoải cao dần lên dẫn đến tiền sảnh ngôi nhà. Nền nhà cao vượt hẳn lên. Nhà có nhiều phòng, có hành lang rộng bao quanh. Phía sau tòa nhà chính là một dãy nhà phụ thấp nhỏ hơn. Bên phải ngôi nhà có bể nước chứa nước mưa dự trữ. Kế đó là một cây ngọc lan lớn và một giàn hoa móng rồng. Phía trước ngôi nhà, bên tay trái, sát lối đi là một cây hoàng lan rất lớn. Thân cây lực lưỡng đen thẫm nhưng những cành phụ lại mảnh dẻ, thướt tha luôn đưa đưa xào xạc trong gió với những cụm lá dày xanh mượt xen kẽ những bông hoa cánh dài vàng tươi. Có những buổi mấy chị em tôi hò hét đuổi theo nhau chạy vòng quanh cây hoàng lan nhặt hoa rơi. Cứ sau mỗi trận gió, từ trên cao lá tả rụng xuống những bông hoa chín vàng. Chúng tôi dang tay đón bắt, miệng hò reo, những đôi chân cuống quýt vấp ngã và những khuôn mặt đỏ bừng nhể nhại mồ hôi đầy phấn khích. Hai chị tôi đem ngâm những bông hoa vào âu nước, bảo rằng chỉ một lát sau chúng sẽ biến thành thứ nước hoa hảo hạng mà người lớn thường dùng. Hai chị tôi thi nhau vốc từng vốc “nước hoa” tự tạo vãi lên mặt, bôi lên tóc, tẩm tặc khen nước hoa sao mà thơm đến thế. Tôi chúi đầu vào âu nước lã cố hít lấy hít để nhưng chẳng thấy mùi vị gì ngoài cái mùi ngai ngái nhàn nhạt. Nhưng trước sự ca tụng nồng nhiệt của hai chị, và nhất là trước sự hăm hở vốc nước vãi lên đầu lên tóc, thi nhau trang điểm của hai chị, tôi sinh ra hoang mang, hoài nghi về khiếu thẩm định mùi vị của mình. Chẳng biết mùi vị thực hư ra sao, chỉ thấy thứ nước hoa quý giá đó có nguy cơ sắp cạn kiệt vì sự chi dùng quá hào phóng của hai chị, tôi cũng lặn xả vào, nhúng cả hai tay vào âu, vốc nước vãi lên mặt, xoa lên cổ, lên ngực, ướt đầm cả hai vạt áo. Lăn đó, tôi bị ốm nhưng sợ không dám nói. Toàn thân tôi nóng ran, có lúc lại rùng mình ớn lạnh. Trong cơn nửa mê nửa tỉnh, tôi chợt nhận ra mùi hoàng lan dịu ngọt quần quýt quanh mình. Lúc này tôi mới thấy “nước hoa” của hai chị tôi thơm thật là thơm. Mãi sau tôi mới biết mùi thơm bao bọc quanh tôi ấy chính là tỏa ra từ một bông hoàng lan đã vô tình rơi vào túi áo ngực của tôi trong lúc tôi lon ton chạy vòng quanh gốc cây để đón bắt những bông hoa thả xuống từ trên cao...

Về quê chính Hải Dương, tôi chỉ nhớ nhất chuyện ấy và cái buổi sáng cuối cùng gia đình tôi từ giã quê nhà đi tản cư mà sau này có dịp tôi sẽ kể lại. Tôi không có được nhiều kỷ niệm như thằng Bảo.

Ngoài thằng Bảo, người tôi đặc biệt yêu quý là anh Nhu. Anh là bạn học cùng lớp với hai chị tôi từ năm 1952, khi còn đang kháng chiến chống Pháp. Trường Ngô Sĩ Liên của chúng tôi là một trong số ba bốn trường trung học có tiếng trong thời kháng chiến. Quê anh Nhu ở Gia Lương, Bắc Ninh lúc đó nằm trong vùng địch tạm chiếm đóng. Anh trốn nhà ra vùng tự do, lên Yên Thế học. Tôi biết anh từ hồi đó, rất mến anh, nhưng anh học trung học, tôi học cấp I trường làng, không mấy lúc được gần nhau. Tôi chưa được ở trọ cùng một nhà với anh như hiện nay. Tính anh hiền hòa, điềm tĩnh, rất dễ gần. Do quen biết các anh chị tôi nên anh đối với tôi có phần thân tình hơn đối với những bạn khác. Tiền nông, tôi giao hết cho anh giữ hộ. Cần đóng góp gì, anh đều tự động đóng thay tôi. Anh quan tâm đến tôi từ việc học hành, ăn ở, đến cả việc ngủ nghỉ, tắm rửa. Anh thực sự là một người anh ruột thịt của tôi. Chính nhờ có anh mà tôi rất yên tâm khi phải sống xa nhà. Tôi mau chóng hòa nhập được vào cuộc sống mới, khác khá nhiều so với cuộc sống của gia đình tôi lâu nay.

5.

Cả trường tôi rộ lên vì sự kiện thầy Tín mượn ở đâu đó được quyền Thép đã tôi của nhà văn Nga Nicôlai Astorópski, hình như do Thép Mới dịch. Có lẽ là một bản dịch đã giản lược, chỉ dày khoảng hơn hai trăm trang, chứ chưa phải là tác phẩm Thép đã tôi thể đầy dịch hoàn chỉnh sau này. Cuốn sách được chuyền tay nhau đọc, được đem ra thảo luận ở các buổi sinh hoạt Đoàn, sinh hoạt lớp. Không khí vô cùng náo nức. Cuộc đời đầy sóng gió và hừng hực nhiệt huyết cách mạng của nhân vật chính Paven Coócsaghin không những hấp dẫn đối với các anh chị lớn mà còn cuốn hút ngay cả bọn nhỏ chúng tôi. Đâu đâu cũng bàn tán về Paven. Hình ảnh những năm tháng nội chiến ở nước Nga mệnh mông với từng từng lớp lớp người ra trận, mặt mũi ai nấy đều dầu dãi gió sương, râu tóc bờ phờ nhưng những đôi mắt thì rực lửa. Những đoàn kỵ binh đỏ hăng hái xung trận, áo choàng phấp phật tung bay, mũ chòm kín đầu, lấp lánh ngôi sao đỏ, miệng gào thét “hura ra!”, tay vung kiếm ào ào xông tới... Trong hoàng hôn đỏ bầm như máu, những đoàn tàu chở quân ra tiền tuyến lặng lẽ mà quyết liệt. Trên những va-gông không mái che, những người lính mặt hốc hác xám đen khói súng nửa nằm nửa ngồi, tay ôm súng, mắt đau đáu nhìn chân trời mù mịt khói lửa. Họ cùng cất tiếng hát trầm hùng đầy bi tráng... Những cảnh ấy tôi thấy trong phim ảnh, rồi qua óc tưởng tượng mơ màng, cứ lung linh mãi lên, đẹp một cách kỳ ảo.

Phải khó khăn lắm, cuốn sách mới quay vòng đến được tay tôi. Tôi mê mải chép ngày chép đêm, mất hơn một tuần lễ thì xong. Ai cũng kinh ngạc vì sự kiên trì của tôi. Thằng Bảo cũng học theo, mua quyển sổ thật dày để chép, nhưng chỉ được mấy trang, nó đã lè lưỡi, bỏ cuộc. Tiếp theo truyện Thép đã tôi, cả trường lại xôn xao lên một đợt nữa. Trước hàng mấy trăm học sinh toàn trường, thầy Hùng, một thầy giáo trẻ, đầy tâm huyết, người đã từng đem lại cho chúng tôi những tiết học sôi nổi, hào hứng, đã gieo vào lòng chúng tôi chất lý tưởng cao cả, bây giờ vừa nghen ngào vừa đọc Vượt Côn Đảo. Tất cả ngồi im phăng phắc lắng nghe như nuốt từng lời. Những nghĩa địa Hàng Dương, cầu Ma Thiên Lãnh, rồi chuyến vượt biển quả cảm... Cứ nhớ mãi cái chi tiết giữa biển khơi, trong đêm tối mịt mù bỗng vang lên tiếng quốc ca không biết là hư hay thực...

Suốt đêm, mấy anh em tôi bàn luận về Thép đã tôi, về Vượt Côn Đảo quanh bếp lửa bập bùng. Vừa nướng mấy củ khoai mà tôi và thằng Bảo mót được mấy hôm trước, khi ra ngoài ruộng tưới rau giúp bà cụ Muộn, vừa trò chuyện rôm rả. Thằng Bảo cứ xuýt xoa tiếc mãi là không còn dịp để đi chiến đấu thật ác liệt nữa. Phải chiến đấu vào sống ra chết kia! Chứ không phải đi bộ đội nghĩa vụ trong thời bình. Nhìn ngọn lửa lúc bùng lên, lúc lịm đi trong than hồng, nó mơ màng:

- Mấy năm kháng chiến, mình lại còn nhỏ quá. Bây giờ thì chẳng còn được ra trận đánh giặc nữa, chán thật! Cái anh Paven thế mà sướng! Suốt ngày ngả rạp trên lưng con chiến mã phi như bay, tha hồ vung gươm, tha hồ “hóa ra!” gào thét!

Anh Nhu an ủi nó:

- Cố gắng học đi. Sau này biết đâu còn khỏi dịp.

Giọng nó buồn xo:

- Hòa bình rồi, lấy đâu ra mà khỏi dịp? Sinh sau đẻ muộn, thiệt thòi thật.

Thằng Nam bỏ dở mẩu khoai, mắt sáng lên:

- Còn khỏi dịp thật ấy chứ! Miền Nam còn trong tay Mỹ - Diệm đầy thôi. Chắc gì đã được hòa bình mãi...

Thằng Bảo gân cổ cãi:

- Chắc chứ sao không chắc? Bây giờ thằng Tây nào còn dám đụng đến mình nữa?

- Thôi thôi, xin hai ông tướng! - Anh Nhu xua tay can. - Mới tý tuổi đầu mà nói chuyện chính trị như hai ông cụ non.

Cả hai thằng đều phá lên cười. Thằng Bảo lại tiếp tục:

- Học xong phổ thông, tao sẽ thi vào trường Đại học Mỏ địa chất. Đúng là có trường ấy, phải không anh Nhu? Tha hồ lên rừng, xuống biển. Tha hồ đi đến những nơi khó khăn gian khổ nhất. Tao sẽ lặn lội suối sâu, vượt đèo núi cao, một mình lang thang trong rừng già hàng năm trời. Tao sẽ phát hiện ra những vỉa quặng lớn nhất nước. Nơi này mỏ vàng. Nơi kia mỏ sắt. Nơi kia nữa mỏ kim cương. Cứ gọi là thỏa sức mà khai thác nhé! Còn mày, mày thích gì hử Nam?

- Tao thích lái tàu...

- Tàu thủy hay tàu bay?

- Tàu nào cũng khoái. Tha hồ vi vu. Tàu thủy thì lênh đênh trên biển hàng tháng trời, thấy cảng nào đẹp cứ việc rẽ vào, chơi chán lại nhổ neo. Tàu hỏa cũng vậy. Nghe nói rồi đây tuyến đường sắt Hà Nội - Mục Nam Quan sẽ kéo dài ra mãi, sang Trung Quốc, Liên Xô, đến tận Đông Đức nữa kia! - Rồi nó nằm ngửa ra, đầu gối lên đùi anh Hoàng, rung cặp chân khăng khiu, khe khẽ hát: Ngàn trùng xa khôn ngăn anh em kết đoàn - Biên giới sâu khôn ngăn mối dây thâm tình...

Bất giác, không ai bảo ai, mấy anh em cùng cất tiếng hát theo. Hát nhỏ thôi, nhưng đầy xúc động. Bếp lửa chốc chốc lại bùng lên, hắt bóng mấy anh em chập chờn trên vách. Bên ngoài trời tối đen, gió xào xạc luồn lách qua mấy hàng tre. Thỉnh thoảng tiếng tre vụn mình kêu kẹt càng làm tăng thêm vẻ tĩnh lặng huyền bí của bóng đêm. Bảo ngồi nhòm dậy, giật tay anh Nhu:

- Còn anh, anh sẽ làm gì sau này?

Anh Nhu cười mồm mỉm, trả lời sau một lát suy nghĩ:

- Anh muốn thi vào Đại học Nông nghiệp. Tốt nghiệp kỹ sư, anh sẽ xin về nông thôn công tác. Anh sẽ nghiên cứu các giống lúa, làm sao tạo được nhiều giống lúa mới, cho năng suất cao gấp năm, gấp mười lần bây giờ để cho nước mình mau giàu, dân mình mau thoát khỏi cảnh đói nghèo. Nước mình là nước nông nghiệp, phải bắt đầu đi lên từ nông nghiệp...

Thằng Bảo cười to:

- Đó! Đó! Anh cũng lý luận hay lắm đấy chứ! Nếu vậy, em cũng sẽ đi vào nông nghiệp như anh.

- Thế còn địa chất để cho ai?

- Ờ, ờ... Thôi được, nông nghiệp để phần anh. Em đi ngành địa chất hay hơn. Thế còn anh Hoàng?

Anh Hoàng từ nãy vẫn ngồi trong góc khuất, giờ nghe câu hỏi mới hơi chồm người ra, ánh lửa chỉ soi rõ nửa khuôn mặt. Anh cười ngượng ngịu:

- Anh sẽ theo ngành y.

Miệng Bảo lại tía lia:

- Lúc ấy anh em mình sẽ chẳng còn lo gì bệnh tật nữa, anh nhỉ. Hơi nhức đầu xỏ mũi, ới một tiếng là có mặt anh Hoàng liền!

Anh Nhu cốc vào đầu thằng Bảo:

- Chỉ được cái lém lỉnh!

Rồi quay sang tôi, anh cúi xuống hỏi nhỏ:

- Còn chú mày? Chú mày thích ngành gì nhất?

- Nó sẽ viết văn! Dứt khoát nó sẽ trở thành nhà văn! - Bảo nhanh nhẩu trả lời thay tôi.

- Anh không thấy sao? Nó vẫn lén lút viết đấy. Bài luận nào của nó cũng được năm điểm, được thầy Luyện khen hết lời!

Anh Nhu cười hiền lành, giọng nhỏ nhẹ:

- Ủ, viết văn cũng tốt lắm. Nhưng cực đấy em ạ. Phải sống từng trải, có kiến thức rộng, lại còn phải có năng khiếu nữa. Mấy hôm nay bọn anh đang học về nhà văn Mácxim Gorki...

Đúng là mấy hôm vừa rồi lớp anh học về Mácxim Gorki. Nghe anh Nhu và anh Hoàng đọc đi đọc lại tiểu sử của nhà văn, tôi nhập tâm rồi thuộc lòng. Nên khi anh Nhu hỏi:

- Em có biết ông nhà văn ấy là người nước nào không?

Tôi đọc luôn:

- Nhà văn lớn người Nga Mácxim Gorki tên thật là Alécxây Pêscốp, sinh năm 1868 ở thành phố Nigioni Nôvôgorôt, nay là thành phố Gorki và mất năm 1936 ở Mạc Tư Khoa. Bút danh Gorki có nghĩa là “Cay đắng”. Ông là tác giả của những tác phẩm nổi tiếng như: Người mẹ, Cuộc đời Clim Xăngghin, Sự nghiệp gia đình Áctamônốp, Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi...

Hai anh cùng tròn xoe mắt nhìn tôi. Anh Nhu ngạc nhiên:

- Sao? Sao em biết được những điều đó?

- Em nghe các anh học...

- Trời đất! - Anh Nhu vỗ vai tôi thật mạnh. - Thế mà anh ê a suốt mấy ngày không thuộc.

Được khen, tôi mạnh dạn hơn, khoe:

- Em còn thuộc cả Ilya Êrenbua nữa. Em rất thích mấy đoạn nói về lòng yêu nước.

- Em đọc ở đâu?

- Cũng nghe các anh học, sau đó em xem lại ở trong sách giáo khoa của các anh.

- Đâu, đọc thử coi.

Tôi đọc lầu lầu:

- Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật bình thường nhất: yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu dãy phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị hương chua mát của trái lê mùa thu hay mùi cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh.

Dòng suối đổ vào sông. Con sông đổ ra dải trường giang Vonga. Con sông Vonga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc...

Thú quá, anh Nhu ôm chầm lấy tôi, dẫn đầu tôi xuống, dẫm vào lưng tôi thùm thụp. Anh Hoàng cũng không giấu nổi sự “thán phục”. Thăng Bảo thì dúi vào tay tôi nửa củ khoai nướng cháy cạnh nó vừa lấy trong bếp ra, coi như một phần thưởng đặc biệt.

Thời gian đó sách còn ít, nhưng có mấy quyển hút hồn tôi, làm tôi mê mải đọc, đó là *Đế mên phiêu lưu ký* và *Cỏ dại* của Tô Hoài (bản in trước cách mạng, trên giấy bản thủ công), *Tâm hồn cao thượng* của Etmông đơ Amixi (bản dịch của Hà Mai Anh), *Sống nhờ* của Mạnh Phú Tư, *Thời thơ ấu* của Nguyên Hồng, *Vichia Malêép ở nhà và ở trường* của Nicôlai Xôxốp (bản dịch của Khu học xá Trung ương), *Chiến sĩ Matorôxốp* của Duốcba do Tú Cầu dịch. Tôi nhớ từng chi tiết nhỏ, từng đoạn văn hay. Chẳng hạn cuốn *Chiến sĩ Matorôxốp*, thực ra chỉ là một cuốn truyện bình thường, viết về người anh hùng trẻ tuổi lấy thân mình bịt lỗ châu mai của Liên Xô, nhưng có sức hút kỳ lạ đối với tôi. Có lẽ cuộc đời của chú bé mồ côi đầy bất hạnh nhưng cũng rất lãng mạn ấy đã làm tôi say mê. Gần năm mươi năm qua rồi, cuốn sách ấy bây giờ chắc rất khó tìm, tôi vẫn nhớ y nguyên tên của các nhân vật: Matorôxốp, Saikha, thầy giáo Cláp-xúc, trợ giáo Rivôvích... Và huyền thoại “Vì sao cây anh túc nở hoa đỏ” với hình ảnh cuối cùng: “Roi sắt đánh cho mình mấy trong trắng của Đancô đến thịt nát xương tan vẫn đứng cảm thẳng tiến, hiên ngang, ưỡn ngực, ngừng đầu...”. Câu văn hơi sáo nhưng không hiểu sao cứ bám riết vào trí nhớ của tôi suốt bao nhiêu năm nay. Có lẽ bởi hình tượng người anh hùng mà tôi ngưỡng mộ...

Cũng trong khoảng thời gian cuối năm 1956 ấy, một tin vui đến với chúng tôi: Thư viện của tỉnh Bắc Giang bắt đầu được thành lập. Tôi hớn hờ chạy đến xem. Nhưng thật không may, chỉ học sinh cấp ba trở lên mới được cấp thẻ. Tôi nài nỉ thế nào, cô phụ trách thư viện cũng không linh động cấp thẻ cho tôi. Tuy không có thẻ nhưng không chiều nào tôi không đến thư viện. Tôi ngồi ngoài hành lang, nhờ mấy anh lớn cho tôi đọc ké sách báo. Các anh cũng phải khôn khéo lắm, giấu không cho cô thủ thư biết. Cũng may cả thư viện cũng chỉ có một mình cô thủ thư, bận tíu tít ở trong phòng nên không có điều kiện ra ngoài để phát hiện ra tôi. Nhưng rồi cuối cùng cô cũng biết. Thấy tôi ngồi trong một góc khuất ngón ngấu đọc, cô cũng lờ đi, bỏ qua. Dần dà, tôi làm quen được với cô. Tên cô là Uyên, em gái nhà văn Kim Lân, tác giả của truyện *Làng* và *Anh chàng hiệp sĩ gỗ* mà tôi rất thích. Các buổi sáng chủ nhật, tôi đến thư viện rất sớm, ngồi chờ cô ở cổng. Cô vừa đến, tôi đã nhanh nhẹn giúp cô quét dọn xung quanh nhà, lau chùi bàn ghế, sắp xếp lại sách báo... Tôi giúp cô làm sổ sách, ghi ký hiệu các tác phẩm, dán lại các trang sách hư cũ. Thấy tôi nhanh nhẹn, cần cù, việc gì cũng vui vẻ làm, cô Uyên dần “mủi lòng”, đặc cách cấp cho tôi một chiếc thẻ, không những được quyền đọc tại chỗ, mà còn được mượn về nhà nữa. Tuy có thẻ rồi, tôi vẫn ngày ngày ra thư viện giúp cô làm đủ mọi việc vặt vãnh. Tôi tranh thủ đọc được không biết bao nhiêu là sách. Sách hay cạn dần. Tôi đọc cả những cuốn sách tầm tầm của các tác giả ít có tên tuổi. Nghe anh Nhu giảng giải muốn viết văn, muốn trở thành nhà văn, phải có trình độ nhạy bén, tôi cũng tìm đọc cả những quyển sách chính trị dày cộp, nào là Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, nào là Chống Duyrinh, nào là Những vấn đề của chủ nghĩa Mác, nào là Bàn về mâu thuẫn... Hiểu rất lơ mơ nhưng tôi vẫn gắng đọc.

Dần dà, sổ sách trong thư viện không thỏa mãn được tôi. Tôi thường xuyên ra hiệu sách nhân dân, xem có sách gì mới lập tức chạy về báo cho cô Uyên biết. Tôi sợ đến run rẩy cả người khi lần đầu tiên trông thấy quyển *Những người khốn khổ* của Victor Hugo được xuất bản một cách hoàn chỉnh. Trước đây, tôi đã được đọc bản *Những kẻ khốn nạn* do Nguyễn Văn Vĩnh dịch. Bản dịch lần này đầy đủ hơn, văn chương mới hơn. Mới chỉ tập một mà đã dày cộp. Tôi chạy như bay về báo cho cô Uyên, nài nỉ cô đưa tiền để tôi đi mua ngay giúp cô. Sắp hết giờ làm việc, cô cho phép tôi đi mua sách, mang về tranh thủ đọc rồi sáng mai đem đến trả cô sớm. Tôi mừng

đến run hết cả người. Ngay đêm đó, tôi ngón ngấu đọc hết tập một. Rạng sáng, đọc xong rồi mà tôi vẫn còn ngơ ngẩn thèm thường. Ước gì có ngay tập hai, tập ba... để tôi đọc liền một mạch. Hình ảnh Giảng Vanggiăng, Phăngtin, Côtét, Gavorôt cứ lừng lững đi lại, nói năng, buồn vui, đau khổ ngay trước mặt tôi kia. Tâm hồn tôi đẹp thêm lên biết bao nhiêu nhờ những trang sách chứa chan lòng yêu thương...

6.

Mẹ kể tôi lại mới sinh đôi, một trai một gái nên gia đình tôi càng khó khăn hơn. Tôi nói với anh Nhu cho tôi đi làm phụ với các anh. Đạo đó, hòa bình mới được lập lại, nhà cửa xây dựng thêm nhiều. Các việc phụ hồ, chuyên chở tranh tre nứa lá, vôi đá, gạch cát... không thiếu. Lâu nay anh Nhu, anh Hoàng vẫn đi làm phụ hồ vào các buổi chiều. Do thiếu giáo viên, các lớp có sự sắp xếp lại, các anh chuyển sang học buổi sáng, cùng buổi với mấy đứa nhỏ chúng tôi. Nghe tôi khấn khoản muốn đi làm, anh Nhu đêm chiều một thoáng rồi nói nhỏ:

- Để anh xem có việc gì nhẹ nhàng cho em làm thêm. Em còn nhỏ quá, lại mảnh khảnh yếu ớt thế này, không khéo ốm đau thì còn khổ hơn.

Mấy hôm sau, chiều đi làm thêm về, từ ngoài ngõ, tiếng anh đã nói như reo:

- Thằng Thiện, thằng Bảo có nhà không? Có tin vui đây!

Tôi và thằng Bảo đang làm bài bên chiếc chõng tre, nghe anh gọi, cùng xô nhau ra cửa. Thằng Bảo háu ăn nhanh nhẩu:

- Anh mua được món gì đấy? Cho em ăn với!

- Chẳng có món gì đâu. Chỉ có tin vui thôi!

- Thế mà em cứ tưởng... - Bảo tiu nghỉu.

- Vậy em không thích tin vui à? Này nhé, mấy anh em mình có việc làm mới rồi...

Anh kể anh và anh Hoàng đã bàn với nhau, từ nay các buổi chiều mấy anh em sẽ đi chở thuê nguyên vật liệu xây dựng cho mấy nơi đang xây cất nhà cửa. Chở từ ngoài bến sông Thương vào thị xã, xa chừng ba, bốn cây số. Đã hỏi được nơi cho mướn xe ba gác rồi. Họ thông cảm với hoàn cảnh của học sinh nghèo, lấy giá phải chăng thôi. Sẽ mướn hai chiếc. Hai anh lớn sẽ kéo, điều khiển xe. Bọn nhóc chúng tôi sẽ đẩy theo xe, phụ thêm việc xếp gạch, xúc cát...

Cả tôi và thằng Bảo đều mừng. Công việc nặng nhọc đâu chưa thấy, chỉ thấy trước mắt là ngày ngày được ra sông Thương, thấy thuyền bè xuôi ngược, thấy cảnh trên bến dưới thuyền nhộn nhịp.

Anh Nhu kìm bớt sự sôi nổi thái quá của chúng tôi. Giọng anh trầm xuống, có phần lo lắng:

- Cực lắm chứ chẳng nhẹ nhàng đâu các chú mày ạ. Dạo này buổi chiều lại nắng dữ dội. Năm giờ, năm rưỡi mà mặt trời vẫn còn chói chang.

- Anh yên tâm, bọn em chịu được mà! - Cả tôi và thằng Bảo không hện mà cùng thốt lên đúng một câu.

- Nhưng điều trước tiên là phải đảm bảo học vẫn tốt đấy nhé. Nếu học sút đi là ngưng liền!

Tôi không nói gì, chỉ mỉm cười, nắm tay anh Nhu thật chặt, ngầm hứa với anh là tôi sẽ không để anh phải thất vọng về tôi. Còn thằng Bảo thì oang oang ra miệng:

- Anh yên chí đi! Thằng Thiện thì khỏi nói rồi. Nó học giỏi, lo gì! Còn em, chí ít ra em cũng sẽ đứng thứ... nhất! - Nó cười khà khà, nháy mắt tinh nghịch.

Ngay hôm sau, chúng tôi bắt tay vào việc. Đi học về, đã quá mười hai giờ trưa. Mấy anh em cất vội sách vở, uống quây quá mấy bát nước sôi rồi tất tưởi đi đến chỗ thuê xe ba gác. Vừa kéo, vừa đẩy, vừa chạy rầm rầm trên phố. Ban đầu còn náo nức, hớn hở, vừa lao đi vừa trò chuyện í ới, coi mọi việc nhẹ tênh như một thứ trò chơi. Nhưng chỉ một lát sau thì biết nhau ngay. Tôi và thằng Bảo đẩy xe cho anh Nhu kéo. Trên xe, chất đầy gạch thẻ. Trông gọn gàng, có vẻ ít nhưng thực ra rất nặng. Gạch vuông thành sắc cạnh, xếp khít vào nhau thành một khối chắc nịch, vuông chẵn chắn. Anh Nhu gò lưng kéo, hai chân choãi ra, các ngón bám đất, hai tay ghì chặt lấy càng xe, cố điều khiển cho xe đi thẳng, khỏi loạng choạng lao ra vệ đường. Tôi và thằng Bảo nắm mỗi nắm lợi đẩy phía sau. Hai đứa ráng hết sức để đỡ cho anh Nhu. Ban đầu thằng Bảo còn thỉnh thoảng pha trò dăm ba câu, sau thì im thin thít. Mồ hôi đứa nào đứa nấy chảy ròng ròng, quện bụi đất đỏ quạch, nhem nhuốc cả mặt mày. Giữa trưa nắng gắt, chỉ gần lên tiếng bánh xe lạo xạo nghiền trên đường đất đỏ và tiếng thở phì phò nặng nhọc của mấy anh em tôi.

Hết một chuyến, chúng tôi lại chạy tiếp chuyến nữa. Không cần nghỉ. Sau chuyến chở hàng đầy ắp gạch vừa rồi, bây giờ xe chạy không, coi như nghỉ ngơi quá thoải mái rồi. Thằng Bảo lại cười nói, lại chành chèo trên chộc tôi. Anh Nhu lại chùng tay nắm càng, lôi chiếc xe chạy lộc cộc tăng tăng trên đường, đôi lúc hững lên anh còn huyết sáo mấy giai điệu vui vui nữa. Ra đến bờ sông, tôi nói với anh Nhu:

- Anh ra gốc bàng kia nằm nghỉ một lát đi, để hai đứa em xếp gạch lên xe cho.

Anh Nhu không chịu, cứ lặn vào tranh việc. Tôi và thằng Bảo phải ôm chặt lấy anh, đứa kéo, đứa đẩy, vắn anh từng bước một, cuối cùng mới dúi anh ngã ngồi dưới gốc cây bàng. Hai đứa cố làm mặt giận, quát to lên, bắt anh phải ngồi nghỉ lấy lại sức chốc nữa kéo tiếp, mãi sau anh mới chịu.

Những đồng gạch ngon ăn, xếp từng chồng từng chồng cao ngất ở sát mặt đê đã bị các nhóm thợ sành sỏi khác tranh phần chuyên mất. Chúng tôi phải xuống tận gần mép nước, nơi gạch vừa được chuyển từ dưới thuyền lên. Mất thêm rất nhiều công sức. Hai đứa tôi lễ mễ bê từng chồng gạch mười viên một, đi xiên xiên theo triền đê, chuyển gạch một cách chậm chạp. Được mấy chuyến, mồ hôi đã nhễ nhại, lưng áo ướt đầm, thở ra cả đặng tai. Thấy cảnh ấy, anh Nhu ngồi không yên, vùng dậy làm cùng chúng tôi. Anh nói to:

- Làm vậy mất công lắm. Biết bao giờ mới đầy một xe? Lại hao tổn sức. Các chú mày nghe anh bảo này!

Anh bảo chúng tôi cùng anh đứng giăng thành một hàng dọc. Thăng Bảo đứng dưới bên. Anh Nhu đứng gần mặt đê. Tôi đứng chính giữa, chia đều khoảng cách giữa hai người. Cứ thế, chúng tôi chuyển từng viên gạch cho nhau. Gạch tung lên, ban đầu còn loạng choạng, đôi ba lần bắt trượt. Dần dần, mọi thao tác thuần thục, trăm viên bắt gọn cả trăm. Những viên gạch bay lên, hạ xuống rồi lại bay lên, hạ xuống nhịp nhàng, duyên dáng như những con bồ câu đỏ hồng chao liệng trước mắt chúng tôi. Anh em tôi cảm thấy thích thú, phần nào dịu bớt nỗi mệt nhọc. Thăng Bảo vốn thực tế, dù thích thú lắm, vẫn có phần hậm hực, nói với anh Nhu:

- Anh phải bảo họ trả thêm thù lao cho mình, anh ạ. Làm gấp đôi công việc còn gì!

Anh Nhu cười, đưa cánh tay gạt mồ hôi trên mặt:

- Được rồi! Chú mày cứ yên chí. Nhất định họ phải tính thêm công cho anh em mình chứ. Cứ cố lên, đâu sẽ có đó.

Tốp của anh Hoàng, thằng Nam cũng không thua kém gì tốp chúng tôi. Vì anh Hoàng to khỏe, thằng Nam cũng nhanh nhẹn, lớn tuổi hơn tôi và thằng Bảo. Lúc chia tốp, ban đầu anh Nhu xếp Nam đẩy xe cùng với tôi nhưng thằng Bảo không chịu. Nó muốn đi cùng với tôi, để có gì còn “bảo vệ” cho tôi như nó vẫn thường nói.

Chiều “ra quân” đầu tiên như vậy là thắng lợi. Mỗi nhóm chở được bốn chuyến. Ai nấy đều phờ phạc nhưng mà vui. Anh Nhu vỗ vai tôi:

- Không ngờ em cũng làm không thua kém ai, khá lắm! Nhưng chắc đêm nay em sẽ ngủ say như chết và ngày mai sẽ bãi hoại, mình mấy sẽ đau như cho coi! Nhưng không sao! Vài ba ngày thế thôi. Gắng vượt qua chừng một tuần, em sẽ quen và thấy người khỏe ra em ạ.

Sợ đêm sẽ ngủ mê mệt không làm bài vở được, nên vừa về đến nhà, tôi ra giếng gội ào mấy gầu nước, kỳ cọ tắm rửa xong, tranh thủ học bài cho buổi mai. Mấy anh em đều vừa tranh thủ nấu cơm vừa học. Tôi thấy lòng vui lạ. Vậy là tôi cũng theo kịp được mọi người. Tôi sẽ gắng sao để mấy ngày tới đừng ốm, đừng phải bỏ cuộc. Đi làm thế vừa vui, vừa khỏe người, vừa có thể kiếm thêm tiền ăn học, khỏi phải xin trợ cấp của gia đình. Bản thân anh Nhu thì khỏi phải nói rồi. Mấy năm nay gia đình anh không phải lo lắng gì cho anh. Anh hoàn toàn tự túc ăn học. Bây giờ làm sao để cả nhóm được như thế. Nếu được vậy thì hay quá. Tôi sẽ sống tự lập, đỡ được phần nào gánh nặng cho bố tôi.

Tối ấy, tôi vẫn học rất khuya. Mấy lần anh Nhu giục đi ngủ. Anh bảo:

- Ngủ để lấy lại sức em ạ. Không khéo sáng mai ngủ gật trên lớp thì gay!

Anh giục mãi, tôi đành đi nằm. Quả nhiên, vừa nằm xuống, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Một giấc ngủ酣 sâu rất ít khi tôi được hưởng. Lâu nay, tuy ít tuổi nhưng tính tôi hay nghĩ ngợi, thường trằn trọc rất lâu trước khi chìm vào trong giấc ngủ.

Đúng như anh Nhu nói, mấy ngày đầu khắp người tôi đau như dằm. Tay chân bải hoải, suốt ngày chỉ thềm ngủ. Đôi lúc cứ nghĩ đến việc chiều mai phải đi chở gạch tiếp, tôi lại thấy rùng mình. Hay là thôi đừng đi làm nữa! Mình có nghỉ, chắc anh Nhu và mọi người cũng thông cảm cho thôi vì ai cũng biết mình gày yếu nhất nhà. Đã mấy lần tôi định nói với anh Nhu cho tôi thôi, tìm việc khác nhẹ nhàng hơn, nhưng thấy mọi người ai nấy đều mệt mỏi, mặt mày hốc hác, cũng phải ráng sức kiếm sống chứ có ai mình đồng da sắt, vốn quen chịu đựng cực nhọc đâu, nên tôi không dám nói nữa. Tôi gắng theo mọi người. Quả nhiên, qua một tuần, tôi không thấy ngại việc như trước. Tay chân cũng bớt nhức mỏi. Mồ hôi không túa ra đầm đìa, tròng ngực không còn đánh loạn xạ... Tôi mừng thầm là đã cố ghìm được, không nói ra cái ý định bỏ cuộc hôm trước. Mọi việc dần quen đi, tất cả đã vào guồng. Tôi cảm thấy lòng nhẹ nhõm, thư thái. Sáng đi học, chiều đi làm thêm, tối thức khuya học bài..., dường như cuộc sống vốn là như thế, một cuộc sống bình thường, không có gì là đặc biệt.

Tiền có người cô lên Bắc Giang, bố tôi gửi cho tôi mười đồng. Đó là tiền ăn của hai tháng trước. Đã hai tháng nay bố tôi không gửi tiền cho tôi. Tôi biết bố tôi đang khó khăn lắm nên không dám viết thư hỏi. Cũng may là anh Nhu vẫn chi tiền giúp tôi. Tôi nói với người cô nhờ nhắn lại với bố tôi là nhà trường đã cấp học bổng cho tôi, từ nay bố tôi không phải lo gửi tiền cho tôi nữa. Biết nói dối là không tốt nhưng tôi muốn cho bố tôi yên lòng.

Đi làm, công xá được bao nhiêu, anh Nhu giao cho anh Hoàng vào sổ sách cẩn thận. Tiền thì các anh gửi bà cụ Muộn. Mỗi lúc cần chi tiêu lại hỏi bà cụ. Cũng chỉ mua gạo là tốn kém nhất thôi. Đi chợ, chủ yếu là mua gạo, nước mắm, muối. Khoảng hai, ba tháng ăn thịt một lần. Mỗi lần đi chợ, mấy anh em cùng kéo nhau đi. Để chia nhau vác gạo và tiện thể đi chơi, xem chợ búa cho thích mắt. Đôi lần cao hứng, anh Nhu còn kéo cả bọn vào quán ăn bánh đúc riêu. Tiêu chuẩn mỗi đứa chỉ được một bát thôi nên đều thấy còn thòm thèm. Bà chủ quán ban đầu còn xởi lởi nhưng sau có vẻ không vui vì thấy bọn tôi ngón rau sống dử quá, cứ xin thêm rau muống chẻ liên tục. Chẳng biết nói đùa hay nói thực, anh Nhu cười bảo:

- Ăn bánh đúc riêu cua là phải ăn thật nhiều rau sống mới đúng điệu.

Bà chủ hàng lườm xéo anh một cái sắc lẹm.

Ăn xong, mấy anh em lại kéo nhau đi xem chợ. Không dám dừng lại ở đâu lâu vì sợ những lời chào mời xoắn xuýt và sợ “dông”, phiền cho người bán hàng. Qua mấy quầy bún chả, nem rán khói bay mù mịt, hương thơm ngào ngạt, đĩa nào đĩa nấy nuột nước bọt ừng ực. Anh Nhu kéo tay tôi bước nhanh. Anh khò hai ngón tay: “Dừng đừng không một cảm tình chi...”

Có lẽ cảm thông với những đôi mắt sáng ngời ngời của mấy đứa tôi mỗi khi đi ngang qua dãy hàng ăn đầy thịt thà, tôm cá vàng ngầy ngậy, khi đi qua quầy bán thịt, anh Nhu khoát tay về dãy hào phóng, nói với giọng bất cần đời:

- Hoàng! Cậu vào mua hân nửa cân thịt lợn cho tót! Về nhà mấy anh em ăn cho sướng cái miệng! Một đời ta muôn vắn đời nó, cần cóc gì!

Mấy đứa tôi cùng túm lấy anh, nhảy lên reo khiến nhiều người ngỡ ngàng, cùng đổ xô mắt nhìn. Anh Nhu lại ra lệnh:

- Bảo! Mua lấy nửa ký cà chua, một bó hành về nấu canh. Chỉ một món canh đặc biệt thôi, đồng ý chưa?

Bữa ấy vui như Tết. Cả nhà quây quần quanh nồi canh thịt cà chua hành váng mỡ nổi sao trông thật hấp dẫn, ai nấy đều căng phồng bụng. Nhưng rồi khốn khổ vì suốt đêm thay nhau bị “Tào tháo đuổi”. Lâu nay ăn uống kham khổ, chỉ có hết muối vùng kèm dăm ba hột lạc, nay được một bữa phủ phê nào thịt, nào mỡ, cái bụng không quen, của thiên giả địa hết.

Đúng ra, nói thật chính xác thì chúng tôi ít được ăn thịt, chỉ hai ba tháng ăn một lần dăm ba miếng, nhưng mỡ thì không đến nỗi thiếu. Thịnh thoảng thằng Bảo về quê, khi lên cũng mang theo một chai mỡ nước. Mỡ đông trong chai, là món dự trữ để chúng tôi ăn dần. Ăn dè xén bằng cách mỗi bữa rót ra một thìa nhỏ, trộn muối hột sền sệt để hột muối nào cũng thấm mỡ. Đĩa muối mỡ để giữa mâm, mấy anh em nhón gắp từng hột, ăn cũng đậm đà và béo ngậy.

Rau thì chẳng thiếu. Chúng tôi có một mảnh vườn nhỏ trồng rau mùa nào thức nấy. Rau muống trắng, rau dền, rau cải thay nhau phủ kín các luống, không cho đất được nghỉ ngơi. Ven bờ rào, đặc biệt chúng tôi trồng được mấy bụi mồng tơi và mấy gốc rau đay ăn quanh năm. Thường thì mấy loại rau đó chỉ sống qua từng vụ, nhưng cây của chúng tôi cho lá quanh năm. Mấy gốc đay, mồng tơi ấy đã già lắm, trông cần cỗi, lá nhỏ nhưng nảy lộc liên tục. Càng hái càng nảy lộc, chỉ tội nhỏ và không được mỡ màng. Đó là kho thức ăn dự trữ tuyệt vời của anh em tôi. Bất cứ lúc nào, ngay cả những lúc mưa gió hay có khách đột xuất, bao giờ cơm canh cũng đầy đủ. Chỉ cần ra bờ rào, hái nhanh vài nắm lá, vậy là xong. Đôi khi anh em tôi hứng lên, ăn đôi món. Rau muống, rau cải mãi cũng chán. Làm một bữa rau láo nháo ăn chơi. Chỉ việc chui qua hàng rào nửa, sang bên trường học. Quanh nền nhà lớp học, cơ man nào là rau rệu, rau dền cơm, rau xam... Loáng một cái đã được đầy rổ. Rau láo nháo ăn ngọt, lại rất lành.

7.

Một hôm được nghỉ học, thằng Bảo rủ tôi về quê nó chơi. Tôi nhận lời ngay vì từ hồi mới gặp nhau, nó đã kể cho tôi biết bao nhiêu chuyện lý thú về làng quê của nó. Cứ theo lời nó kể, tôi hình dung ra quê nó đẹp vô cùng. Chưa về quê nó, nhưng trong tâm trí tôi, những đầm sen, những cổng làng, những bãi, những gò với sự tích bầy gà vàng cứ long lanh ẩn hiện như ở một xứ sở thần thoại nào.

Hai đứa dậy thật sớm đi cho đỡ nắng. Về nhà nó chừng mười bốn, mười lăm cây số. Bảo nói cứ nhân nha đi bộ, trưa sẽ đến nơi. Vừa đi, nó vừa kể chuyện cho quen nổi mệt nhọc. Chỉ dãy núi kéo dài chắn ngang cả phía chân trời trước mắt, Bảo hỏi tôi:

- Mày có biết dãy núi kia tên gì không? - Tôi chưa kịp trả lời, nó đã nói. - Ồ, chắc mày chưa biết đâu. Đó là núi Neo. Sự tích hay đáo để. Có nhiều truyền thuyết về dãy núi này lắm, nhưng thôi, tao chỉ tạm kể cho mày nghe hai sự tích thôi nhé!

Tôi náo nức đón nghe nó kể. Biết vậy, nó cố tình chọc tức tôi bằng cách cứ âm ừ, hết hắng giọng lại làm lơ giả bộ nói sang chuyện khác. Tôi đành phải cố nài nỉ nó mới bắt đầu “mở máy”. Chuyện thứ nhất, nó kể rằng: Ngày xưa ngày xưa, cách đây đã lâu lắm, có đến hàng triệu triệu năm, từ cái thời mới khai thiên lập địa, có năm mươi ông khổng lồ thi nhau đào vét đất để tạo ra con sông Thương. Đào được sông rồi, các ông lại thi nhau gánh đất đã đào lên đổ đi nơi khác, sao cho thật nhanh, thật gọn. Mỗi ông gánh một gánh nặng vô cùng, mỗi bên quang gánh là cả một trái núi khổng lồ. Các ông thi nhau vừa gánh vừa chạy. Bốn mươi chín ông cùng đến một lúc. Riêng có một ông đuối sức, gần đến đích thì loạng choạng muốn ngã, chỉ đổ được một trái núi vào đồng đất chung, còn trái núi bên kia bị văng ra xa. Vì thế dãy núi Neo chỉ có chín mươi chín ngọn...

Tôi thích thú reo lên:

- Có thật là chỉ có chín mươi chín ngọn? Đã có ai đi khắp được dãy núi để đếm từng ngọn núi chưa?

Thằng Bảo hình mũi dùi về tự đắc. Nó lại âm ừ, cố trì hoãn câu chuyện. Tôi lại phải nén bực bội, khản khoản:

- Kể tiếp đi, Bảo! Sao biết chính xác có chín mươi chín ngọn?

Bảo phẩy tay:

- Thì hãy đóng tai lên mà nghe tiếp truyền thuyết thứ hai đây! Mà biết không, chỉ một chút xíu nữa thì vùng đất quê tao trở thành đất kinh kỳ, nơi nhà vua xây dựng kinh đô đấy nhé! Chỉ một chút xíu nữa thôi, tiếc thật! - Bảo chép miệng, vẻ mặt vừa quan trọng vừa ngán ngẩm tiếc rẻ.

Nó im lặng hồi lâu. Tôi không đoán được lần này nó buồn thực sự hay làm bộ làm tịch kéo dài câu chuyện để chọc tức tôi. Nhìn bộ mặt thiểu não của nó, tôi đoán có thể nó buồn thật. Mãi sau, nó mới kể tiếp:

- Mà biết vì sao vùng quê tao không được trở thành kinh đô không? Chỉ vì có một lần một trăm con đại bàng khổng lồ từ rất xa bay tới. Chúng dang cánh bay rợp trời rợp đất. Chúng lượn qua lượn lại, đảo khắp các vùng trời để tìm đất lành trú ngụ. Thấy dãy núi Neo trập trùng, đất đai xung quanh tươi tốt, trù phú, một trăm con đại bàng xà xuống đậu. Mỗi con đậu một đỉnh núi. Núi chín mươi chín ngọn, chỉ đủ cho chín mươi chín con đậu. Một con cuối cùng lượn qua lượn lại mãi, không tìm đâu ra nơi trú chân, liền vỗ cánh bay đi. Thấy thế, cả đàn lần lượt vỗ cánh bay theo. Người ta bảo vậy là đây không phải là đất đế vương. Các vua chúa về sau không chọn nơi này làm kinh kỳ nữa. Mà bảo như vậy có tiếc không? Tiếc đứt ruột đi ấy chứ! - Trầm ngâm một lát, nó phẩy tay. - Nhưng thôi, như vậy cũng là một vùng đất quá nổi tiếng rồi, phải không? Cũng chỉ thua kém đất kinh kỳ một chút xíu...

Nghe Bảo kể chuyện, tôi quên hết mệt nhọc. Thêm nữa, trời hôm nay nắng nhạt, gió hiu hiu mơn man da thịt thật dễ chịu. Hai đứa cứ vui chân nhả nhả đi.

Hết kể về sự tích cũ, Bảo lại giảng giải cho tôi về các giống cây cỏ gặp trên đường. Trong nó là cả một kho kiến thức về thiên nhiên làm tôi phát thèm. Những ngày nhỏ,

tản cư lên vùng Yên Thế mấy năm, được sống giữa cây cỏ, đồng ruộng, tôi cũng không xa lạ lắm với thiên nhiên, nhưng so với Bảo, hiểu biết của tôi còn kém xa. Có lẽ vì Bảo vốn quê ở nông thôn, gia đình qua nhiều đời làm ruộng, từ nhỏ đến lớn Bảo đều sống giữa môi trường đồng ruộng, tất cả đã ăn sâu vào máu thịt; còn tôi, dù sao cũng là dân thành phố, chỉ mới được biết về làng quê trong những năm đi chạy giặc...

Hết chuyện cây cỏ, Bảo lại thao thao về chuyện tôm cá. Nó bảo rồi nó sẽ dạy tôi đi câu, đi bắt cua, bắt ếch, đi tát đìa... Nghe nó nói, tôi sướng mê. Đang kể chuyện cua cá, đột nhiên nó hỏi tôi:

- Mày đã ăn thịt ba ba bao giờ chưa? Chưa à? Ngon tuyệt cú mèo mày nhé! Tao có một ông chú họ chuyên sống bằng nghề bắt ba ba. Ông ấy uống rượu tối ngày, tính điên điên khùng khùng nhưng bắt ba ba thì phải nói là tài số một. Ông ấy ở một mình trong túp lều ven sông, cạnh một đập nước chảy xiết. Trong lều, trên vách liếp, treo một dãy mo nang, cái to cái nhỏ cất hình những con ba ba đủ loại. Khách đến mua ba ba nhắm rượu liên tục. Khách thập phương biết tiếng, tìm đến cũng rất nhiều. Nghe tiếng đồn ông ấy có tài bắt ba ba mà! Ba ba ở dưới sông sâu nhưng khách đến muốn mua vào giờ nào cũng có, muốn to nhỏ cỡ nào cũng có. Cứ việc chỉ vào mấy tấm mo nang, ông ấy sẽ đi bắt về ngay tấp lự, đúng y boong kích cỡ yêu cầu. Trước khi lặn sâu xuống nước, ông ấy tợp mấy ngụm nước mắm rồi chỉ vận mỗi chiếc quần đùi, ông ấy nhảy ùm xuống nước lặn một hơi. Nước dưới sâu lạnh đến rùng rợn rồi chân tay mày nhé! Nhờ có mấy ngụm nước mắm nhĩ nên ông ấy ấm người, đủ sức chịu lạnh. Nếu không, máu ộc ra đằng mũi đằng mồm và phọt cả ra hai lỗ tai ngay. Một lúc rất lâu sau, khi mọi người đã sốt ruột, tưởng là ông ấy bị chết ngạt dưới đó rồi, thì bỗng nhiên ông ấy trôi lên, tay giơ cao con ba ba còn người thì tím tái, hai hàm răng va nhau lạch cạch. Hỏi sao ở dưới đó lâu thế, ít ba ba lắm à? Ông ấy cười khàn khàn: “Ba ba vô thiên lủng, nhưng tôi chọn đi chọn lại, mãi mới bắt được con vừa đúng tiêu chuẩn quý khách yêu cầu”. Mày bảo thế có thánh không? Mày muốn “thực mục sở thị”, hôm nào tao sẽ cho mày gặp ông ấy. Thế nào ông ấy cũng đãi cánh mình món cháo ba ba trứ danh.

Chuyện con cà con kê của thằng Bảo giúp cho hai đứa tôi quên hết cả thời gian. Đã về đến quê nó từ lúc nào. Nhưng thú thật là tôi thất vọng ghê gớm. Tôi không tin vùng đất đang bày ra trước mắt tôi kia lại là quê của thằng Bảo. Tôi hỏi đi hỏi lại nó đầm sen đâu? Cổng làng đâu? Bãi thả trâu có hang của bảy gà vàng đâu? Nó vẫn rất tự tin trả lời bằng một giọng chắc nịch:

- Đó thôi! Đang ở ngay trước mặt mày đó thôi!

Tôi căng mắt nhìn, không dám tin vào đôi mắt của mình nữa. Đầm sen có rộng như nó miêu tả đâu! Nước cạn, lơ phơ những cuộng sen héo úa, thẳng hoặc mới có vài ba chiếc lá còn xanh. Cổng làng thì nhỏ bé, loang lổ rêu phong, một góc bị sạt lở, gạch vôi lỏng chông. Thất vọng nhất là hang đàn gà vàng trú ngụ. Cứ tưởng hang phải to lắm, mồm đá phải cao lắm, xung quanh cảnh vật phải huyền bí lắm. Ai ngờ chỉ là một bãi đất hoang mọc đầy dứa dại, ở giữa nhô lên một gò đất nhỏ, có mấy tảng đá to chùng chịch, chiếc vại. Đúng là có hai tảng đá gần kề nhau có mặt phẳng, có thể coi như một nhát chém vờ đôi thật. Tảng lớn có một lỗ sâu hun hút, miệng rộng con chó có thể chui lọt. Dù sao tảng đá ấy, lỗ hang ấy cũng khác xa với những gì lung linh tôi hằng nghĩ. Sợ Bảo buồn, tôi không dám bộc lộ hết nỗi thất vọng của mình. Tôi nói với nó:

- Chiều nay cậu dẫn mình đi xem thêm những cảnh đẹp của quê cậu nhé!

Bảo nói rất vô tư:

- Thì đó! Có gì hay nhất, tao đã chỉ cho mày xem rồi đó!

Tôi chợt hiểu ra trên cùng một mảnh đất này, tôi thì dửng dưng, hầu như vô cảm, còn thằng Bảo thì yêu mê đắm vì nó có cả một quá khứ với biết bao gắn bó. Cả tuổi thơ của nó trôi qua ở đây. Những buổi lặn ngụp trong đầm sen. Những lần thả trâu trên bãi hoang. Những cuộc đánh trận giả bươu đầu sứt trán. Những đêm trăng thanh nằm mơ mộng đếm sao trời và nghe mẹ kể về đàn gà vàng kỳ ảo...

Đêm ấy ngủ ở nhà thằng Bảo, tôi cứ thao thức mãi, trần trọc không ngủ được. Không chỉ vì lạ nhà mà còn vì nghĩ ngợi vẩn vơ, lan man biết bao chuyện.

Bảo dọn giường thu xếp cho tôi ngủ ở buồng bên xong, nó ra ngồi nói chuyện với mẹ. Nó nói đủ thứ chuyện. Hết chuyện học hành đến chuyện đi làm thêm, chuyện mấy anh em ăn bánh đúc riêu ở chợ, chuyện vỡ đất trồng rau, cả chuyện “Tào Tháo đuổi”. Cả chuyện nó bị hắc lào, người ta mách bôi nước điều xót ời là xót, mãi cả tháng trời mới khỏi... Nghĩa là nó kể cho mẹ nó nghe không thiếu một chuyện gì, ngay cả những chuyện rất vặt vãnh, vớ vẩn.

Nằm ở phòng bên này, tôi ngạc nhiên hết sức. Tự nhiên nước mắt tôi cứ ứa ra. Tôi chợt hiểu ra một điều rất giản dị nhưng lâu nay tôi không tự biết: Thì ra có mẹ là như thế đấy. Có thể tâm sự với mẹ về tất cả mọi điều, nghĩ thế nào thì nói ra thế ấy, không cần đắn đo cân nhắc, không chỉ nói những điều tốt, có ý nghĩa mà có thể nói cả những điều vụn vặt, những suy nghĩ đang hình thành, còn dở dang chưa hoàn chỉnh... Mất mẹ từ nhỏ, tôi không được hưởng những hạnh phúc bình dị ấy. Mấy anh chị em tôi đã phải sống già trước tuổi. Ngay từ nhỏ, rất ít khi chúng tôi được sống cùng với nhau trong một thời gian dài. Người ở với ông bà. Người ở với chú này, cô nọ. Mỗi khi gặp nhau thường là phải có chuyện quan trọng gì đó chứ ít khi được thanh thản vô tư. Thấy tôi đến gặp, các chị tôi thường không giấu được vẻ lo lắng chắc là tôi có điều gì không vui, hoặc bố tôi và cô tôi có chuyện gì phải lo nghĩ rồi. Vì thế, sau này, khi vừa gặp các chị tôi, để tránh cho các chị phải nghĩ ngợi, tôi thường nói ngay: “Em vẫn bình thường. Gia đình vẫn bình thường. Lâu không gặp các chị, em nhớ thì vào thăm thôi!”.

Càng nghe thằng Bảo tí lịa cái miệng, chẳng những nó tí lịa, nó vừa nói vừa ăn nhồm nhoàm, đòi mẹ nó hết thứ này đến thứ khác, khuya rồi mà nó còn bắt mẹ nó đi rang lạc rồi gọi tôi trở dậy cùng ăn..., tôi thèm được vô tư như nó quá.

Tôi ở chơi nhà Bảo đến trưa hôm sau thì hai đứa ra về. Mẹ Bảo bắt mang đi đủ thứ: nào là gạo nếp, nào khoai sọ, khoai lang, nào mấy bơ lạc và không quên một chai mỡ nước. Mẹ Bảo rất hiền. Bà ít nói, ban đầu tôi thấy hơi ngại ngại nhưng sau tôi nhận ra bà ít nói vì hiền lành, ít giao thiệp rộng chứ không phải sự ít nói của người khó tính.

Dọc đường về, Bảo lại nhả nhả kể chuyện về quê nó cho tôi nghe. Suốt cả buổi sáng nó đã dẫn tôi đi dạo một vòng khắp làng. Tôi nhìn, tôi ngắm nơi nọ nơi kia theo tay nó

chỉ một cách hờ hững, không mấy mặn mà nên bây giờ tôi mới tiếc. Chốc chốc nó lại hỏi tôi:

- Mày có để ý cây đa ở cạnh đình không? Ngày nhỏ bọn tao thường ra đấy bắt chim...

- Con chó đá ở đầu làng, mày có biết vì sao nó bị vật mất cái mõm không?

- Cái giếng làng tao, mày có trông thấy những bậc đá xanh không? Ngày xưa có một cô tiên đẹp đến mê hồn mày nhé, đêm đêm cô thường đến múc nước gội đầu. Ôi chao! Tóc cô dài ơi là dài...

Nó nói đến đâu, tôi ngó ra đến đấy. Quả thật là tôi hờ hững quá, vô tình quá. Tôi thèm có một tình yêu làng quê như nó. Nó gắn bó với làng quê bằng những kỷ niệm thật cụ thể, thật rõ ràng. Chỉ một ngày về quê với nó, tôi học thêm được biết bao điều.

8.

Sáng nay, cả lớp náo nức vì được cô Kim dẫn đi tham quan Kho xăng dầu. Đối với một thị xã nhỏ, vào những ngày hòa bình mới được lập lại chưa được bao lâu, việc kho xăng dầu được xây dựng ở vùng ngoại vi, gần bên bờ sông Thương là cả một sự kiện lớn. Từ rất xa đã có thể trông thấy những bồn chứa dầu khổng lồ trắng lóa dưới nắng. Từng vòm, từng vòm tròn, bồn nọ kế bồn kia, cả một khu rộng lớn được tường cao bao bọc, có đèn sáng rực thâu đêm. Đối với bọn nhỏ chúng tôi thời ấy, kho xăng dầu to lớn uy nghi là biểu hiện rực rỡ của công cuộc công nghiệp hóa, là biểu tượng đẹp đẽ của tương lai đất nước.

Gần hai tiếng đồng hồ, chúng tôi được dẫn đi tham quan các kho bãi. Trước đó, ông phụ trách kho xăng đã nói chuyện với chúng tôi về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước bạn, về ý nghĩa của xăng dầu trong công cuộc xây dựng vĩ đại đó và cuối cùng là quá trình xây dựng kho xăng, dung tích của mỗi bồn chứa, khối lượng đồ sộ của cả kho bãi, thành tích của cơ quan từ khi được thành lập... Tiếng xuýt xoa thích thú, tiếng trầm trồ thán phục râm ran. Cả bọn chúng tôi nghiêm trang, gần như kính cẩn đi quanh các bồn chứa, mắt ngược nhìn lên các vòm mái tròn cao vút, cảm thấy lòng đầy tự hào. Nói ra thì có vẻ khó tin, nhưng đúng là có mấy đứa lúc nãy đã ngây thơ nghĩ rằng mỗi bồn chứa to lớn kia là cả một nhà máy, trong đó máy móc chạy rì rầm suốt đêm ngày để chế tạo ra xăng dầu. Bọn tôi cãi đó chỉ là những bồn chứa, người ta chở xăng dầu đến bơm vào những bồn chứa đó để dự trữ, mấy đứa kia dốt khoát không tin, cho là chúng tôi không biết gì. Dù sao thì buổi tham quan cũng để lại trong lòng lũ trẻ chúng tôi những ấn tượng rất tốt đẹp.

Sau buổi tham quan, mấy đứa chúng tôi rủ nhau ra bờ sông chơi. Sông Thương những ngày cuối năm hanh heo thật đẹp. Nước trong vắt, lành lạnh màu vỏ chai xanh lục nhạt. Tôi thắc mắc:

- Sao người ta lại nói “Sông Thương nước chảy đôi dòng” hử Bảo?

Thằng Bảo hớn hử như được gãi đúng chỗ ngứa:

- Ban đầu tao cũng thắc mắc như thế, nhưng sau mới phát hiện ra là thế này mày ạ: Đoạn phía trên cầu chừng vài trăm mét có một cửa cống rất lớn. Về mùa mưa lũ, nước từ trong đồng túa ra sông qua cửa cống đó. Nước trong đồng đục ngầu, chảy xiết tạo thành một dòng chảy riêng biệt không hòa lẫn với nước sông trong vắt nên mới có câu “nước chảy đôi dòng”, bên trong bên đục. Nhưng cũng chỉ được một đoạn thôi. Qua khỏi cầu một khúc, dòng nước trong đồng yếu dần, nước trong nước đục hòa vào nhau liền. Đó, cái cửa cống to chênh ềnh đó, mày thấy không?

Chọn một triền đê thoải thoải có đám cỏ mượt, bọn tôi lăn toài ra nằm. Ngửa mặt lên ngắm trời mây, dang chân dang tay ra thoải mái, sao mà thú vị đến thế! Gió hiu hiu mơn man da mặt. Vài sợi tóc vương trên trán khe khẽ lay động buồn buồn. Trời xanh ngút ngát, ban nãy vừa thấy mấy cụm mây bông nõn bay nhõn nhõ, thoáng cái đã mất hút, hình như chúng đã tan hòa vào sắc xanh không cùng... Mặt sông nhấp nháy ngàn vạn những đốm sáng nhảy nhót nhìn đến lóa mắt. Năng loang loáng sắc vàng phơi phới bay khắp trời. Tinh ý, có thể nhận ra những sợi tơ trời mỏng mảnh lả lướt óng ánh thoáng hiện rồi lảng lảng biến mất...

Dưới sông, thuyền bè qua lại tấp nập. Nhiều nhất là những thuyền chở cát, chở gạch, đá. Cờ đỏ, cờ xanh hòa bình trên mũi thuyền, sau đuôi thuyền. Không khí những ngày mới hòa bình vẫn chưa phai nhạt. Ven sông san sát những bè gỗ, bè tre nửa đang nằm chờ được bốc dỡ. Tiếng gọi nhau í ới. Tiếng máy nổ xình xịch. Tiếng xe rồ. Tiếng ngựa hí. Tiếng người la hét... Trăm ngàn âm thanh hỗn tạp vẫn không át đi được tiếng vỗ óc ách, dào dạt của những con sóng tấp vào mạn những con thuyền đang chậm chậm trôi trên sông.

Tự nhiên, mấy đứa cùng im lặng không nói, chỉ chăm chú nhìn ra mặt sông lấp lánh ánh nước. Một lúc lâu sau, thằng Tụng mới ngồi nhóm dậy, đột ngột hỏi:

- Tối qua các cậu có đi xem phim không?

Không hẹn mà cả mấy đứa chúng tôi cùng ngồi bật dậy:

- Có! Có!

- Phim tuyệt cú mèo!

- Phim thế mới là phim chứ, nhỉ!

- Thiện, mày có nhớ mấy câu nói rất hay ở đoạn cuối phim không? Đọc lại nghe coi!

Tôi háng giọng, cả bọn im thin thít, chăm chú chờ đợi. Tôi đọc lại nguyên văn lời thuyết minh trong phim:

- Vào đời! Vào đời để hiến cho đời tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo của tâm hồn, trí óc ta!

Thằng Tụng sôi nổi nhắc thêm:

- Còn một câu nữa. Cái câu ở đoạn giữa phim ấy!

Tôi lại cao giọng đọc:

- Sau này có chết đi, thân thể có mục nát thì trước khi nhắm mắt, ta có thể tự hào rằng: Trong đời ta, suốt hơn bốn mươi năm trời, có những kẻ cố tình làm cho tâm hồn ta hư hỏng, nhưng công trình của họ chẳng khác nào đã tròng xe cát...

Cả thằng Tụng và thằng Bảo cùng nài nỉ:

- Mà đọc lại một lần nữa để chúng tao chép.

Tôi gạt đi:

- Thôi, muốn chép để lúc khác. Bây giờ nói chuyện thích hơn.

- Thì cứ đọc cho nghe một lần nữa vậy.

Tôi lại phải đọc cho chúng nó nghe một lần nữa. Cả bọn lại cùng trầm trồ bàn tán về bộ phim tối hôm qua. Đó là bộ phim “Thời thơ ấu của Mácxim Gorki”. Có thể nói trước đó chưa bao giờ chúng tôi được xem một bộ phim hay như thế. Bộ phim đã gây một ấn tượng rất mạnh, để lại trong tâm khảm tôi những kỷ niệm đẹp đẽ, không bao giờ phai mờ. Có lẽ đó là bộ phim có ảnh hưởng sâu sắc nhất đối với thời niên thiếu của tôi, có tác động sâu xa đến cuộc đời tôi sau này. Tôi yêu biết bao nhiêu chú bé Aliôsa nghèo khổ nhưng tràn đầy lòng yêu con người, yêu cuộc sống. Tôi không thể nào quên được hình tượng bà ngoại đầy bao dung, anh Tsuganóc hào hiệp và bác Tốt Lắm hiền từ. Hình ảnh cuối cùng của bộ phim đầy chất biểu tượng, như một giấc mơ, như một lời kêu gọi đã cuốn hút tôi, ghi hằn trong tôi suốt đời không thể nào quên: Trên đồng cỏ lộng gió mờ mờ ẩn hiện con đường thiên lý chạy mãi đến những nơi xa tít tắp, chú bé Aliôsa - nhà văn vĩ đại Mácxim Gorki tương lai - đang xăm xăm bước đi. Chiếc mũ kê pi và mái tóc dày biểng chải bị gió hất ngược lên. Tà áo rộng phấp phật bay trong gió. Trên vai khoác chiếc túi vải - Aliôsa hăm hở bước ngược chiều gió thổi. Vang lên lời kêu gọi cháy bỏng: “Vào đời! Vào đời để hiến cho đời tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo của tâm hồn trí óc ta!”. Người tôi run lên. Cuộc đời lam lũ bần hàn nhưng đầy chất lãng mạn của cậu bé Aliôsa đã lôi cuốn tôi thực sự, làm cho tôi mê say thực sự. Hình ảnh nhà văn vĩ đại của tương lai đã hằn sâu trong tâm khảm tôi, lay động mãnh liệt tâm hồn tôi.

- Nghĩ ngợi gì mà im lặng thế hở Thiện?

Tiếng thằng Bảo làm tôi bừng tỉnh, trở về với thực tại. Thằng Tụng lẫn người đến nằm sát tôi. Giọng nó tha thiết:

- Mà đọc lại cái câu ở cuối phim cho tao chép đi!

Nó giở cuốn sổ dày cộp, bên trong ghi chi chít những câu danh ngôn, những đoạn văn hay ra, nắn nót ghi thêm câu nói trong phim do tôi đọc lại. Ngày đó, mấy đứa có máu mê yêu văn chương bọn tôi, đứa nào cũng có một cuốn sổ ghi những câu văn hay như thế. Mỗi lần đi xem phim về, bọn nó thường bắt tôi đọc lại những đoạn thuyết minh phim có ý nghĩa hoặc ít nhiều có chất văn chương để chúng nó chép lại. Hồi đó trí óc non dại của tôi tiếp thu rất nhanh những ý tưởng mới lạ, tôi thuộc một cách dễ dàng từng đoạn văn dài dằng dặc.

Chép xong mấy câu nói trong phim, Tụng bảo tôi:

- Tao chỉ muốn bỏ học thôi mày ạ. Bỏ học để bước vào đời lấy vốn sống mà viết. Thầy Luyện vẫn thường nói đây thôi! Muốn viết văn phải có nhiều vốn sống, phải lăn lộn, từng trải. Vậy mà chúng mình sống nhạt nhẽo quá!

Tôi rất hiểu tâm trạng nôn nóng của thằng Tụng. Tôi cũng có những ý nghĩ giống như nó. Nhiều lúc tôi cũng rất muốn bỏ học, vừa là để bớt gánh nặng cho gia đình, vừa là để tích lũy vốn sống sau này sẽ viết. Không nói ra ý nguyện ấy, sợ bạn bè cười cợt, nhưng thực ra trong lòng tôi luôn sôi sục khát vọng sau này sẽ trở thành một nhà văn.

Giọng thằng Tụng vẫn sôi nổi:

- Tiếc thật đấy! Chúng mình sinh ra muộn màng quá. Giá sinh sớm dăm bảy năm, được đi bộ đội, vào sông ra chết, chiến đấu trên khắp các chiến trường trong Nam ngoài Bắc thì phải biết nhá! Thế nào tao cũng viết được một tác phẩm hay ra trò! Còn bây giờ, chiến tranh ác liệt qua rồi, chẳng có gì gay gắt hấp dẫn nữa...

Thằng Bảo cũng ngồi nhòm dậy góp chuyện:

- Tao thì chẳng văn chương chữ nghĩa gì như hai đứa mày. Nhưng tao cũng tiếc lắm. Đúng là cuộc sống bây giờ không thú vị bằng trước đây. Tao khoái đi bộ đội lắm nhưng chiến tranh qua rồi, mất hết lý thú!

- Mày muốn đi bộ đội thì thiếu quái gì dịp? Đến tuổi đi nghĩa vụ, mày được đi liền à! - Thằng Thao từ nãy vẫn nằm lim dim mắt, im lặng lắng nghe không nói gì. Nó vốn là thằng rất chín chắn, nói câu nào chắc câu ấy, giờ cũng vui vẻ góp chuyện.

Bảo nhắc nhở:

- Thời bình, đi bộ đội, chẳng đánh đấm gì, chán chết! Tao muốn được lao vào lửa đạn hăn hoi kia! Đúng là chúng mình sinh sau đẻ muộn, chịu đủ thứ thiệt thòi...

- Mày lo gì! Trong miền Nam đây, giặc giã đã yên đâu... - Thằng Thao nói lấp lửng.

Bảo vẫn thờ dài sườn sượt. Tôi biết nó buồn thực sự. Tôi ngồi hăn dậy kể cho chúng nó nghe về một kỷ niệm nhỏ tôi được chứng kiến năm, sáu năm về trước. Hồi đó, gia đình tôi tản cư lên vùng Yên Thế. Một hôm, có một đơn vị hành quân qua làng. Toàn là tân binh, anh nào anh nấy trẻ măng. Các anh chỉ dừng lại một buổi để nấu cơm nhờ. Ăn xong lại ào ào lên đường. Cơm chẳng có gì ngoài một món rau muống luộc chấm tương, nhưng các anh cười đùa rất vui vẻ. Bọn trẻ con chúng tôi đứng vòng quanh, mê mải nghe các anh hò hát. Tôi vẫn nhớ như in quang cảnh các anh ngồi quanh đống lửa, vừa hào hứng vỗ tay, vừa hát say sưa. Lời bài hát thật mộc mạc, giản dị, có lẽ là do các anh tự sáng tác nhưng mới sôi nổi, hào hùng làm sao. Một anh đứng lên bắt nhịp, tay vung lên như múa, người nghiêng ngả như say. Ca đám đông cùng hát theo với đủ thứ giọng trầm bổng, khàn đục, thô ráp nhưng đầy chân thành và sôi sục: “Đời lên đèo, đời xuống đèo. Đời lên dốc, đời xuống dốc. Đời vệ quốc thú lắm anh em ơi! Súng trong tay anh bắn quân thù. Giặc chịu thua quay đầu về nước. Đời vệ quốc tươi thật là tươi!”

Tôi chưa thấy bài hát nào lại mộc mạc như thế, hồn nhiên như thế nhưng cũng phản ánh rõ đến thế cái hào khí của một cuộc chiến đấu của những người nông dân vùng lên đánh đuổi quân thù. Nếu chỉ đọc lên lời lẽ kia thì khó mà hình dung được cái không khí sử thi kỳ lạ mà bài hát đã gợi lên. Phải hát lên kia! Cái chất nhạc thô ráp, dung dị nhưng mạnh mẽ, gân guốc đầy gợi cảm. Tôi bỗng cao hứng hát thành lời bài hát đầy chất dân dã. Cả Bảo, Tụng, Thao, Tấn, Thanh cùng mấp máy môi hát theo, ban đầu còn rụt rè, sau mạnh bạo dần và cuối cùng thì cả mấy đứa đều đắm chìm vào trong lời hát hào hùng.

- Đó, thấy chưa? Bây giờ thì còn đâu cái hào khí náo nức ấy nữa? - Thăng Bảo tiếc hậm hực.

- Mình còn nhớ một câu hát rất hay này nữa. Chỉ một câu thôi! - Tôi khoe.

- Câu gì? Câu gì, nói nghe coi! - Thăng Tấn nôn nóng hỏi. Hành vi ấy hiếm thấy ở nó. Tấn vốn điềm đạm. Đã nhiều lần nó ao ước sau này trở thành một nhà giáo, về dạy ngay chính ngôi trường này.

- Cái hồi chiến dịch Đông Khê, Thất Khê mình còn bé xù.- Tôi bắt đầu nhớ lại.- Các bác các chú mình kể chuyện cho nhau nghe, mình cứ hếch mũi, đóng tai lên mà nghe hóng. Có một chuyện làm ai nấy đều cảm động. Chú mình kể lại, khi Đông Khê được giải phóng, trong một buổi chiều mưa rét, giữa vùng rừng núi còn khét lẹt khói súng, có một đoàn tù binh được bộ đội ta áp giải đi. Có nhiều lính Âu Phi, do hoảng loạn bỏ chạy, đã cởi cả áo quần quăng đầu mất. Chỉ đánh mỗi chiếc quần đùi, họ co ro lấm lũi đi trong mưa lạnh. Ở một ngã ba đường, có mấy cán bộ của ta đứng nhìn theo đoàn tù. Trong gió rét căm căm, một cụ già bỗng cởi áo khoác ngoài choàng lên vai người tù binh da đen khắp khiêng đi ngang qua. Người tù binh vừa sợ sệt vừa ngạc nhiên, cảm động nói lời cảm ơn. Chắc anh ta chỉ nghĩ rằng đó là một ông già Việt Nam bình thường chứ không hề biết đó chính là Bác Hồ, đó chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Cả Tụng và Bảo đều có vẻ không tin, dồn dập hỏi:

- Sao mà biết chuyện đó?

- Ai kể cho mà nghe chuyện đó?

Tôi thùng thảng đáp đầy vẻ tự tin:

- Thì mình đã bảo chính chú mình tham gia chiến dịch đó kể lại mà! Chú mình còn kể nhiều chuyện cảm động khác nữa. Có cả những chuyện buồn cười. Chẳng hạn, có những anh bộ đội trông thấy những bánh pho mát lại tưởng là xà phòng, đem ra suối tắm giặt, gội đầu, thế là bê bết, nhầy nhụa hết cả. Thì từ thuở cha sinh mẹ đẻ, những người nông dân nghèo khổ ấy có biết pho mát pho miéc là cái quái gì! Qua những chi tiết nhỏ nhặt như thế, mình cũng hiểu được cuộc kháng chiến vừa qua thực sự là một cuộc đổi đời, những cái gì đó mới mẻ đang đến...

- Thế còn câu hát gì mà cậu bảo rất hay? - Tụng nhắc.

Tôi kể tiếp:

- Chú mình vừa gảy ghita vừa hát một bài về chiến thắng Đông Khê. Hay lắm. Trong đó có một câu làm mình nhớ mãi. Theo mình, chỉ có một câu đó thôi cũng đủ gọi lên cả một bối cảnh hào hùng của chiến dịch...

- Thì nói ngay đi, cứ vòng vo mãi! - Bảo sốt ruột.

Tôi vẫn cứ nhẩn nha, cố tình trêu tức tính nôn nóng của hai đứa. Thấy vẻ mặt cau có khổ não của chúng, tôi không nỡ đùa thêm, khe khẽ hát:

- “Một viên đạn không còn, lửa reo Đông Khê bốc cháy...”. Đó, thấy không? Liệu có còn câu nào ngắn gọn mà nói lên được cả sự ác liệt của trận đánh, cả nỗi hân hoan của những người chiến thắng như câu hát đó không? Bao nhiêu sức lực đổ dồn vào trận đánh ác liệt. Vừa giành được chiến thắng, đồn bốt địch vừa bốc cháy thì quân ta cũng không còn lấy một viên đạn. Ác liệt chưa? Có đúng là một câu hát thật hay chưa?

Tôi hãnh diện khoe với chúng nó, vẻ mặt kiêu hãnh, cứ như chính tôi là tác giả của câu hát hào sảng kia. Mấy đứa cùng lắm nhảm hát lại. Nhưng hát xong, vẻ mặt đứa nào đứa nấy buồn thiu. Lại tiếc nuối không còn dịp để được cống hiến hết sức mình cho đất nước.

- Tao vẫn sẽ xin đi bộ đội chúng mày ạ. - Thăng Bảo sôi nổi. - Không còn giặc ở trong nước thì tao tình nguyện đi chiến đấu ở nước ngoài. Như chí nguyện quân Trung Quốc sang chiến đấu ở Triều Tiên ấy!

Thăng Thảo làm ra vẻ thông thạo chính trị:

- Cần gì phải đi đâu xa? Miền Nam còn trong tay Mỹ - Diệm đó. Biết đâu chiến tranh còn trở lại...

Giọng thăng Bảo chợt buồn buồn:

- Giá mà có chiến tranh nhưng mọi người đừng phải chết nhì! Tao thích đi bộ đội, thích chiến đấu ác liệt, nhưng không muốn mọi người phải chết!

Thăng Tụng cự lại:

- Mày nói gì kỳ cục thế? Làm gì có chuyện chiến tranh mà không ai bị chết?

Bảo cười chống chế:

- Thì tao nói “giá mà” chứ tao có bảo sự thật là như thế đâu! Còn mày, mày thích sau này sẽ làm gì?

- Tao sẽ lên công trường xây dựng... - Tụng khẽ nói.

- Mày sẽ “vào đời” như cái ông nhà văn trong phim ấy à?

Tụng không trả lời nhưng tôi biết đúng là nó dự định như thế. Phim Thời thơ ấu xem tối qua cũng đốt cháy lòng nó như đã đốt cháy tâm hồn tôi. Trong mấy đứa bạn, Tụng

là đứa cũng có máu mê văn chương như tôi. Nó cùng học lớp năm nhưng ở lớp năm B, còn tôi và thằng Bảo học lớp năm A. Tụng không phải trọ học như tôi. Nhà nó ở ngay thị xã, chuyên làm giò chả. Mẹ nó rất hiền, bán hàng ở chợ. Ông ngoại nó người nhỏ bé, rất ít nói và cũng rất hiền. Thịnh thoảng tôi đến chơi, ông thường lặng lẽ mang bánh dày, bánh giò ra dúi vào tay tôi, ra hiệu bảo ăn. Hầu như tôi không nghe thấy ông nói bao giờ. Lúc nào cũng thấy ông lúi lúi làm việc, lúc giã giò, lúc gói bánh, luộc bánh. Thằng Tụng có lẽ cũng giống đức tính ông ngoại và mẹ. Nó ít nói, trầm tính. Tụng nhỏ con, da ngăm ngăm mai mai. Nó rất quý tôi. Thịnh thoảng, tan học, Tụng lại rủ tôi về nhà nó ăn cơm. Hình như nó cố ý rủ tôi về nhà nó để nó “bồi dưỡng” cho tôi hay sao ấy, vì mỗi lần tôi đến, nó toàn bắt tôi ăn vĩa giò chả, dứt khoát không cho tôi ăn cơm. Vừa ép tôi ăn, nó vừa vồn vã: “Ăn đi! Ăn cho chán đi! Của nhà làm mà, thiếu gì!”.

9.

Mấy anh em tôi vừa đi học vừa làm thêm được gần hai tháng thì gặp một việc kinh khủng, chút xíu nữa xảy ra tai nạn. Hôm ấy hết gạch đá, chúng tôi chuyển sang chở tre nứa, lá gồi lợp nhà. Vẫn bốc hàng từ dưới sông lên mặt đê rồi từ mặt đê chở bằng xe ba gác vào thị xã. Hai chuyến đầu chót lọt, không xảy ra chuyện gì. Đến chuyến thứ ba, phần vì mấy anh em đã thấm mệt, phần vì chuyến cuối, cố chở cho hết số lá gồi còn lại nên xe quá nặng. Từ trên mặt đê, phải ghìm xe cho chạy chậm chậm qua một con dốc thoải thoải chừng năm bảy chục mét rồi mới xuống đến đường đất đỏ nổi vào phố chính. Anh Nhu cầm càng, tôi và thằng Bảo bám cuối thành xe. Mới lặn bánh khỏi mặt đê chừng vài mét, bắt đầu xuống dốc, chiếc xe bỗng loạng choạng, nghiêng hẳn về một bên, chực đổ. Anh Nhu hét lên:

- Hai đứa níu chặt lấy xe! Cố ghìm cho chắc nhá!

Tôi và thằng Bảo choãi chân, ngửa người ra phía sau, mắt môi mắt lợi cố ghìm chiếc xe lại. Nhưng chiếc xe to lớn, lại đang ở trên đỉnh dốc, cứ phăng phăng lao xuống. Hai đứa tôi cố bám chặt lấy xe, cương quyết không chịu buông. Chân chúng tôi lập bập, nhảy chơi chơi, lúc chơi với trên không, lúc sục sâu vào đất, lúc bị kéo lê lê trên cỏ. Mắt tôi tối sầm. Không còn biết làm gì hơn là cố bám thật chặt vào cuối thành xe, gồng mình, choãi chân trì níu cố ghìm cho xe lao chậm lại. Tiếng la hét, kêu gào hoảng sợ vang lên bốn bề. Tất cả cứ loạng loạng vùn vụt lao xuống. Đầu óc tôi như mê muội không còn biết gì. Trước mặt tôi, lúc tối đen, lúc lại đỏ rực lên như một lò lửa. Đột nhiên, tôi thấy mình rơi phịch xuống, người đau nhói, ê ẩm. Thì ra chiếc xe ba gác lao nhanh quá, tôi và thằng Bảo kéo lại không nổi, cả hai đứa đã bị văng ra, tung người lên rồi ngã chúi xuống đất. Cũng may mà triền đê toàn đất thịt và cỏ mọc dày nên không đến nỗi nào, chỉ bị đau ê ẩm toàn thân và sây sát hai khuỷu tay. Nhưng anh Nhu thì vẫn đang trong tình thế vô cùng nguy hiểm. Tôi muốn kêu lên mà không sao kêu nổi. Mồm chỉ há ra, mắt mở to kinh hoàng. Chiếc xe vẫn đang chồm chồm lao xuống dốc. Lá gồi văng ra tứ tung. Anh Nhu vẫn cố bám càng, ghì chặt chúng xuống, cố hết sức để ghìm bớt tốc độ ghê gớm của xe. Người anh lúc như rà sát mặt đất, lúc lại bị nâng bổng lên không, hai chân khua khoắng chơi với. Những người bốc vác ở gần đấy và khách ngang qua đường kêu la ầm ĩ, nhiều người đứng chết lặng nhìn theo một cách bất lực. Ai cũng nghĩ anh Nhu cầm chắc cái chết trăm phần trăm. Cả tôi và thằng Bảo cùng vừa chạy theo vừa khóc nức nở. Biết là anh của mình đang lao vùn vụt tới chỗ chết mà không có cách nào ngăn lại được. Nhiều người khác cũng ủa chạy

theo chúng tôi. Xuống đến chân dốc, chiếc xe phần nào chậm lại và cuối cùng đổ nghiêng xuống vệ đường đánh rầm, ngay sát bên một quán nước. Người trong quán từ nãy đã chạy tủa ra khỏi quán, đang nhón nhác đứng dõi theo chiếc xe và bàn tán sôi nổi. Tôi và thằng Bảo lao đến chiếc xe đầu tiên. Chúng tôi gào to, lăn xả vào gầm xe định ôm lấy xác anh Nhu mà cả hai đứa tôi và tất cả mọi người đều đinh ninh là anh đã bị chiếc xe nghiền nát. Nhưng kỳ lạ quá! Anh Nhu đang ngóc đầu lên, toe toét cười với hai đứa tôi. Anh vẫn nằm trong gầm xe đang cố bươi đất chui ra. Người xúm đông xúm đỏ vây quanh anh, cười nói rộn ràng. Không ai hiểu nổi vì sao anh lại thoát chết một cách kỳ lạ như thế. Khi đã qua cơn choáng váng, bọn tôi mới bắt đầu quan sát. May mắn làm sao! Gần qua khỏi chân dốc, chiếc xe đã giảm tốc độ và đổ nghiêng ra vệ đường. Một bánh xe lún sâu xuống đất ẩm, một bánh xe vênh lên trời, quay tít như chong chóng. Anh Nhu nằm lọt dưới rãnh thoát nước, ngay dưới gầm xe.

Tiếng bàn tán rộ lên:

- Cậu này gan lỳ thật! Xe lao rầm rầm thế mà dút khoát bám càng không chịu buông!
- Không chịu buông là đúng! Nhất gan, buông ra là toi đời!
- Cái mạng cậu này lớn lắm đó! Thật là nhờ phúc đức ông bà...
- Cầm chắc cái chết trăm phần trăm, vậy mà không hề hấn gì, lạ lùng thật!

Tôi ôm chặt lấy anh Nhu, vừa khóc vừa cười. Anh cúi xuống khề bảo tôi:

- Trông buồn cười chưa kìa! Nín đi chứ! Anh vẫn sống nhăn răng ra đây thôi!

Tôi biết anh nói cứng vậy chứ thật ra anh cũng tự biết là mình vừa trải qua một tình huống cực kỳ nguy hiểm. Mặt anh vẫn còn tái mét. Mặt tôi áp vào ngực anh, tôi vẫn còn nghe rõ trống ngực anh đập thình thình. Có cái gì dính dính, ướt ướt trên má tôi. Thì ra hai cánh tay anh bị sây sất, máu rướm ra đỏ hết cả, dính vào má tôi.

Chúng tôi chạy đi lượm những tàu lá gồi văng tứ tung xếp lại vào xe rồi tiếp tục kéo vào thị xã. Đám đông vẫn chưa chịu giải tán. Tiếng bàn luận vẫn rôm rả. Mọi người nhìn theo mấy anh em tôi, vừa thương cảm vừa thán phục. Đi được một đoạn, anh Nhu mới thở phào:

- Nghĩ lại, kẻ cũng hãi. May mắn sao lúc đó đường lại vắng. Chứ như mọi ngày, ô tô chạy rầm rầm, lao phải chúng chỉ có mà tan xác!

Sau buổi đó, mấy anh em tôi tạm nghỉ ít ngày. Anh Nhu bảo để cho hoàn hồn lại đã. Bây giờ kéo xe cứ thấy gai gai người, chồn chồn thế nào.

Mới nghỉ làm hai hôm, tôi và thằng Bảo đã thấy ngứa ngáy chân tay, cảm thấy thiếu một cái gì. Thằng Bảo rủ tôi:

- Chúng mình ra sông Thương vớt củi rêu đi. Có cái mà đun nấu, đỡ phải xin rơm rạ của bà Muộn.
- Sông trong leo lẻo, có phải mùa mưa lũ đâu mà có củi rêu? - Tôi hỏi lại.

Thằng Bảo cười, cái cười kẻ cả, như muốn khoe sự khôn lanh, sành sỏi của nó:

- Mày không thấy sao? Trên các bè tre nửa, củi rêu mắc lại vô thiên lủng. Mấy hôm bốc dỡ lá gồi, tao đã để ý rồi. Đầu mẩu tre nửa cũng đầy ra. Đi, cứ đi theo tao rồi khắc biết.

Ngang qua nhà thằng Tụng, thằng Thanh, thằng Tấn, thằng Học, chúng tôi rủ bọn nó cùng đi cho vui. Rủ bọn nó đi tắm sông cho vui thôi chứ nhà mấy đứa đó khá giả, chúng nó không cần vớt củi. Ra đến bờ sông Thương, thằng Bảo hét to như ra lệnh:

- Mấy đứa bay cứ tắm trước đi nhá! Tao và thằng Thiện kiếm ít củi rồi tắm sau!

Thằng Thanh nhanh nhẩu:

- Để bọn tao cùng kiếm củi ủng hộ hai đứa mày rồi tắm luôn thể. Sẽ thủy chiến một trận thật ác liệt có vui hơn không?

Quả thằng Bảo nói không sai. Rải rác trên các bè nửa, các đầu mẩu gỗ vụn, tre nửa đầu thừa đuôi thẹo rất nhiều. Chỉ một lát sau, chúng tôi đã gom được mấy bó. Thằng Thanh, thằng Học còn lấu cá bẻ cả mấy cây nửa còn nguyên vẹn sóng hàng trên bè. Thấy vậy, thằng Bảo cảnh báo liền:

- Chúng mày có muốn chết không hả? Nhà bè họ thấy, họ đuổi cả lũ bây giờ! Không có chơi cái trò gian dối ấy. Chúng ta đi nhặt củi rơi vãi đàng hoàng chứ có phải đi lấy trộm của người ta đâu?

Thằng Thanh cười tít mắt, xí xóa:

- Gớm! Gớm! Làm gì mà lên giọng dạy đời khiếp thế hờ cái thằng Bảo rồi kia?

- Chứ không à? - Bảo sừng sộ cự lại, mặt đỏ văng lên.

Thằng Thanh thấy thế càng trêu già:

- Bảo rồi, Bảo rồi! Mày đi ăn cỗ. Gặp tổ ong bầu. Nó châm vào đầu. Mày kêu oai oái...

Thế là hai đứa lăn xả vào nhau, ghì đầu nhau chúi xuống nước. Chiếc bè chòng chành làm cả hai cùng lăn tòm xuống sông trước sự reo hò cổ vũ của cả nhóm. Cuộc thủy chiến bắt đầu. Mặc cho mấy bó củi đang kiếm còn dang dở, chúng tôi hào hứng vùng vẫy trên sông nước. Trong bọn, tôi là đứa bơi dở nhất. Đúng ra, tôi chưa thật sự biết bơi. Thằng Bảo, thằng Tụng mới dạy tôi bơi được mấy buổi. Tôi chỉ mới dám khua khoảng chân tay ở gần bờ, hai tay bám chặt vào bè tre, chân đạp loạn xạ làm nước bắn tung tóe. Thấy bạn bè hăm hở lặn ngụp, nhào lộn, soái tay vươn ra tới giữa sông, tôi thêm vô cùng. Thằng Bảo và thằng Tụng bơi khỏe nhất. Chúng nó tấn công bọn thằng Thanh, thằng Tấn, thằng Học tới tấp, làm bọn kia ho sặc sụa, kêu oai oái, mấy lần la lên xin hàng. Thấy tôi cứ quanh quẩn gần bè nửa, thằng Bảo phun nước phì phì, vừa vuốt mặt vừa khích lệ tôi:

- Ra đây, Thiện! Ra đây vùng vẫy mới đã! Để tao dìu mày cùng bơi. Phải mạnh dạn lên! Học bơi mà cứ nhát sợ thì chẳng bao giờ bơi giỏi được!

Nó nhào người về phía tôi. Chợt nó mất hút. Tôi còn ngơ ngác tìm kiếm thì đột nhiên nó đã trôi lên ngay sát cạnh tôi, cười sằng sặc. Nó lôi tôi đi phăng phăng. Tôi phát hoảng thật sự. Càng ra ngoài xa, sóng càng lớn. Hết lớp này đến lớp khác, những con sóng tới tấp ào đến phủ trùm lên tôi, làm tôi rợn ngợp, không kịp thở. Tôi sặc sụa, van vỉ thằng Bảo cho tôi quay trở vào bờ. Thằng Bảo đùa dai, thấy thế, càng lôi tôi ra xa tiếp. Tôi cảm thấy mình đã mệt mỏi lắm, nhưng thằng Bảo thì hình như không nhận ra điều đó, vẫn vừa hò hét vừa kéo tôi lao đuổi theo thằng Thanh. Cũng may là nó đã áp sát được thằng Thanh. Tôi thều thào:

- Thanh! Mình mệt quá! Cậu dìu mình vào bờ...

Tôi nghe tiếng thằng Thanh hét lên:

- Bảo! Ngừng lại, Bảo! Mày không thấy mặt thằng Thiện trắng bệch ra kia à? Đưa nó vào bờ ngay!

- Tao cứ tưởng nó giả bộ... - Bảo vẫn cười cợt.

Cả hai đứa cùng xóc nách, dìu tôi quay trở lại. Khó khăn lắm tôi mới leo được lên bờ nửa. Người tôi nhột nhột, lạnh run. Tôi co ro, ngồi bó gối, răng va nhau lạch cạch. Thằng Thanh bảo tôi:

- Mày ngồi sưởi nắng một tý là khỏe ngay ấy mà. Hay chịu khó lên bờ đê, chạy nhảy, vung tay vung chân cho ấm người.

Rồi nó quay ra sông, nói với thằng Bảo:

- Mà thôi, chúng mình cũng về thôi Bảo ạ. Hôm khác lại chơi tiếp.

Thằng Bảo vẫn còn đang say chiến trận, chưa chịu về. Nó nhấp nhòm trên sóng, giọng đắc thắng:

- Chúng mày dở quá! Cứ gọi là thua tao hết! Chơi thêm một lát hẵng về.

Bảo lại quẫy sóng, soải mình hơi ra xa. Mặc cho nó khích bác, thằng Thanh không đua theo nó nữa, chỉ vờn tấp sóng ở gần bờ nửa. Nhìn chúng nó vùng vẫy, té nước ràn rạt, miệng thì hò reo inh ỏi, tôi thấy mình non kém quá. Tôi phải gắng tập bơi cho mau giỏi để theo kịp chúng nó, để cho thằng Bảo đỡ vênh vang. Nghĩ vậy, tôi lại tuồn xuống nước. Hai tay tôi nắm chặt lấy một cây tre ở mép bờ, đầu tôi vục xuống nước, hai chân ra sức đạp. Chợt tôi thấy chân phải tôi bị co lại, bàn chân cứng ngắc, không sao duỗi ra được. Tôi rùng mình, cảm thấy toàn thân lạnh toát. Tôi từ từ buông tay ra, chìm dần trong làn nước mỗi lúc một giá buốt. Tôi muốn kêu lên mà không sao kêu được. Tôi muốn vùng vẫy trôi lên khỏi mặt nước mà không biết phải làm thế nào. Tôi không còn điều khiển được tay chân mình nữa.

Khi tôi hồi tỉnh lại thì đã thấy mình nằm trên triền đê, bạn bè vây kín xung quanh. Thằng Bảo reo to lên:

- Nó tỉnh rồi! Nó mở được mắt ra rồi!

Mấy đứa hơn hờ, cười nói rầm rĩ. Thăng Tụng ghé sát vào tai tôi:

- Mà làm chúng tao lo quá! Cứ tưởng không còn hy vọng gì nữa...

- Cũng may mà thằng Thanh phát hiện sớm. Muộn chút xíu nữa là đi tong rồi!

- Mà kể lại đi, Thanh! Sao mà biết nó bị chìm mà lao xuống cứu?

Thằng Thanh nhấp nhấp giọng, bắt đầu kể:

- Cũng mà là lúc ấy tao đang thấm mệt nên không lao theo thằng Bảo nữa. Tao chỉ quần quanh bên chiếc bè, định kỳ cọ qua loa rồi lên bờ. Thấy thằng Thiện ngồi co ro, mặt nhợt nhạt, môi tím bầm, tao đang định bảo nó mặc quần áo vào kéo cảm lạnh thì bỗng thấy nó lại chuôi xuống nước, tiếp tục vùng vẫy. Mà nó vùng vẫy mới khiếp chứ! Tao thâm cảm phục nó: À, thằng oắt con này cũng kiên cường ra phết đây! Rõ ràng thấy nó mệt mỏi ra mặt mà vẫn cố gắng tập luyện. Tao lặn một hơi cuối cùng để rồi lên bờ. Nhưng khi nhô lên khỏi mặt nước, tao không thấy thằng Thiện đâu. Nhìn lên bờ không thấy nó. Nhìn ra ngoài sông, chỉ thấy mấy đứa chúng mày đang nhấp nhô. Mà tài thánh thằng Thiện cũng không thể bơi nhanh ra nhập với bọn chúng mày được. Rất nhanh, tao linh cảm thấy có chuyện chẳng lành rồi. Nhìn thấy mép bè đập dềnh, mấy cây nứa trời lên sục lên sục xuống hơi khác thường, tao nghi liền. Tao lặn ngay xuống thì thấy thằng Thiện đang quờ quạng dưới đó. Nó quờ quạng một cách yếu ớt. Nó cố thúc đầu lên nhưng làm sao mà lên nổi vì phía trên là bè nứa. Thằng Thiện bị mắc kẹt dưới bè nứa. Tao lao đến. Thiện lập tức túm chặt lấy tao. Tao sợ quá, cố vùng ra mà không được. Không khéo cả hai đứa cùng chết kẹt dưới đó. Tao dồn hết sức lực, co người lại rồi đập thật mạnh. Cứ hướng về phía có ánh sáng lờ mờ mà chuôi ra. Vừa đập mạnh vừa chuôi ra. Dưới bè, nước lạnh buốt và tối om. Phía có ánh sáng mờ mờ là phía ngoài sông. Một lúc sau, chẳng biết là bao lâu sau, thì tao trôi lên được. Thấy ánh sáng chói lòa, tao biết là mình sống rồi! Tao dìu thằng Thiện cùng nhô lên và gào đến vỡ họng gọi chúng mày...

- Lúc đó, nghe tiếng mày gào, bọn tao cứ tưởng là mày đùa. Nhưng sau thấy mày gào dữ quá, cả bọn mới chịu ngưng chiến, quay vào bờ.

Bảo vẫn cười cười cợt cợt. Thằng Thanh giận tím mặt:

- Mày cứ liệu đây! Bỏ cái tính đùa dai đi nhé! Ban nãy một chút xíu nữa thì tao cũng chết sặc vì mày đấy!

Tôi vẫn còn mệt. Bao nhiêu nước trong bụng tôi đã được lũ bạn dùng đủ cách, từ hô hấp nhân tạo đến nằm sấp, nằm ngửa, dốc ngược đầu xuống đất... để tống nước ra ướn dầm bãi cỏ quanh chỗ tôi nằm. Mấy đứa dìu tôi ngồi sang bãi cỏ khác khô ráo hơn. Định kéo nhau về nhưng thấy tôi vẫn còn bải hoải nên cả bọn cùng ở lại, nằm ngồi ngả ngón xung quanh tôi tán chuyện gẫu. Thằng Bảo lại thao thao bất tuyệt về chuyện con nam, con gái ở ngoài hồ, ngoài sông. Nó bảo những người chết đuối thường biến thành những con nam, chực sẵn dưới nước để chìm chết một ai đó. Có người thể mạng, con nam mới mong trở lại trần thế, đầu thai kiếp khác... Cả bọn lại bị những câu

chuyện ly kỳ của thằng Bảo cuốn hút, quên hết cả những nỗi bức bối, những lo âu ban nãy. Lại thơ thới ngắm nhìn trời mây, sông nước.

Ngoài mặt sông, nước lấp loáng, muôn ngàn đốm sao ánh sáng nhấp nháy nhảy nhót. Theo từng cơn gió, nước sông rợn lên từng đợt sóng vừa xám xanh màu đá vừa lóa sáng như bạc. Một con thuyền nhỏ đang trôi xuôi. Thằng bé lái thuyền nửa nằm nửa ngồi, dựa lưng vào mạn thuyền, dùng hai chân điều khiển mái chèo một cách điệu nghệ làm cho cả bọn chúng tôi đều lác mắt thán phục và thèm thuồng. Cảnh vật xung quanh bình yên quá. Chỉ một chút xíu nữa thôi là tôi đã vĩnh viễn chẳng bao giờ được thấy những cảnh này. Tự nhiên trào lên trong tôi lòng yêu quý cuộc sống, bình dị sự gần bó máu thịt với bạn bè. Tôi cảm thấy yêu cuộc đời này quá, một cuộc đời bình thường hầu như chẳng bao giờ mình biết trân trọng, chỉ đến khi sắp bị mất nó, mình mới nhận ra vẻ đẹp lớn lao và vô giá của nó...

Chúng tôi chạy xuống bè, thu gom lại những củi cành, bó thành bó chuẩn bị ra về. Mỗi đứa một vác nặng. Thằng Bảo chột tở về lo sợ, căn dặn cả bọn:

- Chúng mày tuyệt đối giữ bí mật chuyện thằng Thiện suýt chết đuối nhé! Anh Nhu mà biết thì chết cả lũ. Sẽ chẳng bao giờ được ra sông chơi nữa đâu!

Thằng Tụng làm ra vẻ thâm thúy, góp thêm:

- Từ nay cánh ta cũng phải cẩn thận chúng mày ạ. “Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai”. Hết chuyện xe lao xuống dốc bữa trước đến chuyện thằng Thiện suýt đi gặp Hà Bá hôm nay. Tao sợ tai họa chưa qua hết đâu.

Mấy đứa xóc củi lên vai, lom khom leo lên triền đê. Tôi đi sau cùng, không phải mang vác gì. Lũ bạn vừa đi vừa ngoái lại, sợ tôi đuối sức không theo kịp. Tôi bỗng thấy chúng nó thật thân thiết, gần gũi biết bao nhiêu...

10.

Những vết trầy trên hai cánh tay anh Nhu tưởng nhẹ không có gì đáng ngại, không ngờ hai hôm sau bỗng sưng tấy lên, bắt đầu mưng mủ làm cho anh Nhu phát sốt. Ai cũng ngạc nhiên sao vết thương chuyển biến nhanh đến thế. Anh Nhu bảo có lẽ anh bị nhiễm trùng máu, bị têtan, phải tiêm kháng sinh liều cao. Anh nhớ hình như xe ba gác anh kéo đã lao xuống rãnh kè liền với đồng sắt vụn phế thải bên hông quán nước. Mưa nắng đã làm đồng sắt han rỉ vàng khè lẫn với màu đất cấp phối rải đường. Tôi và thằng Bảo, thằng Nam lập tức chạy ra bên sông xem lại. Quả đúng như vậy. Anh Hoàng mượn chiếc xe đạp của thầy Tín đèo anh Nhu đến bệnh viện. Máy đưa chúng tôi bám theo xe, vừa đi vừa chạy gần cổ cho kịp.

Anh Nhu là người anh cả của chúng tôi, là linh hồn của cả nhóm. Anh bị bệnh, ai cũng buồn cũng lo. Mọi việc đều trở nên chệnh mảng, ăn uống thất thường, sinh hoạt tạm bợ. Lo nhất là bệnh của anh, không biết có xảy ra chuyện gì không? Khi anh Hoàng kể lại lời các bác sĩ chẩn đoán anh Nhu bị nhiễm trùng khá nặng nhưng do phát hiện sớm, đưa đi bệnh viện kịp thời nên không đến nỗi nào. Cả bọn cùng thở phào nhẹ nhõm. Chỉ còn một nỗi lo không biết viện phí, tiền thuốc thang có nặng lắm không? Về khoản tiền nong, mấy anh em tôi không lấy gì làm dư dả. Tiền làm thêm được hầu

như chỉ vừa đủ cho các bữa ăn hàng ngày và dư ra chút đỉnh. Mấy hôm nay lại đang nghỉ việc... Tôi biết không ai nói ra nhưng tất cả cùng đang lo nghĩ về chuyện ấy.

Trên đường đi thăm anh Nhu về, qua con mương nhỏ, thấy nước trong mát ngập cả bờ cỏ thích mắt quá, thằng Bảo rủ tôi và thằng Nam ngồi chơi một lát. Dưới bóng cây xà cừ xum xòa, ba đứa cùng nằm lẫn ra bên cạnh con mương. Thằng Bảo bỗng ngồi nhồm dậy, mắt sáng lên:

- Con mương này nhiều cá quá chúng mày ạ. Bắt một mớ về đánh chén đi! Lâu lắm rồi không có chất tanh, thêm ghê!

Nam nói giọng uể oải:

- Có cần câu quái đầu mà câu?

- Cần gì cần câu? - Bảo giật giọng. - Để tao chỉ cho hai đứa mày cách bắt cá đặc biệt này. Cứ gọi là ăn mệt nghỉ!

Nói rồi Bảo cởi phăng quần áo, chỉ đánh mỗi chiếc quần đùi, lội ào xuống mương. Nó giục bọn tôi:

- Chúng mày cùng xuống làm theo tao cho nhanh đi! Mỗi đứa một tay, chẳng mấy tý mà xong.

Vừa nói, nó vừa vục tay xuống bùn, vốc lên từng vốc bùn non vói rong cỏ. Nó lấy chân đạp mạnh vào bờ mương, bừa ra từng vũng đất lớn cỏ mọc dày, khệ nệ bung lên rồi cẩn thận xếp thành hàng chắn ngang dòng nước mương. Tôi và thằng Nam chăm chú nhìn nó làm rồi bắt chước làm theo. Vừa hăm hở vốc đất, Bảo vừa giải thích:

- Cả dòng mương dài thế này thì bắt sao được cá? Phải khoanh vùng nó lại. Ta lấy đất lấy bùn và cỏ rong đắp hai bờ chắn ngang dòng mương tạo thành một cái chuôm nhỏ, cá chạy đàng trời! Tha hồ bắt!

Tôi và Nam vẫn chưa hiểu hết ý thằng Bảo nhưng cứ làm theo lời nó chỉ dẫn. Ba thằng vốc đất chừng mười phút thì đắp xong được một bờ chắn ngang dòng mương. Bảo dẫn tôi và Nam đi ngược lên chừng mười mét, lại đắp thêm một bờ đất nữa. Nó cười híp cả hai mắt lại:

- Thấy chưa? Thấy rõ ý đồ của lão mỗ chưa? Vậy là lũ cá bị nhốt trong chiếc ao nhỏ này. Thả sức mà bắt.

Đắp xong bờ đất thứ hai, cả ba đứa thi nhau tát nước. Cũng may mà hôm nay cả ba cùng đội mũ. Cứ vục mũ lá gò xuống nước, trút ra ngoài mương. Chẳng mấy chốc nước trong "ao" đã gần cạn, chỉ còn ngập đến ngang bắp chân. Bảo ra lệnh:

- Thôi, ngừng tát! Bây giờ hai đứa làm theo tao nhé!

Bảo đi trước, hai đứa tôi theo sau. Ba đứa cứ đi đi lại lại từ bờ đất này sang bờ đất kia, chân sục sâu dưới bùn. Vừa sục bùn, Bảo vừa giảng giải:

- Bọn cá sẽ sặc bùn, đờ đẫn như lũ mất hồn, chúi sâu dưới các lốt chân. Cứ thế mà tóm chúng bỏ giỏ!

Quả nhiên, lũ cá nằm im thín thút dưới các lốt chân chúng tôi thật. Ba đưa cứ lom khom dò dẫm từng bước một, đưa hai tay quờ quạng dưới bùn nhão, khéo léo tóm gọn lũ cá.

Không có giỏ, cứ vớt tạm lũ cá vào một hốc đất, sau thu gom lại. Thế mà cuối cùng cũng được gần đầy ba chiếc mũ. Thôi thì cá rô, cá diếc, cá đuôi cò, tôm, cua..., đủ cả. Thăng Nam cười hả hê:

- Chiều nay được một bữa ngon lành rồi! Chỉ tiếc anh Nhu không có nhà.

- Thì mang vào bệnh viện cho anh chứ khó gì! - Bảo thùng thăng. - Thôi, xong việc rồi, ta lại phá bờ đi để cho con mương nó chảy thông dong.

Đáp thì vát vả chứ phá thì quá dễ. Chỉ vài cú đập mạnh, hai con bờ đã đổ nhào để dòng nước lưu thông trở lại. Ba đưa ngược lên phía trên một đoạn, thi nhau vục nước rửa mặt mũi chân tay. Đưa nào đưa nấy mặt mũi tươi rói, cười hả hê mặc dù có một bà người.

Ngồi nghỉ bên mương nước, thăng Nam ra sức tán dương tài bắt cá của thăng Bảo. Thăng Bảo hình mũi, bốc lên:

- Thế này đã thâm thạp gì! Để rồi tao sẽ cho hai đứa mày xem lắm trò hấp dẫn hơn nhiều. Hôm nào bọn ta đi bắt ếch chơi! Rồi đi câu tôm, đi cuốc chạch, đi bắt cá cóc, đi mò ốc. Chúng mày có khoái ăn ốc luộc không? Cái anh ốc luộc là tao khoái nhất hạng. Ốc luộc chấm nước mắm gừng, chà chà, chỉ no căng bụng chứ không hề chán. Tao có một cách bắt ốc cực kỳ nhanh chóng. Chỉ trong vài phút tao có thể vơ được cả một rổ đầy!

- Mày chỉ bốc phét! - Thăng Nam tương luôn một câu làm thăng Bảo tức điên, nhảy chồm lên như bị kiến lửa đốt.

- Mày bảo ai bốc phét? Đừng có hỗn láo nhá! Không tin, để rồi tao biểu diễn cho mà coi. Nếu tao nói đúng, mày mất cho tao cái gì?

Hai đứa cứ cãi qua cãi lại mãi, tôi phải can mấy lần chúng mới chịu yên. Thăng Bảo chột nhích lại gần tôi, nói một cách rất thành thực:

- Mày ạ, tao nghĩ ra rồi. Hay là từ nay bọn mình thôi không đi chở gạch đá thuê nữa. Đi bắt cá, bắt cua đem ra chợ bán có khi lại hay đấy. Vừa bán được tiền lại vừa được lang thang trên các sông hồ...

Tôi tròn mắt ngạc nhiên trước ý định mới mẻ của thăng Bảo. Tôi ngỡ ngàng hỏi lại nó:

- Cậu nói đùa hay nói thật đấy?

Bảo vẫn nói một cách rất hồn nhiên:

- Thật chứ sao lại đùa? Cái trò bắt tôm cá là sở trường của tao từ nhỏ. Tao có tiếng là sát cá đầy mày ạ. Nhiều người đi câu về tay không chứ tao đã ra quân là chỉ có mang chiến thắng trở về. Giỏ của tao bao giờ cũng đầy nhóc nhá!

Tôi cười bảo nó:

- Không được đâu Bảo ơi! Còn học hành, bài vở, còn bao thứ chuyện...

- Thì lâu nay chúng mình vẫn đi làm đó thôi, có sao đâu?

- Đi làm gọn trong một buổi thì được. Giờ đánh bắt tôm cá, phải đi xa, rồi còn chuyện ra chợ bán nữa chứ, đâu có đơn giản? Thôi, dẹp chuyện đó đi. Để anh Nhu ra viện rồi sẽ tính.

Bảo ngồi thần mặt ra, mắt híp càng thêm híp làm tôi không nhịn được cười. Nó sùng sộ nạt tôi:

- Mày cười cái gì? Tao lại cho một quả tống bây giờ!

Nói vậy thôi chứ nó vẫn ngồi yên. Tôi biết chẳng bao giờ nó đụng đến tôi. Đối với tôi, chẳng hiểu vì sao, bao giờ nó cũng có cách đối xử hơi khác với những đứa khác. Yêu quý hơn, thậm chí có phần nể trọng nữa.

Về cái tài bắt ốc như nó đã khoe, chẳng phải chờ lâu, chỉ mấy hôm sau là tôi và thằng Nam được chứng kiến liền. Cứ gọi là bái phục nó sát đất. Đi học về, nó thùng thình hỏi:

- Hôm nay chúng mày có muốn ăn ốc luộc không?

- Muốn chứ sao không? - Thằng Nam trả lời đầy vẻ thách thức.

- Thế thì đừng nấu cơm nữa, để bụng mà ăn ốc. Cho chúng mày ăn kỳ chán thì thôi! - Chợt nó nhớ ra điều gì, mắt bỗng sáng lên tinh quái. - Nhưng nếu tao nói đúng, thằng Nam phải mất cho tao cái gì?

- Gì cũng được, tùy ý mày.

- Mày sẽ phải cống tao đi học, cả đi lẫn về, suốt trong một tuần nhá!

- Được thôi! Mà nếu mày nói bốc phét, cũng phải cống tao y như thế!

Hai thằng hăm hở ngoéo tay nhau hứa giữ lời. Thấy Bảo quá tự tin, tôi vẫn hoài nghi, hỏi nó:

- Gần tới rồi, mai mới đi bắt chứ?

- Đi liền bây giờ! Bảo đảm mười phút là ăn liền! Thằng Thiện cầm rô đi theo tao. Còn thằng Nam chạy sang nhà bác Bảy xin nắm lá chanh, lá bưởi. Nhớ bẻ mấy chiếc gai bưởi về lể ốc.

Nó nói một cách dứt khoát, đầy tự tin làm cho cả tôi và thằng Nam đều chột dạ. Nó nói thật chứ chả bỡn đâu. Tôi đi theo sau nó, ra đến đầu ngõ nó còn quay đầu lại giục thằng Nam:

- Mày chạy đi xin lá chanh ngay đi kéo bọn tao về không kịp có lá thơm mà luộc. Nhớ xin thêm cả gừng. Không có gừng là không ra món ốc luộc đâu!

Tôi đi theo Bảo, lòng phấp phồng không biết nó sẽ giở trò ma mãnh gì? Nhưng ngay lập tức, tôi phải sững sờ trước biệt tài của nó. Bảo xắn quần lội xuống ao cách nhà chừng vài trăm mét, bên cạnh xường cưa. Nó bảo tôi:

- Mày khỏi phải xuống. Mình tao là đủ. Rồi mày xem, có mất quá mười phút không?

Cho đến lúc ấy, tôi vẫn không tin là nó nói thật. Bảo cúi người, đưa tay quờ quạng dưới ao, nhẹ nhàng vớt lên một tấm gỗ xẻ. Khi tấm gỗ nổi trên mặt nước, tôi sững sờ trông thấy cả trăm con ốc to nhỏ bám đầy mặt ván. Bảo kêu lên, giọng đắc thắng:

- Mở to mắt ra mà trông này! Có đúng là ốc bươu ốc gạo đây không? Quăng rổ xuống đây cho tao, mau!

Vừa tiếp tục nâng tấm gỗ xẻ, Bảo vừa đưa tay gạt ốc vào rổ. Hết tấm gỗ xẻ này, nó lại vớt lên tấm gỗ xẻ khác. Lại cứ thế mà gạt ốc vào rổ. Chỉ bốn, năm tấm gỗ xẻ, nó đã được đầy một rổ ốc.

Tôi chỉ còn biết đứng trân trân ra mà nhìn thằng Bảo. Nó khệ nệ bung rổ ốc, bước lên bờ, không nói không rằng vì biết là tôi đã bị khuất phục hoàn toàn. Giọng nó đầy độ lượng:

- Thôi, giờ thì tới nhiệm vụ của mày: bung rổ ốc về, rửa sạch và đổ vào nồi, nổi lửa lên!

Như một tù binh an phận, tôi hiền lành tuân theo mệnh lệnh của nó. Về đến nhà, thằng Nam vẫn chưa về. Một lúc lâu sau nó mới nhả nha xuất hiện với lời nói giễu:

- Thế nào? Về tay không hả? Làm tao phí công toi! Tao...

Nó há hốc mồm, không nói câu nào hết vì thấy rổ ốc chênh ềnh giữa sân. Vẫn chưa tin hẳn, Nam hỏi:

- Chắc mày mua sẵn để trộ bọn tao hả?

- Thôi, đi luộc ốc đi, đói lắm rồi! - Bảo tỏ vẻ không chấp. Nó cẩn thận dặn thêm. - Đừng có đổ nhiều nước quá nhá! Chút xíu nước thôi. Sôi một lát thì bắc ra ngay kéo ốc dứt ruột hết, hong ănh! Nhớ cho lá bưởi lá chanh vào cho thơm. Cả một nhúm muối nhỏ nữa.

Vừa đun bếp, Nam vừa quay ra hỏi vặn tôi:

- Đúng là nó bắt đấy à? Mày có tận mắt trông thấy nó bắt không? Bắt ở đâu mà nhanh thế?

Tôi phải tường thuật tỉ mỉ mọi chuyện cho thằng Nam nghe. Tôi nói cho nó biết cả chuyện thằng Bảo tiết lộ thêm: từ mấy hôm trước, đi ngang qua xưởng cưa, thằng Bảo đã lén lao mấy tấm ván xẻ xuống ao cho bọn ốc bám vào để hôm nay chỉ việc ra mà gạt vào rổ...

Thằng Nam ngồi đun bếp, háo hức nghe tôi kể nhưng qua ánh lửa, tôi vẫn nhận ra vẻ mặt nó càng lúc càng xịu xuống. Có lẽ nó nghĩ đến chuyện trong suốt cả tuần tới nó sẽ phải chịu cực hình: công thằng Bảo đi học rồi lại về học. Chắc chắn không chỉ có chuyện công đơn thuần, mà kèm theo đó còn là những chuỗi cười đàm tiếu của bạn bè và nhiều trò tinh quái khác của thằng Bảo.

Sau lần ấy, Bảo còn trở tài bắt cua, đào hang bắt ếch làm bọn tôi phục lẫn. Nhìn hang nào có cua, có ếch nó biết ngay chứ không rờ rờ như thằng Nam và tôi, mắt rất nhiều công sức mà ít có kết quả. Thấy tôi và Nam thực sự thần phục tài nó, Bảo càng nung nấu ý định trở thành người bắt cua cá “chuyên nghiệp”. Khi nghe nói lại chuyện đó, anh Nhu và anh Hoàng ôm bụng cười. Bảo vẫn tỉnh khô. Nó thành thực tin vào khả năng siêu việt của nó và lấy làm ngạc nhiên là làm sao bọn tôi lại có thể đem cái nguyện vọng rất chính đáng ấy của nó ra mà giấu cọt?

11.

Trong suốt cả thời niên thiếu, khi học cấp hai và cấp ba, người thuộc lớp đàn anh lớn tuổi để lại trong tôi nhiều kỷ niệm đẹp đẽ nhất là anh Nhu. Tôi biết anh từ rất lâu rồi, từ năm 1953, khi còn đang kháng chiến chống Pháp, gia đình tôi tản cư lên vùng Yên Thế. Lúc đó, tôi còn học lớp ba, nhỏ xíu, còn anh học lớp bảy cùng với chị Trọng, chị Ngà và anh Huệ tôi. Tuổi học ngày đó không nhất loạt giống nhau như bây giờ. Cùng học một lớp nhưng anh Nhu hơn chị cả tôi một hai tuổi. Quê anh ở mãi huyện Gia Lương, Bắc Ninh lúc ấy đang còn bị địch tạm chiếm. Anh trốn nhà ra vùng tự do để khỏi bị bắt đi lính và được tiếp tục theo học. Gia đình ở xa, lại có nhiều khó khăn không có điều kiện chu cấp tiền cho anh ăn học. Anh hoàn toàn phải tự túc. Cùng với năm chị em tôi, anh và mấy bạn bè nữa thuộc nhóm những học sinh nghèo, phải kiếm việc làm thêm ngoài giờ học. Chúng tôi được các thầy giáo, cô giáo trong trường hết lòng thương yêu giúp đỡ, tìm việc cho để làm. Có lúc mấy anh em nhận thóc của Nhà nước về xay giã để lấy cám, tấm vụn và một ít tiền công. Các chị tôi là con gái khéo tay thì giặt sàng, các anh lớn và bọn nhóc chúng tôi thì xúm vào xay, giã. Có khi nhiều việc, chúng tôi hì hục xay giã suốt đêm. Hết việc xay giã gạo, các anh chị lại kiếm được việc xe đạp để cho người ta dẹt bao tải đựng gạo. Suốt ngày đêm vang lên tiếng xè xè, lách cách vui tai. Các anh, các chị thành thạo hơn thì xe đạp dọc, sợi nhỏ mịn, đòi hỏi kỹ thuật cao hơn. Còn bọn nhỏ tuổi như tôi chỉ được xe đạp ngang, sợi to, công việc đơn giản. Bận bịu suốt ngày nhưng mà vui. Chúng tôi tự hào là đã “tự lực cánh sinh”, sống tự lập được, không phải nhờ cậy vào gia đình. Hai nhân vật trụ cột của cả nhóm học sinh nghèo chúng tôi hồi đó là anh Nhu và chị Trọng, chị cả của tôi lúc ấy mới mười sáu tuổi. Bây giờ nghĩ lại, lắm lúc tôi vẫn không thể nào hiểu nổi sao hồi ấy các anh chị của tôi lại giỏi đến thế. Vừa đi học, vừa đi làm, lại còn bao công tác Đoàn, Đội, họp hành sinh hoạt liên miên, vậy mà mọi việc vẫn chạy bằng băng, lúc nào cũng tươi cười, cũng hò hát. Những đêm liên hoan đèn đuốc sáng trưng, sắc súa mùi dầu, mùi khói khét lẹt. Những điệu nhảy đơn giản, chỉ có mỗi một động

tác vung tay bên này, hất chân bên kia với những lời ca mộc mạc: “Đây gió đây trong rừng...”, “Dân Liên Xô ca múa trên đồng hoa...”. Chị Ngà tôi nổi tiếng khắp trường với tiết mục múa “Bà Chu cho trứng”, mô tả câu chuyện một bà lão nông dân đem những quả trứng gà phân phát cho các chí nguyện quân Trung Quốc trước khi lên đường đi đánh Mỹ ở Triều Tiên. Chị Trọng tôi đi họp hiệu đoàn nhà trường về, vừa xe đạp vừa dạy mấy đứa nhỏ chúng tôi bài hát về công cuộc thi đua yêu nước: “Vì ai mà thi đua? Vì kháng chiến, vì nhân dân. Vì ai mà thi đua? Vì muốn giết hết quân thực dân. Chúng ta cùng thi đua vì thi đua là yêu nước. Chúng ta cùng thi đua vì thi đua giữ vững hòa bình...”. Bài hát đầy chất chính trị khô khan ấy, vậy mà mấy đứa nhỏ bọn tôi cũng ê a hát cả ngày không biết chán.

Ngay từ những ngày xa xôi đó, anh Nhu đã tỏ ra yêu quý tôi đặc biệt. Có lẽ một phần là do tôi nhỏ tuổi nhất, có vẻ yếu ớt nhất. Thêm nữa, tôi vào loại sáng dạ, học luôn luôn được xếp vào loại giỏi, được mọi người yêu mến.

Hòa bình lập lại, tôi về Hà Nội sống với gia đình một thời gian, phải xa anh Nhu chừng một năm. Lần này quay trở lại Bắc Giang, không ngờ lại được gặp anh và hơn nữa lại được sống với anh dưới một mái nhà. Anh thực sự coi tôi như một đứa em ruột thịt. Đối với riêng tôi, anh vẫn có sự quan tâm đặc biệt hơn so với thằng Bảo, thằng Nam. Mỗi lần anh mua sắm gì, như sách vở, giấy bút hoặc bàn chải, khăn mặt..., anh đều mua thêm cho tôi. Anh để tôi ngủ cùng giường với anh, lo mặc màn cho tôi ngủ, nhắc nhở tôi từng ly từng tý trong mọi sinh hoạt hàng ngày.

Sau khi ra viện, sức khỏe anh giảm sút hẳn. Kể ra, nếu có điều kiện ăn uống bồi dưỡng đầy đủ thì chắc anh cũng mau lại sức thôi. Nhưng vì anh ốm, bọn tôi không đi làm thêm được nên mức sinh hoạt còn thấp hơn cả những ngày bình thường. Hầu như bữa nào cũng chỉ có độc một món canh, không rau muống tự trồng thì cũng là rau tập tàng hái quanh quần bên nhà. Mấy hôm đầu anh mới ở viện về, thằng Bảo, thằng Nam và tôi rất tích cực đi bắt cá, bắt cua về cải thiện. Nhưng sau nghe cô Kim phản nản chẳng hiểu sao dạo này thằng Bảo học sút hẳn, có mấy bài toán bình thường mà cũng không giải được, đến lớp còn ngủ gà ngủ gật..., anh Nhu lập tức bắt dẹp hết chuyện tôm cá. Anh la cho mấy đứa một trận, đứa nào đứa nấy mặt xanh lét, im thin thít. Bữa cơm đành phải đạm bạc vậy thôi.

Khỏe lại được mấy hôm, nhân các thầy cô giáo bận đi học chính trị đột xuất ba ngày, học sinh được nghỉ học, anh Nhu tranh thủ về thăm nhà. Tôi định theo anh về quê chơi nhưng anh không cho. Anh bảo để dịp nào mượn được xe đạp, anh sẽ đèo tôi cùng về. Gần năm chục cây số, đi bộ mất trọn một ngày, anh sợ tôi không đi nổi. Về rồi lại lên ngay cho kịp học chứ có được nghỉ ngơi gì đâu.

Anh mang từ quê lên mấy đấu gạo, ít lạc, ít vừng. Đặc biệt có nửa con gà luộc. Anh bảo con gà mới đẻ lứa đầu, chưa được chục trứng. Mẹ anh thấy anh về, mừng quá, bắt thịt cho anh ăn. Anh ngăn thế nào cũng không được. Đó là một con gà mái hoa mơ rất đẹp. Nghe anh kể, tự nhiên tôi khựng lại, không sao nuốt được. Thằng Bảo, thằng Nam thì vẫn vô tư, cười nói rộn ràng. Nhận ra vẻ mặt dăm chiêu của tôi, anh Nhu lại lái sang chuyện khác:

- Tóc thằng Thiện dài quá rồi đấy. Lát nữa để anh cắt cho nhá! Anh mới xin được một bộ đồ nghề...

Mấy đứa tôi cùng nhao nhao:

- Đâu? Bộ đồ nghề đâu anh?

- Ai cho anh đấy?

- Có đủ cả tông đơ, dao, kéo không anh?

Anh Nhu lấy trong bị cói ra một bọc vải, vừa cởi nút thắt ra vừa cười hà hà:

- Của ông chú anh cho đấy. Chú ấy mới sắm được một bộ mới toanh, thái bộ này ra. Cũ lắm rồi, để đến hơn hai chục năm. Nhưng còn tốt chán. Đủ cả, không thiếu thứ gì.

- Nhưng anh đã biết cắt tóc chưa? - Bảo bỗng hỏi đột ngột.

- Anh biết cắt rồi nhưng còn ngượng tay, chưa được thuần thục. Có thời gian anh được ông chú cho cắt thử, toàn lấy đầu bọn trẻ trong xóm ra cắt “thí điểm”, đầu đứa nào đứa nấy nham nhở, trông chết cười! Để anh sẽ luyện thêm tay nghề rồi cắt cho các chú mày, đỡ phải ra hiệu, tốn tiền.

Thằng Bảo vỗ tay reo:

- Cừ “thí điểm” bọn em trước, sau sẽ cắt cho học sinh cả trường anh ạ. Cứ lấy công rẻ bằng một nửa ở hiệu, khỏi đứa cắt!

Anh Nhu cười hiền lành:

- Điều đó thì anh chẳng dám nghĩ đến. Trước mắt, cứ quanh quẩn cắt cho anh em mình đã. Thế nào, Thiện? Có dám để cho anh cắt thử không? Nói trước là không được đẹp như ở hiệu đâu nhé!

- Cần gì đẹp! Anh cứ mạnh dạn cắt thử đi. Em xung phong cắt trước. - Bảo hăng hái. - Nếu cắt hỏng, anh cứ húi trọc luôn cho em cũng được. Càng mát!

- Nếu ông khách nào cũng dễ tính như em thì anh đỡ quá! - Anh Nhu xoa đầu thằng Bảo.

Được thế, Bảo lại ba hoa chích chòe:

- Có chuyện này hay lắm, liên quan đến nghề cắt tóc, cả nhà có muốn nghe không?

- Thì em cứ kể đi! - Anh Nhu cười, khuyến khích.

- Nghe nói ở gần Hà Nội có một làng chuyên làm nghề cắt tóc. Đời ông, đời cha, đời con, đời cháu, ai cũng làm nghề cắt tóc. Người thì mở hiệu, người thì đi cắt tóc dạo. Cả nhà có biết vì sao lại có chuyện lạ lùng như thế không?

Chưa ai kịp trả lời, Bảo đã nói luôn:

- Đó là vì ông thánh địa lý Tả Ao để đất cho làng đó, cho dân làng đời đời kiếp kiếp làm nghề cắt tóc. Chuyện ly kỳ lắm...

Bảo tình quái nhìn mọi người. Nó biết ai cũng nóng lòng muốn nghe đầu đuôi câu chuyện nên cố ý nhả nha kéo dài thời gian. Nó thủng thẳng kể tiếp:

- Nguyên do mọi chuyện là thế này: Có một lần, đã lâu lắm rồi, ông Tả Ao đi ngao du sơn thủy, ngắm nhìn thế đất, tìm nơi vương địa. Khi ngang qua làng đó, gặp đúng lúc làng đang mở hội, ăn uống linh đình. Ông Tả Ao ghé vào, giả làm người đi đường bình thường xin hớp nước, nắm xôi đỡ lòng. Bọn chức sắc trong làng quát nạt đuổi đi. Khi biết ông là Tả Ao, bọn họ cuống cuống xin lỗi, dập đầu tạ tội, truyền mang rượu thịt ra khoản đãi. Họ vật nài ông thánh địa lý chọn cho làng một miếng đất linh thiêng để thờ cúng, cầu mong cho cả làng làm ăn thịnh vượng, ăn nên làm ra, mở mày mở mặt với thiên hạ. Ông Tả Ao hỏi các vị chức sắc muốn chọn cho làng làm nghề gì? Bọn họ nói với ông: “Xin tùy ý tiên sinh. Miễn là tiên sinh chọn cho một nghề nào đó để dân làng tôi có thể vít đầu vít cổ thiên hạ mà sống là được!”. Thế là ông Tả Ao chọn ngay cho họ mảnh đất truyền đời dân làng thay nhau làm nghề cắt tóc, tha hồ vít đầu vít cổ thiên hạ... ha ha... ha ha...

Thằng Bảo cười sặc sụa vì chính câu chuyện do nó kể. Thằng Nam đâm vào lưng thằng Bảo thùm thụp:

- Mày chỉ bịa! Chỉ bịa! Làm quái gì có chuyện đó!

- Tao nghe người ta kể y boong trăm phần trăm! Mày bảo bịa ở chỗ nào? Chẳng thế mà cả làng đều làm nghề cắt tóc. Đúng quá, anh Nhu nhỉ?

Anh Nhu lắc đầu làm thằng Bảo cụt hứng:

- Em nghe họ kể chuyện tiểu lâm đầy thôi. Anh hỏi em nhé: Em có biết dân mình, đàn ông mới cắt tóc ngắn từ bao giờ không? Hồi đầu thế kỷ này, rất nhiều cụ ông còn để tóc dài, búi tóc củ hành đấy.

Bảo chịu cứng, lảng sang chuyện khác:

- Thôi được, bỏ qua chuyện đó. Bây giờ anh cắt tóc cho em đi!

- Tóc chú mày mới cắt mà! Để anh cắt tóc cho thằng Thiện. Nó sắp thành người rừng rồi! - Anh Nhu vò đầu tôi, nói đùa.

Tôi ngoan ngoãn để anh Nhu cắt tóc cho, tuy có hơi lo, chỉ sợ nhờ anh Nhu cắt hỏng, tôi đến lớp sẽ bị bọn bạn trêu chọc. Nhưng thôi, ai cười cũng được. Miễn là anh Nhu, qua cái đầu “thí điểm” của bọn tôi, sẽ vững dần tay nghề để rồi cuối cùng có thể kiếm được ra tiền, vượt qua được những ngày khó khăn này.

Tôi ngồi yên cho anh Nhu lướt nhẹ chiếc tông đơ. mấy lần tôi suýt bật khóc nhưng cố nén không để lộ ra, sợ anh Nhu buồn. Chiếc tông đơ đã quá cũ kỹ, quá cùn mòn, day qua day lại mấy lượt mà tóc không chịu đứt. Có cảm tưởng như từng mảng tóc sắp bị đứt khỏi da đầu. Đến mức mỗi khi chiếc tông đơ chỉ mới chạm nhẹ vào đầu, tôi đã giật thót người, rụt cổ lại, mắt nhắm nghiền chờ đợi cực hình sắp xảy ra. Người tôi

ướt đầm mồ hôi. Có lẽ anh Nhu cũng thấy hết tất cả những điều đó nên vừa cắt, anh vừa động viên tôi ráng ngồi thêm ít phút nữa. Anh bỏ tông đơ, lấy kéo ra tỉa tóc cho tôi. Tôi thấy người nhẹ bồng, vô cùng sung sướng như vừa thoát được một tai họa. Bên cạnh, thằng Bảo, thằng Nam vẫn liến láu bình phẩm, chỉ dẫn. Chúng nó cứ làm như mình là chuyên gia bậc thầy về cắt tóc, bắt anh Nhu phải cắt thế này, tỉa thế kia... Tôi sốt cả ruột vì những góp ý của chúng nó, nhưng anh Nhu vẫn bình tĩnh như không. Anh còn vui vẻ đối đáp một cách hóm hỉnh với chúng nó nữa chứ!

Hôm sau tôi đến lớp, thật khốn khổ vì những câu bình phẩm châm chọc của lũ bạn. Chúng nó cũng chỉ đùa vui thôi chứ không có gì ác ý. Cả bọn xúm quanh tôi, bình luận:

- Mày cắt ở hiệu nào mà nham nhở như cóc gặm thế?

- Cứ như chiếc nồi đất úp chụp lên đầu ấy!

- Chỗ thì nhăn thín, chỗ lại bù xù...

- Chỗ trắng hếu, chỗ đen sì...

- Bắt họ sửa lại đi, Thiện! Cắt thế mà cũng đòi cắt!

Tôi chỉ biết cười trừ. Rồi tóc sẽ mọc lại thôi mà. Giữa những tiếng cười đang rộ lên thì thằng Bảo lao đến. Nó hét oang oang:

- Cái gì đấy? Có chuyện gì đấy? Chúng mày làm gì em tao đấy?

Nó xông vào giữa đám đông, tả xung hữu đột, tay vung chân đá tới tấp. Lũ bạn kêu ré lên, dạt hết cả ra. Đám đá một hồi rồi cùng cười xòa, hòa cả làng. Cũng chẳng đứa nào cười cợt tôi nữa.

Chiều về, anh Nhu rủ tôi lên bờ đê trước nhà ngồi hóng mát. Anh ngồi, cao hơn tôi một cái đầu. Anh choàng tay qua vai tôi. Hai anh em im lặng một lúc lâu, như cùng lắng nghe tiếng gió lúc ù ù thổi mạnh, lúc chỉ hiu hiu vi vu khe khẽ. Chợt anh bóp mạnh bàn tay tôi, giọng hơi lạc đi:

- Thiện này, có một chuyện anh muốn bàn với em...

Anh ngập ngừng không nói hết câu. Tôi phải nài nỉ:

- Chuyện gì ạ? Anh cứ cho em biết...

- Sắp tới chắc là anh em mình không đi chở hàng thuê như thời gian vừa qua được nữa đâu. Họ trả công xá rẻ mạt quá. Xe tải chở nguyên vật liệu bây giờ cũng nhiều, đánh bật hết cánh xe thô sơ của anh em mình. Và lại, chở hàng bây giờ cũng nguy hiểm lắm. Xe tải rầm rập suốt ngày, phá nát hết đường. Đoạn từ trên đê lao xuống toàn ổ trâu ổ voi, không sớm thì muộn anh em mình cũng gặp tai nạn. Nhất là dạo này lại thường chở tre nửa cống kênh, nhờ nó lao vào người thì hết thuốc chữa. Anh định anh em mình sẽ chuyển sang làm việc khác.

Tôi băn khoăn:

- Nhưng liệu có tìm được việc gì khác không anh?

- Anh và anh Hoàng sẽ quay lại việc phụ hồ...

- Cho em cùng làm với.

- Em không làm được đâu. Bao nhiêu việc ngon ăn, có người làm hết rồi. Anh và anh Hoàng phải nhận cái chân khuôn vác xi măng lên tầng ba, tầng bốn. Mỗi người vác một bao năm mươi ký lô chứ có ít đâu!

Thấy tôi im lặng, anh Nhu lắc lắc tay tôi:

- Liệu em có làm phụ bếp được không? Thầy Tín đã có quyết định sang làm hiệu trưởng trường Phổ thông lao động, chuyên bồi dưỡng văn hóa cho các cán bộ lớn tuổi. Cô An vợ thầy và cô Nhuận bạn của cô An sẽ làm cấp dưỡng ở bên đó. Anh đã hỏi qua ý kiến thầy Tín, định xin cho em làm phụ bếp cho các cô. Em có thể rửa rau vo gạo, dọn dẹp nhà cửa, rửa bát đĩa, gánh nước, phụ đi chợ... Cũng vất vả lắm đấy. Vì thế anh muốn hỏi ý em thế nào?

- Vất vả thì em chẳng sợ. Em quen rồi. Nhưng liệu bên đó có chịu nhận em không? Ai lại nhận trẻ con...

- Nhận hay không là quyền ở thầy Tín. Mà thầy Tín thì lại rất quý, rất thương em, em biết rồi đấy.

- Em chỉ sợ làm không được việc, không biết ăn nói với thầy thế nào.

- Việc ấy thì em chẳng lo. Anh tin là mọi người sẽ quý mến em. Mình cứ chăm chỉ, làm hết sức mình, không sợ em ạ.

Tôi nghĩ đến thằng Bảo:

- Thế còn thằng Bảo, có xin cho nó làm ở đâu được không anh? Giá nó được làm chung với em...

Anh Nhu trầm ngâm:

- Anh cũng đã cố tìm nhưng chưa được. Rồi cũng sẽ có việc cho Bảo thôi em ạ. Nhưng cũng không đáng lo. Gia đình Bảo không đến nỗi nào. Trong mấy anh em, khó khăn nhất vẫn là anh Hoàng, em và anh. Trước mắt, cứ tạm như vậy đã. Rồi anh sẽ gắng tìm một việc gì đó để mấy anh em cùng làm với nhau cho vui. Thế nhé, em đồng ý làm phụ bếp cho cô An, cô Nhuận nhé! - Anh cười, nói đùa. - Thì chú bé Aliôsa cũng làm phụ bếp trên tàu thủy đấy thôi? Biết đâu rồi những ngày khó khăn này cũng sẽ rất có ích cho em trong việc tích lũy vốn sống để mà viết...

Anh Nhu ngả người xuống nằm trên bãi cỏ, kéo theo tôi cùng nằm theo. Hai anh em dang chân dang tay nằm thoải mái, mắt lơ đãng nhìn lên bầu trời xanh dịu đang sẫm

dần. Xa xa, vắng lại tiếng chuông nhà thờ giống giả, khoan thai. Giọng anh Nhu buồn buồn:

- Giá hoàn cảnh anh em mình đừng quá khó khăn, đừng quá phải lo nghĩ về chuyện kiếm sống thì thích quá nhỉ. Anh rất thèm những giờ phút bình yên như thế này.

Tôi rất muốn nói một câu gì đó an ủi anh nhưng không biết nói thế nào. Chỉ biết quờ tay sang nắm lấy bàn tay thô ráp của anh. Giọng anh vẫn đều đều:

- Giá mà anh làm được ra tiền, anh sẽ không để em phải vất vả đi làm thêm như thế này đâu. Em còn nhỏ quá, đang tuổi ăn tuổi ngủ...

Tự nhiên nước mắt tôi ứa ra. Thì anh cũng đã nhiều tuổi gì cho cam? Anh cũng đang ở độ tuổi ăn học đấy thôi? Thế mà anh đã vất vả từ mấy năm trước... Đột nhiên anh Nhu ngồi nhồm dậy, vui vẻ hẳn lên:

- Nhưng thôi, không sao em ạ. Anh em mình sẽ vượt qua tất cả thôi. Cố gắng lên, Paven! À quên, Aliôsa! - Rồi anh nắm lấy hai vai tôi bóp mạnh, cười rất tươi. - Hôm nay mái tóc của em đã xanh lại như cũ rồi đấy. Liệu lần sau có dám để cho anh cắt nữa không?

Cả hai anh em cùng cười. Tôi nói với anh:

- Em không sợ anh cắt xấu đâu mà sợ cái tông đơ cùn nó day tóc, đau lắm anh ạ. Anh phải mang ra hiệu cho họ mài đi. Mài sắc rồi, em lại xin xưng phong giờ đâu cho anh cắt “thí điểm”.

12.

Tôi làm “phụ bếp” thâm thoát đã được hơn một tháng. Ngày nào cũng vậy, tôi dậy từ mờ đất, đánh răng rửa mặt xong là vội vàng chạy sang trường Phổ thông lao động của thầy Tín. Tôi cùng cô An, cô Nhuận nhóm lò than, chuẩn bị đun nước. Trước hết là nấu một chảo lớn nước sôi để sáng ra cho các học viên có nước pha trà. Trường học toàn học viên lớn tuổi, là cán bộ được đi học bổ túc thêm kiến thức phổ thông. Họ dậy rất sớm và thú vui duy nhất chỉ là uống trà Thái Nguyên thật đậm vào buổi sáng sớm trước khi lên lớp. Nhóm bếp xong, tôi gánh nước đổ đầy hai thùng phuy. Giếng ở cách bếp chừng ba bốn chục mét, công gánh không mệt bằng công kéo gầu mức nước. Bắt đầu vào mùa đông, giếng nước cạn, càng mất sức nhiều hơn. Xong chuyện nước nôi, tôi bắt đầu quét dọn nhà ăn, lau chùi bàn ghế, còn những bát đĩa, nồi niêu soong chảo nào chưa rửa thì rửa nốt. Đâu đấy rồi, nếu cô Nhuận, cô An không bảo làm gì thêm, tôi mới chạy về nhà thay quần áo, lấy sách vở đi học. Học trên lớp xong, tôi lại tất tả chạy đến nhà ăn. Cũng vừa lúc sắp đến giờ các học viên ăn cơm. Tôi phụ bung bê cơm canh bày sẵn ra các bàn. Trong lúc họ ăn uống, tôi làm các việc vặt trong bếp, đi đổ rác, gánh thêm nước, bổ thêm củi, xúc thêm than... Học viên ăn uống xong, tôi dọn bàn, rửa bát đĩa cùng với cô An, cô Nhuận. Mọi việc xong xuôi, mấy cô cháu mới ăn cơm. Ăn xong, không kịp nghỉ ngơi, lại lo chuẩn bị cho bữa cơm chiều. Nhặt rau, vo gạo, đun bếp... Lại rửa chén bát, dọn dẹp nhà ăn, gánh thêm nước... chẳng mấy chốc đã sập tối. Tôi trở về nhà, tay chân rời rã, ngồi tán gẫu với thằng Bảo, thằng Nam một chốc rồi đi học bài. Nhiều khi mệt bã người, muốn nằm một lát nhưng

không dám. Nằm xuống thì tôi sẽ ngủ liền, mắt rú lại không sao cưỡng được. Mà bài vở thì còn nguyên đấy chưa mó đến.

Với chân phụ bếp, tôi được ăn hai bữa cơm mỗi ngày cùng với cô An, cô Nhuận. Ngoài ra, mỗi tháng tôi được thù lao thêm năm đồng để mua giấy bút. Tôi nhớ hồi đó mỗi ký gạo mậu dịch là bốn hào. Như vậy, đối với tôi cũng là đỡ lắm. Đã mấy tháng nay tôi hoàn toàn sống tự lập được, không phải xin tiền của gia đình. Vừa học, vừa kiếm việc làm thêm, tuy vất vả nhưng tôi rất vui. Tôi tự hào là mình đã đỡ được gánh nặng cho bố, lại quen thêm được nhiều người tốt. Thầy Tín, cô An, cô Nhuận coi tôi như người trong nhà. Sang tới tháng thứ hai kể từ khi tôi bắt đầu làm với các cô, thầy Tín bảo tôi đến ở luôn trong trường của thầy để tôi đỡ phải đi lại, tiện cho việc làm thêm của tôi. Liền với nhà ăn, có một căn buồng nhỏ lâu nay làm nhà kho, giờ kê thêm chiếc giường cá nhân cho tôi nằm. Sáng sớm, cô Nhuận thường đánh thức tôi dậy. Cô là một người tốt hiếm thấy. Mắt cô hơi hiêng, da ngăm ngăm đen, tóc hơi xoắn tự nhiên. Dần dà hỏi chuyện, hóa ra cô có biết bố mẹ tôi ít nhiều. Cô bảo có thời gian bà nội tôi làm ăn buôn bán ở ga Kép, từ trước Cách mạng tháng Tám. Gia đình cô và gia đình tôi thường qua lại chơi với nhau. Cô nhớ mẹ tôi dáng người dong cao, da trắng, tóc dài, mắt đen lay láy, tướng quý phái rất sang. Mẹ tôi hay mặc bộ đồ lụa đen. Chỉ vài nét phác qua về mẹ tôi do cô kể lại như thế, đối với tôi cũng rất quý. Bởi vì mẹ tôi mất khi tôi còn nhỏ. Tôi có rất ít kỷ niệm về mẹ. Có chăng thì cũng chỉ mờ ảo khó nắm bắt. Cô Nhuận thương tôi như một người cô ruột thịt. Có hôm, thấy tôi ngủ say, cô không nỡ gọi. Cứ để cho tôi ngủ tiếp, cô dậy từ tờ mờ đất, lụi hụi nhóm lò, gánh nước đổ đầy hai thùng phuy, những việc thuộc phần tôi phải lo mỗi buổi sớm. Vài ba lần như thế, tuy không ai trách cứ tôi nhưng tôi tự thấy mình có lỗi. Trước khi đi ngủ, tôi lên văn phòng nhà trường mượn chiếc đồng hồ báo thức, căn giờ cẩn thận để ở đầu giường. Bốn giờ rưỡi sáng, chuông reo, tôi trở dậy, khỏi làm phiền đến cô Nhuận.

Cô An vợ thầy Tín cũng rất quý mến tôi. Cô kém thầy Tín đến mười mấy tuổi. Nhà cô nghèo, còn bà già và người em trai, cả hai đều trông cậy vào cô. Cô rất hiền, rất ít nói, làm việc luôn chân luôn tay. Lúc đó, cô vừa mới sinh con gái đầu lòng, đặt tên là Hương. Con bé mới được mấy tháng, nhưng hình như đã biết thông cảm với sự vất vả của mẹ nên cả ngày nằm yên trong nôi, thỉnh thoảng mới ọ ẹ đòi ăn. Chiếc nôi treo ngay bên hiên nhà ăn, liền kề với nhà bếp, rất tiện cho các cô để mắt tới. Những lúc các cô lo nấu nướng, làm các món ăn, tôi thường được rảnh rỗi chút ít. Tôi tranh thủ học bài. Tôi học ngay cạnh chiếc nôi của bé Hương, vừa tiện trông nom bé, vừa để các cô cần gì, ới một tiếng là tôi có mặt liền. Một hôm, bé Hương ắm đầu, khóc ngằn ngặt đòi bế. Tôi bế bé, ru thế nào cũng không nín. Tôi liền đặt bé vào nôi, đưa bông nôi lên. Bé vẫn khóc, tôi càng dè tay đẩy nôi bổng nữa. Bé khoái chí, cười sằng sặc. Tôi lại càng dè tay tung nôi lên cao hơn. Bé cười mãi, cười mãi, rồi như có vẻ sợ hãi, tiếng cười ngắt đoạn, chuyển thành tiếng khóc. Tôi vẫn đưa bông nôi lên. Bé thôi không khóc nữa, ngủ thiếp đi sau cơn sợ hãi. Nhìn thấy mặt bé trắng bệch, tôi sợ quá. Tôi ghé tai vào sát ngực bé, không nghe thấy động tĩnh gì. Tôi hoảng hốt thật sự, kêu ầm lên. Cô An, cô Nhuận cùng ở trong bếp lao ra. Cô An ôm chặt con vào ngực, mặt tái mét. Cô Nhuận cuống quýt đi lấy dầu gió. Phải mấy phút sau, bé Hương mới hoàn hồn. Có lẽ tôi đã làm bé quá sợ hãi. Tôi thú thật với hai cô là do lỗi ở tôi. Tôi đã đưa nôi quá bổng. Nhưng cả cô An và cô Nhuận đều gạt đi, bảo bé Hương trúng gió, tôi không có lỗi gì. Mấy hôm sau cô Nhuận mới nhẹ nhàng nói nhỏ với tôi, bảo tôi đừng đưa nôi bổng như thế nữa, nguy hiểm lắm. Ngoài việc bé Hương quá sợ hãi, rất có thể còn xảy ra chuyện đứt dây, cả nôi và bé Hương bị văng ra xa. Hôm trước, thấy mặt tôi

cắt không còn giọt máu, các cô không muốn để tôi sợ hãi thêm, nói tránh đi như vậy thôi.

Nhờ bên trường thầy Tín có điện, ngoài hành lang nhà ăn sáng suốt đêm nên tôi tha hồ thức khuya học bài, đọc sách. Tôi vẫn thường xuyên ra thư viện mượn sách về đọc. Những lúc rảnh tôi vẫn giúp cô Uyên dọn dẹp phòng ốc, đóng lại sách báo cũ, vào sổ sách mới... Nhờ có điện sáng, một buổi tối tôi làm thêm được bao nhiêu việc. Học cũng tỉnh táo hơn. Đọc sách cũng được nhiều hơn. Nhưng tôi chỉ thích thú được ít ngày. Tôi bắt đầu thấy nhớ những buổi anh em quây quần bên bếp lửa, nhớ anh Nhu, thằng Bảo... Tuy ngày nào chúng tôi cũng vẫn gặp nhau nhưng chỉ trong thoáng chốc giờ ra chơi giữa buổi học. Tôi thêm được về sống giữa cái gia đình nhỏ bé lam lũ nhưng ấm cúng của tôi. Tôi nói với cô An, cô Nhuận ý nghĩ ấy. Các cô vui lòng để tôi ra về sau khi đã làm xong mọi việc và ăn bữa cơm chiều với các cô. Thế là tối tối tôi lại chụm đầu học bài với thằng Bảo, thằng Nam quanh chiếc đèn dầu tù mù. Tôi lại được nằm bên anh Nhu, được anh phe phẩy quạt cho mỗi lúc nóng nực, được gác chân lên bụng anh... Chúng tôi lại bàn tán rôm rả về chuyện học hành, về tương lai của mỗi người. Sáng tinh mơ, anh Nhu lại đánh thức tôi dậy. Mắt nhắm mắt mở, tôi lại chạy đi làm phụ bếp... Anh Nhu, anh Hoàng cũng dậy sớm đi làm phụ hồ. Thỉnh thoảng, vào những ngày chủ nhật, anh Nhu lại xách hòm đồ nghề thợ cạo đi vào các làng xa để kiếm thêm ít tiền tiêu. Giờ thì anh đã cắt thành thạo lắm rồi. Tôi và thằng Bảo, thằng Nam đã vui vẻ làm “vật tế thần” cho anh suốt mấy tháng. Chúng tôi ngồi yên cho anh cắt “thí điểm”, rút kinh nghiệm dần. Sau đó anh cắt cho bọn trẻ con quanh xóm không lấy tiền. Tay nghề anh vì thế được nâng cao nhanh chóng và giờ thì anh đã có thể cắt đủ các kiểu, một này một nọ tùy theo yêu cầu của khách.

Có một đêm, đã khuya lắm, khi mọi người đã ngủ hết, tôi vẫn nằm thao thức. Tôi bỗng thấy nhớ nhà. Đã lâu tôi không nhận được tin tức gì của gia đình. Tôi chỉ nằm im lặng suy nghĩ, không dám động cựa vì sợ làm anh Nhu tỉnh giấc. Vậy mà anh Nhu vẫn biết. Anh khẽ hỏi:

- Có chuyện gì mà em cứ trằn trọc mãi thế?

- Không ạ. Không có chuyện gì đâu. Em chỉ thấy khó ngủ thôi. - Tôi cố giấu.

Anh Nhu thì thào:

- Thiện này! Đạo này em học hành thế nào? Làm thêm vất vả vậy, học có bị sút đi không?

- Em vẫn học bình thường, anh đừng lo.

- Gắng đừng để ảnh hưởng đến học tập nhé. Có gì trở ngại, phải nói cho anh biết ngay nhé.

- Vâng, anh cứ yên tâm. - Tôi nắm tay anh hứa.

Yên lặng một lúc lâu. Tôi tưởng anh ngủ lại rồi, không ngờ anh lại thì thào:

- Thiện này, em vẫn lén tập viết phải không? Viết được gì, cho anh xem với. - Ngừng một lát, anh nói tiếp - Việc em đi làm thêm, anh muốn em nên có ý thức đó không chỉ

đơn thuần là việc kiếm sống, việc kiếm thêm tiền để ăn học, mà còn là dịp để em tìm hiểu cuộc đời, tìm hiểu con người. Nó sẽ rất có ích cho việc viết văn của em sau này. Chuyện văn chương, anh không rành lắm. Nhưng anh cứ nghĩ một cách đơn giản thế này thôi: muốn viết văn, phải có vốn sống. Có bột mới gột nên hồ em ạ. Đọc tác phẩm của Nam Cao, Nguyên Hồng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài..., anh thấy họ là những người từng trải lắm, vốn sống của họ ngồn ngộn phong phú lắm. Tất nhiên, ngoài vốn sống còn cần phải có nhiều phẩm chất khác nữa. Nào là học thức, nào là năng khiếu... Em phải chịu khó tìm hiểu, quan sát em ạ. À, mà dạo này em đang viết gì thế? Cứ giấu giấu giếm giếm... Phải cho anh xem với chứ!

Tôi cười khúc khích, cúi đầu vào bên sườn ấm sức của anh. Tôi nói chống chế:

- Em viết vớ vẩn ấy mà! Bao giờ viết được cái gì ra hồn, em sẽ nhờ anh đọc cho em.

Anh khẽ kéo chăn che ngực cho tôi rồi khẽ giục:

- Thôi, khuya lắm rồi. Ngủ đi, mai còn đi làm sớm.

Nghe lời anh, tôi cố nhắm mắt ngủ, nhưng lòng cứ xốn xang không yên.

13.

Mấy ngày sau, tôi nhận được thư của bố tôi báo cho biết Hiếu, em ruột tôi, con của cô tôi mới mất. Cách đây hơn hai tháng, cái Hoa, đứa em sinh đôi với Hiếu cũng đã mất. Cả hai đều mất vì suy dinh dưỡng nặng. Bệnh viêm phổi và sau đó là bệnh tiêu chảy kéo dài nhiều ngày đã cướp đi sinh mạng của cả hai đứa em tôi. Tôi xin phép cô Kim cho tôi về thăm nhà mấy ngày, vừa là để an ủi bố mẹ tôi; thêm nữa, từ ngày lên đây học tôi cũng chưa về thăm nhà lần nào.

Vừa bước chân vào nhà, tôi đã nhận ra ngay không khí buồn thảm, lạnh lẽo của một gia đình vừa có tang. Cô tôi nằm quay mặt vào tường, bất động. Dũng, em trai tôi, mười hai tuổi ngồi góc bàn đang hý hoáy chữa chiếc bút máy hỏng. Dung, em gái mười tuổi, ngồi xếp dưới nền đá hoa, lưng dựa vào tường, cầm cúi ngồi đan áo len. Cả hai đứa trông thấy tôi, vẻ vừa mừng vừa ngạc nhiên pha chút sợ sệt. Cái Dung ngừng tay đan, hơi nhồm người về phía tôi, giọng thì thào:

- Thăng Hiếu mất rồi...

- Anh có nhận được tin. Cậu viết thư cho anh. - Tôi nói nhỏ, sợ làm cô tôi thức giấc. - Cậu đâu? Anh Hiếu, anh Lượng đâu?

- Cậu lên trên phố. Anh Hiếu, anh Lượng đi học chưa về. Cái Hương, cái Yên chắc đang chơi bên cụ Trường.

Tôi đưa cho Dung và Dũng gói lạc luộc tôi mua ở trên tàu rồi ngồi xuống nền nhà, cạnh Dung, hỏi chuyện em. Dung vẫn ngoắt ngoắt các ngón tay đan thoăn thoắt, vừa đan vừa kể chuyện nhà. Dạo này cô tôi nhận đan thuê. Dung cùng đan với mẹ, thành thạo chẳng kém gì người lớn. Nhà khó khăn, con bé sớm biết nghĩ, rất chăm chỉ làm mọi việc trong nhà, luôn chân luôn tay không mấy khi được ngồi nghỉ. Tôi giục ăn lạc luộc, Dung chép miệng như người lớn: “Để phần cho con Hương, con Yên. Em lớn

rồi, quà với cáp gì!”. Nghe nó nói, tôi thấy cay cay nơi sống mũi. Nghe tiếng trò chuyện rì rầm, cô tôi trở mình và nhận ra tôi đã về. Giọng khản đặc uể oải, cô tôi hỏi:

- Thiện về đây à?

Vừa hỏi dứt câu, cô tôi òa khóc. Cô tôi ngồi dậy, búi lại mái tóc xõa xượi, khóc dầm dút. Tôi muốn nói một câu gì để an ủi cô tôi mà không nói được. Tôi chỉ biết ngồi lặng yên nhìn cô tôi, nước mắt ứa ra. Cho đến khi cô tôi khóc nức lên, giọng thều thào: “Nó mới biết bò thảng trước. Khổ thân con tôi. Bò như thế thì biết đến bao giờ mới về được đến nhà, con ơi! Con nằm ngoài nghĩa địa một mình lạnh lẽo...” thì tôi cũng bật khóc òa theo.

Tôi rất thương cô tôi. Là vợ kế của bố tôi, nhưng cô tôi cũng chính là em ruột của mẹ tôi. Nghe người lớn nói lại, ngày trước gia đình bên nội tôi giàu có lắm. Ông thầy tử vi nói số bố tôi phải có hai vợ. Qua sự sắp xếp của ông bà nội ngoại tôi, bố tôi lấy cả hai chị em, để nhờ có chuyện gì thì của nả khỏi rơi vào tay người khác và mấy chị em tôi cũng đỡ khổ. Những chuyện của người lớn không bao giờ tôi dám hỏi. Tôi chỉ biết một cách lơ mờ là hình như giữa mẹ tôi và cô tôi không được vui vẻ gì. Cả hai người đều ôm những nỗi khổ riêng, không dễ gì nói ra. Bằng vào những gì tôi được biết, được chứng kiến thì tôi thấy: suy cho cùng, cô tôi là một người đàn bà khổ sở cả đời. Cái nỗi khổ lớn nhất của cô tôi có lẽ là về đường con cái. Cô tôi thuộc lớp người cổ rất coi trọng con trai nối dõi. Cô sinh nở sáu lần. Con trai đầu của cô tôi là thằng Dũng, cô hết lòng chăm bẵm, yêu quý thì chẳng may lại hơi bất bình thường, không đại hãn nhưng cũng không được như mọi đứa trẻ khác. Cô tôi đau khổ âm thầm cả chục năm. Đến lúc sinh đôi thằng Hiếu, cái Hoa, mặc dù hoàn cảnh vô cùng túng quẫn, cô tôi vẫn vui vẻ với hy vọng thằng Hiếu lớn lên sẽ là chỗ dựa vững chắc cho cô tôi. Giờ thì nó đã bỏ cô tôi mà đi... Tuy còn ít tuổi nhưng tôi cũng đã thấu hiểu những tâm tư sâu kín của cô tôi và cảm nhận sâu sắc nỗi đau to lớn mà cô tôi đang phải gánh chịu.

Giai đoạn này gia đình tôi lại đang khó khăn cực kỳ. Bố tôi không có công ăn việc làm ổn định. Cô tôi từ xưa chỉ quanh quẩn làm việc nhà. Nay túng bấn quá thì nhận lên về đàn thuê. Hai chị tôi, người học Sư phạm, người đi bộ đội, sinh hoạt phí eo hẹp chỉ đủ dùng cho cá nhân, dù có muốn cũng không có điều kiện giúp đỡ gia đình. Trong nhà lóc nhóc chín đứa con sần sần trứng gà trứng vịt, đứa lớn nhất là anh Hiếu tôi mới mười sáu tuổi, đứa nhỏ nhất còn ẵm ngửa. Chuyện gia đình đã sẵn có những điều không vui. Kinh tế khó khăn làm cho không khí ngày càng nặng nề. Ngày chưa lên Bắc Giang trọ học, tôi thường xuyên sống trong mặc cảm mình có lỗi, mười ba mười bốn tuổi rồi mà không làm được gì để giúp đỡ gia đình, cứ phải ăn bám vào những người thân yêu ruột thịt.

Ngang tầm trưa, cái Hương cái Yến chạy về, kêu đói bụng. Hai đứa rất ngoan. Biết nhà đang gặp nhiều chuyện khó khăn, chúng chẳng bao giờ đòi hỏi, vòi vĩnh gì. Ăn xong vốc lạc Dung đưa xong, cả hai dốc ngược ồm ồm, tu ừng ực đến căng bụng rồi lại chạy sang hàng xóm chơi. Một lúc sau, anh Hiếu, anh Lượng cũng đi học về. Chỉ Hương, Yến nhỏ tuổi, vô tư là cười nói to, còn mọi người nói nhỏ, gần như thì thào. Cô tôi vẫn nằm quay mặt vào tường. Tôi nhìn lên chiếc đồng hồ để bàn đã hơn một giờ. Không thấy ai đã động gì đến chuyện cơm nước. Tôi hỏi Dung:

- Nhà ăn cơm rồi hả Dung?

Dung ngáp ngừng:

- Chưa...

- Thế đã nấu chưa?

Dung đưa mắt sợ sệt nhìn mọi người, vẫn ngáp ngừng:

- Chưa nấu...

Tôi thề trách mình sao lại đi hỏi chuyện đó. Trước đây ở nhà tôi cũng đã từng phải chứng kiến biết bao lần tương tự như thế này rồi. Tôi rủ anh Lượng đi ra phố. Vừa ra khỏi cửa, anh Lượng đã nói khá to:

- Mấy hôm nay nhà hết gạo, bữa ăn bữa nhịn, đói mớ cả mắt. Ban nãy ở trên lớp, tý nữa thì tớ xỉu...

Anh Lượng hơn tôi một tuổi, vẫn có thói quen xưng hô “tay tay, tớ tớ” với tôi. Hai anh em tôi vào ngõ chợ, mua về ba ký bún. Tôi định mua mấy ký gạo nhưng anh Lượng ngăn lại:

- Đừng mua gạo ngoài, đắt lắm. Để lấy sổ gạo đi mua. Tháng này nhà đã mua đâu! Tiền chẳng có...

Ngang qua hàng thịt quay, bà chủ vồn vã chào mời. Tôi định dừng lại, anh Lượng giật tay tôi, nói nhỏ:

- Đắt lắm, mua phí tiền! Về rưới nước mắm là tuyệt rồi!

Đi được mấy bước, anh trợn mắt hỏi tôi:

- Tay có nhiều tiền không mà định tiêu vung vít như thế?

Tôi cười, vỗ vỗ vào túi quần:

- Em có nhiều! Anh cứ yên chí. Lúc nào anh em mình ra Cẩm Bình ăn kem.

Ngày đó, kem Cẩm Bình ở phố Huế ngon nổi tiếng. Sắp về tới nhà, anh Lượng rủ tôi:

- Chiều nay tớ với tay vào Cầu Giấy thăm chị Trọng, chị Ngà đi. Nhân thế có một chuyện quan trọng tớ cũng muốn nói với tay...

- Chuyện gì mà quan trọng? - Tôi dừng lại, hỏi.

- Để chiều tớ sẽ nói. Chuyện quan trọng thật mà!

“Chuyện quan trọng” anh định nói với tôi là chuyện anh định bỏ học để đi làm công nhân đường sắt tuyến Hà Nội - Lào Cai đang mở. Có hai, ba người ở cùng phố đã đi làm trên đó, rủ anh lên theo. Ngồi trên tàu điện vào Cầu Giấy, anh bảo tôi:

- Bỏ học, tớ tiếc lắm. Nhưng không còn cách nào khác. Nhà càng ngày càng kiệt quệ. Cứ nghĩ đến cảnh gia đình như thế, học cũng chẳng thể nào vào được. Lên trên đó, có lớp bỏ tức văn hóa, tớ sẽ tranh thủ học thêm.

Đúng là không còn con đường nào khác thật. Thấy anh phải bỏ học, tôi buồn lắm nhưng không biết nói gì hơn là đành phải cùng anh chấp nhận. Xuống tàu điện ở Cầu Giấy, vừa đúng lúc có xe buýt chạy vào Mai Dịch, tôi kéo tay anh định leo lên nhưng anh bảo tôi:

- Thôi, chịu khó đi bộ cũng được, đỡ tốn tiền. Đi bộ, nói chuyện được nhiều hơn.

Thấy quán nước bên đường bày bán mấy nải chuối chín trướng cuốc vàng ươm ngon lành, tôi rẽ vào mua một nải, làm quà cho hai chị tôi. Quán này tôi đã mua mấy lần. Ngày còn ở nhà, thỉnh thoảng tôi thường xin phép bố và cô tôi vào thăm hai chị. Từ Khâm Thiên vào Mai Dịch tôi hay đi bộ theo lộ trình: Đi bộ ra cửa Nam. Từ Cửa Nam đi tàu điện vào Cầu Giấy. Từ Cầu Giấy đón xe buýt vào trường Đại học Sư phạm và Mai Dịch. Mỗi lần như thế, bố tôi thường cho tiền, đủ để mua vé đi, về. Nhưng sau này chẳng mấy khi tôi đi tàu xe. Tôi đi bộ từ đầu phố Khâm Thiên ra Ô Chợ Dừa, lên Đề La Thành, Giảng Võ rồi chạy tuốt ra Cầu Giấy, vào Mai Dịch. Vừa đi vừa chạy cho nhanh. Chẳng phải tôi khoái gì chuyện đi bộ mà chính là để dành tiền mua quà cho hai chị tôi. Khi mua nải chuối, lúc tôi mua quả đủ đủ. Chút xịu thôi nhưng cũng gọi là một chút quà. Tôi nói với hai chị tôi là quà của cô tôi gửi:

- Lâu không thấy hai chị về, cô nhắc luôn. Hôm nay em vào, cô gửi lời hỏi thăm và gửi quà cho hai chị.

Sở dĩ tôi phải “bịa” ra chuyện đó là vì có một thời gian, chẳng biết vì lý do gì, trong cư xử cô tôi có phần không được mặn mà lắm với hai chị, nhất là với chị cả tôi. Hai chị tôi rất buồn, nhiều khi ngần ngại, ít về thăm nhà. Phải chứng kiến và chịu đựng những rạn nứt trong quan hệ gia đình, tôi rất khổ tâm. Tuy mới là một đứa trẻ, tôi đã muốn đóng vai trò của một người hòa giải. Tôi muốn níu kéo lại những mối liên hệ, mong mọi mọi người nhích lại gần nhau hơn. Khi ở chỗ hai chị về, tôi lại vừa đi bộ vừa chạy gần, dùng số tiền hai chị cho để mua quà mang về. Tôi lại nói dối cô tôi:

- Hai chị con bận quá, lâu không về thăm nhà được. Hai chị con gửi quà về biếu cô và cho các em.

Thật ra trong gia đình tôi không bao giờ xảy ra những mâu thuẫn lớn, thậm chí suốt trong mấy chục năm, chưa bao giờ có một câu nói nặng lời, một cử chỉ gì gây xúc phạm đối với người này người khác. Chỉ bằng bạc một không khí uể oải, buồn chán, lạnh lùng, một sự không bằng lòng do một nguyên nhân thâm kín nào đó không dễ nói ra chi phối. Sự túng quẫn về kinh tế càng làm cho không khí trong gia đình nặng nề hơn. Anh Lượng tôi ra đi là phải. Trước mắt, cốt sao hãy được sống trong một môi trường thanh thản hơn. Như tôi đây. Đi trọ học, phải sống tự lập, phải bươn chải khá vất vả nhưng tôi rất thích, tôi ít bị ám ảnh bởi sự buồn chán nặng nề.

Trong mấy anh chị em, tôi sống gần anh Lượng trong một thời gian dài nhất. Lúc mẹ tôi còn sống, bị ốm nặng lâu ngày, đơn vị quân y của bố tôi di chuyển qua nhiều nơi, bao giờ bố tôi cũng đem theo mẹ tôi, anh Lượng và tôi. Còn hai chị Trọng, Ngà và

anh Hiệu tôi ở với ông bà Thượng (bà Thượng là chị ruột ông nội tôi). Đến khi mẹ tôi mất, anh Lượng và tôi ở với ông bà Hai (ông Hai là em ruột ông nội tôi). Chính vì thế mà hai anh em có nhiều gắn bó. Cùng ăn ở một nơi, cùng học một lớp, cùng tham dự mọi chuyện buồn vui trong gia đình, cùng tham gia mọi trò chơi nghịch ngợm. Ngày nhỏ, anh nổi tiếng là búng bình, ngang ngạnh, tóc rẽ tre lúc nào cũng sừng lên, đồ quạch. Lớn lên một chút, anh thay đổi hẳn. Tính trầm hẳn lại, suy nghĩ sâu sắc và đặc biệt là rất gắn bó với gia đình, rất quan tâm đến chuyện gia tộc, họ hàng. Anh cũng có tính cả nghĩ như tôi, lúc nào cũng chỉ sợ phiền người khác. Việc anh quyết định bỏ học, đi làm công nhân đường sắt trên Lào Cai cũng chính là để bớt gánh nặng cho gia đình. Bố tôi chấp nhận chuyện anh ra đi một cách im lặng. Bố tôi không nói một câu nào. Tôi biết bố tôi đau lòng lắm. Phải để cho đứa con trai mười lăm tuổi bỏ học dở chừng, lên miền rừng núi xa lạ, ngày đêm phơi mặt giữa sỏi đá. Bố tôi buồn nhưng bất lực...

Ngày hôm sau, buồn vì không khí trầm uất trong gia đình, tôi rủ anh Lượng đi chơi phố. Gọi là đi chơi phố chứ thực ra hai anh em tôi chẳng biết đi đâu ngoài việc chạy bộ lên Bờ Hồ Hoàn Kiếm xem mấy đám xiếc khỉ, mãi võ Sơn Đông và cuối cùng rẽ vào hiệu sách phố Tràng Tiền. Để cho mau đến nơi, hai anh em tôi vừa đi vừa trêu chọc nhau. Anh Lượng hay bày trò đánh nhau, đẩy tôi ngã dúi dụi rồi ù té chạy, cười ngặt cười nghèo. Với bộ dạng ấy mà mấy hôm nữa anh đã lên công trường...

Đến cổng đền Ngọc Sơn, tôi lại thấy ông già bán kẹo kéo. Mấy năm rồi ông vẫn đứng bán ở đấy. Trông bộ dạng ông vẫn hóm hóm khổ não như trước. Có điều tóc ông thưa hơn, bạc nhiều hơn. Tôi nhớ ông không chỉ vì ông bán rẻ, lần nào cũng cho tôi thêm mẩu kẹo nhỏ mà ông búng tay đánh “cắc” một tiếng đanh gọn, điệu nghệ. Tôi nhớ ông còn vì trên mặt hòm gỗ của ông có dán bức tranh vẽ mùa thu với một bờ cây vàng rươi và một con sông nhỏ lượn lờ đượm buồn. Chắc là ông cất ở hình một tờ họa báo nào đó. Ông dán bức tranh lên mặt hòm để che bớt những vết nham nhở hơn là vì lòng yêu nghệ thuật, tôi chắc thế vì mấy khoảng sáng trên tranh, ông ghi chi chít các con số, có lẽ là những khoản tiền khách thiếu nợ. Tôi mê bức tranh mùa thu ấy vô cùng. Ngày còn ở nhà, cứ hờ ra lúc nào rảnh rỗi, tôi lại xin phép bố và cô tôi cho “chạy ra hiệu sách một lát”. Vừa được cho phép, tôi liền chạy ngay lên đây, mê mẩn ngắm nhìn bức tranh. Mà đường đi có gần gần gì? Từ Khâm Thiên ra hồ Thiền Quan, lên Bà Triệu, chạy tuốt lên đền Ngọc Sơn... Thịnh thoảng có dăm ba đồng, tôi mua kẹo kéo của ông để gây được cảm tình, được đứng xem tranh lâu lâu một chút. Còn phần lớn là xem tranh nhờ. Ban đầu ông có vẻ bức bối vì tôi “ám” ông, nhưng sau ông dần có cảm tình và cuối cùng thì quý tôi thật sự. Ông bảo chưa thấy thằng bé nào có nỗi đam mê quá quắt như tôi. Thấy tôi quá mê mẩn vì bức tranh, có lần ông đã định bóc ra cho tôi nhưng bóc không được. Ông đã dán quá kỹ. Tôi tiếc lắm và đành lâu lâu lại chạy ra xem ké. Buồn nhất là có những hôm chạy đến đứt hơi nhưng ra không gặp ông. Tôi thần thờ, uể oải bước về.

Giờ thì ông lão đang ở trước mặt kia. Từ xa, tôi vẫn nhận ra bức tranh mùa thu vẫn còn đó. Ông lão cũng nhận ra tôi, gật đầu mỉm cười. Tôi và anh Lượng ăn kẹo kéo, xem tranh rồi ra trước hiệu kem Hồng Vân ăn thịt bò khô. Cạnh bên xe điện, quanh mấy máy chiếu phim quay tay xúm đông xúm đỏ bọn trẻ con hiếu kỳ. Tiếng phim chạy xè xè và tiếng mấy người thuyết minh liên lấu đầy hấp dẫn. Những chiếc xe điện nửa vàng nửa đỏ ngật ngưỡng chạy trên đường ray, tiếng chuông rung leng keng vui tai. Lâu lắm tôi mới lại được thấy cảnh này. Hai anh em tôi còn la cà quanh hết cả một vòng bờ hồ. Lúc dừng lại mê mải xem xiếc khỉ, lúc trầm trồ thán phục mấy ông mãi

võ mình trần gồng người đến tím tái mặt mày, để cho đệ tử cầm giáo nhọn đâm vào giữa ngực. Ngọn giáo cán tre cong vòng lên, mũi giáo tỳ lên ngực vẫn không sao xuyên thủng được.

Có lẽ đây là lần cuối cùng trong thời niên thiếu hai anh em tôi rong chơi cùng nhau, lòng thơ thới vô tư. Về sau này, chúng tôi còn đi với nhau vài ba lần nữa, cũng quanh Bờ Hồ này, nhưng không còn đâu những cảnh xiếc khỉ, những đám mãi võ, những tiếng thuyết minh phim bình dân vừa vui nhộn vừa bổ bã... Tâm trạng của anh em tôi cũng đã khác. Cuộc sống đầy biến động đã làm cho anh em tôi già trước tuổi, cần cỗi đi nhiều. Tất cả chỉ còn là hoài niệm...

14.

Ở nhà được ba hôm, tôi trở lại Bắc Giang. Sáng sớm, trên đường ra ga Hàng Cỏ, tôi chợt nhận thấy ở đầu đường Trần Hưng Đạo có một cây com nguội lá vàng rực. Tôi ngẩn ngơ đứng nhìn. Thì ra đã cuối thu đầu đông rồi. Trời se se lạnh. Bất giác tôi sờ tay lên cổ áo, định cài thêm chiếc khuy áo trên chót cùng, quanh năm không bao giờ cài đến. Chắc những hàng cây com nguội trên đường Quang Trung, đường Lý Thường Kiệt lúc này đang đẹp lắm? Chúng cũng đang vàng rực lên như thế kia? Tôi quyết định sẽ lùi lại đi chuyển tàu trưa. Ở lại với Hà Nội thêm mấy tiếng đồng hồ nữa.

Tôi đi xuôi theo đường Trần Hưng Đạo, rẽ ngang qua phố Dã Tượng, gặp đường Lý Thường Kiệt. Từ khúc này chạy tuốt đến trường Đại học Y dược, đường Lý Thường Kiệt đẹp vô cùng. Hai bên đường toàn là cây com nguội cổ thụ. Đường phố lớn, hè phố rộng, cây được vun mình lên hết mức, cây nào cây nấy bề thế, uy nghi, phô hết dáng vẻ từng trải của mình.

Vừa ngoặt qua đường Lý Thường Kiệt, tôi sững sờ trước hai bờ cây óng vàng. Gió nhẹ thổi. Tiếng lá xào xạc, hơi khô và sắc chứ không mềm mượt như dạo mùa xuân lá non. Thình thoảng một làn gió mạnh lướt qua, lá cuốn bay lên, chung nghiêng chao lượn mãi mới chịu rơi xuống lá tã. Xen kẽ giữa những vòm vàng rực là một vài cây đã rũ hết lá. Đó là những cây nhạy cảm với thời tiết, lá vàng sớm và rụng sớm. Những cây này có một vẻ đẹp riêng. Nổi lên trên nền trời xám nhạt mây phẳng lý là những cành cây trơ trụi mà hung nâu. Cành cây com nguội mảnh dẻ, li ti lẫn lẫn nhiều nhánh nhỏ nên khi lá vàng rụng hết, vòm cây lại có một vẻ đẹp mờ ảo,朦胧 như khói. Đây đó, trên một vài cành trơ trụi còn để lộ ra những búi cây ỏ gà lá xanh đậm, trông xa ngỡ như tổ chim. Cái giống cây com nguội này đẹp cả bốn mùa. Mùa thu, mùa đông thì thế. Mùa xuân thì đẹp một cách nồn nà. Các nhánh cành trơ trụi suốt cả mùa đông, đến khi có mưa xuân rì rả thấm đẫm đất đai, đầm đìa cây cỏ, các cành cây ẩm ướt thấm đen lại, từ các nách lá cũ bắt đầu trỗi ra các nanh mầm xanh sáng bé xít. Chỉ vài ba ngày sau, sắc nanh mầm nở bung ra thành những chồi non bụ bẫm. Cả bờ cây phẳng phất một màu xanh mơ hồ, như có như không, như mơ như thực. Rồi màu xanh hiện hình dần lên trong làn mưa bụi, nồn nà như ngọc, xanh mượt màu cỏm non. Thật là hạnh phúc được đi dưới những vòm lá xanh non ấy, nghe tiếng lá lay động một cách dịu dàng...

Tôi mê mãi ngắm nhìn lên những vòm cao. Cây ân cần thả xuống cho tôi từng chiếc lá như những đồng tiền nhỏ vàng óng. Bỗng nhiên tôi trở thành chú hoàng tử sung sướng đi giữa những vị thần không lộ lòng đầy hào hiệp. Các cây cổ thụ cao lớn mới

hùng vĩ làm sao! Có thể nào ngờ được họ cũng bắt đầu từ những mầm cây tí xiu rồi lớn lên từng ngày, từng ngày. Qua bao nhiêu năm tháng, bao nhiêu bão giông, giờ đây họ lực lưỡng như thế kia...

Suốt cả buổi sáng, tôi đi hết phố này sang phố khác. Đến phố Tràng Thi, tôi dừng lại trước cổng Thư viện quốc gia thân thiết. Tôi đã đọc được biết bao nhiêu là sách ở đây. Chưa đủ tuổi để xin thẻ thư viện, tôi thường theo anh Hiệu và chú Định tôi, nhờ anh và chú mượn sách cho tôi đọc, nói khó với bác thường trực cho tôi ngồi ở ngoài vườn, trên băng ghế đá đặt dưới gốc bàng cổ thụ. Tôi đã làm quen với Dế Mèn và Dế Trũi, với chú bé Rêmi và cụ Vitali, với Gavorôt và Côdét, với Giảng Vangiăng và Phăngtin ở thư viện quốc gia này. Cũng ở đây tôi được biết Thạch Lam, Nam Cao, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Tô Hoài... Tôi còn được biết Andecxen với nàng tiên cá, chú lính chì, bé tí hon, cô bé bán diêm... Rồi Tiểu Nhiên - My Cơ, Anna Khaleninh, Ivânhoa, Lâu đài họ Hạ..., những cuốn sách dịch mà tên các nhân vật đã được Việt hóa, dấu tích sơ khai của văn học dịch thuở ban đầu. Vớ được quyển nào tôi ngón ngấu đọc quyển ấy, cả sách cho trẻ em lẫn sách của người lớn. Cả một thế giới bao la nhiều màu nhiều vẻ, lung linh kỳ ảo và làm lụi bùn đất hiển hiện trước mắt tôi, đem lại cho tôi biết bao hiểu biết, nâng tâm hồn tôi bay bổng trong thế giới của cái Thiện và cái Đẹp. Sau này tôi nhớ lại, tôi nghiệm thấy trong đời tôi có hai vùng đất mà tôi chịu ơn sâu nặng, hai vùng đất đã in hằn trong tôi những kỷ niệm khó phai mờ, đó là Bắc Giang và Hà Nội. Bắc Giang đã nuôi tôi gần suốt cả thời thơ ấu và niên thiếu, đem lại cho tôi lòng yêu con người, đã để lại trong tôi những ấn tượng mạnh mẽ về thiên nhiên với những cảnh sắc miền trung du đầy mê hoặc. Những triền đồi thoải thoải, những con đường mòn son đỏ ẩn hiện giữa những bụi sim mua, những làn gió heo may rải đồng, những cây sau sau thân trắng mốc, lá vàng chanh run rẩy trong gió lạnh, những cánh bãi miên man những cây chè đồng, cây chổi suối hoa vàng có mùi bạc hà thơm mát, những chân trời xa tít tắp... Còn Hà Nội mang lại cho tôi ánh sáng của học thức, trí tuệ, nét tài hoa, tâm hồn tinh tế, lịch lãm...

Tôi xin phép người gác cổng cho tôi vào ngồi một lát trên chiếc ghế đá thân thuộc dưới tán cây bàng đang cháy đỏ. Những chiếc lá bàng khô cong, đỏ tía, nhìn từ dưới lên càng thêm đỏ vì ánh nắng từ trên cao rọi xuống. Nhìn ra xung quanh, tôi ngỡ ngàng vì tầng cao tầng thấp lớp lớp lá bàng đỏ rực. Con đường Tràng Thi này đẹp là nhờ những cây bàng cổ thụ. Cây hai bên đường cao vút, ngả vào nhau, làm thành một con đường hầm chạy dài hun hút, mát rượi. Mùa xuân, những hàng cây tung bừng nảy lộc. Búp bàng non ban đầu màu đỏ tía, dần chuyển sang màu xanh nõn, mập mập, khỏe mạnh giống như trăm nghìn con bướm đang chụm cánh chỉ chờ ai đó rung cành là đồng loạt bay lên.

Gần suốt cả năm, con đường rợp bóng cây xanh. Vào độ tháng mười, tháng mười một, lá ửng dần lên thành màu đỏ tía. Rồi lá rụng, để lại những thân cây xù xì, gân guốc, thẫm đen lại dưới làn mưa xuân phơi phới. Tôi đã từng đứng hàng giờ dưới những gốc bàng cổ thụ có đến cả trăm tuổi, trong làn gió xuân dịu nhẹ, dưới bầu trời mờ mịt hơi nước và bụi mưa li ti... Tôi lắng lắng ngược nhìn lên những vòm cây trơ trụi lá, chỉ có những nhánh cành đan xen vào nhau như những tấm lưới chằng chịt. Đây đó còn sót lại dăm ba chiếc lá bàng thẫm đỏ, giống hệt những chú cá vàng tung tăng trong biển trời mờ mịt sương khói, bị mắc lại giữa tấm lưới đen thẫm những cành bàng giao nhau kia...

Miễn man liên tưởng hết chuyện này sang chuyện khác, vui chân tôi đi mãi, không ngờ đã đến bờ Hồ Tây từ lúc nào. Tôi ngồi trên bãi cỏ dưới gốc cây liễu ven hồ. Mặt hồ mờ mịt hơi nước. Trời nước nhòa vào nhau không phân biệt giới hạn. Tưởng như nơi đây đã là cùng trời cuối đất. Trước mặt, một màu trắng sữa mênh mông vô tận. Chùa Trấn Quốc rêu phong mờ mông trong sương. Hơn lúc nào hết, tôi bỗng thấy những câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan sao mà gần gũi, mà mến yêu: “Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Nền cũ lầu đài bóng tịch dương...” Bao giờ cũng thế, mỗi khi nhớ về Hà Nội, những câu thơ đầu tiên mà tôi nghĩ đến chính là những câu thơ sang trọng, cao quý đượm buồn này.

Ngồi chừng vài ba phút, sương mù chợt loãng ra. Trên mặt hồ, ở ngoài xa bỗng hiện lên những chấm đen nhấp nháy di động. Tôi nghĩ chắc là những cánh bèo trôi dạt. Một chiếc thuyền câu mảnh mai như một vành trăng non trong sương mù hiện ra tiếp. Những chấm đen vội nổi nhau ùa bay lên, lượn vòng như một tấm voan đen mỏng lá lướt chờn vờn trên mặt hồ rồi chậm chậm bay lên cao, chìm dần vào không trung mờ xám. Thì ra một đàn sâm cầm, giống chim từ lâu ít xuất hiện, nay bỗng nhiên bay về trong thoáng chốc rồi lại bay đi. Sương mù lại kéo đến dày đặc. Khoảng không gian trong trẻo nhỏ bé ban nãy vừa hé lộ trong khoảnh khắc từ từ chìm khuất. Tôi sững sờ tiếc nuối. Hà Nội của tôi ơi! Cảm ơn Người biết bao nhiêu. Phải chăng, thấy tôi đi xa trở về, Người đã ban tặng cho tôi một đặc ân là được thấy lại một vẻ đẹp của Hà Nội nghìn xưa trong giây lát rồi Người lại đem giấu đi tất cả vào sương mù của dĩ vãng?...

Tôi chợt giật mình, bừng tỉnh. Đã quá trưa. Tôi vội rời Hồ Tây ra ga cho kịp tàu. Lúc này tôi mới lại nhớ đến anh Nhu, thằng Bảo... Chắc mọi người cũng đang mong tôi lắm.

Tôi về đến nhà lúc nắng đã tắt. Mọi người đang tíu tít nấu cơm chiều. Thằng Bảo reo lên:

- May quá, mày về thật đúng lúc. Chiều nay lang thang ngoài đồng, tao vớ được quả trứng con vịt nào đó để rơi. Sẽ làm một món chiều đãi cả nhà, gọi là để mừng mày về.

Anh Nhu lườm yêu thằng Bảo:

- Gớm, có mỗi quả trứng mà dám nói chiều đãi cả nhà!

Thằng Bảo cười phá lên:

- Em nói nghiêm chỉnh mà! Anh không tin em sao? Sẽ có đủ phần cho từng người.

- Chắc cho vào nồi cà chua, khuấy tan ra chứ gì?

Bảo vẫn cười, vẻ bí hiểm:

- Không nấu canh! Dứt khoát không nấu canh. Để rồi cả nhà xem!

Mấy anh em cùng xúm lại hỏi thăm gia đình tôi, để mặc cho Bảo làm trò ảo thuật. Quả nhiên, đến bữa ăn, mọi người đều ngạc nhiên nhìn món trứng đặc biệt của Bảo. Cả một bát to tướng thường đựng canh đầy tú ụ món trứng màu trắng ngà, xôm xốp

như bánh bèo. Bảo lấy dao xắn đều ra thành tám miếng, mỗi miếng to gần bằng một quả trứng. Vừa cười ha hả, nó vừa liến lấu:

- Thấy chưa? Phục tài chế biến của lão mỗ chưa?

Sau đó Bảo mới tiết lộ bí quyết của nó. Có gì đâu? Nồi cơm sôi, nó chắt đầy một bát nước cơm đặc, đập quả trứng vào, khuấy đều lên rồi để trong nồi cơm, đậy kín vung lại. Cơm chín, món trứng đặc biệt của nó cũng ngon lành.

Thấy mọi người đã bị tài lẻ của nó chinh phục hoàn toàn, Bảo càng lên nước. Giọng nó không giấu nổi niềm tự hào:

- Mấy hôm nay trời trở lạnh rồi. Để hôm nào rét đậm, em sẽ đi bắt cá cóc về làm một bữa ăn thỏa thích.

- Cá cóc là cá gì? Có to không? - Thăng Nam hỏi thực thà.

- Trời ơi! Cá cóc là cá bị chết cóc. Mày lại tưởng tên một loài cá à? - Bảo phát vào lưng Thăng Nam đau điếng rồi giải thích thêm. - Trời rét, nước lạnh buốt, cá chết cóc, mày hiểu không? Vớt đem về, dội nước sôi vào, chúng nó mới hồi tỉnh lại, quẫy văng mạng.

Nghe nó nói, tôi cũng mê quá, mong sớm được theo nó đi bắt cá cóc. Đêm đó, tôi nằm giữa anh Nhu và Thăng Bảo. Nó gác chân ngang bụng tôi, rì rầm nói chuyện rất khuya vẫn không dứt. Nó nói lan man đủ thứ chuyện, đang chuyện này đột ngột nhảy cóc sang chuyện khác, hết chuyện nghiêm túc đến chuyện tào lao. Hình như cảm thấy nằm sát cạnh nhau vẫn chưa đủ thân thiết, thỉnh thoảng nó lại nhòm dậy, ghé sát vào mặt tôi, nói sôi nổi. Nó bảo sau này tôi đi đâu nó đi đây, tôi làm việc gì nó làm việc nấy, suốt đời hai đứa sẽ sống với nhau. Đang nói to, bỗng nó hạ thấp giọng, cười rúc rích:

- Tao với mày sau này sẽ ở chung một nhà, sẽ lấy chung một...

- Nói bậy bạ cái gì thế? Ngủ đi! - Giọng anh Nhu chột thốt lên nghiêm khắc, cắt đứt câu nói bông phèng của Thăng Bảo. Không ngờ anh Nhu vẫn thức. Từ nãy thấy anh nằm yên không động dậy, hai đứa tôi cứ ngỡ anh ngủ rồi.

Bảo vẫn cười rúc rích bóp mạnh bàn tay tôi trong bóng đêm đen đặc. Tôi thực sự cảm động trước tình cảm thân thiết của nó. Tôi thấy yên lòng biết bao nhiêu khi được sống cùng với Bảo, với anh Nhu, anh Hoàng, Thăng Nam. Ngày mai đây, tôi lại bận túi bụi vào việc học bù những ngày nghỉ vừa rồi; lại tiếp tục đi làm phụ bếp... Mệt mỏi lắm, nhưng mà vui và thanh thản. Vì tôi đã có anh Nhu, Thăng Bảo... Với ý nghĩ đầy mãn nguyện ấy, tôi thiếp đi từ lúc nào không hay...

15.

Chúng tôi đã trải qua một mùa đông thật đáng nhớ. Trời rét đến mức nhà trường phải cho học sinh nghỉ học liền mấy ngày. Một số học sinh nghèo không đủ quần áo ấm nói nhỏ với nhau lấy giấy báo quấn quanh ngực, phủ áo bên ngoài chẳng ai biết. Tôi

cũng thử lót tờ báo trước ngực, quả nhiên đỡ lạnh rất nhiều. Anh Nhu đánh mấy gốc tre già đã chết khô về đốt giữa nhà. Mấy anh em quây quần quanh đồng lửa, vừa học bài vừa lụi sắn, nướng khoai lang ăn. Mấy hôm trước bọn tôi ra ruộng dỡ khoai giúp bà cụ Muộn, bà cụ cho đầy một xảo để ở góc nhà. Thằng Bảo còn kiếm ở đâu ra mấy con cà cuống, muồm muỗm, nướng lên thơm nức mũi. Nó xé từng miếng nhỏ còn bốc khói và dính tro chia đều cho cả nhà. Có cảm tưởng trên đời chẳng có món gì ngon hơn thế. Thấy mọi người còn thòm thèm, Bảo nháy mắt ra hiệu cho tôi xuống bếp. Nó rủ tôi đi bắt cá cóc. Phải bí mật vì sợ anh Nhu không cho đi.

Mỗi đứa một chiếc rỏ, vừa đi vừa đuổi nhau cho nóng người. Một lúc sau, đầm Mực đã ở ngay trước mặt. Về mùa này, nước đầm gần cạn, lội xuống chỉ ngang bắp chân. Vừa thò chân xuống nước, tôi đã giật thót người, hai cánh tay sồn da gà. Nước trong leo lẻo lạnh buốt, nhìn thấu đến tận đáy. Thấy tôi ngần ngừ chưa bước xuống hẳn, thằng Bảo động viên:

- Cứ bước ào xuống đi! Quen ngay ấy mà! Mày yếu bóng vía quá!

Chạm tự ái, tôi liền lội ào xuống. Người tôi run lên, rùng mình, cái giá buốt xộc lên tận óc. Thằng Bảo nhìn tôi, cười phá. Chắc nó thấy bộ mặt tôi nhẵn nhụi thiếu não lắm. Giọng nó vẫn oang oang:

- Mày trông kìa! Cá chết nổi lên nhiều chưa kìa!

Theo tay nó chỉ, tôi nhìn thấy mấy con cá diếc phơi bụng trắng nổi lênh bênh. Bảo giải thích:

- Bọn cá trắng yếu hơn nên chết trước. Bọn cá đen dai sức hơn, chỉ lờ dờ ngắc ngoải thôi. Mày đừng mất công vớt mấy con cá diếc chết tiệt ấy nhá. Bắt bọn cá rô ngon lành hơn.

Tôi chăm chú nhìn xuống đáy nước. Mấy con cá rô hầu như nằm yên bất động. Tôi thò tay xuống bắt, chúng chậm chạp lách đi một cách dờ dẫm. Bảo đưa rỏ lên cao, hớn hờ khoe:

- Trông này, Thiện! Gần hai chục chú rồi nhá! Mày vẫn chưa tóm được con nào à?

- Mình chưa chạm tới thì nó đã lẩn mất.

- Thế thì thế này vậy: Mày chặn rỏ phía trước đầu nó rồi nhẹ nhàng lừa nó trườn vào.

Nghe Bảo chỉ dẫn, tôi vục rỏ xuống, lừa ngay được hai con. Thấy ngon lành, muốn vục tiếp nhưng không biết để hai con cá đã bắt vào đâu, tôi đành lò dò thò tay bắt từng con vậy. Tôi rê chiếc rỏ trên mặt nước, một tay kéo rỏ, một tay bắt cá. Ban đầu tóm phía sau nên rất dễ trượt. Rút kinh nghiệm, tôi tóm ngay đầu cá, thấy có hiệu quả liền. Chẳng mấy chốc rỏ của tôi cũng chen chúc hơn chục con. Tôi hăng hái lên, lội ào ào, khua nước ràn rạt. Bảo la toáng:

- Mày hùng hổ thế thì làm ăn gì được? Nhẹ nhàng thôi, lò dò từng bước thôi. Đừng khua khoảng loạn xạ làm nước đục ngầu lên, không trông rõ cá thì tóm thế nào được nó!

Càng bắt càng ham, tôi quên khuấy đi cái rét. Lũ cá nằm ngoan ngoãn trong rổ, không động cựa. Ngày thường ấy à? Đừng hòng nhé! Chúng lại chẳng quấy nhặng xị lên, văng tứ tung cho mà coi! Tôi mãi mê tóm cá, nhắm con nào được con nấy, lòng khắp khởi tự hào. Nhưng đến khi trông thấy một con cá trê to gần bằng cổ tay lơ dờ di chuyển cách tôi chừng một thước, tôi muốn bước vội lên đón đầu nó thì tôi bỗng thấy mắt mình hoa lên, đầu choáng váng, người tôi lử lả muốn ngã. Tôi cố nhấc chân lên nhưng không nhấc nổi. Tôi lơ mơ nhận ra là hai chân tôi đã tê dại vì ngâm dưới nước lạnh buốt quá lâu. Tôi cố kêu to lên:

- Bảo ơi, mình bị...

Chưa kịp nói hết câu, tôi lao đảo chúm đầu về phía trước. Bảo đặt phịch rổ cá xuống nước, lao đến đỡ lấy tôi. Cũng may lúc đó nó ở cách tôi không xa. Nó dìu tôi vào bờ nhưng tôi không nhấc chân lên nổi. Đầu óc tôi vẫn tỉnh táo nhưng không sao chỉ bảo được đôi chân đã tê dại. Tôi rất muốn nhấc chân lên nhưng không biết phải làm cách nào để nhấc được. Bảo vừa ghé vai xốc nách tôi vừa cúi xuống dùng hai tay nắm chặt bắp chân tôi, cố rút nó lên khỏi bùn. Cứ lôi từng chân như thế, mãi lâu sau nó mới đưa được tôi lên bờ. Tôi nằm vật ra bãi cỏ, hai hàm răng va nhau lạch cạch, người run lên từng chập. Bảo lại lội xuống nước, kéo rê hai rổ cá vào bờ. Bọn cá vẫn còn nguyên, không con nào còn đủ sức thoát thân. Tôi cố ngồi dậy, lấy hai bàn tay vỗ thật mạnh vào hai bắp chân tím ngắt cho nóng lên chút đỉnh. Tôi véo vào thịt không thấy đau nữa. Thấy tôi có vẻ lo lắng, Bảo cười, nói hào hển:

- Không lo đâu! Một lát khỏe lại liền ấy mà! Cố lên! Paven! Thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh. Lúc đó thép trở nên cứng rắn và không hề biết sợ... - Bảo cười phá lên, sau khi đọc lại lần lần câu nói mà hồi đó lũ chúng tôi không đứa nào không thuộc.

Mặt Bảo cũng tái mét, vừa nói vừa rên hừ hừ. Nó chạy mấy vòng, hai tay vung lên vung xuống cho ấm người. Rồi nó đến giúp tôi duỗi chân duỗi tay cho máu lưu thông. Vừa bóp chân cho tôi, nó vừa dặn đi dặn lại:

- Đừng cho anh Nhu biết chuyện này nhé. Biết mày suýt chết cồng, anh Nhu sẽ giết tao! Cũng tại tao ham bắt quá, không để ý đến mày. Vội lại bây giờ mới thấy rét chứ lúc ấy có thấy mùi mẽ gì đâu! Thôi, về đi. Nấu một nồi cháo cá, ầm bụng liền ấy mà!

Bảo đồ cá của tôi sang rổ nó, được gần đầy rổ, khệ nệ cắp về, lệch cả người. Tôi khắp khiêng đi theo nó vì đôi chân vẫn chưa hết tê dại. Phải một đoạn khá xa, tôi mới bước được thật chân. Anh Nhu, anh Hoàng và thằng Nam vẫn ngồi học quanh bếp lửa. Thấy tiếng thằng Bảo léo nhéo đầu ngỗ, anh Nhu ló đầu qua liếp cửa, xuyết xoa:

- Gió ù ù thế, hai chú mày đi đâu từ nãy đến giờ?

Thay cho câu trả lời, Bảo nhe răng cười đưa rổ cá ra phía trước. Anh Nhu sững sốt:

- Cá ở đâu mà nhiều thế? Ông mãnh này giỏi thật đấy!

- Bọn em bắt ở đầm Mực. Nhiều vô thiên lủng anh ạ.

- Bắt bằng cách nào?

- Cá công... - Tôi định nói thì thằng Bảo lù mắt ra hiệu cho tôi im, để nó trả lời trôi chảy hơn.

- Cá công dạt hết cả vào bờ, lù đừ như lũ mất hồn, bọn em chỉ việc vớt một cách nhẹ nhàng...

Anh Nhu xoa đầu nó khen:

- Thằng này giỏi thật đấy. Cái gì cũng biết!

Cả nhà xúm vào xem rổ cá. Thằng Nam “xì” một tiếng:

- Toàn cá chết cứng đờ! Ai dám ăn?

Bảo sừng cò lên, đốp luôn:

- Đừng có nói bô láo nhá! Ai bảo mày là cá chết?

- Chết sờ sờ ra đây còn cố cãi!

- Để rồi xem! Thằng Thiện, đem siêu nước lại đây cho tao!

Chẳng chờ tôi bước đi, Bảo xăm xăm đến bên bếp lửa xách siêu nước lên. Nó đẩy rổ cá vào chậu rửa bát, tưới nước sôi vào lũ cá. Hơi nước trắng xóa tỏa ra ẩm ướt. Lũ cá bỗng nhảy lên nhao nhao, có con văng xa đến tận bếp lửa, ngay cạnh con mèo đang nằm lười nhác co ro trong đồng tro. Nhanh như chớp, con mèo vồ lấy rồi chuồn mất biến giữa tiếng cười rộ lên của mọi người. Anh Nhu vừa bung chậu cá xuống bếp, vừa quay lại bảo bọn tôi:

- Giờ thì hai đứa rửa ráy chân tay sạch sẽ rồi ngồi sưởi cho ấm. Trông mới gớm ghiếc chưa kìa! Bùn bê bết từ chân lên tận đỉnh đầu! Còn thằng Nam xuống đây làm cá với anh. Chà chà, cá rô này, giá có mỡ rán giòn lên thì tuyệt! Thôi, không có mỡ, ta nấu canh rau cải vậy. Còn lại, kho ăn dần.

- Nấu một nồi cháoăn cho ấm cái bụng đã anh ạ!- Bảo góp ý.

- Ai lại nấu cháo cá rô? Nhưng thôi, các em muốn ăn thì anh nấu. Tanh, cảm có kêu đấy nhá!

Sau bữa đó, tôi bị sốt li bì mất cả tuần. Ngày ngày, từ sáng tinh mơ, anh Nhu phải thay tôi chạy sang trường thầy Tín kéo gầu, gánh nước cho cô An, cô Nhuận làm bếp rồi anh lại tắt tưới đi làm phụ hồ. Buổi trưa, buổi chiều thì thằng Bảo sang bên đó dọn nhà ăn, rửa bát đĩa, làm những việc tôi vẫn thường làm. Anh Nhu bảo phải làm vậy để khỏi lỡ việc của các cô cấp dưỡng và để giữ việc cho tôi làm lâu dài. Nếu tôi nghỉ lâu, nhất định bên trường phải tìm người khác thay tôi.

Thấy tôi ốm, cô Kim, thầy Tín, thầy Luyện thường xuyên đến thăm và cho thuốc. Cũng may, chứ nếu không, anh em tôi biết xoay xỏa thế nào? Tiền ăn còn chật vật, lấy

đâu ra tiền mua thuốc? Cô Kim bảo đã bàn với các thầy cô, đề nghị nhà trường cấp một phần học bổng cho tôi. Đề nghị rồi, nhưng chắc phải một thời gian nữa mới được.

Phải nghỉ học, tôi nằm ở nhà một mình, lúc mê lúc tỉnh. Cứ đến giờ ra chơi, thằng Bảo, thằng Nam lại lén chui rào nửa về thăm tôi. Bảo cời lại bếp lửa giữa nhà, cố sao cho than âm ỉ cháy đừng lụi tắt nhưng cũng đừng bốc thành ngọn, sợ cháy nhà. Nó lo cũng phải vì hai hôm trước, giữa lúc tôi đang mơ mơ màng màng, bỗng thấy nhà sáng bừng, người nóng ran. Ban đầu tôi cứ ngỡ mình đang mê sảng, cảm thấy khó chịu vậy thôi, nhưng sau mới hoảng hồn vì đồng lửa đang bốc cháy rừng rực, gần tấp đến chỗ tôi nằm. Tôi nhảy vội xuống đất, tiện siêu nước sôi gần bếp, tôi tưới xối xả vào đồng lửa...

Tôi về, mọi người cùng quây quần bên tôi. Anh Nhu chặt ra một bát nước cơm đầy, khuấy đường của cô Kim cho, ép tôi uống hết. Tôi uống một cách chậm chạp, khó khăn. Thằng Bảo giục tôi:

- Có uống đi mày ạ. Nước cơm là bổ nhất hạng đấy!

Rồi vừa ép tôi uống, nó vừa tía lia cái miệng:

- Mày biết không? Mẹ tao kể, ngày xưa có một cặp vợ chồng rất nghèo nhưng thương nhau lắm. Có lần anh chồng bị ốm liệt giường nhưng chị vợ không biết kiếm đâu ra tiền để thuốc thang chạy chữa cho chồng. Gạo cũng không đủ ăn, lấy gì mà thuốc với thang! Khi nấu cơm, chị vợ chặt nước cơm ra uống cầm hơi, còn để dành cơm cho chồng ăn. Vậy mà anh chồng cứ ngày một gầy rộc gầy rạc còn chị vợ thì cứ béo ú béo ụ. Làng xóm ai cũng chê cười, bảo chị vợ không biết thương chồng, tham lam ăn tranh hết phần chồng. Chị khóc lóc, phân bua thế nào hàng xóm cũng không tin. Đố, mày thấy đó! Nước cơm là bổ ghê bổ gớm. Có mà uống cho mau khỏi bệnh mày ạ!

Nghe nó nói, anh Nhu và anh Hoàng cùng nhau mồm mỉm cười. Chắc là hai anh cùng tin như thế thật nên bữa nào hai anh cũng chặt ra một bát đầy nước cơm đặc sánh, bắt tôi uống cho kỳ hết.

Rồi tôi còn được “bồi dưỡng” thêm bằng mấy bữa ếch xáo măng, chạch kho khô, cháo chim sẻ... Tất cả đều do mấy anh em trong nhà săn lùng được, dưới sự hướng dẫn nhiệt tình của thằng Bảo. Tôi nghiệp cho nó quá. Từ hôm tôi bị ốm, nó học hành chảnh mắng. Đầu óc lúc nào cũng chỉ luẩn quẩn tìm kế kiếm thêm chút gì bồi dưỡng cho tôi. Nó bị xoi con ngỗng (hai điểm) vì đã nộp bài toán làm dở dang. Bài toán thầy Cư cho về nhà làm. Toán quá dễ, nó thừa sức làm, nhưng đang làm dở thì nó bỏ ra đồng tìm trứng vịt đẻ rơi cho tôi ăn thêm. Nó lang thang ngoài đồng suốt buổi chiều, hy vọng nhặt được một quả trứng vịt đẻ rơi như dạo trước. Nhưng tối mịt, nó về tay trắng. Vừa buồn vừa mệt, nó ngủ thiếp đi, không làm tiếp bài. Thế là xoi gọn một con ngỗng. Cũng chỉ vì nó quá thương tôi đấy thôi...

16.

Sau hơn một tuần ốm lay ốm lắt, tôi đã ngồi dậy, đi đi lại lại trong nhà được. Người vẫn còn bầy bót, chưa đi học được. Tôi thấy nhớ bạn bè quá. Suốt ngày ở nhà một mình, người bứt rứt khó chịu, bồn chồn không yên. Tôi ra ngoài hiên ngồi cho thoáng. Vừa bước ra khỏi cửa, tôi sững sờ vì cái nắng vàng rực đang lan toả bốn bề. Tôi hơi

choáng ngợp, cảm thấy chóng mặt, người lão đảo. Tôi vịn nhanh vào thành cửa, lấy lại thăng bằng. Chỉ một thoáng sau, người tôi bình thường trở lại. Một cảm giác lâng lâng dịu nhẹ ve vuốt trái tim tôi. Tôi cảm thấy một cách rõ rệt mình đang khỏe lại từng giây, các tế bào trong cơ thể đang sinh sôi nảy nở, các mạch máu đang rạo rức chảy mạnh, cơ thể non trẻ của tôi đang được hồi sinh. Tự nhiên tôi thấy xung quanh tôi mọi thứ đều đáng yêu quá. Ngôi nhà bé nhỏ này, mảnh sân với bờ giậu cúc tần có những dây tơ hồng vương vít kia, cây ổi cạnh đầu hồi đang lấp ló mấy quả ửng vàng, rặng tre dưới chân đề đang vàng cháy lên chuẩn bị trút những đợt lá cuối cùng... Tất cả, tất cả sao mà gần gũi, đáng yêu. Rồi anh Nhu, thằng Bảo, rồi cô Kim, thầy Luyện những ngày qua đã hết lòng chăm sóc tôi, giờ đây đã trở nên những người thân yêu ruột thịt... Tôi chỉ muốn mau mau khỏe lên để lại được đi học, đi làm, được gặp gỡ mọi người, được chia sẻ với mọi người mọi chuyện buồn vui...

Nắng vẫn vàng rười rượi xung quanh tôi. Gió vẫn vi vút thổi, nhưng trong gió lạnh sắc đã thoáng có hơi nước dịu mát. Mùa xuân chắc cũng sắp về rồi.

Tôi tựa lưng vào cửa liếp, đắm đắm nhìn qua bờ rào nửa sang bên trường. Các lớp đang trong tiết học, im phăng phắc, thỉnh thoảng vang lên tiếng thầy giáo giảng bài. Ngôi trường đã trở nên quá thân thuộc đối với tôi. Trường được xây dựng trên một khu đất rộng, trước kia là ruộng lúa. Có cả thầy mười hai ngôi nhà dành làm lớp học và một ngôi nhà lớn hơn, dài rộng hơn làm văn phòng nhà trường. Tất cả đều vách đất, mái lợp lá gồi. Những ngày nắng, nhiều khi ngồi học, chúng tôi thích thú nghe tiếng ồng nửa trên mái nổ lốp bốp. Trâu bò của dân vào sân trường gặm cỏ thoải mái, có lúc chúng còn hồn nhiên nghênh cổ nhìn chăm chăm vào lớp học, âm ò gọi nhau một cách vô tư. Tôi và thằng Bảo ngồi cạnh cửa sổ, sát bên vách. Mỗi khi nét bút viết trên vở đầm mực, khỏi cần giấy thấm, Bảo liền véo một cục đất trên vách, bóp vụn rắc lên vở. Đất hút khô mực, thôi vù đi là xong.

Để có được ngôi trường tuy còn đơn sơ ấy, đã mất biết bao công sức. Do những ngày hòa bình đầu tiên, Nhà nước còn nhiều khó khăn, kinh phí còn eo hẹp, hầu như nhà trường phải tự lo liệu mọi việc. Thầy trò phải đổ công sức xây dựng lấy cơ ngơi của mình. Khi tôi nhập học, mọi khó khăn lớn nhất hầu như đã qua. Các lớp học đã xây dựng gần xong, chỉ còn hai ba ngôi đang dựng dở. Thiếu tre nửa, thiếu lá gồi, thiếu cả bàn ghế, Ban giám hiệu quyết định trở lại nơi trường đã xây dựng trong những ngày còn kháng chiến chống Pháp ở Luộc Hạ, chuyển nốt số bàn ghế và dỡ mấy lớp học cũ lấy nguyên vật liệu xây dựng ở trên đó đem về. Một đoạn đường không gần gần gì: khoảng ba mươi cây số. Thầy trò đi bộ, người vác tre, người gánh lá gồi, người vác ghế dài, hai người vác một chiếc bàn, cứ thế đi lầm lũi dưới cái nắng gay gắt. Không có một chiếc xe ba gác, không cả một chiếc xe đạp, chỉ là vai trần, chân đất, thầy trò động viên nhau gắng sức đi... Tôi cũng có mặt trong dòng người mang vác mệt nhọc đó. Thằng Bảo và tôi cùng vác một chiếc bàn dài. Đối với Bảo, mọi việc không đến nỗi khó khăn lắm. Nó đã quen làm nhiều việc nặng nhọc. Còn đối với tôi, quả là một thử thách nhớ đời. Ba mươi cây số, chỉ đi bộ tay không đã mệt, huống hồ còn còng lưng, rứt cổ vác một chiếc bàn. Có những lúc lão đảo muốn ngã. Nhiều lần sa sầm cả mặt mày. Hai vai tê dại, bông rớt, da trầy buốt xót, chỉ khẽ chạm tay vào cũng rùng mình. Thú thật đã có lúc tôi suýt bật khóc, cảm thấy không sao chịu nổi nữa. Chỉ có một ước ao duy nhất là được nằm lăn ra cỏ, ngủ thiếp đi một giấc dài. Bảo luôn mồm động viên tôi. Cứ “Sắp đến nơi rồi, cố lên!” đến cả trăm lần mà đường phía trước vẫn dài hun hút. Thấy tôi nhản nhó khổ sở, nó cố pha trò cho tôi cười để quên bớt nặng nhọc, nhưng dù nhiều câu nó nói rất tức cười, tôi vẫn không sao cười được. Cuối cùng

thì hai đứa tôi cũng tha được cái bàn về đến nơi đến chốn. Mấy hôm sau, tôi xin với cô Kim cho tôi được đổi chiếc bàn cũ tôi và thằng Bảo, thằng Thanh vẫn ngồi lấy chiếc bàn ấy. Chiếc bàn tuy có xấu hơn, không chắc chắn bằng nhưng là một kỷ niệm nhớ đời đối với tôi.

Còn biết bao nhiêu kỷ niệm nhớ đời khác nữa. Thầy Tín đã lo tìm việc cho tôi. Cô Kim chỉ bảo cho tôi từng ly từng tý trong việc học toán. Thấy quần áo tôi rách, cô mang về khâu vá lại cho tôi. Thấy tôi đau ốm, cô mang thuốc, mang sữa đến tận nhà. Sợ tôi lười uống thuốc, cô tự tay rót nước, bắt tôi uống ngay trước mặt để cô yên tâm ra về... Rồi chuyện sợ tôi ngủ không đủ chăn ấm, thầy Luyện bảo tôi sang trường đắp chung chăn với thầy. Tôi cứ nhớ mãi cái đêm lạnh thấu xương ấy. Thầy Luyện mới về trường, khu tập thể giáo viên hết phòng, thầy phải ở tạm một góc trong phòng thí nghiệm. Chỉ có một chiếc giường cá nhân và một chiếc bàn làm việc kê sát vách. Nửa đêm hai thầy trò tôi đang ngủ say thì mưa lớn. Nhà đột tứ tung. Ban đầu còn cố nằm rón nhưng sau thì đành phải trở dậy, hai thầy trò khiêng giường chạy đột hết chỗ này sang chỗ khác. Vẫn không thoát khỏi bị ướt. Loay hoay mãi cuối cùng trốn được vào một chỗ ở cuối phòng, sau khi đã chuyển một đồng chai lọ, vật dụng làm thí nghiệm ra chỗ khác một cách vất vả, dưới ánh sáng ngọn đèn dầu chập chờn lúc mờ lúc tỏ, lúc leo lét chỉ chực tắt. Hai thầy trò thở phào nhẹ nhõm, đặt lưng nằm xuống. Thầy Luyện bảo tôi nằm trong, sát ngay vách cho ấm. Thầy nằm ngoài, choàng tay ôm lấy tôi. Chiếc khăn bông của thầy khá dày nhưng hơi hẹp, hai người nằm phải co kéo lại thật khéo mới khỏi hở sườn. Vậy cũng là tốt lắm rồi. Bên ngoài gió vẫn thổi ù ù, thỉnh thoảng lại rú rít lên từng chập. Sấm ừng ờng, lúc xa lắc, lúc nổ gần ngay trên đầu. Chớp lóe liên tục, ánh sáng lúc xanh lét, lúc trắng lóa sáng rực cả căn phòng. Tiếng mưa quất ràn rạt trên mái gô, xối cả vào vách nhà. Tôi bỗng thấy chân mình ướt ướt. Cổ lờ đi, mong cho qua trận mưa. Nhưng rồi cả đùi, cả mạng sườn cũng ướt rượt. Tôi không dám nói, sợ thầy Luyện đang ngủ say. Nhưng người tôi mỗi lúc một sưng nước. Thì ra mưa đã xối vào vách nhà, dất rã ra làm thành một lỗ thủng toang hoác ngay phía lưng tôi. Tôi rét run nhưng không dám gọi thầy giáo. Đối với thầy, tôi vẫn có phần nể sợ, mặc dù tôi biết thầy rất yêu quý tôi, đối xử với tôi rất thân tình. Mưa càng lúc càng lớn, nước ướt sưng lưng và bên sườn tôi. Lo sợ quá, tôi khóc tằm tức khe khẽ. Thầy Luyện chợt thức dậy. Thầy hoảng hốt ôm lấy tôi. Thầy kêu lên: “Trời! Em ướt hết rồi này! Sao không gọi thầy dậy?” Tôi không dám trả lời, mím môi cố ghìm nước mắt. Thầy ngồi dậy, sờ soạn tìm cây đèn. Giọng thầy căn nhắc: “Khô quá! Diêm lại hết mất rồi. Làm sao thắp đèn bây giờ?”. Chớp lằng nhằng, sáng lóa lên rồi vụt tắt làm cho đêm tối càng đen đặc hơn. Khắp phòng linh kinh chai lọ thí nghiệm, không có đèn, hai thầy trò đành ngồi yên không dám di chuyển sợ làm đổ vỡ mọi thứ. Thầy Luyện bảo tôi:

- Đành chịu ướt một chút vậy em ạ. Nào, ngủ tiếp đi. Chắc trời cũng sắp sáng rồi.

Thầy mò mẫm trên bàn, lấy một xấp báo chèn vào chỗ vách thủng rồi kéo tôi nằm xuống. Thầy để tôi nằm phía ngoài, còn thầy nằm sát vách, ngăn cho gió khỏi thốc vào tôi. Tắm chăn trùm kín hai thầy trò, ngoài việc ủ ấm còn có tác dụng che mưa đột. Từng giọt, từng giọt mưa rơi lộp bộp trên chần. Đã tưởng được yên, không ngờ một lúc sau, tôi lại thấy nước lạnh buốt dưới mạng sườn mình. Tôi khẽ quàng tay qua lưng thầy giáo nhưng phải vội rút lại vì mưa gió đang xối xả ủa vào lưng thầy. Xấp báo chắc đã mủn nát bị cuốn đi đâu mất. Vách dất rã ra lớn hơn, để lộ sườn tre bên trong, mỗi lần chớp lóe lên, thấy rõ cả mảnh sân ngoài kia ngập nước. Tôi cố kéo mép chăn

nhém lại dưới mạng sườn thầy, nhém thật nhẹ nhàng để khỏi làm thầy thức giấc. Nhưng thầy khẽ bảo tôi:

- Cố ngủ đi em ạ. Khắp phòng đều đột, không còn chỗ nào khô ráo đâu. Mưa cũng sắp tạnh rồi.

Thì ra thầy giáo vẫn thức. Thầy đã gồng thân mình để che chắn mưa gió cho tôi. Tôi ứa nước mắt. Không biết nói gì hơn, tôi chỉ còn biết choàng tay qua lưng thầy. Tôi rất muốn ôm chặt lấy thầy nhưng không dám, chỉ làm ra bộ quàng tay một cách hồ hững vô tình vậy thôi...

Tôi chợt giật mình vì tiếng keng báo giờ ra chơi. Keng vừa dứt, đã thấy thằng Bảo từ trong lớp chạy ào ra. Nó chui qua rào nứa về thăm tôi. Thấy tôi ngồi ngoài hiên, nó la toáng:

- Ai cho mày ra ngồi ngoài gió lộng thế, hờ? Muốn chết không? Vào nhà ngay!

Giọng nó đầy hách dịch kẻ cả. Biết tính nó, tôi chỉ cười xí xóa. Nó móc túi đưa cho tôi hai con muồm muồm đã ngắt cụt cánh và dạn:

- Mày nướng mà ăn, bỏ nhất hạng đó. Vừa bùi vừa thơm. Đang ngồi học, tự nhiên hai chú nhảy vào giữa trang sách nộp mạng!

Keng lại giống giả vang lên. Bảo tuồn qua hàng rào, trở về lớp. Nó không quên quay lại nhắc tôi:

- Vào nhà ngay đi, nghe chưa?

Chờ nó khuất vào lớp, tôi lại ngồi dựa lưng bên vách liếp, miên man nghĩ tiếp...

17.

Tôi đang mơ màng nghĩ, chợt có tiếng gọi:

- Thiện ơi! Em nghĩ gì mà ngồi thừ ra thế?

Giật mình ngược lên, tôi mừng rỡ nhận ra chị cả của tôi đang đứng trước đầu ngõ tươi cười nhìn tôi. Dưới chân chị là một túi xách căng phồng, miệng túi lộ ra mấy trái cam vàng tươi. Tôi chạy lại ôm chầm lấy chị. Chị vừa cười vừa xoa đầu tôi. Giọng chị chợt thẳng thốt:

- Em ốm hay sao mà đầu nóng thế?

Tôi ấp úng chưa kịp trả lời thì chị đã nói tiếp, giọng lo lắng:

- Đúng là em sốt thật đây mà! Em bị mấy hôm rồi? Sao không viết thư báo cho chị biết? Thảo nào mấy hôm nay chị cứ thấy bồn chồn không yên. Mà sao ốm lại ra ngồi ngoài gió thế này?

Tôi không nói, cứ ôm ngang lưng chị, hai chị em dìu nhau vào nhà. Tự nhiên nước mắt tôi ứa ra. Tôi lén đưa tay dụi, không để chị trông thấy. Một nỗi tủi thân bỗng lan nhẹ trong tôi khiến người tôi run lên. Giống như một đứa trẻ côi cút ngóng chờ suốt bao ngày tháng, mãi bây giờ người mẹ bỏ đi xa mới trở về. Lâu nay tôi cứ phải sống cứng cỏi, một mình bươn chải, giờ tôi chợt nhận ra mình còn nhỏ bé, yếu ớt bao nhiêu! Nhưng tôi vội gạt nhanh những ý nghĩ ấy, không muốn chị tôi phải lo lắng nhiều về tôi. Tôi vui vẻ đi lấy nước cho chị uống trong lúc chị ngồi bồ cam, vừa bồ vừa kể chuyện nhà cho tôi nghe. Chị cho biết mới nhận được thư của anh Lượng tôi gửi từ Lào Cai về. Công việc làm đường sắt vất vả lắm nhưng anh tôi rất vui vì sống độc lập. Anh ít tuổi nhất nên được các anh chị cùng đơn vị quý mến, hết lòng giúp đỡ. Bố tôi cũng đã đi làm phiên dịch tiếng Pháp và tiếng Anh cho Cục chuyên gia. Chị tôi cũng sắp tốt nghiệp trường Sư phạm, sắp ra dạy học...

Nghe chị tôi nói chuyện với một giọng ấm áp, đầy tự tin, trong tiếng nói luôn ẩn giấu một nụ cười, tôi thấy lòng mình thanh thản hẳn. Mọi khúc mắc, bối rối của đời sống bỗng nhiên đều trở nên đơn giản và dễ giải quyết. Trong cái mớ bòng bong hỗn tạp của cuộc sống thường nhật, đối với nhiều người khác, nhìn vào dễ chán nản, rối trí vì không gỡ ra được, nhưng đối với chị tôi, chị luôn bình thản, lần ngay ra được đầu mối rồi cứ thế nhả nha tháo gỡ, mọi chuyện dần được giải quyết một cách ổn thỏa, nhẹ nhàng. Chính nhờ có cái bản lĩnh bẩm sinh trời cho ấy mà chị tôi đã vượt qua được không biết bao nhiêu khó khăn. Ngày còn kháng chiến chống Pháp, bố tôi theo đơn vị quân y nay đây mai đó khắp nhiều miền đồi núi Thái Nguyên, mẹ tôi mất sớm, năm chị em tôi rau cháo tự nuôi nhau. Lúc đó chị tôi chưa đầy mười sáu tuổi. Phải cai quản bốn đứa em sần sần tuổi nhau, đứa bé nhất là tôi lên chín tuổi. Chị xông xáo đi kiếm việc làm để mấy chị em kiếm sống. Nhận thóc của Nhà nước về xay giã lấy tấm, lấy cám và ít tiền công. Nhận đay về se sợi ngang sợi dọc cho người ta dệt bao tải... Suốt đêm ngày mấy chị em làm chăm chỉ dưới sự điều khiển nhịp nhàng của chị. Rồi còn vỡ đất trồng sắn, trồng rau, nuôi gà... Không chỉ giỏi trong việc chỉ bảo các em trong gia đình, chị còn là một cán bộ hiệu đoàn học sinh năng nổ, hết lòng vì công việc của lớp, của trường. Việc nặng nhọc thế nhưng lúc nào cũng thấy chị tươi cười. Gặp ai chị cũng vồn vã, xởi lởi. Cả trường, từ các thầy cô giáo đến bạn bè học sinh ai cũng yêu mến chị. Đối với các em, chị yêu thương một cách giản dị, lặng lẽ, đậm sâu, ít biểu lộ bề ngoài. Tính chị xuề xòa nhưng cũng rất nghiêm khắc. Chúng tôi coi chị là một người mẹ thực sự. Ngày bé, tôi vừa yêu chị như yêu mẹ, vừa ngưỡng mộ chị như một thần tượng. Chị bảo gì, tôi nhất nhất nghe theo. Tôi nhớ có một lần mấy chị em đang xay giã gạo thì có tiếng ầm ì của máy bay “Bà già” và nhiều tiếng reo hò. Thì ra chiếc máy bay Đacôta mà chúng tôi thường gọi là máy bay “Bà già” chậm rì rì đang lượn vòng trên đầu, thả ra cơ man là truyền đơn. Những tờ giấy đủ màu bay rợp trời. Bọn trẻ con bắt chập máy bay quần đảo trên trời, túa ra khắp cánh đồng để nhặt. Mấy anh em tôi cũng ùa chạy theo. Chị Trọng tôi la lên:

- Chúng nó tuyên truyền nhằm đấy. Nhặt hết rồi đốt ngay đi nhé. Cầm không đứa nào được đọc những tờ nhằm nhĩ ấy!

Chúng tôi thi nhau nhặt. Từng xấp, từng xấp vút đầy góc ruộng. Nhiều đứa tò mò lén đọc. Riêng tôi, nghiêm chỉnh nghe theo lời răn đe của chị cả, cương quyết không hề mất nhìn. Tôi chạy khắp chốn, đuổi theo những tờ truyền đơn đủ màu đang phấp phới chao liệng rồi lại lúi húi nhặt hết tờ này đến tờ khác. Tôi cởi cả áo, trùm một bọc lớn ôm trước ngực, nhưng vẫn ngoan ngoãn nghe lời chị, không cần biết những gì in trên đó.

Cũng giống như sau này về Hà Nội, lúc đầu tôi chưa thuộc hết tên đường tên phố. Thỉnh thoảng chị tôi dẫn tôi đi chơi phố, lúc dạo bộ, lúc nhảy xe điện. Chiếc xe điện nửa vàng nửa đỏ rung chuông leng keng, ngất ngưỡng lắc lư chạy trên đường ray như một anh chàng ngà ngà say vui tính. Cùng đi với chị em tôi còn có mấy đứa trẻ bên hàng xóm. Chị bảo cho chúng đi cùng cho vui, rồi chị sẽ “chiêu đãi” cả bọn món kem Cẩm Bình nổi tiếng. Ngồi trên tàu điện, chị thường thử trí nhớ của bọn trẻ bằng cách đồ xem bên ngoài đang là phố gì. Chị bảo phải tự nhớ ra, cấm không được nhìn lên các biển ghi đường, các bảng hiệu. Bọn trẻ kia láu cá, liếc vội lên các biển hàng, ngay lập tức chúng trả lời đúng phóc. Tôi thừa biết trò ma mãnh lộ liễu của chúng, nhưng tôi dứt khoát không bắt chước. Tôi cố tự nhớ lấy qua các đặc điểm mà mình đã ghi nhận ở những lần đi trước. Ban đầu thấy tôi trả lời chậm hơn bọn bạn, chị chê tôi kém thông minh. Nhưng sau hiểu ra, chị xoa đầu tôi, khen là tôi trung thực. Chị bảo phải trung thực ngay từ những chuyện tưởng như là nhỏ nhặt...

Hỏi chuyện học hành, sinh hoạt của tôi được một lúc, chị bảo tôi quần áo có chiếc nào bị rách, đem ra cho chị vá. Tôi nói có mấy chỗ rách, tôi đã tự vá lấy rồi. Chị cười:

- Giỏi thế kia à? Đem cho chị xem nào!

Chị không sao nhận được cười khi xem mấy miếng vá của tôi:

- Sao cậu lại vá chẳng vá đụp xiêu vẹo thế này? Chẳng khác gì vá bao tải. Thôi, để chị tháo ra vá lại cho.

Chị tháo hết các miếng tôi vá, khéo léo vá lại đẹp hơn hẳn. Tận thế, tôi nói với chị:

- Chị xuống gấu hai chiếc quần cho em luôn thế. Ngắn quá rồi, kéo mãi cũng vẫn cùn cùn không thể che nổi đôi mắt cá chân. Đứng trên bâng trả bài, mấy đứa con gái cứ nhìn em mồm mỉm cười, ngượng chết đi được!

- Thế là cũng biết ngượng rồi cơ đấy? Em chị sắp thành người lớn rồi! - Chị vừa ghé răng cắn chỉ vừa nghiêng mặt nhìn tôi cười hóm hỉnh.

Vừa lúc đó, anh Nhu và thằng Bảo đi học về. Thấy chị tôi, anh Nhu đứng sững lại rồi la lớn:

- Ôi giỏi, Trọng! Trọng đấy à? Lên bao giờ thế? Lâu quá rồi chúng mình mới gặp lại. Thế nào, Trọng đã ra trường chưa?

Hai anh chị nắm tay nhau, lắc lia lịa, cười nói cuống quýt. Ngày còn kháng chiến, hai người học cùng một lớp, là bạn rất thân của nhau. Được mấy năm, anh Nhu ở lại trường học tiếp, còn chị tôi đi thanh niên xung phong, về tiếp quản Thủ đô rồi đi học Sư phạm trung cấp. Thằng Bảo ghé tai anh Nhu nói nhỏ điều gì. Anh Nhu bảo nó thôi cứ ở nhà, chuyện đó để anh lo. Thấy hai người úp úp mở mở, chị tôi đoán ra, cười nói:

- Lo chuyện cơm nước phải không? Khỏi cần em ạ, chị đã mua sẵn thức ăn đây rồi.

Anh Nhu khen chị tôi:

- Trọng tinh thật đấy. Bảo nó thấy Trọng lên, muốn đi kiếm vài con cá về thết khách. Nó là vua sát cá mà!

- Mình đã mua cả ký thịt kia rồi! Đủ cả bắp cải, xu hào, tha hồ mà nấu nướng. Xuống tàu, mình ghé qua chợ rồi mới về đây.

Anh Hoàng và thằng Nam cũng vừa về đến đầu ngõ. Hai anh em chưa kịp vào nhà thì anh Nhu đã nói với ra:

- Hoàng và Nam ra ngay ngoài ruộng gánh nước tưới cải giúp bà Muộn đi. Gắng xong sớm rồi về ăn cơm. Mời cả bà Muộn về ăn luôn thế. Hôm nay có khách quý, ta mở tiệc ăn mừng...

- Ai là khách quý thế? - Anh Hoàng hỏi vọng vào.

- Bí mật! Bí mật! - Anh Nhu tươi cười, nói lấp lửng.

Chị tôi vừa ló đầu ra, anh Hoàng đã chạy ào tới, kêu to:

- Trọng! Trời ơi, Trọng! Lên bao giờ?

Lại rớt rít tít mù lên. Hai anh chị nắm tay nhau, nhảy tâng tâng như trẻ con khiến mấy đứa nhỏ chúng tôi cùng bật cười. Ước gì chúng tôi cũng có một tình bạn lâu dài, vô tư thắm thiết như thế...

18.

Đêm đó, hai chị em nói chuyện với nhau rất khuya. Chuyện này chưa dứt, chuyện khác đã ulla đến. Nhưng nhiều nhất vẫn là những kỷ niệm về mẹ tôi. Có lẽ vì sắp đến ngày giỗ mẹ. Thấm thoát thế mà mẹ tôi mất đã gần chục năm rồi. Mấy lần, trong lúc nói chuyện, chị tôi cứ băn khoăn là kỳ này được nghỉ có hai ba hôm, chỉ đủ thời gian lên thăm tôi mà không lên được Yên Thế thăm mộ mẹ. Gần mười năm nay mẹ vẫn nằm một mình giữa lưng chừng đồi cô quạnh. Ngày trước, dân tản cư đông đúc, họ hàng nhiều, mấy anh chị em tôi sống quây quần bên mẹ. Chiến tranh kết thúc, mọi người trở về lại thành phố, vùng quê trở nên vắng vẻ, một mình mẹ ở lại giữa đất lạnh, chỉ có gió đêm ngày ù ù thổi.

Mẹ mất khi tôi còn rất nhỏ. Những kỷ niệm về mẹ chỉ thấp thoáng ẩn hiện trong tôi, lúc đậm lúc nhạt, rất khó nắm bắt. Kỷ niệm xa xôi nhất mà tôi còn hình dung được về mẹ là buổi sáng cuối năm 1946 ấy, cái buổi sáng cuối cùng gia đình tôi còn ở thị xã Hải Dương. Hôm ấy là một ngày tạnh ráo. Trời có nắng không, tôi không nhớ rõ. Bây giờ, trong ký ức tôi, chỉ còn là một màu lục nhạt kỳ ảo bao trùm lên tất cả. Trong lãnh đẵng sương mù của quá khứ, tôi vẫn còn thấy hiện ra mấy chiếc xe tay do người kéo đầu một dây dài trước nhà. Mấy anh chị em tôi ríu ran cười nói, hớn hở tranh nhau trèo lên mấy chiếc xe. Tôi ngồi lệt thốt trong lòng mẹ, bên cạnh một chiếc vali đựng quần áo, tư trang của mẹ tôi. Mấy chiếc xe nối đuôi nhau ra khỏi thị xã. Lần đầu tiên được thấy cảnh đồng quê, mấy chị em tôi vui không sao kể xiết. Chúng tôi gọi nhau, chỉ trỏ, trầm trồ, đi tản cư mà vui vẻ, hớn hở như được đi chơi xa. Tưởng như chỉ đi vài hôm rồi lại trở về, không ngờ đó là lần cuối cùng chúng tôi rời quê hương để đi vào cuộc kháng chiến dài đằng đẳng chín năm. Sau này nghe kể lại, tôi được biết, bố

mẹ tôi hoàn toàn không chuẩn bị gì cho chuyến đi xa này. Cứ ngỡ chỉ chạy ra khỏi thị xã tránh bom đạn vài hôm rồi về. Đồ đạc, của cải khóa cửa để đầy, chỉ mang theo mấy bộ quần áo, ít tiền chi dùng tạm vài hôm. Không ngờ đi là đi luôn, coi như mất trắng hết cả. Kháng chiến chín năm kết thúc, do cuộc sống xô đẩy, gia đình chúng tôi cũng không trở về quê cũ nữa, mà đi biệt, mấy chục năm sau cũng không có mấy khi được trở về.

Tiếp đến là một kỷ niệm khó quên khác. Không biết hôm ấy mẹ tôi dẫn ba anh em tôi đi đâu mà qua một cánh đồng rộng. Đang đi, chợt có máy bay “Bà già” vờ vờ trên đầu. Mẹ tôi cuống quýt đẩy ba chúng tôi chui vào một cái cống gạch ven đường. Mẹ ngồi chặn ngoài miệng cống. Ba anh em tôi rúc rích cười nói còn mẹ thì hoảng hốt lo sợ mãi cho đến khi chiếc máy bay mất hút phía cuối trời. Thật giống cái cảnh gà mẹ xòe cánh che chở cho bầy con khi có điều hâu chao liệng trên đầu...

Rồi những ngày tản cư nay đây mai đó... Mẹ tôi bị bệnh hậu sản ngày một nặng. Hình ảnh về mẹ nằm bất động trên giường. Người thường nằm nghiêng, chân co chân duỗi, im lìm, môi mơn. Mỗi khi anh em tôi đi học về hoặc rong chơi ở bên ngoài ulla chạy vào, mẹ tôi uể oải ngoái nhìn ra, trên gương mặt xanh xao thoáng bừng lên nụ cười lặng lẽ, héo hắt. Tiếng mẹ tôi nhỏ nhẹ nhắc chị giúp việc lo cơm nước cho chúng tôi. Thấy tôi ăn uống chênh mảng, mẹ không hề gắt gỏng nặng lời mà cố gượng ngồi dậy, tự tay xúc cơm cho tôi ăn, ánh mắt người vui hẳn lên khi thấy tôi ăn ngon lành.

Mẹ tôi ốm đau thể mà thuốc thang lại rất hiếm. Trên bếp, lúc nào tôi cũng thấy một ấm đất nấu lá nhân trần, hương thơm mùi bạc hà. Sau này lớn lên tôi mới hiểu bệnh mẹ tôi làm sao mà khỏi được khi chỉ chữa bằng giống cây dại mọc rất nhiều dưới chân đồi, nơi đất ẩm, thứ cây có một chút tinh dầu thơm và có từng chuỗi hoa xanh phơn phớt tím. Một ông lang già người Tày cắt thuốc cho mẹ tôi. Nhà ông ở cách xa chừng mười cây số. Mỗi lần đến thăm bệnh, ông đi bộ mất gần trọn buổi sáng. Có lần ông bị đau chân không đi xa được, ông phải cưỡi con trâu đến thăm bệnh cho mẹ tôi. Con trâu mộng cứ lững thững, đứng đĩnh đưa ông đến rồi lại thùng thảng đưa ông trở về...

Mẹ tôi mất vào một buổi sáng mùa đông. Tôi vẫn còn hình dung ra được khá rõ lúc mẹ tôi hấp hối. Trong căn nhà tranh vách đất của bà thím tôi mà lâu nay đã dành riêng cho mẹ tôi nằm dưỡng bệnh, dưới ánh sáng mờ mờ, mẹ tôi nằm trên giường, cánh màn đã được cuốn lên cao. Mẹ tôi gầy guộc, nhỏ bé lún giữa mấy tấm chăn. Bà Thượng tôi, bố tôi, cô tôi, mấy anh chị em tôi và một số người trong họ vây quanh nơi đầu giường. Mẹ tôi khóc không ra tiếng, thỉnh thoảng ngực mẹ tôi khẽ rướn lên vì những cơn ho yếu ớt. Mẹ cứ khóc mãi, khóc lặng lẽ không ra tiếng, vẻ mặt nhúm nhúm khổ sở. Tiếng sụt sịt khóc rầm rứt của hai chị tôi, của mấy người lớn đứng phía sau. Tôi len lén nhìn mẹ tôi rồi sợ hãi ngược nhìn sang mọi người. Có lẽ lúc đó tôi còn nhỏ quá, chưa hình dung ra được thể nào là cái chết nên tôi cứ nép sát vào chị Ngà tôi, sợ sệt nhìn xung quanh chứ không khóc một tiếng. Thậm chí tôi còn tò mò dướn người lên để xem cho rõ khi bà Thượng tôi bỏ một hạt vàng nhỏ vào mồm mẹ tôi. Sau này tôi nghe nói làm như thế để mẹ có chút của nả mang theo khi đi sang thế giới bên kia... Mẹ tôi cứ khóc lặng lẽ như thế rất lâu. Bà Thượng tôi nói gì đó với mẹ tôi cũng rất lâu, như là căn dặn mẹ tôi điều gì. Chắc là những lời nhắn nhủ cuối cùng, những lời gia biệt cuối cùng, có điều gì nghiêm trọng lắm nên tôi thấy mọi người khóc nức lên, mỗi lúc một lớn hơn. Ở gian ngoài, cái Dung con cô tôi chẳng hiểu sao suốt cả tiếng đồng hồ rồi cứ khóc ngằn ngặt. Nó mới hơn hai tuổi, ngồi trên chiếc chõng tre, khóc đến tím tái cả mặt mày, không ai dỗ nổi. Có ai đó bế nó đi ra ngoài sân để cho

mẹ tôi ra đi được thanh thản hơn. Tôi bỗng thấy người mẹ tôi dướn lên, một cơn ho dội lên, mặt mẹ lộ vẻ rất đau đớn. Bố tôi cúi xuống vuốt ngực cho mẹ tôi, rồi cứ thế mẹ tôi lịm dần. Tiếng khóc bỗng òa lên nức nở. Mọi người đổ xô vào vây quanh giường mẹ tôi. Hai chị tôi khóc thét lên, lao đến ôm chặt lấy mẹ tôi, lẫn lộn. Tôi sợ hãi ngơ ngác nhìn mọi người, nhìn mẹ tôi và cũng òa khóc theo...

Đám tang của mẹ tôi rất đông. Vừa họ hàng, vừa dân làng Thề, cả trăm người đưa mẹ tôi ra ngoài cánh đồng. Tôi bị ốm, không nhớ ai đó đã công tôi đi theo sau quan tài. Tiếng trống chóc chóc lại vang lên tiếng một, điểm nhịp cho tiếng kèn ai oán, buồn bã...

Sau ba năm, bốc mộ, hài cốt mẹ tôi được đưa về chôn ngay lưng chừng đồi, gần nhà ông bà Hai của tôi, nơi anh chị em tôi ở liền mấy năm trong thời kháng chiến. Một người bạn của bố tôi - bác Chiều - biết xem địa lý, đất cát đã chọn giúp mảnh đất ấy. Đó là một khoảnh đất đẹp, xinh xắn, gần một cái ao và mấy gò đất nhỏ rải rác mọc nhiều sim mua, chè đồng và nổi bật lên là mấy cây sau sau khá lớn, thân trắng mốc, lá xẻ chân vịt, về cuối năm lá vàng rực. Trước đây anh em tôi thường ra đó đánh trận giả, đuổi bắt nhau tới ngày. Từ khi mộ mẹ tôi đặt ở đó, chúng tôi không dám làm ầm ĩ nơi mẹ tôi yên nghỉ, chỉ thỉnh thoảng ra thăm mộ, dọn cỏ cho sạch sẽ, quang đãng nơi mẹ tôi nằm. Và suốt từ những ngày xa xôi ấy, mẹ tôi đã ở lại đó vĩnh viễn...

Mẹ tôi sinh nở tám lần. Ba em sau tôi đều mất sớm, khi mới hai, ba tuổi. Tôi là thứ năm, cuối cùng thành con út. Mẹ tôi khóc rất nhiều trong lúc hấp hối, có lẽ chính vì thương đàn con còn quá nhỏ dại đã mất mẹ, không biết tương lai sẽ thế nào. Tôi là con út, nhỏ bé nhất, ốm yếu nhất trong mấy anh chị em, chắc mẹ tôi càng thương tôi nhiều hơn. Ngày còn sống, một lần bố tôi kể tên tôi là do chính mẹ tôi đặt cho. Thường thì tên các anh chị tôi do bố tôi đặt cho. Riêng tên tôi, mẹ tôi giành đặt lấy. Khi vào nhà hộ sinh thăm mẹ tôi, thấy mẹ tôi đã sinh con trai, bố tôi định đi làm giấy khai sinh thì mẹ tôi cười bảo đã nói bà đỡ làm rồi. Mẹ tôi rất yêu hoa, thích hoa hồng, đặc biệt là hoa quỳ, tức hoa hướng dương. Chắc mẹ mong mỗi con trai mẹ cũng giống như loài hoa ấy, lúc nào cũng hướng về phía mặt trời, hướng về phía ánh sáng, phía ngày tháng, chính trực, phía của cái đẹp, hướng thiện...

19.

Chị Trọng tôi về được ít lâu, chị thứ hai của tôi - chị Ngà - cũng lên thăm tôi. Chị mới đi biểu diễn ở nước ngoài về, thanh thoi được vài ngày, tranh thủ lên với tôi. Chị thanh mảnh hơn chị Trọng, trắng trẻo, xinh xắn hơn. Hai chị tôi mỗi người một vẻ. Chị Trọng cứng cỏi, mạnh mẽ, mộc mạc chân chất, còn chị Ngà đảm thắm, mềm mại, tinh tế, tình cảm bộc lộ ra bên ngoài dịu dàng hơn. Ngày còn nhỏ đi học chị tôi rất thích múa hát. Chị nổi tiếng ở trường là xinh đẹp và hát hay. Năm 1953 lúc mà mấy chị em tôi sống cùng quần khổ khăn nhất, nhân có đoàn Văn công quân đội do nhạc sĩ Đỗ Nhuận chỉ huy đi biểu diễn ngang qua, tuyển thêm diễn viên, chị tôi dự tuyển và được gia nhập Đoàn. Khi đó chị tôi chưa đầy mười lăm tuổi. Ít lâu sau chị tôi tham dự chiến dịch Điện Biên Phủ...

Quà chị tôi mang lên cho tôi là một bọc kẹo Nga, một tấm ảnh chị tôi nghiêng nón dưới tháp chuông điện Cremlin và một chiếc áo bộ đội của chị tôi, loại áo “con gái” có hai hàng cúc phía trước. Khi đưa cho tôi chiếc áo, chị tôi cười xòa và dặn: “Áo này là

áo con gái, chị mới được phát. Chị cứ để lại cho em, phòng khi hôm nào rét quá, em khoác thêm ở nhà cho ấm. Để rồi chị sẽ may cho em chiếc áo khác. Đừng có mặc đi ra ngoài họ cười cho đấy”. Tuy chị dặn thế, những ngày rét ngọt, tôi vẫn mặc cả khi đi học, không hề có mặc cảm là mặc áo của chị. Mấy bạn gái cùng lớp ban đầu còn đùa tôi thế này thế nọ, sau cũng thôi. Có lúc họ còn mượn tôi để chưng diện, mặc đi dự tiệc tùng nữa chứ!

Hai chị em tôi rủ nhau lên Yên Thế thăm mộ mẹ và thăm lại Bãi Trại, nơi mấy chị em tôi đã sống mấy năm trong những ngày tản cư. Cái tên Bãi Trại mộc mạc, hoang dã đã trở nên quá đỗi thân thiết đối với anh chị em tôi. Có thể coi đó là quê của chúng tôi vậy. Quê gốc gia đình tôi ở thị xã Hải Dương, nhưng mấy anh chị em tôi không sống ở Hải Dương nhiều, nhất là những ngày ở đó chúng tôi còn quá nhỏ, kỷ niệm còn nhớ được rất mờ nhạt. Sau này, mấy chục năm sống ở Hà Nội, là lúc chúng tôi đã lớn, đã đi làm, tôi ngày tất bật lo công chuyện... Chính tuổi thơ ấu và niên thiếu của chúng tôi đã trôi qua ở Bãi Trại này. Những ngày gian nan vất vả nhưng cũng tràn đầy hạnh phúc. Hồi tưởng lại quá khứ, Bãi Trại vẫn in đậm nét nhất, để lại trong tôi những kỷ niệm đầm ấm nhất.

Đó là một vùng đồi thấp, đất khô cằn lẫn nhiều đá sỏi. Ngôi nhà năm gian tường trình mái rạ lợp dày của ông bà Hai tôi ở lưng chừng đồi (ông Hai tên thật là ông Ninh, là em ruột ông nội tôi. Ông bà nội tôi mất sớm, khi tôi chưa ra đời. Tôi chỉ biết mặt ông bà nội tôi qua ảnh cũ để lại. Những ngày tản cư, một thời gian dài tôi sống với ông bà Hai ở Bãi Trại, nơi ông bà tôi có mấy chục mẫu ruộng). Trước nhà là một khoảng sân đất nện rất rộng. Bên phải là dãy nhà kho, nhà bếp, nhà xay thóc giã gạo, ngoài cùng là chuồng trâu nuôi bốn, năm con trâu to lớn. Bên trái là một hàng giậu thấp ngăn cách với hàng xóm. Từ đây, cách chừng mười thước lại có một ngôi nhà nhỏ, có vườn, có hàng tre bao quanh, chạy dài mãi, men theo chân đồi theo hình vòng cung rộng lớn. Mấy chục gia đình người tản cư từ dưới xuôi lên ở xen kẽ với dân bản địa. Phía sau nhà ông bà tôi là một con đường đất đỏ hoang sơ, xe trâu bò kéo thường qua lại năm thì mười họa nên cỏ mọc lan ra cả mặt đường lổn nhổn đá sỏi. Một cây đa lớn cằn cỗi, lá rất thưa, quanh gốc treo lủng liềng nhiều bình vôi nghe nói để yểm trừ ma quỷ phá. Bên kia con đường là một bãi cỏ rộng, gần như bằng phẳng, giống một cái sân đá bóng lớn. Viền quanh bãi là những bụi dứa dại, bụi sim mua và rải rác một số ngôi nhà nhỏ gần như núp trong những vòm tre, vòm ổi xum xuê. Có lẽ nhờ có bãi đất trống và những ngôi nhà nhỏ đó mà có tên Bãi Trại. Dưới chân bãi là một cánh đồng nhỏ, khắp khênh ruộng cao, ruộng thấp, đất xấu, kéo dài đến chân tre làng Thề, nơi có nhà ông bà Thơ, thím Minh mà mẹ tôi đã ở những ngày cuối đời và mất ở đó. Phía trước mặt nhà của ông bà Hai tôi đồi thoải thoải xuống dần. Dưới chân đồi là mấy gò đất nhỏ, có mảnh ao ở giữa. Ngoài gò và ao là một cánh đồng rất rộng, phần lớn là ruộng của ông bà Hai và ông bà Thượng tôi. Xa mãi cuối cánh đồng phía trái là dải đồi thấp có ngôi chùa Thề thấp thoáng hiện ra sau những vòm cây quế, cây đại cổ thụ. Phía trước mặt là ấp Bình Chương, ấp của ông bà Thượng tôi. Một ngôi nhà ngói có gác cao vượt lên giữa vệt xanh dài của những lũy tre làng. Bà Thượng tên thật là bà Thọ, chị ruột của ông nội tôi. Ông Thượng là quan tuần phủ Hưng Yên cuối cùng của thời trước. Ấp Bình Chương nghe nói đã có từ lâu, do một điền chủ khác tạo lập. Ông bà tôi mua lại vào cuối năm 1930. Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông bà Thượng tôi bỏ Hà Nội, Hải Dương kéo theo hầu hết họ hàng nội ngoại đi tản cư lên đây. Trước đó mấy năm, khi ông bà Thượng còn ở Hà Nội thì ông bà Hai tôi đã ở trên ấp này rồi. Ông bà Hai làm quản lý, cai quản trang ấp cho anh chị. Mấy năm đầu kháng chiến, cơ quan quân y của bố tôi di chuyển luôn. Mỗi lần di chuyển, bố tôi

mang theo mẹ tôi, anh Lượng và tôi cùng chị giúp việc. Còn ba anh chị đầu của tôi ở với ông bà Thượng. Về sau, mẹ tôi ốm nặng, phải về sống gần ông bà Hai, nhờ ông bà đỡ đần giúp. Ông bà sắp xếp cho mẹ tôi ở trong một gian nhà của ông bà Thơ trong làng Thề. Ông bà Thơ là thông gia với ông bà. Thím Minh, con gái ông bà Thơ lấy chú Minh con trai cả của ông bà Hai.

Người hàng ngày lo việc cơm nước, thuốc thang, giặt giũ, chăm sóc trực tiếp cho mẹ tôi là chị Vận. Hiếm có một người giúp việc nào lại hiền lành, phúc hậu và tận tình như chị. Trong những ngày bệnh tình mẹ tôi nguy kịch nhất, chị Vận ngày đêm ở bên cạnh mẹ tôi, không nề hà bệnh tật lây nhiễm, hết lòng vì mẹ tôi, vì anh chị em tôi. Nhiều khi nhớ lại quá khứ, tôi cứ tự trách mình sao những ngày đó tôi sống vô tình thế, tôi không biết yêu quý chị hết lòng để đến bây giờ, khi tôi đã biết nghĩ trước sau, muốn đền ơn chị, muốn nói với chị những lời thân thiết thì chị đã không còn nữa...

Sau nhiều ngày lang bạt, nay đây mai đó ở nhiều nơi trong vùng đồi núi Bắc Giang, Thái Nguyên theo cơ quan của bố, cuối cùng anh Lượng và tôi cũng về Bãi Trại sống với ông bà Hai. Có lẽ đây là thời kỳ hai anh em tôi được sống thoải mái nhất, có nhiều kỷ niệm vô tư nhất, đúng với ý nghĩa tuổi thơ. Ông bà nội ngoại tôi đều mất sớm, chính ông bà Hai đã cho chúng tôi được hưởng tình cảm ông bà cháu thân thiết ruột thịt, để cho chúng tôi được biết thế nào là tình ông bà, một tình cảm bình dị nhưng thiêng liêng; nếu vì một lý do nào đó mà người ta không có điểm phúc được hưởng thì sẽ là một thiệt thòi to lớn biết chừng nào, lỗ hổng trong tình cảm gia đình, họ hàng, sẽ không có một thứ tình cảm nào khác bù đắp nổi. Ông bà Hai tôi yêu thương các con cháu nội ngoại đều như nhau. Ông bà lại xuề xòa dễ tính. Những lúc rảnh rỗi, ông thường nằm chơi với chúng tôi. Tôi rất khoái mỗi khi được ông cọ hàm ria mép đồm bạc dài và cứng của ông lên má, lên mũi mình. Ông hay sờ nắn cánh tay mảnh dẻ của tôi. Thấy tôi gầy yếu, ông xót xa: “Giá mà ông cắt được thịt ở đùi ông đắp vào cho cháu béo ra ông cũng sẵn sàng cắt ngay”. Cái Hiếu con cô Nhự, cháu ngoại của ông, thấy ông đặc biệt yêu tôi nên nó “ghen”, mấy lần đuổi theo tôi đòi đánh. Ông ôm cả tôi lẫn nó vào lòng cười dần hòa. Ông cọ ria vào má nó, rồi lại cọ ria vào má tôi, cứ thế thật nhiều lần, không đứa nào hơn kém đứa nào, cuối cùng nó mới chịu.

Anh Lượng và tôi được sống rất thoải mái, không hề bị gò bó. Sáng sáng, chúng tôi đi học trên chùa Thề. Các tượng Phật ngự trên cao, còn lũ trẻ chúng tôi ngồi học ngay dưới chân bệ thờ. Ngước nhìn lên bảng đen, chúng tôi gặp các ông Bụt Ông Thầy ngắm nhìn về cõi xa xăm... Buổi chiều, hai anh em tôi thường đi chăn trâu cùng thằng Điện. Ông bà không muốn chúng tôi đi chăn trâu kiếm củi như thằng Điện, nhưng cũng không ngăn cấm. Thằng Điện lớn hơn hai anh em tôi chừng một, hai tuổi, người đen nhẻm, tóc rẽ tre cứng quèo, đồ quạch vì dãi nắng. Hai chiếc răng bàn cuốc rất to, mỗi khi nó cười, có một nét gì đó rất hồn nhiên và dễ gần. Nó là cháu ông Lừa, thợ cày “lão nông tri điền” rất gần bó của ông bà tôi. Điện ở chăn trâu cho ông bà tôi. Có hai anh em tôi phụ giúp, nó rất khoái. Ngày nào bọn tôi cũng rong trâu lên mạn chùa Thề. Dưới chân đồi, nơi tiếp giáp với những vạt ruộng, đất luôn ẩm nên cỏ mọc tốt, sim ở đó quả cũng thường lớn hơn, mọng hơn. Thú vị nhất là được giẫm lên những đám mua đất sấm sập nước. Mát vô cùng, êm vô cùng. Những ngày cuối năm lạnh giá, mấy đứa chúng tôi thường thả trâu dưới chân đồi rồi tìm đến mấy chỗ khuất gió, trải ổ đốt lửa sưởi, thường là mấy góc ruộng có bờ cao, đất khô nỏ. Chúng tôi moi đất làm thành một chiếc hầm hầm ếch, đi tha rơm rạ về trải khắp nền, nằm một lúc người ấm sực, ngại không muốn ra ngoài chăn trâu nữa. Đứa nằm, đứa ngồi vây quanh đống lửa. Có hôm thằng Điện còn liều mạng đi bới khoai tộm về nướng. Khoai chín thơm

lùng, nóng hôi hổi, bừa ra chia nhau, vừa ăn vừa xuýt xoa vì nóng bỏng môi và vì ngon chưa từng thấy. Mặt đũa nào đũa nấy đỏ bừng bừng và nhọ nhem như bôi hề. Những hôm nắng ráo, chúng tôi dong trâu lên tận núi Đìa, non Đồ cách xa chừng ba, bốn cây số. Đi hơi xa, mệt trâu nhưng chúng tôi lại khoái. Mỗi đũa một con trâu, đũa nằm ôm lấy lưng trâu, đũa ngồi ngất ngưỡng trên mình trâu, ngêu ngao hát: “Quê em miền trung du. Đồng quê lúa xanh rờn...” hoặc “Về đây khi gió mùa thơm ngát, ôi lũ chim giang hồ...”. Bài nào mấy đũa cũng chỉ thuộc một hai câu, sau đó ư ử trong miệng, run rẩy như bị lạnh, tuy vậy cũng thấy lòng rung rung, lâng lâng thật sự.

Cỏ trên núi Đìa, non Đồ xanh mơn mớn, phần vì đất tốt, phần vì ở xa, bọn trẻ chăn trâu ít bén mảng đến. Những cánh bãi gần, trâu bò ăn đi ăn lại cỏ mọc không kịp. Dong trâu lên núi Đìa, trâu tha hồ vợ cỏ, chỉ nửa buổi đã no căng bụng. Ruộng lúa lại ở xa, chúng tôi thả cho trâu ăn thoải mái, ít phải canh chừng, có thì giờ đi kiếm củi. Chỉ loáng sau, mỗi đũa đã kiếm được một bó to. Yên chí có củi đem về rồi, cả bọn mới quay ra đánh trận giả. Triền đồi rộng, những bụi sim, bụi mua, bụi chè đồng lúp xúp rải rác đây đó, địa hình lý tưởng cho hai phe tham chiến. Vừa đuổi bắt nhau, đánh úp nhau, vừa tiện tay hái những trái sim chín mọng, tím lịm cho vào mồm để tăng sức chiến đấu. Khi đã mệt bã người mới sực nhớ đến đàn trâu. Cũng may là chúng đã no phễnh bụng nên ngoan ngoãn nhả nha gặm cỏ, nhưng tít ở đằng kia.

Chúng tôi yên tâm lẫn toại trên bãi cỏ, dang chân dang tay nằm ngửa mặt nhìn trời. Mắt đang lim dim nhìn những cụm mây nhàn nhàn trôi chậm chậm giữa khoảng xanh, tôi chợt thấy lòng mình run rẩy nhẹ nhàng khi ở đâu đó tít trên trời cao bỗng rớt xuống từng chuỗi âm thanh trong ngần, thánh thót. Chim sơn ca đấy! Giữa đất trời bao la, thoáng đặng, tiếng hót của giống chim bé nhỏ ấy mới tuyệt vời làm sao! Tôi cố dỗi tìm bóng chim nhưng không thấy - Mà tiếng vàng tiếng bạc vẫn cứ lạnh lút lúc xa lúc gần... Ước gì cứ được nằm mãi như thế, thanh thoi thả hồn bay theo tiếng chim... Nhưng rồi cũng đến lúc phải về thôi. Cả bọn lại nghe nghe trên lưng trâu cùng với bó củi nặng áp bên sườn. Trời đã về chiều. Chân trời hoàng hôn rực lên màu đu đủ chín. Đàn trâu đứng đỉnh núi đuôi nhau, chậm rãi bước. Tiếng hát ngêu ngao lại vang lên: “.. Nhớ ai trên mấy đồi Yên Thế...” Câu hát làm chúng tôi yêu quá. Vì chúng tôi đang sống ở Yên Thế mà! Cứ mỗi lúc hát đến câu ấy, đũa nào đũa nấy lại cố hát cho thật to, thậm chí có đũa như gào lên đầy hứng khởi. Một bài nữa cũng rất hợp cảnh buổi chiều như thế này, được chúng tôi thường xuyên vờn cổ ngân nga: “Chiều ơi! Lúc chiều về mọc ánh trăng tơ. Cho ngày mùa bài hát nên thơ, ới chiều!” “...Chiều ơi! Lúc chiều về rợp bóng nương khoai... ới chiều!” Cái câu “ới chiều!” ở cuối bài sao mà quyến rũ chúng tôi đến thế! Sao mà hợp với chúng tôi đến thế! Chúng tôi cũng đang tha thiết gọi buổi chiều về, những buổi chiều quê thật bình yên...

Tôi yêu biết bao nhiêu cảnh miền trung du vào những ngày cuối thu. Trời đầy mây xám nhạt. Mây phẳng lý, không gian thoáng đặng trong suốt, mọi cảnh vật ở xa tít tắp cũng hiện lên rõ mồn một. Trời se se lạnh. Những ngọn đồi thoải thoải, ngọn nọ gối lên phần cuối của ngọn kia ứng ứng màu vàng chanh của lá, của cỏ đang dần cạn nhựa, se sắt lại. Cỏ lơ phơ càng hiện rõ những lối mòn lạo xạo son đỏ quanh co ẩn hiện trên triền đồi. Lối mòn giống như một người bạn nhỏ nghịch ngợm vui tính rủ rê bọn trẻ chúng tôi len lỏi vào giữa những bụi sim mua, những đám bông bong, ràng ràng rậm rì, những cây khế rừng lúc lỉu những chùm quả chát chát chua chua, những cây mâm xôi chỉ chít quả đỏ chót ngọt lịm, những cây chua me dại quả tròn xoe, xanh trong như ngọc, mới ăn thì chát nhưng sau vị ngọt cứ đậm dần, thấm mãi nơi cổ họng.

Trời đất hào phóng bày ra cơ man nào là hoa quả mời mọc, chiêu đãi chúng tôi, những đứa trẻ lẫn lóc suốt ngày trên các bờ bãi...

Trên đường về thăm lại Bãi Trại, vừa đi chị em tôi vừa nhớ lại những chuyện cũ. Đường xa hơn ba chục cây số, phải đi bộ vì xe ô tô hàng rất hiếm. Lan man chuyện này sang chuyện khác, vui chân nên không thấy mỏi. Chị Ngà tôi vội giật tay tôi, mừng rỡ:

- Ô kìa! Đã đến Cao Thượng rồi kìa! Vậy là hai chị em mình đã đi được hơn hai chục cây số rồi kìa à?

Chị em tôi phần chân bước tiếp. Chỉ tay về phía bên phải, nơi có một rừng cây dễ xanh đen, chị tôi bảo:

- Em có nhớ lần mấy chị em đi xem phim trong cánh rừng kia không?

Làm sao tôi có thể quên được những buổi xem phim nhớ đời ấy. Đó là vào khoảng cuối năm 1952, lần đầu tiên chúng tôi được xem phim kháng chiến. Chiều ở trong rừng cách chỗ chúng tôi chừng mười cây số. Sợ máy bay địch đến ném bom bắn phá nên tin có chiếu phim không được thông báo rộng. Bọn tôi lại ở xa nên càng khó biết chính xác. Chỉ nghe đồn là ở đó, ở đó tối nay có chiếu phim, thế là bọn tôi lũ lượt kéo nhau đi từ bốn, năm giờ chiều. Đi mà không chắc có được xem phim hay không. Cũng may phần lớn những lời đồn đều đúng. Ban đầu, người thưa thớt cũng phấp phồng lo. Sau càng đi càng thấy người đông dần, thấy yên tâm hơn. Khi vào sâu trong rừng, thấy người đông vô kể, nghe tiếng máy nổ, trông thấy tấm phông trắng căng phồng giữa hai cột tre, vậy là mọi mệt nhọc, nhức mỏi tan biến hết. Cứ yên tâm mà xem phim vì đã có chòi canh máy bay ở bìa rừng. Hễ có tiếng bay ầm ầm ở xa, keng sẽ vang lên, đèn đóm sẽ tắt phụt và mọi người sẽ xô nhau chạy. Có lần, mới xem được ít phút, keng đã vang lên hồi hã. Mọi người chạy tủa ra loạn xạ. Chẳng thấy máy bay đâu. Hóa ra người gác keng nghe lầm tiếng ầm ở đâu đó. Phim truyện đầu tiên tôi được xem trong đời là phim “Bí thư huyện ủy”, nói về một đơn vị du kích của Nga trong thời chiến tranh chống phát xít Đức. Có một tên Nga gian lận vào hoạt động phá hoại. Câu chuyện đơn giản, phe ta phe địch quá lộ liễu, nhưng thời đó, đối với chúng tôi cũng đã là một bộ phim hay cực kỳ. Phim tài liệu chiếu kèm theo là phim “Việt Nam kháng chiến”, chiếu những cảnh xe đạp thồ gạo, thồ đạn ra mặt trận, những đoàn quân nườm nượp lên đường... Các phim đều còn thô sơ nhưng đã làm mê mẩn cả bọn chúng tôi. Suốt ngày chúng tôi bàn tán về các bộ phim. Có lúc tôi còn ao ước sau này lớn lên sẽ gia nhập đoàn chiếu bóng lưu động, làm việc gì cũng được, căng phông màn, chạy máy nổ, thuyết minh phim..., miễn là được đi đó đi đây, tha hồ xem phim tối ngày. Có lần nghe nói tối đó, ở địa điểm đó có chiếu phim. Bọn tôi náo nức kéo nhau đi từ ngang chiều. Đi hơn chục cây số, đến nơi hóa ra không phải. Nghe nói đang chiếu ở địa điểm khác. Không biết chính xác thực hư thế nào, đang cơn máu mê, lại hăng hái kéo nhau đi. Vừa đi vừa chạy cho nhanh. Đến khi tìm được đúng nơi đang chiếu phim thì cũng vừa lúc đang chiếu những cảnh cuối. Xem được vài ba phút, phim hết, đèn bật sáng. Mọi người nô nức kéo nhau ra về. Còn bọn tôi, cả lũ nằm lẫn ra ngủ ngay tại trận, giữa bãi cỏ, giữa trời sương lạnh. Sáng hôm sau kéo nhau trở dậy, lại lông nhông đuổi nhau trên đường trở về...

20.

Thím Minh đưa hai chị em tôi ra thăm mộ mẹ tôi. Thím bảo không có thím dẫn đường, hai chị em tôi sẽ bị lạc. Mấy gia đình trong làng Thề đã chuyển nhà ra Bãi Trại, có nhà làm ngay trên nền cũ của ông bà tôi, bây giờ chị em tôi khó mà nhận ra. Quả như thế thật. Muốn xuống đến mộ mẹ tôi, phải đi qua sân nhà người ta, ngoắt ngoéo chui qua mấy lùm ổi, lùm nhãn... Mộ mẹ tôi cỏ mọc um tùm, thoát trông không nhận ra được. Thím Minh phải rẽ cỏ, vung dao phạt mấy bụi lau, ngôi mộ mới lộ ra. Hai chị em tôi vạt sạch cỏ, đắp thêm đất rồi xấn từng văng cỏ mới đắp lên mộ. Cây đại xung quanh cũng được phát quang. Chị tôi bày hoa quả ra đĩa, kính cẩn đặt lên mộ. Khói hương nghi ngút. Chúng tôi đứng lặng bên mộ mẹ khẩn nguyện, rồi cùng ngồi bên mộ. Thím Minh rì rầm nói chuyện với chị tôi. Thím bảo thỉnh thoảng đêm nằm vẫn mơ thấy mẹ tôi về thăm nhà. Mẹ tôi thường đứng ở đầu hồi, một tay vịn cột, vừa nói chuyện vừa nhìn thím đồ cảm cho lợn ăn. Mấy hôm vừa rồi mẹ tôi cũng về, khoe với thím là sắp có người lên thăm... Thím kể tự nhiên, y như mẹ tôi vẫn còn sống chứ chưa hề mất. Suốt đời ở nông thôn, con người thím mộc mạc, hình như thím có khả năng giao hòa với thiên nhiên hoang dã. Thím bảo có lần đi cắt cỏ về muộn, trời nhập nhoạng tối mà thím còn ở giữa cánh đồng. Vội hỏi hã quảy gánh cỏ về. Phía trước chợt hiện ra một người đàn ông áo quần trắng toát bước thấp bước cao chập chờn. Người đàn ông ấy cứ lúi đầu gánh cỏ, dẫn thím đi lên phía núi xa, xa mãi. Thím phải van vi: “Thôi ông ơi, ông tha cho tôi. Chồng tôi chết sớm, tôi còn một đàn con dại...”. Người đàn ông biến mất và thím mới quay được về làng. Thím quê chính tại làng Thề, là vợ của chú Minh, con trai ông bà Hai tôi. Lấy nhau được mấy năm, chú Minh tham gia kháng chiến, sau bị bệnh gan, mất sớm. Thím mới ngoài hai mươi, nhưng ở vậy nuôi đàn con dại. Kháng chiến kết thúc, mọi người về xuôi hết. Thím Minh ở lại quê. Nhờ có thím mà mộ mẹ tôi hàng năm, trước Tết mấy ngày vẫn có người thăm viếng, hương khói. Thím là mối dây liên hệ cuối cùng để chúng tôi có chỗ qua lại mỗi khi về thăm mộ mẹ.

Ngồi bên mộ mẹ, tôi đưa mắt nhìn bao quát xung quanh. Cánh đồng dưới chân tôi đã gặt xong, rải rác còn nhiều mớ rạ chưa kịp mang về. Tôi biết chắc chắn dưới những mớ rạ còn xấp nước đó, khe khẽ lật lên thế nào cũng vớ được vài ba chú ếch mũm mĩm béo trắng nằm ẹp dưới lổm đất lổm chân người. Ngày trước, tôi cũng đã từng bắt được nhiều chú dưới những mớ rạ đó. Còn ở giữa ruộng khô kia, những cọng cỏ năn đã mọc cao chừng hơn gang tay. Cỏ năn giống như hành lá nhưng đặc ruột, thuần nhỏ hơn. Cứ tỉ mỉ lấy chiếc que khê khằng bươi từng chút đất, bắt đầu từ nơi mầm cỏ nhú, lần theo một chiếc rễ đen như sợi len nhỏ. Đào từ từ, nhẹ nhàng thôi kéo sợi rễ đứt. Cứ lần theo sợi rễ, chừng hơn gang tay, có khi hai gang, cuối cùng sẽ bắt gặp nơi cuối rễ một củ năn đen sẫm, bằng đầu ngón tay út, có khi bằng một hạt sen. Nếu nóng lòng muốn ăn ngay thì gọt hết đất, dùng móng tay cạo hết lớp vỏ đen ngoài, sẽ lộ ra một cục nhân trắng trắng, trong trong, bỏ vào mồm khê nhai sẽ ngấm dần vị bùi bùi, thơm mát thật dễ chịu. Hết củ này lại lần theo củ khác, như một cuộc trốn tìm, đuổi bắt thú vị. Chán củ năn rồi, lại quay ra câu còng còng. Trên khắp mặt ruộng khô, giữa những chân rạ đã xén cụt, để ý nhìn sẽ thấy cơ man những lỗ nhỏ, một hạt đỗ xanh có thể đầy kín miệng lỗ. Đó là những chiếc tổ của còng còng, một loài sâu nhỏ xíu bằng đầu que tăm, dài chừng nửa đốt ngón tay, trắng muốt, đầu là một chấm đen nhánh. Bọn trẻ chúng tôi câu còng còng cho vui, biểu diễn trò khéo léo, chứ không có một ích lợi gì. Cả bọn, có đứa nằm toài ra ruộng, có đứa ngồi xồm, cúi sát mặt xuống đất theo dõi động tĩnh của con vật, miệng ê a câu đồng dao: “Còng còng mày lên ăn mạ...”. Rút một cọng cỏ non hoặc mạ non nhẹ cầm xuống tổ còng còng, chăm chú nín thở quan sát. Hễ thấy cọng mạ khê lay động, chắc chắn còng còng có nhà. Chờ cho cọng mạ lay mạnh hơn chút nữa, bắt thần giật thật mạnh cọng mạ theo chiều

thẳng đứng, lập tức chú công cộng ngờ ngạc nhiên nằm trên đất, cuống quýt giãy giụa. Nếu không khéo tay, vội vàng giắt nghiêng, công cộng sẽ vướng lại trong tổ, không tài nào câu được. Chỉ đơn giản vậy thôi nhưng trò câu công cộng đã từng làm say mê một thời tuổi thơ tôi. Bây giờ tất cả vẫn còn nguyên vẹn trước mắt tôi kia, ở ngay dưới chân tôi, ngay trước mặt tôi, đủ cả: cả những chú ếch mồm mồm béo trắng nấp dưới những mớ rạ ẩm, cả những tổ công cộng, cả những mầm củ năn xanh ròn và còn biết bao trò chơi thơ dại khác nữa, gần gũi quá nhưng sao mà xa cách quá; tưởng như với tay là có thể nắm bắt, vậy mà cứ xa lơ xa lắc, chẳng thể nào vươn tới được. Tuổi ấu thơ đã xa rồi, không bao giờ tôi còn được hưởng lại những ngày đầu tiên ấy nữa. Những ngày ấy cứ xa vời, xanh thẳm, hun hút bay về phương trời phía sau, tôi cố ngoái lại, cố nắm bắt mà không sao níu giữ lại được...

Tôi chìm vào trong kỷ niệm. Mẹ tôi đang dẫn mấy chị em tôi đi trên cánh đồng vào một buổi chiều. Hôm ấy đi đâu nhỉ? Tôi không còn nhớ nữa. Chỉ nhớ là một buổi chiều rất đẹp, chuồn chuồn bay rợp trời. Những con chuồn chuồn ót đỏ cháy, những con chuồn chuồn ngô vàng ươm, những con chuồn chuồn chúa xám đen với những chiếc cánh mỏng tang, trong suốt, trong suốt... bay cuống quýt như đang mãi tìm kiếm một vật gì. Chúng tôi chạy đuổi bắt chuồn chuồn, hai tay dang ra chộp lia chộp lia, miệng la hét inh ỏi: “Chuồn chuồn bay thấp thì mưa. Bay cao thì nắng bay vừa thì râm...”. Hôm ấy lũ chuồn chuồn chắc là bay ở tầm vừa nên chúng tôi đã có một buổi chiều đẹp lạ lùng. Mấy mẹ con đi lẫn vào giữa đám chuồn chuồn lấp lánh màu ngũ sắc như đi trong giấc mơ...

Bỗng chị tôi lay nhẹ bờ vai làm tôi bừng tỉnh lại. Chị tôi nói nhỏ:

- Hương sắp tàn hết rồi. Em khăn mẹ đi rồi chuẩn bị về.

Chị em tôi vừa lầm nhảm được mấy câu, cả bố chân hương bỗng cháy bùng lên. Thím Minh nói to:

- Thế là mẹ các cháu chứng giám cho lòng thành của chị em mày rồi đây. Trời im gió thế mà hương đốt cháy bùng bùng. Mẹ các cháu thiêng thật!

Đi ngang qua nền nhà cũ của ông bà tôi, chúng tôi dừng lại, lòng trĩu buồn. Ở đây đã từng sống bao người thân yêu của chúng tôi. Đã từng trải qua những năm tháng ấu thơ của chúng tôi với biết bao kỷ niệm vui buồn. Góc kia là chỗ chúng tôi xay lúa giã gạo. Chỗ kia là nhà bếp. Chỗ kia nữa là chuồng trâu, tôi và anh Lượng thường trèo lên ngòi vắt vẻo trên các dống ngang, ra rả học bài giữa tiếng thở phì phò và tiếng đánh sừng vào các dống cột kê lộc cộc của bầy trâu. Ở nơi chuồng trâu ấy, về sau tôi có trồng một cây mướp, sai quả vô cùng. Cây mướp vươn dài ra cả trăm mét, bò lan trên bờ rào, đeo lưng lẳng lơ man là quả. Giống mướp hương quả không lớn, thon dài, màu xanh non, thơm phảng phất. Hết lứa quả này tiếp đến lứa quả khác, ăn mãi không hết. Các cây mướp khác sống có mùa, cuối mùa cây tàn lụi. Riêng cây mướp của tôi, có lẽ nhờ đất chuồng trâu cũ, cây sống đến hết mấy mùa mới hết lộc... Chính chỗ này đây là giường chúng tôi nằm. Nơi đó, lần đầu tiên trong đời tôi được nghe bác Chiêu kể chuyện Tam Quốc. Bác Chiêu là bạn của bố tôi. Tính bác hiền lành, tốt bụng và hình như hơi không được bình thường. Nhân một chuyến đi công tác, bác ghé qua thăm chúng tôi. Bác kể chuyện “rừng thiêng nước độc” trên mạn ngược, kể về những danh lam thắng cảnh bác đã từng qua. Bác khen nước nở cảnh Đèo Voi mà tôi không nhớ rõ ở mạn nào. Chỉ nhớ nhất hai câu mở đầu bài thơ bác làm mà bác vừa gật gù vừa ngâm

nga về đầy tâm đắc: “Xinh thay cảnh Đèo Voi. Trượt chân thì mạng toi...”. Ngay từ lúc ấy tôi cũng đã thầm có ý kiến là thơ bác có lẽ không thật hay lắm. Nhưng tài kể chuyện Tam Quốc của bác thì tôi phải công nhận chưa ai kể hay đến vậy. Lần đầu tiên trong đời, những anh hùng hảo hán Trung Hoa đến với chúng tôi, làm mê say anh em tôi, là qua bác. Những “Kết nghĩa vườn đào”, “Tam cố thảo lư”, “Hoa Dung tiểu lộ”, những Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, Gia Cát Lượng, Triệu Tử Long... hiện hiện ra trước mắt chúng tôi rõ mồn một, lừng lững in hằn vào ký ức tuổi thơ tôi, suốt đời không thể nào quên. Mấy đêm liền bác kể cho chúng tôi nghe bằng một giọng chậm rãi, nhả nha rử rử nhưng đầy ma lực. Anh em tôi chăm chú nghe như muốn nuốt từng lời, say sưa, mê mẩn. Thỉnh thoảng bác ngừng lại uống nước hoặc hút thuốc lào. Chúng tôi sốt ruột chờ đợi, cảm thấy sao mà lâu đến thế! Bác nhờ đi châm đóm hoặc rót thêm nước, mấy đứa đưa đẩy nhau, không ai chịu rời khỏi giường vì sợ trong lúc mình vắng mặt, bác kể tiếp thì mất nghe. Thằng Cảnh hàng xóm sang nghe kè, buồn tiểu quá cũng không dám đi, cứ há hốc mồm ngồi nghe đến lúc ướt đũng quần, bị phát hiện, đuổi mãi cũng không chịu về...

Một con gà mái đen lùn tịt đang túc túc túc túc dẫn đàn con như những nắm bông vàng óng và đen như nhung đi ngang qua. Về mặt chị tôi tươi hẳn lên. Chị chỉ đàn gà, hỏi tôi:

- Em còn nhớ con gà quạ tha của em không?

Sao tôi có thể quên được! Hôm ấy anh Lượng, thằng Điện và tôi đang chăn trâu ở chân đồi chùa Thề, chúng tôi đang đốt lửa sưởi, rá ầm, khói bay mù mịt cay sè cả mắt. Chợt một con diều hâu ở đâu bay đến, cứ lượn lờ trên đầu chúng tôi. Nó lượn những vòng rất rộng, sau vòng bay thu hẹp dần, di chuyển về phía cuối cánh đồng. Anh Lượng đưa tay lên ngang trán, chăm chú theo dõi, giọng anh hồi hộp:

- Nó phát hiện ra con mồi rồi! Nó đang chuẩn bị lao xuống...

Tôi và thằng Điện bỏ dở cả củ khoai nướng, vùng đứng dậy dõi theo. Cả ba chúng tôi cùng nhảy quanh đồng lửa, vừa vung tay múa chân vừa gân cổ giật giọng hát: “Tí hâu! Mày lượn! Cho tròn! Sáng mai! Tao gả! Gà con! Cho mày! Tí hâu! Mày lượn...”. Chỉ có mỗi câu đồng dao dân dã ấy thôi mà chúng tôi cứ hát đi hát lại, mắt vẫn không rời đóm đen đang rình rập trên trời. Hát đến nóng rực cả người, khát khô cả cổ. Tiếng anh Lượng ré lên:

- Nó quắp được con mồi rồi!

Chúng tôi càng gào lên tưởng vỡ lồng ngực: “Tí hâu! Mày lượn! Cho tròn! Sáng mai...”. Tôi thấy rõ con diều hâu lao bổ xuống rồi lập tức vút lên ngay lên, dưới bụng nó có thêm một vật gì lủng lẳng. Chắc là con gà. Diều hâu xoải cánh lao về phía chúng tôi. Mấy đứa càng la lối dữ tợn hơn. Cứ “Tí hâu mày lượn...” mà gào. Có lẽ con diều hâu nghe chúng tôi la hét, hoảng sợ quá nên khi băng qua đầu chúng tôi được một đoạn, nó để rơi con mồi. Cả ba chúng tôi cùng reo lên đắc thắng rồi ủa chạy đến chỗ con mồi rơi. Con diều hâu gan lì còn cố lao xuống định giành lại con mồi nhưng chúng tôi nhanh hơn, đông hơn, la lối om sòm hơn, cuối cùng nó phải nuốt hận bay đi. Đó là một con gà giò đen tuyền, bẻ bết máu, bị thương nặng nhưng vẫn còn sống. Tôi không còn biết sợ hãi là gì, chạy đến chộp lấy con gà đang đập cánh giãy giụa. Anh Lượng và thằng Điện cười tít mắt, vây quanh tôi xem con gà bị thương nặng nhẹ ra

sao. Lưng nó, hai đùi nó, cổ nó, chỗ nào cũng sây sát, máu me. Nặng nhất là ở mạn sườn bên phải, thịt nát bầy, chắc là do móng vuốt của con điều hâu quắp vào. Anh Lượng và thằng Điện ở lại chăn trâu. Tôi bung con gà chạy về nhà, lo tìm bông băng, thuốc đỏ bôi cho nó. Ở nhà, ai cũng ái ngại nhìn con gà, không tin là nó còn sống nổi. Mọi người bảo tôi chờ nó chết rồi đem chôn nó đi, chữa chạy làm gì cho mất công. Tôi nhất định chữa cho nó. Tôi bôi thuốc đỏ thật đậm. Tôi lại xin được mấy viên suynphamít, cạo thành bột, rắc đều lên các vết thương. Vết thương khô dần, lành lặn dần. Chừng hơn một tuần sau thì con gà khỏi hẳn. Thịt nó liền lại, lông mọc dày thêm. Tôi đi bắt cào cào, châu chấu cho nó ăn. Tôi lén xúc trộm gạo, cơm nguội nhồi cho nó ăn căng điều. Nó lớn lên trông thấy, trở mã đẹp ra từng ngày. Tôi lấy đoạn dây đồng, uốn cho nó một chiếc vòng xinh xắn đeo ở chân bên phải. Ban đầu nó thấy vướng víu, cứ lấy mỏ cố gỡ ra nhưng không được, sau quen dần. Tôi luyện cho nó quen với riêng tôi bằng cách đi đâu về, bao giờ tôi cũng đem quà cho nó. Lúc một xâu châu chấu được xâu chuỗi bằng một ngọn cỏ may, lúc mấy con tép mại... Dần dần nó bén hơi tôi, tôi đi đâu nó cũng lẳng nhặng theo sau, có lúc đến phát bực. Đi đâu về, tôi chỉ cần gõ thanh tre vào cột nhà “cốc cốc” vài tiếng là nó chạy về liền. Quần nâu của tôi bám đầy cỏ may, nó đến bên, mổ cho kỳ hết, hạt nào hạt mảy nó ăn, hạt nào lép nó nhả ra. Tôi ôm lấy nó, nựng yêu nó, nó rung cổ phát ra những tiếng cục cục nho nhỏ rất nũng nịu. Chỉ mình tôi là nó quấn quýt như thế. Những người khác không bao giờ bắt được nó. Có tung thóc nhử cho nó ăn, nó cũng chỉ mon men ở vòng ngoài, vừa rón rén mổ thóc vừa canh chừng, hề có gì đó hơi khác là nó ù té chạy. Nó rất mắn đẻ. Mỗi lần đẻ hơn hai chục trứng. Ngưng vài hôm lại đẻ tiếp đợt mới. Có một dạo tôi bỗng thấy tự nhiên nó có vẻ xa cách tôi. Mỗi lần đi học về, lấy thanh tre gõ cột đến mỗi tay cũng không thấy tâm hơi nó. Tôi tưởng nó dần quên tôi. Ai dè, hôm tôi đi mót thóc rụng ngoài ruộng về vừa lên tiếng “cúc- cúc- cúc” gọi cả đàn về khao cho chúng một châu thì tôi bỗng sững người trước hiện tượng lạ lùng: con mái đen của tôi hãnh diện dẫn theo một bầy gà hơn chục con mới nở. Con vàng óng như tơ, con đen huyền như nhung, con nửa đen nửa vàng... Trông con gà mẹ có hao gầy hơn trước, bộ lông có xơ xác hơn, nhưng dáng đi thì bệ vệ, ung dung kiêu hãnh, ra dáng bà mẹ của một bầy con đẹp như tiên! Thì ra lâu nay nó đẻ đợt nào, tôi lấy trứng của nó đợt ấy, không cho nó ấp. Nó phải làm ổ, đẻ lén trong lùm dứa dại sau nhà rồi lặng lẽ nằm ấp. Bây giờ nó mới đem bầy con về trình diện với tôi...

Đàn gà hiện tại dẫn nhau ra kiếm ăn quanh cây rơm đầu nhà lại làm tôi liên tưởng đến những cây rơm trong quá khứ. Cũng chính chỗ cây rơm bây giờ, ngày trước là một cây rơm lớn hơn nhiều. Anh Lượng, thằng Điện và tôi hay quần nhau chí chạp ở đó. Chúng tôi rút rơm làm thành ổ, vật nhau chán chê rồi chơi trốn tìm. Khi đã mệt bã người, cả bọn mới chịu lún mình sâu vào chân cây rơm nằm khểnh tán dóc. Chẳng biết anh Lượng nghe ai kể từ lúc nào mà có nhiều chuyện hấp dẫn đến thế. Nhắc đến bất cứ chuyện gì anh đều có thể kể ngay một chuyện liên quan đến điều vừa nhắc đến. Chẳng hạn nói đến chuyện con chuột, anh liền kể chuyện chuột ăn vụng mỡ như thế nào... Dù mỡ nước có đóng vào chai nút kín, chuột vẫn có thể ăn vụng được. Nó gặm nút chai cho bật ra, sau đó ngoáy đuôi vào lọ mỡ cho mỡ dính đuôi, nó liếm sạch trơn rồi lại ngoáy đuôi vào lọ mỡ tiếp... Nó ăn trộm trứng mới tằm. Một con ôm lấy quả trứng, nằm chồng vó để con khác cắn đuôi lôi về hang... Thằng Điện cừa nhắc chuyện đi hái nấm, anh Lượng liền kể vào rừng, muốn hái nấm, điều trước tiên là phải tóm ngay được mấy chú nấm canh gác rừng. Bởi vì những rừng có nhiều nấm mọc đều có những chiếc nấm được phân công canh gác ở cửa rừng như thế. Thường thì bọn nấm ngủ mê, ngủ một suốt ngày ở trong rừng. Chỉ có mấy chú nấm gác rừng là thức canh. Người đi hái nấm, nếu không biết điều đó, không tóm được ngay những

chú nấm canh gác thì dùng hồng kiếm được một cây nấm nào. Họ vừa bước đến cửa rừng, những chú nấm canh gác lập tức báo động, la lối om sòm (tất nhiên là bằng thứ ngôn ngữ của loài nấm), thế là cả một rừng nấm trốn biệt, không còn lấy một mống. Người đi hái nấm chỉ có mà khóc dở mếu dở, về tay không. Nếu nhanh tay tóm gọn được bọn nấm gác cửa rừng ngay từ phút đầu thì tha hồ mà nhặt nấm. Bởi vì chúng vẫn còn không hay biết gì, ngủ li bì lén lút suốt đêm ngày mà! Chẳng biết điều lạ lùng ấy anh Lượng nghe ai kể và chuyện đó có đúng không nhưng cả tôi và thằng Điện đều thấy thú vị, cứ muốn nghe kể tiếp. Những câu chuyện linh tinh lang tang, đầu cua tai nheo được rì rầm kể suốt cả buổi tối trong đống rơm luôn hấp dẫn chúng tôi. Nhiều buổi tối, mấy đứa ngủ quên cho đến sáng, mãi đến khi lũ gà đi kiếm ăn nháo nhác, te tái cục tác ầm lên khi thấy lũ trẻ tranh mất chỗ của chúng, bọn tôi mới lồm cồm bò dậy, rũ rơm đứng lên. Ngày đó, do lẫn lộn bò toài suốt ngày trong rơm rạ, trong cây cỏ nên người tôi luôn có những con bọ đỏ bé xíu như những hạt cát rúc vào rốn, vào nách gây ngứa ngáy, buồn buồn, cái bệnh cổ hữu của những đứa trẻ dân dã...

Còn biết bao kỷ niệm của Bãi Trại. Nhìn vào bất kỳ đâu, bất kỳ vật gì, từ gốc cây bụi cỏ đến gò đất, mảnh ao, đâu đâu tôi cũng thấy hiện lên những kỷ niệm của quá khứ.

Trời nhập nhoạng sắp tối, thím Minh trải chiếu chiếu ra giữa khoảng sân gạch. Chị Ngà tôi bung mâm ra đặt chính giữa. Mấy đứa cháu nội của thím tranh nhau ngồi cạnh chị em tôi. Mùi thức ăn xào nấu thơm lừng. Chị tôi vừa xới được một bát cơm thì một con bướm nâu mỗi cánh to bằng nửa bàn tay ở đâu bỗng bay đến, chấp chới lượn vòng trên đầu mọi người. Thím Minh vui vẻ nói lớn:

- Bà ấy về đây! Mẹ các cháu về đây! Thím đã bảo mà! Mẹ các cháu thiêng lắm...

Cả nhà cùng ngừng lên, lặng lẽ, trang nghiêm dõi theo cánh bướm. Con bướm lượn qua lượn lại mấy vòng nữa rồi bay xa dần, lẫn vào trong bóng tối trước sự sững sờ vừa nuối tiếc, vừa thoáng sợ hãi của mọi người.

21.

Suốt cả ngày hôm sau, hai chị em tôi đi thăm mấy gia đình quen biết quanh Bãi Trại. Những ngày kháng chiến chống Pháp, dân dưới xuôi tản cư lên đây đông đúc thế, nhà cửa san sát, vậy mà bây giờ vắng hoe. Mọi người đã kéo nhau về quê hết. Còn lại bây giờ chỉ toàn là dân gốc gác ở đây đã nhiều đời. Đường đi lối lại ngày xưa quang quẻ, sáng sủa, nay cỏ mọc tràn lan, chỉ còn là ngưỡng lối mòn. Cây cỏ rậm rạp, tre pheo xơ xác. Đặc biệt là nhìn đâu chị em tôi cũng thấy mọi thứ đều nhỏ lại. Cánh đồng trước mặt kia, ngày trước trông rộng thế, xa thế, sao bây giờ trông quá gần, không lấy gì làm rộng lắm. Cây đa sau nhà ngày xưa cao thế, to thế, bây giờ chỉ là một cây đa rất bình thường. Bãi Trại ngày xưa rộng bao la, cỏ xanh mượt mỡ màng, chạy từ đầu bãi đến cuối bãi phát mệt, nay áng chừng chỉ khoảng hơn trăm bước chân, nhỏ bé đến không ngờ... Có lẽ ngày xưa còn bé, tất cả đều được nhìn qua đôi mắt trẻ thơ, tầm nhìn còn hạn hẹp, lại qua một lăng kính mơ mộng, huyền hoặc. Nay chị em tôi đã lớn thêm nhiều, đã đi qua thêm biết bao nhiêu vùng đất rộng lớn, to đẹp, đôi mắt đã từng trải. Nhưng dù thế nào chăng nữa, mảnh đất nhỏ bé mang tên Bãi Trại đang trải ra trước mặt hai chị em tôi đây, mãi mãi vẫn là mảnh đất thân thương, ruột thịt, nơi anh chị em tôi coi như quê hương thứ hai của mình. Gọi là quê hương thứ hai nhưng thực ra mảnh đất Bãi Trại này gắn gũi, gắn bó với chúng tôi còn hơn cả Hải Dương quê

chính. Gần suốt cả thời thơ ấu và niên thiếu chúng tôi đã sống ở đây. Hơn nữa, bây giờ mẹ tôi lại nằm lại đây vĩnh viễn...

Ông phó Đá đã mất từ lâu. Ngày xưa ông làm phó lý, tính rất hiền lành. Người ông thấp đậm, da đỏ au. Ông có tài chơi đàn bầu, nhiều người biết tiếng. Có những đêm khuya lắm, tiếng đàn của ông vẫn nỉ non thật buồn, hình như ông có niềm tâm sự sâu kín gì đó không dễ nói ra, đành gửi gắm, nhờ tiếng đàn nói hộ. Vườn nhà ông nay xơ xác, nhưng mấy cây ổi góc vườn vẫn còn. Ngày trước, mấy đứa nhỏ chúng tôi thường chui vào hái trộm ổi của ông. Con chó mực nhà ông rất dữ. Chúng tôi phải bày mưu: thằng Cảnh giả bộ lớn võn đi qua đi lại phía cổng chính để thu hút con Mực về phía đó. Mấy đứa chúng tôi thừa cơ chui rào ở phía sau. Con Mực cứ sủa ầm ỹ ngoài cổng, còn chúng tôi yên chí hái ổi, rúc rích cười với nhau, vừa nhai ổi rau rầu vừa chê con Mực khờ khạo. Ông phó Đá không hẹp hòi gì, trái lại còn rất hào phóng với chúng tôi. Thỉnh thoảng thấy chúng tôi kéo nhau đi bầy chim ngang qua, ông gọi vào cho cả một rổ con đầy ổi. Nhưng chẳng hiểu sao, chúng tôi vẫn thấy những trái ổi hái được bằng cách đánh lừa con Mực vẫn thơm đậm hơn nhiều...

Ông phó Mịch cắt tóc cũng đi về đâu không biết. Suốt những năm tháng ấu thơ, mái tóc chúng tôi đều do ông cắt. Cả một vùng Bãi Trại chỉ có mình ông là thợ cạo. Đồ nghề của ông đựng gọn trong một chiếc hòm con, một chiếc gương, một tấm khăn choàng màu chao lòng cũ kỹ, một chiếc ghế đầu cho khách ngồi. Vậy mà ông vẫn trưng tấm biển tự kẻ lấy treo đầu hiên: “Cắt tóc Thủ Đô”. Suốt cả thời gian ngồi cho ông cắt tóc, tôi chỉ thấp thòm chờ đến lúc gần cuối, ông bóp bầu hơi cao su, xì xì phun thứ nước không mùi lên mái tóc, lấy lược chải đi chải lại rồi đưa kéo lên một cách trang trọng cắt từng nhát kêu “cách cách... sứt sứt” nghe rất vui tai và cảm thấy thú vị vô cùng.

Chị em tôi đi ngang qua mấy thửa ruộng cao trồng khoai lang để đến thăm mộ ông bà Thơ, bố mẹ thím Minh. Ông bà là những người rất tốt, đã yêu thương đùm bọc gia đình tôi nhiều. Những ngày mẹ tôi ốm nặng, ông bà đã dành riêng cả một gian nhà rộng cho mẹ tôi tĩnh dưỡng, không nề hà bệnh tật lây nhiễm. Ông rất hiền lành, người gầy sắt nhỏ bé, da nâu sạm, đầu hói, da mặt nhăn nheo đầy những vết hằn sâu khắc khổ. Ông rất ít nói, giọng nói trầm buồn. Ông nghiện thuốc lào nặng, suốt cả buổi tôi chỉ ngồi hút thuốc lào rồi ho sặc sụa. Dứt cơn ho tưởng như xé phổi, ông lại tiếp tục hút. Ông yêu các con cháu bằng một tình yêu lặng lẽ, mộc mạc. Thấy các cháu thích câu cá, ông lặng lẽ ra mấy bụi hóp ven ao, chọn những cây đẹp nhất chặt về uốn, chuốt đến bóng lưỡng rồi cười tủm tỉm đưa cho các cháu, không nói thêm một tiếng. Ông làm điều, làm lòng chim chiều theo ý các cháu cũng bằng những cử chỉ như thế.

Tôi nhớ mãi cái lần tôi về thăm mộ mẹ tôi, nhân thể ghé qua thăm ông bà. Lúc đó ông bà đang thời kỳ khốn khó nhất. Cái cách ruộng đất, ông bà bị quy oan là địa chủ. Nhà cửa trong làng bị tịch thu hết, ông bà phải ra ở giữa cánh đồng, dựng tạm một căn nhà nhỏ không lớn hơn chiếc lều vạt bao nhiêu. Tôi cứ quanh quẩn hết đứng lại ngồi bên cạnh mộ mẹ tôi suốt từ trưa đến gần tối mới dám lên đến thăm ông bà vì sợ người làng trông thấy. Có người ở xa đến, làng xóm biết sẽ phiền cho ông bà. Vừa trông thấy tôi, ông ôm chầm ngay lấy rồi cứ thế lặng lẽ khóc không ra tiếng. Ông thì thào hỏi tôi: “Cháu đến đây có ai thấy không?”, tôi nói không, ông vẫn chưa yên tâm, lom khom bước ra ngoài sợ hãi nhìn bao quát khắp lượt. Rồi dưới ngọn đèn dầu tù mù, ông lúi húi nấu cháo gà cho tôi ăn. Con gà bé tí, chưa mọc đủ lông cánh duy nhất còn sống sót. Vừa moi ruột gà, ông vừa phân bua: “Cháu ăn tạm con gà nhép này vậy. Có

mấy con, bị toi chết hết cả, còn mỗi mình nó. Chắc thịt còn tanh lắm”. Không còn gạo, ông lấy trong gậm chõng ra mấy cái chai. Tôi ngỡ ông tìm nước mắm hay muối gì đó nhưng không phải. Đó là mấy chai đựng hạt đỗ giống. Mỗi chai, dốc ra được chừng một nắm, nào đỗ xanh, đỗ đen, đỗ tương... Tôi vội giữ tay ông lại, can: “Đề lại mà gieo ông à!”. Mồm ông méo xệch. Những nếp nhăn khắc khổ chẳng chịt trên trán, trên mặt càng nhăn nhúm lại. Ông cố nuốt nước mắt: “Đề ông nấu cho cháu ăn. Mấy khi cháu về đây với ông. Nhà chẳng còn một hột gạo nào... Biết đến bao giờ ông cháu mới lại được gặp nhau? Mà lần sau cháu về, chắc gì ông còn sống?”. Và quả nhiên, hơn một chục năm sau ông mất trong nỗi khốn khổ cùng cực. Không ngờ đó là lần cuối cùng tôi được gặp ông.

Ngược hẳn với ông, bà Thơ lại ăn to nói lớn. Dáng bà cao ráo, trắng trẻo. Có lẽ ngày trẻ bà là một cô thôn nữ có nhan sắc. Về già, bà vẫn còn giữ được những nét sang cả. Bà thường mặc váy sồi đen dài, yếm lụa tơ tằm màu ngà. Bà yêu con cháu một cách nồng nhiệt, cư xử với mọi người một cách vồn vã, xởi lởi. Nhưng bà nổi tiếng là người có tài chửi nhau. Ai nói gì động chạm đến bà, con gà con què lạc đâu mất, đứa nào chọc ghẹo cháu bà... bà đều chửi té tát. Chửi có bài bản, có vần điệu lên bổng xuống trầm. Nhiều khi bà vừa xắn váy quai còng vừa nhảy chồm chồm, hai tay xĩa xối về phía trước y hệt mấy con ngỗng cái vươn những chiếc cần cổ dài ngoẵng xĩa xối nhau. Bọn tôi đứng nhìn bà chửi, ôm bụng cười thế là bà cũng bật cười, đuổi theo chúng tôi cười xòa. Mỗi lần chửi xong, bà lại cười nói vui vẻ, cứ như là chưa hề xảy ra chuyện vừa rồi. Tính và có phần nhẹ dạ, ruột để ngoài da vì thế hàng xóm cũng không lấy đó làm điều, vẫn rất quý bà, vui vẻ chào hỏi mỗi khi gặp bà. Bà mất một cách đột ngột, dễ dàng, trong lúc đang chửi nhau. Hôm ấy, chẳng biết có ai đó nói động gì đến cháu trai bà, chỉ là trách cứ một việc nhỏ thôi, nghi thẳng bé dất trâu ngang qua ruộng, để quơ mất mấy dây khoai lang của họ. Chưa rõ thực hư thế nào, vừa nghe nói động đến đứa cháu, bà đã ra bờ ruộng chửi ầm lên. Đang đến lúc cao trào, câu chửi bắt đầu có vần có điệu, bà bỗng chới với rồi ngã vật ra góc sân. Có lẽ máu hỏa đã bốc lên ngùn ngụt làm bà đứt mạch máu não. Ai cũng thương bà, thấy tội nghiệp cho bà. Cả làng đều đi đưa đám. Nghe nói hiếm có một đám ma nào đông như thế...

Đối với chị em tôi, ông bà Thơ rất yêu chiều. Trong những ngày khó khăn nhất, chúng tôi đã được ông bà và thím Minh yêu thương và đùm bọc rất nhiều. Về vật chất ông bà cũng không dư dả gì, không giúp đỡ gì bao nhiêu cho chị em tôi. Nhưng về tình thương thì tấm lòng của ông bà, của thím Minh thật chan chứa. Nghĩ về Bãi Trại, nghĩ về làng Thề, không thể nào chị em tôi không nghĩ đến những người thân yêu đã trở nên ruột thịt ấy.

Chị Ngà kêu mỗi chân. Hai chị em dừng lại, tìm một đám cỏ sạch để ngồi nghỉ. Cô may ghim chỉ chít trên hai ống quần của chị em tôi. Giá con gà mái đen ngày xưa bỗng hiện về nhỉ... Kỷ niệm tuổi thơ lại bùng bạc hiện về: chúng tôi đang sống giữa một không gian tràn ngập kỷ niệm. Nhìn đâu cũng thấy quá khứ. Quanh chúng tôi, những cây ké hoa vàng mọc rải rác. Giống cây này nhỏ bé, cao nhất cũng chỉ ngang bắp chân, có đặc điểm cây nhỏ nhưng có dáng rất cổ thụ. Thân cũng xù xì, nổi u, nổi bướu, dáng cũng xum xuê la đà chẳng khác bao nhiêu với những gốc đa trăm tuổi. Tôi và anh Lượng hay lượm những hòn sỏi cuội nhẵn thín, những cục đá sỏi xù xì góc cạnh xếp thành những toà lâu đài nhỏ xíu ẩn dưới những vòm ké hoa vàng ấy. Chúng tôi đi bắt dế, bắt tổ ong ruồi về nuôi trong các toà lâu đài. Anh em tôi có thể nằm toài trên cỏ hàng giờ để ngắm nghía, sửa sang, phá đi xây lại cho đến khi thật mãn nguyện.

Rồi lại còn những thân cây sau sau thân trắng mốc, lá xẻ chân vịt kia nữa. Lá của nó vò nát có mùi thơm bạc hà dịu nhẹ. Những con sâu cước nổi gai xanh gai vàng trông hơi sợ nhưng thật ra rất hiền lành thường ăn lá sau sau, cho chúng tôi những sợi cước bền chắc để câu cá. Anh Lượng và tôi thường trèo lên cây, chọn mấy cành chĩa ngang chắc chắn trên cao, gác thêm lên mấy cây que làm thành một chòi canh, một chỗ nửa nằm nửa ngồi lý tưởng. Mỗi anh em tôi chiếm riêng cho mình một cây như thế. Có khi anh em tôi ở trên cây cả mấy tiếng đồng hồ, lúc mơ mộng ngắm mây trời, lúc tán dóc nói vọng từ cây nọ sang cây kia, có lúc còn thố mấy cục đường phèn của bà tôi đem ra đẩy nhấm nháp từng chút xiu một, cảm thấy sao mà ngọt, mà thơm đến thế. Gió trời lồng lộng, bóng lá râm mát xanh như ngọc, không gian thoảng hương bạc hà toả ra từ lá, từ nhựa cây óng vàng nhiều lần ru anh em tôi ngủ ngon lành trên lưng chùng cây mãi cho đến lúc có ai đó gọi mới chịu về.

Xa xa, về phía tay phải, dòng sông Máng hiện ra hiền hòa. Là một con sông đào nhỏ bé không có tên, chỉ được gọi nôm na là sông Máng nhưng đối với tôi, đó là con sông thân thiết nhất, gần bó nhất so với tất cả mọi con sông trên đời. Sông nhỏ đến nỗi hai người đi trên hai bờ đê, nói chuyện với nhau không cần lên cao giọng vẫn nghe rõ. Vậy mà nó đã là dòng sông thân thiết trong tuổi ấu thơ của tôi. Chúng tôi đã lẫn lộn bò toài trên triền đê của nó. Chơi đánh trận giả quanh những lùm dừa đại dưới chân đê. Nằm thanh thoi trên mình trâu, con trâu vừa gặm cỏ roàn roạt vừa thung dung chở bọn tôi đi rong trên triền đê thoải thoải. Ngược lên phía trên chừng ba, bốn cây số là ngôi trường nhỏ bé ngay gần bờ sông, đã có một thời gian ngắn anh em tôi học lớp một, lớp hai ở đó. Chính ở nơi này có một kỷ niệm tưởng như là một trò đùa của một người thầy hình như hơi không được bình thường nhưng đã để lại trong chúng tôi những ấn tượng vào loại mạnh mẽ, sâu sắc nhất, nổi bật hẳn lên giữa biết bao kỷ niệm bình thường khác. Thầy giáo tên gì, tôi không nhớ nữa. Người thầy cao gầy, còn vẻ mặt như thế nào tôi cũng không hình dung ra được rõ ràng. Vừa là do thời gian đã qua cả nửa thế kỷ, vừa là do ngày còn bé xiu tôi vốn nhút nhát, cũng giống như bao cậu học trò bé xiu nhút nhát khác có mấy khi dám nhìn tường tận mặt thầy. Trong buổi học, thầy kể về Trần Hưng Đạo đánh tan quân nhà Nguyên trên sông Bạch Đằng. Thầy dạy chúng tôi bài hát về dòng sông huyền thoại ấy: “Trên sông Bạch Đằng. Quân Nam âm reo...”. Tuy còn nhỏ xiu nhưng cả lớp chúng tôi vừa hát vừa gào lên thỏa sức, tràn ngập lòng tự hào vì truyền thống cha ông: “Đây Bạch Đằng Giang, sông hùng dũng của nòi giống Tiên Rồng, giống Lạc Hồng, giống anh hùng Nam Bắc Trung. Trên trời xanh muôn sắc đua chen bóng ô. Dưới đáy dòng nước ánh sáng vờn vờn nhấp nhô...”. Lòng đầy náo nức, hùng hực khí thế quật khởi, chúng tôi ào ào ủa chạy ra khỏi lớp. Thầy cho phép chúng tôi xô nhau nhảy xuống lòng sông đã cạn nước chỉ còn ngang bắp chân, thi nhau hò hét, té nước vào nhau loạn xạ. Mình mấy đứa nào đứa nấy ướt đầm đìa nhưng vẻ mặt thì rạng ngời. Chúng tôi tưởng như mình đang là những chiến binh nhà Trần của mấy trăm năm về trước, vừa ào lên như vũ bão thét vang: “Sát Thát! Sát Thát!” vừa gào đến vỡ ngực: “Trên sông Bạch Đằng. Quân Nam âm reo...”. Sau trận thủy chiến lừng danh ấy, chúng tôi không bao giờ được gặp lại thầy giáo nữa. Sau này nghe kể lại, tôi mới biết là thầy bị khiển trách và chuyển chuyển đi nơi khác. Vậy mà đối với lũ nhỏ chúng tôi, trong suốt cả cuộc đời, có lẽ đó lại là một buổi học lý thú nhất, để lại những ấn tượng đậm đà nhất về hình ảnh người thầy và nhà trường...

Đưa mắt lướt một vòng qua con đê, dần quay về bên trái, chị em tôi bắt gặp nóc nhô cao lên của ngôi nhà gác áp Bình Chương của ông bà Thượng tôi. Ngôi nhà với mái

ngồi đỏ ngả vàng cam vượt hẳn lên trên rặng tre nửa vàng nửa xanh xum xòa. Ở đó đã từng sống cả một đại gia đình chúng tôi. Có biết bao kỷ niệm đẹp đẽ đã từng qua đi ở đó. Những buổi tối cả nhà quây quần, vang lên những chuỗi cười bất tận. Anh Hiệu, anh thứ ba của tôi, sau chị Trọng và chị Ngà, có nhiều năng khiếu văn thơ. Anh rất thông minh, học giỏi, hồi đó anh hay làm những bài thơ vui kể lại những chuyện xảy ra quanh mình. Bất cứ chuyện gì, bất cứ cảnh sắc nào, anh cũng có thể đưa được vào những vần thơ giản dị và hóm hỉnh của mình. Chính nhờ những vần thơ đó mà bây giờ, sau gần năm mươi năm, anh em tôi vẫn có thể hình dung ra rất rõ những câu chuyện cũ, mà nếu không có thơ anh ghi lại thì không thể nào hình dung ra nổi. Những vần thơ vui, còn rất non nớt nhưng lại thật cụ thể, sinh động. Cả nửa thế kỷ đã qua rồi, nhưng qua những vần thơ vui của anh làm lúc tám, chín tuổi, một buổi tối vui bất tận ở ấp Bình Chương vẫn hiện lên rõ mồn một: “Hôm nay bà Bá đã lên. Cả nhà vui vẻ huyền thuyên chuyện trò. Người nói nhỏ, kẻ nói to. Sáu người to lớn nằm co trên giường. Bỗng nhiên giường gãy lỵ thường. Đánh đùng một cái bên tường tung ra. Cô Mai, cậu Lượng đó à? Cô Thế, cô Lê cùng bà Đốc Khang. Cô Bảy dưới bếp vội vàng. Chạy lên ôm lấy cô nàng Chi Mai. Chú Minh thì bị ở tai. Thành ra nằm ở giường ngoài mà đau...”.

Chẳng là hôm ấy bà Bá, chị ruột của ông nội tôi từ dưới Hải Dương mới lên. Cả nhà quây quần vui vẻ. Đang rôm rả chuyện trò, bỗng chiếc giường gãy chân vì người nằm, người ngồi quá nặng... Bài thơ mang tính chất nhật ký này, anh Hiệu cùng với bố tôi “ứng khẩu” ngay tại chỗ. Người được nhắc đến đầu tiên trong bài thơ là bà Bá của tôi. Bà tên thật là Phúc, chị cả của mấy ông bà họ nội tôi, theo thứ tự tên chữ: Phúc, Thọ, Khang, Ninh. Bà không lấy chồng, suốt đời chịu ở vậy để trông nom, cai quản giúp cho cơ nghiệp của em gái bà là Thượng. Tôi chưa thấy ai thuộc truyện Kiều và đặc biệt là vận những câu Kiều vào mọi mặt của đời sống thường nhật một cách tài tình như bà. Bất cứ chuyện gì, dù lớn hay nhỏ, bà cũng vận mấy câu Kiều vào được, vận tức thì, chính xác, dung dị như vốn sự việc đòi hỏi phải được diễn đạt như thế chứ không thể khác. Không biết vì lý do gì, trong hàng các cháu, tôi được bà yêu quý nhất. Bà thường ôm tôi vào lòng xuyết xoa: “Cháu nỡn của bà!”. Những ngày còn một, hai tuổi, có một thời gian dài tôi được sống với bà, có một người vú nuôi ngày ngày bế ẵm, chăm sóc tôi. Còn bé quá, tôi không nhớ được gì nhiều về những ngày xa lơ xa lắc đó...

Cũng ở ấp Bình Chương, còn một chuyện làm tôi khó quên. Hôm ấy, cả nhà đang quây quần ăn sáng. Bà Thượng tôi từ buồng trong đi ra, giọng buồn buồn lo lắng nói với ông Thượng tôi: “Ông ạ. Tự nhiên tôi thấy lo quá. Đêm qua tôi nằm mộng thấy thằng Hy nó về. Đầu nó quần băng trắng, máu me đầm đìa hết cả. Nó cứ ôm đầu kêu: “Mẹ ơi, con đau đầu quá!”. Không biết là điềm gì? Liệu nó có làm sao không ông?”. Ông Thượng tôi cười, gạt đi: “Bà chỉ khéo nghĩ vẩn vơ! Không có chuyện gì đâu! Lâu không có tin tức nó, bà mong nhiều nên nằm mộng đó thôi!”. Nhưng kỳ lạ làm sao! Khoảng một tuần sau, có tin dữ từ Hưng Yên đưa lên: Bác Hy tôi đã tử trận! Ông bà tôi tính lại, bác tôi hy sinh vào đúng cái ngày bà tôi nằm mơ thấy bác ôm đầu trở về. Tin tức cho biết bác tôi đã chỉ huy tiểu đoàn của mình chống trả một cách vô cùng oanh liệt một lực lượng thiện chiến của địch. Quân địch quá đông, gồm lính nguy và rất đông lính Âu Phi trang bị cực mạnh. Lực lượng quá chênh lệch, quân ta chiến đấu rất ngoan cường, nhưng cuối cùng phải vừa đánh vừa rút. Bác Hy tôi là tiểu đoàn trưởng, cùng với một tiểu đội nòng cốt, cố thủ đánh trả quyết liệt. Các chiến sĩ hy sinh gần hết. Bọn Tây đen rạch mặt ào lên định bắt sống bác tôi. Đạn hết, không để chịu sa vào tay giặc, còn viên đạn cuối cùng, bác tôi đã giơ súng lên ngang đầu, bóp cò tự sát.

Cái chết lâm liệt đó đã lan truyền đi khắp các chiến trường. Nơi bác tôi ngã xuống thuộc huyện Văn Giang, Hưng Yên năm 1948 ấy, tên xã được mang tên bác tôi: Lê Tôn Hy..

Tôi đang miên man suy nghĩ, chợt chị Ngà nắm tay tôi khẽ lắc:

- Lát nữa chị em mình vào làng thăm anh chị Trí em nhé. Ngày mẹ còn sống, anh Trí quý mẹ và chị em mình lắm đấy. Chính anh là người phụ trách thiếu nhi đầu tiên kể từ khi chị em mình bắt đầu biết đi sinh hoạt thiếu nhi thời kháng chiến chống Pháp đấy em ạ. Mấy lần đi sinh hoạt về khuya, chị em mình bị mẹ la, anh Trí phải xin cho đấy. Hôm mẹ mất, em bị ốm, chính anh Trí là người cõng em đưa mẹ ra đồng. Cho đến bây giờ, nghe thím Minh nói, anh vẫn sống vất vả lắm.

Hai chị em tôi bồi ngùi nhớ lại những kỷ niệm cũ. Bãi Trại, làng Thề, ấp Bình Chương, Yên Thế... Câu hát cũ lại vang lên trong tâm trí tôi “Nhớ ai trên mấy đồi Yên Thế...”. Bây giờ tất cả chỉ còn là dĩ vãng...

22.

Đang trong giờ học, cả lớp đang chăm chú nghe cô Kim giảng toán, chợt trời bỗng tối hẳn lại. Gió từ đâu bỗng ào ào thổi về, vít cong những ngọn tre, rồi cứ thế mà lay lắc hành hạ chúng. Những ngọn tre rũ rượi bị gió quăn đảo, lúc ngả rạp xuống, lúc bị giật ngược trở lại, vật vã, lủ lủ... Gió chỉ ngừng quay cuồng khi mưa bắt đầu rơi. Ban đầu mưa còn thưa thớt, lộp bộp ít giọt, sau nặng hạt dần và cuối cùng ào ạt, xối xả, đất trời mù trắng hơi nước. Tiếng mưa à à, đều đều, có một cái gì đó thật trang trọng. Xa xa, lục đục tiếng sấm, rồi tiếng sấm di chuyển tới gần, nổ vang rền ngay trên đỉnh đầu.

Thằng Bảo huých khuỷu tay vào sườn tôi, hí hửng nói khe khẽ:

- Mưa mới đấy! Chốc nữa về, tha hồ bắt cá rạch nước lên bờ!

- Cá rạch nước là cá gì? - Tôi ngớ ngẩn hỏi.

Thằng Bảo làm ra vẻ bí mật, cười thích thú:

- Chốc nữa mày sẽ biết!

Nó cười to quá khiến cô Kim để ý. Cô nhắc:

- Bảo! Không được nói chuyện. Làm bài đi!

Bảo lè lưỡi, rụt cổ, nháy mắt với tôi rồi mới cắm cúi làm bài tiếp.

Kểng vừa vang lên, nó đã nhét vội sách vở vào cặp, nhấp nhòm chờ lớp trưởng Đoàn Thao hô “ng nghiêm!” chào cô giáo xong là ù té chạy. Nó bảo tôi phải thật nhanh chân không bọn chúng nó bắt hết mất. Chưa biết cá mú thế nào, chỉ mới chứng kiến bộ dạng nôn nóng của nó, tôi đã thấy có vẻ hấp dẫn. Cô Kim vừa ra khỏi lớp, thằng Bảo vội kéo tay tôi chạy theo nó.

Có ra ngoài đường mới thấy con mưa vừa rồi lớn đến thế nào. Nhìn xung quanh đều lênh láng nước. Cả cánh đồng ven thị xã trắng xóa nước ngập, chỉ đây đó nhô lên ít thửa ruộng cao, loáng thoáng màu xanh lơ phơ của cỏ. Nước ngập mặt ruộng, tràn lên cả đường cái. Con đường đất đỏ rách rưới nước chảy. Bảo nhảy từ vùng nước này sang vùng nước khác, giậm chân cho nước bắn tung tóe. Quần áo nó ướt sũng. Mắt nó sáng lên, giờ tay chỉ xuống mặt đường:

- Thấy chưa? Thấy chưa? Tao đã bảo mà! Cá nhiều quá đi mày ơi!

Khấp mặt đường lấp lánh ánh bạc. Những con cá rô ron đang rạch nước lách mình bơi đi. Nước trên mặt đường xâm xấp, chúng mắc cạn, cứ ngoắt đuôi, uốn mình lách lên phía trước. Những tia nước nhỏ xíu bắn lên cùng với tiếng nước roàn roạt, roàn roạt. Nhìn những con cá rô nhỏ bằng ngón tay, có con bằng hạt bưởi, lườn vàng nhạt ánh xanh, vây và xương còn mềm, khi nằm gọn trong lòng tay tôi, chúng rúc rúc chỉ buồn buồn chứ chưa thấy đau, tôi thương chúng quá. Tôi cúi xuống bắt một cách chềnh mảng. Nhiều lần, tôi gạt chúng trở lại ruộng, cho chúng vui vẻ cuốn theo đàn. Bảo vẫn nhảy chơi chơi trên đường, liên tiếp tóm hết con này đến con khác. Nó chỉ cho tôi cách xâu cá bằng cọng cỏ may, mỗi cọng cỏ xâu được cả chục con. Khi thấy mình được mấy chục xâu rồi mà tôi mới chỉ có vài xâu, nó chê:

- Sao mày dở quá vậy? Bắt cá loại này dễ ợt mà!

Tôi chỉ cười trừ không thanh minh. Tôi vẫn tiếp tục gỡ những chú cá ngờ nghệch vương trong cỏ, thả lại xuống dòng mương. Thấy Bảo vẫn hăng hái quá, còn vừa tóm cá vừa nghe ngao hát nữa, tôi gằn nó:

- Thôi Bảo ạ. Bắt thế nhiều quá rồi. Cá nhóc con này, ăn chẳng bổ!

Bảo trợn mắt:

- Mày ngu quá trời ngu! Cá rô là ngon nhất hạng! Về rán giòn, Trời cũng phải mê! Rồi mày xem!

Tôi thoái thác không bắt nữa bằng cách nói mình thấy gầy gầy khó chịu. Mà đúng như thế thật. Quần áo tôi ướt rườn rướt, người ớn lạnh, hai cánh tay nổi da gà. Bảo đành phải bỏ cuộc. Vừa ra về, nó vừa ngoái lại nhìn con đường xâm xấp nước vẫn lấp lánh ánh bạc, về tiếc nuối. Nó bảo tôi:

- Tối nay lại đi bắt ếch nữa nhé! Mưa này, ếch ra nhiều phải biết!

Chưa tối mà thằng Bảo đã rồi rít chuân bị đủ thứ: nào gió, nào đuối, nào áo mưa... Vừa đập giập mấy khúc nứa để làm đuối, nó vừa ghéch mặt hỏi tôi:

- Hồi ở Yên Thế, cũng là nông thôn, mà sao mày lại không biết đi bắt ếch đêm nhỉ?

- Dạo đó mình còn nhỏ, ông bà mình cấm không cho đêm mưa nhiều. Ban ngày, chăn trâu kiếm củi thì tha hồ thoải mái, còn đêm hôm mưa gió trốn đi chơi khó lắm.

- Vậy thì tối nay tao sẽ cho mày biết thế nào là đi bắt ếch đêm mưa!

Nó cười khà khà, ra cái điều ta đây sành sỏi lắm.

Về tối, trời lại bắt đầu lác rắc mưa. Bảo gật gù:

- Đúng là Trời phù hộ mình! Thời tiết này, bọn ếch chỉ có chết!

Cứ tưởng chỉ mình bọn tôi biết thời cơ đi chộp ếch. Vừa ra khỏi nhà, đã thấy khắp cánh đồng chớp chớp ánh lửa. Đồng cao đồng thấp, đâu đâu cũng lập lòe ánh đuốc. Bảo vừa chạy gần vừa hối thúc tôi:

- Nhanh chân lên mày ơi! Chúng nó bắt hết mất. Láo thật! Chúng nó láo thật!

Tôi bật cười vì câu trách vô lý của Bảo. Mình đi bắt. Người ta cũng đi bắt. Đường ai nấy đi, sao lại bảo người ta láo? Bảo vẫn bước thấp bước cao, lội bì bõm trong nước, miệng lảm bảm bực bội. Nó bỗng lộn trở lại, nín áo tôi cùng theo:

- Đi, ta lên cánh đồng màu, ngon ăn hơn mày ạ! Bọn chúng nó ngu, ra giữa đồng nước ngập, chỉ có mà ăn cám!

Được mấy bước, nó lại bảo tôi:

- Dụi bốt bó đuốc của mày đi, khỏi lãng phí. Đề phòng “đánh” lâu dài. Mà mày để ý nhá! Kéo đạp phải rấn là toi đời! Rấn thấy ánh lửa, thường “theo đóm ăn tàn” mà!

Nghe nó nói, tôi thấy chần chừ, bước đi không được mạnh dạn như trước. Nhận ra điều đó, nó trấn an tôi:

- Nói vậy để mày đề phòng thôi chứ rấn ở đâu ra mà nhiều đến thế! Năm thì mười họa mới gặp bọn nó thôi, mày đừng lo!

Nó lại cười hì hì, để thêm:

- Có lão mỗ đây, mày lo gì!

Nó nói cũng phải. Có nó, tôi thấy yên lòng vô cùng. Thấp thoáng phía trước đã thấy lò mờ hiện ra mấy dải bờ cao màu nâu non, được ánh đuốc lóng lên một lớp ánh vàng. Tiếng ếch nhái cùng vô vàn tiếng côn trùng khác râm ran khắp cánh đồng. Tiếng ọc ọc, ộp ộp, oạc oạc, ẹc ẹc... thi nhau tấu lên hòa quyện vào nhau tạo nên thứ âm thanh rạo rực đặc biệt của đồng quê vào đêm. Giữa những âm thanh đều đều, triền miên ấy, thỉnh thoảng lại nổi bật lên tiếng “ộp ộp” trầm đục nhưng rất vang, đầy uy lực. Bảo giật tay tôi, thì thào:

- Một lão ếch cụ, mày thấy không? Phải to bằng hai bàn tay úp chứ không ít! Mày cầm đuốc soi để tao tìm kiếm lão!

Tôi giờ cao nắm đuốc, lửa phùng phùng cháy, soi rõ cả một vùng rộng. Những luống khoai lang, khoai sọ vun cao, rãnh lõng bõng nước, sáng loang loáng. Ba bốn cặp ếch công nhau ngồi trên các luống khoai, giương những đôi mắt tròn xoe nhìn ánh lửa. Chúng như bị ánh sáng thôi miên, cứ ngây ra nhìn, không động cựa. Bảo lò dò vòng ra phía sau, rón rén đến bên, chúng vẫn không hay biết. Mấy cặp ếch bị Bảo tóm gọn

một cách êm ru. Dưới ánh lửa, dây đó ánh lên những đốm sáng lấp lánh của những đôi mắt ếch. Hai đứa tôi cứ bì bõm lội hết thửa ruộng này sang thửa ruộng khác, mê mải tìm kiếm những con ếch ngờ ngạc nhiên. Bó đuốc sắp tàn, tôi châm bó khác đốt tiếp, lòng thầm phục thằng Bảo dày dặn kinh nghiệm. Nếu bạn này không dụi bớt một bó thì giờ này chắc phải bỏ dở ra về... Càng về khuya, tiếng ếch nhái càng rõ lên, càng vang xa. Thấy Bảo chồm ếch quá dễ dàng, tôi cũng hăng hái, nói Bảo soi đuốc cho tôi bắt. Lúc đầu, tôi vừa hồi hộp vừa lúng túng, bắt hụt mấy lần. Sau bình tĩnh hơn, tôi đã nhắm cặp nào là tóm gọn cặp ấy, Bảo cũng phải khen là tôi tiến bộ nhanh. Khi đuốc gần tàn, tôi nói Bảo ra về, nó cứ nần ná không chịu. Bắt đang ham, bỏ về nó tiếc.

Thấy Bảo bắt được nhiều quá, bỗng nhiên tôi thấy buồn buồn, thương cho lũ ếch. Tôi nghiệp chúng nó. Vì thế, cứ thấy Bảo lò dò sắp sửa tóm được một con nào đấy, tôi lại cố ý dậm mạnh chân hoặc búng một viên đất nhỏ đánh động cho con ếch nhảy thoát. Mấy lần như thế, thằng Bảo phát hiện ra, nó la toáng lên:

- Mày có bị khủng không đấy? Để yên cho tao bắt!

- Bắt được nhiều rồi. Thôi đi mày ạ. Tao thấy tội nghiệp cho chúng nó... - Tôi mỉm cười, nói nhỏ.

- Trời ơi! Tôi với chả nghiệp! Mày mềm yếu thế sau này đời mày sẽ khổ, tao nói trước cho mày biết! Thôi, cứng rắn lên! - Nó lên giọng kẻ cả rồi lại ngoác miệng ra cười.

Tôi chỉ ra xung quanh cho nó thấy mọi người cũng đã về nhiều rồi. Chỉ còn đây đó rải rác vài đốm sáng. Nói mãi, Bảo mới chịu ra về, nhưng mồm vẫn lẩm bẩm hậm hực. Hai giỏ ếch trĩu nặng, xệ xuống bên hông hai đứa. Bọn ếch đạp loạn xạ, càng làm cho giỏ có vẻ nặng hơn. Dây buộc giỏ quàng qua eo bụng, mỗi lúc bọn ếch quẫy đạp, càng xiết chặt lại làm tôi đau nhói. Lội ì oạp trên những bờ ruộng ngập nước đem lại cho tôi cảm giác thú vị vô cùng. Tôi cảm thấy mình thực sự cứng cáp, sức mình cũng dẻo dai chẳng kém gì thằng Bảo. Tôi đang lan man nghĩ ngợi thì Bảo hỏi to:

- Mày thích ăn kiểu gì? Kho, rán giòn hay nấu canh măng?

- Món gì cũng được. Nhưng ăn sao hết hai giỏ đây? Hay mang sang biếu cô Kim mấy xâu Bảo ạ.

- Mày nói chí phải! Tao cũng đang định thế. Đúng là chí lớn trong thiên hạ thường gặp nhau! - Bảo cười khanh khách, tự thưởng cho câu nói hóm hỉnh của mình. Rồi nó nói tiếp - Nhưng trước hết về bắt thằng Nam thịt ếch, đặt nồi cháo, lót dạ một chầu cho ấm bụng cái đã. Tao đói run người lên đây này! Cháo ếch là tuyệt lắm đấy mày nhé! Bỏ nhất hạng!

Tôi lại cười thầm. Sợ nó tự ái nên không dám cười to. Cái gì nó cũng bỏ nhất hạng! Cháo cá bỏ nhất hạng. Nước cơm bỏ nhất hạng. Giờ lại đến cháo ếch! Tôi chưa nghe ai nói nấu cháo ếch bao giờ.

Đêm chắc cũng đã khuya lắm. Trời tạnh mưa từ lâu. Bầu trời đen thẫm, lộ ra những vì sao sáng long lanh. Đây đó, mấy đám mây đứt chân nối nhau trôi bồng bềnh. Mây này, mưa đổ xuống ào ào bất cứ lúc nào. Hai đứa tôi nhanh chân chạy về, băng qua mấy thửa ruộng ngập nước. Gần đến nhà thì đuốc tắt. Cứ tưởng phải lần mò đi một

cách khó khăn, không ngờ đuốc tắt, đường lại có vẻ dễ đi hơn. Cả không gian bàng bạc một thứ ánh sáng mờ mờ xanh dịu. Những đám mây nổi rõ hơn, trắng hơn. Tiếng côn trùng vẫn râm ran, rí rả, âm vang rất xa. Ánh đèn phía trước dâng lên, hạ xuống, như ra hiệu mời gọi. Tiếng anh Nhu hỏi to:

- Thăng Bảo, thằng Thiện đó hả?

- Vâng, bọn em thắng lớn trở về đây! - Bảo phờn chí, gào lên.

- Thắng, thắng cái gì? Về nhanh lên! - Tiếng anh Nhu bực dọc.

Bảo huých vai tôi:

- Chết rồi! Anh Nhu bực mình rồi!

Chúng tôi len lén đi đến bên anh Nhu. Giọng anh vẫn trách móc:

- Tưởng đi một lúc rồi về chứ ai cho hai đứa đi suốt đêm như thế?

Không đứa nào dám hó hé, chỉ lẳng lặng cởi dây đeo giỏ, đặt nhẹ xuống cạnh bậc cửa. Hình như anh Nhu cũng cảm thấy mùi lòng khi thấy hai đứa tôi ướt lướt thướt nên giọng anh có dịu đi:

- Thôi, đi rửa ráy chân tay rồi thay quần áo đi. Mai đứa nào mà lặn ra ốm, anh kỷ luật thẳng cánh, đừng có trách đây nhá!

Thấy không khí đã bớt căng thẳng, thằng Bảo lại tí tởn:

- Nhiều ếch lắm anh ạ. Con nào con nấy béo mồm. Ngày mai em lại đi nữa...

Anh Nhu cốc vào đầu nó:

- Đấy! Đấy! Lại chứng nào tật nấy! Mới nói xong đã lại đi nữa, đi nữa!

- Em quên, hì hì, em quên! - Bảo cười xí xóa.

Anh Nhu quát lên nhưng giọng đầy âu yếm:

- Thôi, rửa ráy chân tay đi, khuya lắm rồi! Trông kìa, bùn đất lắm lem, trông có khác gì thằng hề không?

Anh cười. Được thế, thằng Bảo cũng cười phá lên. Nó cố rặn ra mà cười, cố tình cợt nhả. Thấy anh Nhu vui vẻ, thế là nó tía lia cái miệng, kể lại toàn bộ chuyện bắt ếch. Trong câu chuyện, chỉ có mình tôi biết là nó có phóng đại lên khá nhiều. Nhưng thôi, tha cho nó. Những chuyện nó phóng đại, chỉ cốt để cho câu chuyện thêm ly kỳ hấp dẫn, hoàn toàn vô hại, có thể chấp nhận được. Tôi mỉm mỉm như thế...

23.

Thấm thoát thế mà đã hết năm học, đến kỳ nghỉ hè. Tôi nói với anh Nhu cho tôi về thăm nhà ít ngày rồi sẽ lên đi làm công trường nhà máy xay với anh. Trường phổ thông thầy Tín cũng nghỉ hè, các học viên về hết, việc phụ bếp của tôi cũng tạm ngưng.

Tôi về nhà, mọi người đi vắng cả, chỉ có bố tôi đang đứng vật lông gà. Tôi ngỡ ngàng nhìn bố tôi. Bố tôi lấy sợi dây thừng buộc cổ con gà, treo lên xà ngang, để con gà lủng lẳng ngang tầm tay rồi cứ thế bố tôi đứng vật lông. Tôi ngạc nhiên hỏi bố tôi:

Cậu làm gì thế/ Sao cậu lại vật lông gà kiểu đó?

Bố tôi cười lúng túng.

- Con gà nó bị rù. Cụ trưởng Nhung sang chơi, báo phải phải thịt ngay kéo nó chết thì phí hoài. Cả nhà đi vắng cả, chẳng biết làm thịt thế nào, tôi cứ vật lông trước...

Tôi kêu lên:

- Trời ơi ! Trước khi vật lông thì cậu phải cắt tiết chứ đã chứ ! Phải đun nước sôi, nhúng gà vào rồi mới vật...

Bố tôi cười hiện lành:

- Nào tôi có thịt gà bao giờ đâu mà biết!

- Cô con dâu hờ cậu? – Vừa vừa cởi sợi dây thừng ra khỏi cổ con gà, tôi vừa hỏi sang chuyện khác.

- Bà ấy xuống cậu Nhã ăn giỗ. Máy đứa nhỏ cũng xuống đó. Anh Hiệu đi học cả ngày, tối mới về. Thế anh được nghỉ hè rồi à?.

- Vâng. Con bắt đầu nghỉ từ hôm qua. Con định xin phép cậu cho con nghỉ ở nhà mấy hôm thôi, rồi con lại đi làm ở nhà máy xay với các anh trên đó.

Bố tôi ngạc nhiên:

- Con còn ít tuổi, đã có nghề nghiệp gì đâu mà đi làm máy xay?

Tôi giải thích cho bố tôi rõ:

- Không phải đi làm công nhân nhà máy xay đâu ạ. Nhà máy mới bắt đầu xây dựng. Bọn con chỉ làm tạp vụ thôi. Nghĩa là đi chở vôi cát, xi măng, nguyên vật liệu...

- Nhưng việc ấy còn nặng nhọc hơn là làm công nhân chính thức....

Bố tôi định nói gì thêm nữa nhưng rồi ngập ngừng không nói. Tôi biết tâm trạng khó nói của bố tôi. Từ lâu, tôi rất hiểu là bố tôi rất thương tôi, rất áy náy, day dứt khi tôi vất vả làm thêm để lấy tiền ăn học. Thực lòng, bố tôi không muốn tôi phải vất vả như thế, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn quá, bố tôi không đủ sức cáng đáng, đành chấp nhận để tôi đi làm thêm. Và lại, bố tôi cũng biết tính tự lập cao của tôi, rất ít khi dựa dẫm vào người khác.

Tôi ngồi, cảm tý trên đầu rồi, vừa nhúng gà vào chậu nước nóng, vật lông, tôi vừa nghĩ lan man về bố tôi. Ngày xưa, bố tôi là con nhà giàu. Ông bà nội tôi làm đại lý rượu, có mấy cửa hàng ở thị xã Bắc Ninh, Bắc Giang, Đáp Cầu, Thị Cầu... Bố tôi được ăn học đầy đủ, chu đáo, đã có bằng tú tài thời Pháp. Tiếng Pháp và tiếng Anh bố tôi rất giỏi. Tôi đã được trông thấy tận mắt những tập bài làm tiếng Pháp, tiếng Anh của bố tôi, bài nào cũng được 20 điểm trên 20 với lời phê “Très bien”. Thời trẻ, bố tôi nuôi nhiều khát vọng. Sau khi sinh con đầu lòng là chị trọng tôi, bố tôi đã bỏ vào Sài Gòn, chờ ngày sang Pháp. Ông bà nội tôi muốn tôi ở lại nhà để quản lý cơ nghiệp vì bố tôi là con một. Nhưng bố tôi không muốn đi theo con đường làm ăn buôn bán mà muốn đi du học ở nước ngoài. Bố tôi có nhiều xu hướng thiên về văn chương, xã hội. Qua một số sách vở còn lưu giữ lại được của bố tôi, tôi biết bố tôi rất ham mê văn chương và có làm một số bài thơ. Bố tôi rất am tường văn học Pháp. Ông đọc tất cả qua nguyên bản. Ngày còn nhỏ xíu, tôi đã từng nghe bố tôi ca tụng Victor Hugo, Bandắc, Môngpatxăng, Pholôbe, Stăngđan... bố tôi thuộc lòng các bài thơ của Satôbriăng, Lamactin, Apôline... trong lúc bố tôi đang ở nhà thờ của người bạn bên Khánh Hội, chờ ngày lên tàu đi Pháp thì nhận được điện tín báo tin ông nội tôi ốm

nặng, gia đình gọi bố tôi về. Thế là mộng du học đành bỏ dở. Bố tôi trở thành người chủ chính trong gia đình. Lo cai quản sản nghiệp. Cũng nhờ đó, mấy anh chị em tôi mới tiếp tục ra đời, cứ một năm hoặc ba năm đôi, đến tôi là thứ năm. Sau tôi còn ba em nữa nhưng đều mất sớm, tôi trở thành con út.

Trong đời sống, bố tôi không phải là người tháo vát, biết lo liệu. Mấy lần chung vốn làm ăn nghe nói đều bị người ta lừa gạt. Cho đến cuối đời, sau bao nhiêu biến đổi của thời cuộc, bao nhiêu gian truân của đời sống, hầu như tính cách “con nhà giàu” trong bố tôi vẫn không hề thay đổi. Bố tôi vẫn chưa hề biết nấu một nồi cơm, chưa hề biết làm một món ăn, ngay cả kho một nồi thịt hay luộc một nồi rau đơn giản. Để bù lại những khiếm khuyết về cuộc sống thường nhật ấy, bố tôi vẫn ung dung giữa mọi người nhờ lòng tốt, sự hồn nhiên vô tư, quan hệ quảng cáo với mọi người. Ở bất kỳ nơi đâu, bố tôi cũng có nhiều bạn bè. Những ngày gia đình tôi còn sung túc, tôi nhớ không hôm nào là nhà tôi không có khách. Người ta chơi một vài hôm, có người đang ở chơi cả tháng trời. Bố tôi có rất nhiều con nuôi. Có lần bố tôi bảo, suốt trong Nam ngoài Bắc, đâu bố tôi cũng có người quen thân. Sau này lớn lên, tôi muốn đi đâu bố tôi chỉ cần viết mấy chữ, vậy là tha hồ tung tẩy, có người đưa kẻ đón, không bao giờ lo đối. Anh chị em tôi thừa hưởng được ở bố tôi có lẽ gia tài lớn nhất là gia tài yêu quý đối với mọi người. Hầu như cả đời bố tôi không hề thù ghét ai, không hề nói xấu ai. Đối với bất cứ ai, bố tôi đều quý mến, giúp được gì cho họ, bố tôi đều sẵn lòng giúp hết mình. Ai cũng yêu quý bố tôi. Bố tôi ở đâu là có tiếng cười ở đó. Đặc biệt trong gia tộc, bố tôi là mối liên kết giữa mọi người. Ngay từ ngày còn trẻ, những ngày mà cả xã hội đang bị cuốn hút vào những lối sống mới, tất cả hướng về lối sống tập thể, ít quan tâm đến cuộc sống cá nhân, gia đình, bố tôi vẫn luôn chăm lo đến chuyện họ hàng, huyết thống, đến cả mồ, đất cát. Không phải không có người trong họ hàng cười khẩy, cho là bố tôi không thực tế, người sống còn khôn khổ khôn nạn lo chưa nổi mà bố tôi rồi hơi đi lo chuyện người chết. Sau này, khi về già, bố tôi phàn nàn với tôi: “Họ hàng mình chẳng quan tâm gì đến mồ mã ông bà cả. Các cô, các chú tân tiến quá mà! Có nhiều ngôi mộ nằm rải rác khắp nơi, có ngôi nằm trong nghĩa trang giờ cũng mất dấu cả rồi, nhưng cũng vẫn còn may. Nhiều ngôi, qua cuộc đời bể dâu, ngày trước ở trong nghĩa trang, ngay thành ở sát lối đi, ở trong sân, trong vườn nhà người ta. Tôi bây giờ già rồi nhưng vẫn còn nhớ được những vị trí của những ngôi mộ đó. Muốn đi gom góp lại xương cốt vung vãi khắp nơi đem vào nghĩa trang mà không có điều kiện. Mấy lần tôi đã ngỏ ý với các cô, các chú trong họ, nếu mọi người bận công, bận việc lo phẩn đầu để thành ông nọ bà kia thì hãy chịu khó bớt chút ít tiền gom góp lại cho tôi có tiền tàu xe đi tìm một các ông bà. Nhưng chẳng ai quan tâm đến điều tôi nói. Ai cũng cho là tôi lắm cảm, hấp hơi lo những chuyện không đâu. Tôi sợ đến lúc tôi chết thì chẳng còn ai biết bia một ông bà ở đâu...”. Điều bố tôi lo lắng, canh cánh bên lòng ấy cuối cùng là sự thật. Bố tôi mất, hàng chục ngôi mộ cũng mất theo. Sợi dây nối liền hiện tại với quá khứ, nối liền người sống với người chết – là bố tôi – đã đứt đột ngột. Rất nhiều mộ ông bà tổ tiên trở thành những ngôi mộ vô chủ, mãi mãi con cháu không thể nào kiếm tìm lại được...

Chính là bằng những việc làm hàng ngày nhiều khi tưởng là bình thường, không thực tế như những câu chuyện về mồ mã đất cát, về chuyện họ hàng, về bạn bè chòm xóm, những tình cảm khoan hoà của bố tôi dành cho tất cả mọi người Đã nuôi dưỡng trong anh chị em tôi cái gọi là lòng tốt, tính vị tha, lòng nhân ái, sự khoan dung. Tóm lại chúng tôi đã thừa hưởng ở bố tôi một tình cảm cốt lõi vào bậc nhất của nhân cách con người, đó là tấm lòng nhân hậu, khoan hoà...

Trong những ngày nghỉ hè đầu tiên ở Hà Nội lần ấy, có một việc để lại ấn tượng mạnh mẽ trong tôi là: tôi đã tìm được quyển “Thời thơ ấu” của Mácxim Gorki, nhưng là bản tiếng Pháp. Tôi theo anh Hiệu vào thư viện Quốc gia. Tôi không có thể, anh tôi phải

nài nỉ mãi, ông thường trực mới cho tôi vào xem ké. Trong khi tra cứu danh mục M. Gorki, tôi mừng rỡ phát hiện ra quyển sách trên. Trình độ tiếng Pháp của tôi lúc đó còn rất bập bõm, phần học được ở trường ngày còn nhỏ, phần đó do bố tôi dạy. Biết là đọc không nổi nhưng tôi có nói anh hiệu mượn cho tôi xem. Không đọc được thì tôi nhìn ngắm cho thỏa. Ấn tượng về bộ phim tôi đã xem vẫn vô cùng đậm nét trong tâm trí tôi.

Tôi cứ ngắm nghía cuốn sách, lật hết trang này sang trang khác, tức đến phát khóc khi biết là trong đó có bao điều kỳ diệu mà mình không tài nào đọc được. Tôi nói anh tôi dịch cho tôi nghe một vài đoạn. Xung quanh, người ngồi trầm tư đọc sách, người cầm cúi viết, anh tôi chỉ khẽ dịch cho tôi vừa đủ nghe. Ngay lập tức tôi bị choáng ngợp trước cảnh thuyền tàu thủy chậm chậm trôi trên sông Vonga, đưa bà cháu Gorki về Nigioni Nô vôgorôt, mà phải hơn mười năm sau tôi mới đọc một cách trọn vẹn qua bản dịch tiếng iệt.

“Bốn mươi năm về trước, tàu thủy chạy rất chậm, chúng tôi phải đi khá lâu mới tới Nigioni. Tôi còn nhớ rất rõ những ngày đầu tiên vô cùng đẹp đẽ ấy.

Trời rất đẹp, suốt từ sáng đến tối, tôi với bà tôi đứng trên boong tàu dưới bầu trời trong sáng, giữa đôi bờ sông Vonga được mùa thu thêu lên một màu vàng óng, trông như hai dải lụa. Con tàu gạch tuơ đi ngược dòng sông, bánh lái uể oải khuấy động mặt nước xanh sẫm. Con tàu kéo theo ở đầu sợi dây cáp dài một chiếc xà lan xám trông giống như con bọ đất. Mặt trời lững lờ di chuyển trên dòng sông Vonga; cảnh vật xung quanh đổi mới từng giờ từng phút. Những ngọn đồi xanh giống như những nếp gấp lõng lầy trên bộ y phục sang trọng của mặt đất; hai bên bờ sông, các thành phố và làng mạc nom xa xa như những chiếc bánh; thỉnh thoảng có chiếc lá thu vàng bập bênh trên mặt nước.

- Cháu nhìn xem, đẹp chưa kìa ! – Chốc chốc bà tôi lại nhắc đi nhắc lại và đi từ thành tàu bên này sang thành tàu bên kia. Bà nội rạng rỡ hẳn lên, đôi mắt mở to vì vui sướng...¹

Tôi mê đi như những cảnh sắc lung linh trong tác phẩm. Tôi nài nỉ anh tôi dịch thêm cho nghe một vài đoạn nữa, nhưng trình độ tiếng Pháp của anh tôi lúc đó cũng có hạn. Anh tôi lại đang ôn thi cuối năm, bài vở ngập đầu. Tôi quyết định sẽ nán lại Hà Nội thêm ít ngày để một việc ít ai ngờ. Ngày ngày tôi ra thư viện, cầm cúi chép quyển *Thời thơ ấu* bằng tiếng Pháp ấy. Với trình độ tiếng Pháp còn quá non kém, tôi cứ phải vừa nhìn từng chữ vừa chép lại một cách chật vật. Ban đầu, suốt cả một buổi sáng, tôi chỉ chép được bốn năm trang. Nhìn tôi chép, anh tôi vừa ngạc nhiên vừa ái ngại. Anh động viên tôi chép tiếp và chạy đi mua cho tôi chiếc bánh mì kẹp chả để tôi vừa ngậm bánh vừa chép, đỡ về nhà ăn trưa mất thời gian. Tôi xin phép bố và cô cho tôi ở lý trong thư viện từ sáng sớm đến khuya mới về. Tôi chép đến ê ẩm cả mình mảy, mảy ngón tay tê dại, nhả nhúm. Khoảng gần ba tuần lễ, tôi thở phào nhẹ nhõm nhìn thấy quyển vở kín đặc thứ chữ tôi hiểu bập bõm, loáng thoáng. Tôi nhờ bố tôi dịch cho tôi nghe. Bố tôi rất vui vì tôi vừa làm được một “kỳ công”: chép gần ba trăm trang sách bằng tiếng Pháp, tôi phải dò dẫm đánh vần từng chữ. Phần nữa, bố tôi còn vui vì lâu lắm bố tôi mới được dịp sử dụng đúng sở trường ngoại ngữ của mình. Bố tôi dịch thẳng sang tiếng Việt hầu như không hề ngắt ngứ, cứ như đọc từ bản tiếng Việt ra vậy. Giọng bố tôi xúc động hừng khởi, có lúc vỡ ra, sang sảng khác hẳn mọi ngày. Tôi như bị bố thôi miên, cứ nửa nằm nửa ngồi bên cạnh bố tôi, chăm chú nhìn vào miệng bố tôi, vui buồn theo từng sự việc diễn ra trong tác phẩm. Suốt đêm tôi không sao ngủ được. Chưa có một cuốn sách nào cuốn hút tôi như thế, tôi đã đọc khá nhiều

¹ Mác xim Gorki: *Thời thơ ấu*, bản tiếng Việt. NXB Văn Học, Hà Nội, 1971, trang 23. bản dịch của Trần Khuyển và Cẩm Tiêu

những cuốn tự truyện, trong đó có rất nhiều cuốn rất nổi tiếng, của những nhân vật nổi tiếng nhưng chưa có cuốn nào làm tôi cảm động như cuốn này. Cuộc đời của những nhân vật nổi tiếng kia nhiều khi vương giả quá, cậu ấm phô chiêu quá, rất xa lạ với tôi. Còn ở đây, cậu bé Aliôsa lấm lem bụi đất này sao mà gần gũi, sau mà thân thiết. Aliôsa lừng lững hiện ra trước mắt tôi với một tính cách thật mạnh mẽ, với một tấm lòng chú chèn yêu thương, nhưng cũng tỏ ra quyết liệt căm ghét cái xấu, không khoan nhượng trước những sự tha hóa của con người.

Càng nghĩ, lòng tôi càng cồn cào, muốn được lao nhanh vào cuộc sống. Giá mà tôi không bị ràng buộc bởi gia đình nhỉ. Tôi sẽ đi lang thang khắp đo đây kiếm sống. Nếu cần, tôi có thể làm khu khuân vác, tôi có thể đập xích lô, tôi cũng có thể đi làm thuê, làm mướn, làm bất cứ việc gì, miễn là được đi, được sống một cách mạnh mẽ, hết lòng để có một vốn sống phong phú, một tâm hiểu biết rộng và cuối cùng để biết được một cái gì...

Tiếng những con tàu ở ngoài ga Hàng Cỏ hú gọi nhau liên tục, sao mà khẩn thiết, sao mà giục giã làm lòng tôi càng nôn nao, bồn chồn. Tôi sẽ để lại mấy quyển vở chép tay cuốn *Thời thơ ấu* này ở nhà, nhờ bố tôi thỉnh thoảng rồi thì dịch giúp tôi. Ngày mai tôi sẽ lên lại Bắc Giang tôi sẽ đi làm ở công trường nhà máy xay. Không chỉ để có tiền ăn học mà với mục tiêu còn cao hơn nhiều: tôi sẽ được cống hiến một phần sức lực nhỏ bé của mình vào công việc xây dựng đất nước. Tôi sẽ có dịp tích lũy thêm vốn sống, để sau này, biết đâu tôi sẽ viết được một cái gì đó... Nhưng tôi, "Cái gì đó" còn xa vời vợi, còn mơ hồ lắm, tôi không dám nghĩ đến nhiều. Hãy cứ biết là sống, sống một cách đầy đủ, với tất cả lòng mê say, khao khát vươn tới... Tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không hay.

24.

Trước khi nghỉ hè ít lâu, anh Nhu đã liên hệ xin được cho cả mấy anh em làm phụ động ở công trường nhà máy xay. Họ hứa sẽ nhận cả mấy anh em khi năm học vừa chấm dứt. Việc nhà máy xay xát gạo được khởi công xây dựng là cả một sự kiện to lớn của thị xã lúc bấy giờ. Trước mắt bọn học sinh chúng tôi, đó là một biểu tượng đẹp đẽ của công cuộc kiến thiết lại đất nước. Những tin tức về việc hoàn thành tuyến đường sắt Hà Nội – Mục Nam Quan, Hà Nội – Lào Cai, về khu gang thép Thái Nguyên tương lai, về mỏ thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng... làm cho bọn trẻ chúng tôi vô cùng náo nức. Ngay trong lòng thị xã Bắc Giang nhỏ bé này, một nhà máy xay lớn nhất tỉnh lần đầu tiên được xây dựng, làm sao chúng tôi không tự hào! Mấy tháng nay, ô tô chở xi măng, sắt thép, các nguyên vật liệu xây dựng chạy đồm đồm trên đường phố. Hầu hết các con đường trong thị xã đều chưa được trải nhựa, chỉ mới là những con đường cấp phối, đất đỏ, bụi mù, nhiều người lớn than vãn ô tô tải chạy ngày đêm, các cửa hàng cửa hiệu rung chuyển, bụi đỏ bám đầy nhà cửa, đường xá thì vương vãi đầy đất đá, cây cối ven đường phủ một lớp bụi dày, mỗi khi mưa xuống, người đi đường ai nấy đều đi nhớp nhúa vì nước trên cây rỏ xuống đỏ như máu. Nhưng đối với cách nhìn lãng mạn của bọn trẻ chúng tôi, tất cả những nỗi phiền toái ấy là biểu hiện của một vùng đất đang hồi sinh, công cuộc xây dựng đất nước đang được tiến hành một cách rầm rộ, khẩn trương. Việc anh em tôi đi làm ở công trường, chúng tôi ý thức được một cách đầy tự hào, đó chính là chúng đang góp một phần chính mình vào công cuộc xây dựng lớn lao của đất nước. Câu nói nổi tiếng của cậu bé Aliôsa một lần nữa lại vang lên trong tâm trí tôi: "*Vào đời! Vào đời để hiến cho đời tất cả những gì tốt đẹp và nhân đạo của tâm hồn, trí óc ta!*".

Khi tôi ở Hà Nội lên, anh Nhu, anh Hoàng đã đi làm được một tháng. Thăng Nam, gia đình không đến nỗi khó khăn lắm nên nó về quê nghỉ. Thăng Bảo cũng vậy. Nhưng

tôi làm được khoảng một tuần, thằng Bảo cũng mò lên đi làm cùng với anh em tôi. Nó bảo nó rất nhớ tôi, xa tôi nó buồn không chịu nổi. Tôi biết nó nói thực lòng. Tình cảm của nó dành cho tôi khá đặc biệt, có một chút gì yếu đuối như con gái. Bề ngoài, nhiều khi nó có vẻ hơi ồn ào, bộc lộ tình cảm ra ngoài hơi thái quá, nhưng chìm sâu bên trong là một tấm lòng đôn hậu, rất chân tình và sâu sắc.

Suốt cả ngày anh em tôi ở công trường. Chúng tôi làm đủ mọi việc tạp vụ. Từ khiêng vác xi măng, đẩy xe cút kít chở vôi vữa, dọn dẹp mặt bằng, chuyển gỗ ván lên các tầng trên cao cho thợ làm giàn giáo... Anh Nhu thay mặt cả nhóm, mỗi buổi sáng nhận công việc do Ban chỉ huy công trường giao, rồi phân công nhau làm. Những việc gì nặng, khó làm, anh Nhu và anh Hoàng đảm nhiệm. Tôi và thằng Bảo luôn được làm những việc nhẹ và đơn giản hơn. Buổi trưa, mấy anh em nghỉ tạm trong lán của công trường. Com đã nấu sẵn từ sớm tinh mơ ở nhà, mỗi anh em đã ăn lót dạ một bát trước khi đi làm, còn bao nhiêu để ăn trưa. Thức ăn thường xuyên là muối vừng, rau muống luộc. Cuối tuần được lãnh tiền công, hôm nào được nhiều một chút, anh Nhu hào phóng nói anh Hoàng ra chợ mua mấy lạng sườn về băm nhỏ, rang muối thật mặn, cho vào lọ ăn “bồi dưỡng” thêm. Buổi trưa nắng ngật ngạt, chúng tôi chan com bằng nước gạo ran của công trường, cảm thấy dễ chịu vô cùng. Anh Nhu động viên cả bọn: “chịu khó ăn kham khổ một chút để dành tiền cho năm học mới. Năm tới, bọn anh vào lớp mười, lớp cuối cấp, phải thi tốt nghiệp rồi thi đại học, căng thẳng lắm. Tranh thủ làm mấy tháng hè để có tiền dự trữ cho cả năm. Vào học là không đi làm thêm như mọi năm nữa. Để dành thời gian vào học thi...”

Cả ngày lặn lội trên công trường, tối về mấy anh em mệt bả rời. Nhờ đã trải qua những ngày chờ nguyên vật liệu ngoài sông Thương trước đây nên tôi cũng đã quen với nắng gió. Nhưng trước đây làm thuê ở ngoài, công việc không bó buộc, mấy anh em cứ nhàn nhả làm, lúc nào mệt thì nghỉ. Còn bây giờ đi làm công trường, khối lượng công việc được khoán hẳn hoi, cụ thể, không lơ mơ tùy tiện được. Anh em tôi phải làm việc căng thẳng hơn nhiều. Hai vai tôi đổ mồ hôi vì khiêng vác nặng, hơi chạm tay vào cũng rùng mình ớn lạnh. Đã có lúc tôi định bỏ cuộc, nói anh Nhu tìm cho tôi một việc gì đó nhẹ nhàng hơn, nhưng sao thấy mọi người đều mệt nhọc như mình chứ có ai đồng da sắt đặc biệt gì đâu, sao mình nỡ bỏ mọi người để tìm sự an nhàn... Với những lời tự nhủ thầm ấy, tôi vượt qua được từng ngày một cách thật vất vả. Cứ xong là được một ngày, tôi lại thấy vui hơn một chút, tự thấy mình đã cứng cỏi hơn một chút. Từng nấc, từng nấc, tôi vượt dần từng nấc khó khăn để rồi cuối cùng thấy mình vẫn theo kịp được mọi người. Công việc dần dần quen. Cái mệt mỏi cũng dần dần trở thành bình thường, cái mệt mỏi cũng dần dần trở thành bình thường. Hai vai tôi đã chai cứng, đổ sạm lại. Vừa gánh, tôi vừa chạy băng băng, mặt mũi cũng không còn nhăn nhó như trước kia nữa. Nhiều lúc trông thấy tôi đang vác cây gỗ nặng đeo chân chạy, anh Nhu cười động viên: “Paven! Paven! Cố lên, Paven!” ý anh muốn khen tôi là có ý chí như Paven Coocxaghin đấy!

Rồi một hôm xảy ra một chuyện, sau này nghĩ lại nhiều khi tôi vẫn thấy rùng mình.

Hôm ấy, chúng tôi phải chuyển một đồng gỗ ván cốp pha lên tầng ba, qua giàn giáo bao quanh khu nhà chính. Giàn giáo được làm bằng những cây tre chằng buộc nối kết vào nhau, suốt từ mặt đất cao lên mãi tầng ba, bốn. Đường lên là những tấm ván xếp liền nhau, tấm nọ tiếp tấm kia, mỗi khi bước lên, ván rung rinh, nhún nhảy. Hai bên thành là những dống tre nối tiếp nhau, coi như tay vịn của một chiếc cầu thang dài. Bắt đầu vào việc, anh Nhu đã vừa gỡ đầu gỡ tai, bắt đầu nhăn nhó:

- Chà! Mang hết được đồng cốp pha này lên được tầng ba cũng mười mồ hôi đây! Việc này nặng, để anh và anh Hoàng lo. Thiện và Bảo xúc hết đồng cát kia, chuyển vào sau nhà kho. Dùng xe cút kít chở cho nhanh.

Tôi và Bảo vào việc ngay tấp lự. Nhìn đồng ván cốp pha cao chênh ềnh, tôi thâm nhủ gắng chuyển cát cho nhanh, còn thì giờ sẽ khiêng ván phụ thêm với hai anh chứ để hai anh làm, biết bao giờ mới xong?.

Anh Nhu và anh Hoàng, mỗi anh vác một tấm ván dài chừng ba mét, rộng hơn hai mươi phân. Ván ướt khá nặng, làm hai anh phải khom người, so vai rút cổ, vừa đi vừa chạy gần. Bắt đầu đi trên giàn giáo, hai anh dò dẫm từng bước thận trọng.

Xúc cát xong, Bảo chạy đi uống nước, còn tôi chờ anh Nhu vác thêm một tấm ván mới. Khi anh bắt đầu dò dẫm bước lên giàn giáo thì tôi cũng cúi xuống, ghé vai vác một tấm ngắn hơn, đẹp hơn chút ít. Tôi phải chờ anh vác đi một đoạn rồi mới bắt đầu làm vì không muốn để anh biết. Anh mà trông thấy tôi vác cốp pha, đời nào anh cho làm! Ban đầu lúc còn vác đi trên mặt đất, tôi thấy không đến nỗi nặng lắm. Nhưng đến khi bước trên giàn giáo được một đoạn, tôi nhận ra ngay là mình đã quá bạo gan. Ván lát đường bập bèn, nhún nhảy mỗi lúc một khó đi. Đường đi lại hẹp, ngoắt qua ngoắt lại gấp khúc cứ cao lên dần. Lên đến tầng một, hé mắt nhìn xuống đã thấy xa vời vời. Tôi cảm thấy hơi chóng mặt. Dừng lại một chút, tôi hít một hơi thật dài, cố lấy lại bình tĩnh, bước tiếp. Tôi dò dẫm từng bước. Ván dưới chân tôi vẫn dập dình, văng xuống rồi lên theo từng nhịp chân. Đôi khi ván dập dình quá, tôi phải tạm đứng lại cho bớt rung đưa rồi mới đi tiếp. Trên vai tôi, tấm ván càng lúc càng nặng, cạnh ván xếp vào cổ, vào xương vai xanh buốt rất. Tôi vẫn cố ạch đi lên. Có một lúc tôi bất chợt nhìn xuống dưới thấy lạnh người vì choáng ngợp. Xa hun hút. Loáng thoáng thấy bóng người đi lại nhỏ xíu, như của một thế giới nào. Tôi bậm môi, gò lưng nâng tấm ván, bước đi như một quán tính. Mắt tôi bỗng hoa lên. Tôi muốn đặt tấm ván xuống để nghỉ lấy lại hơi sức, nhưng không biết đặt vào đâu. Đang chênh vênh trên cao, đường ván hẹp, hai bên là khoảng không trống rỗng, mặc dù có hàng dống tre làm tay vịn nhưng không quá sơ xài, mỏng manh. Nửa muốn đi tiếp, nửa muốn dừng lại, tôi bối rối quá. Tấm ván dưới chân tôi tiếp tục văng xuống vì tôi đứng tại chỗ đã hơi lâu. Nếu đứng lâu thêm, rất có thể tấm ván sẽ gãy đôi. Tôi gắng hết sức, cố bước tiếp, một ý nghĩ thoáng đến với tôi: hay là buông tấm ván để mặc cho nó rơi xuống? Như thế thì nguy hiểm quá. Dưới kia có bao nhiêu người đang làm việc. Một tấm ván từ trên tầng hai rơi xuống sẽ xảy ra tai nạn khủng khiếp... Nghĩ vậy, tôi đành mím môi mím lợi bước tiếp. Mồ hôi túa ra ướt đầm lưng áo. Mắt tôi cay sè vì mồ hôi từ trán rùng rùng chảy xuống. Chợt đầu tấm ván trên tay tôi va vào cọc tre. Chỉ va nhẹ thôi, nhưng tấm ván dài cứ rung đưa mỗi lúc một mạnh, giống như quả lắc đồng hồ, chỉ cần thêm một cú hích nhẹ, theo quán tính, quả lắc cứ văng ra xa mãi. Người tôi chao đảo, chỉ một chút xíu nữa là tôi lộn cổ lao xuống. May mắn sao, tay trái tôi túm lấy ngay được dống tre thẳng đứng và có ai đó ôm chặt lấy tôi, nhắc tấm ván khỏi bên vai đã tê dại của tôi. Tôi ngửa cổ ra sau, mở to mắt xem ai đang ôm ngang lưng tôi. Thì ra là anh Nhu. Tôi bật khóc nức lên. Lúc này tôi mới thấy sợ. Nếu không có anh kịp thời níu tôi lại, chắc tôi đã lao xuống dưới kia rồi. Mà như thế, cảm chắc trăm phần trăm cái chết. Anh nhu bình tĩnh bảo tôi:

- Em ngồi xuống nghỉ đi. Ôm chặt lấy cột tre kéo ngã. Chờ anh vác tấm ván này lên tầng ba rồi quay xuống ngay.

Nghe lời anh, tôi ngồi xếp ngay xuống, quắp hai chân vào chiếc cột, hai tay tôi cũng ôm cứng lấy nó. Tôi run hết cả người lên cúi nhìn xuống dưới kia, mấy người đang xúm lại, ngược nhìn lên chỉ trỏ, bàn tán chuyện gì đó. Nếu tấm ván rơi xuống... Nếu tôi lộn cổ lao xuống... Càng nghĩ tôi càng sợ. Cố ghìm nhưng không được, tôi bật khóc dầm dướt. Sau khi đặt tấm ván xuống, anh Nhu tắt bậc chạy đến bên tôi. Anh thận trọng dìu tôi lên tầng ba, vừa đi anh vừa an ủi động viên tôi bằng một giọng nhỏ nhẹ. Nhưng khi vừa lên đến tầng ba, tôi vừa bước vào tấm sàn bê tông, thì anh đẩy tôi

ngồi phịch xuống sàn rồi cứ thế, một tay anh túm lấy vai tôi, một tay anh phát tới tấp vào mông tôi. Anh la len dữ tợn:

-Làm sao mày liều mạng thế hả? Ai cho mày làm việc nguy hiểm đó? Đã nói rồi mà không chịu nghe!

Tôi khóc nức lên. Đau thì ít mà tủi than thì nhiều. Anh Nhu yêu tôi thế, giờ cũng đánh tôi. Nhưng liền ngay sau đó, tôi cũng tự nhận ra anh đánh tôi không phải vì ghét bỏ mà chính vì anh quá thương tôi, quá lo lắng cho tôi. Phát vào mông tôi một chập xong, anh cũng ngồi phịch xuống cạnh tôi, mặt thờ ra, bần thần. Một lúc sau, anh đứng dậy đi ra. Khi quay trở lại, anh đưa tôi một ca nước, Giọng anh đã dịu đi:

-Uống nước đi, rồi nằm xuống đó mà nghỉ!

Tôi sợ sệt ngước nhìn anh, đón lấy ca nước.

- Em liều quá là liều! – Anh nói, như để thanh minh cử chỉ nóng giận ban nãy của mình. – Nếu anh không đến kịp thì đã xảy ra chuyện gì, có trời mà biết! Khi lên đến đây, anh quay xuống vác tiếp thì chợt thấy em đang vác lên. Anh tá hỏa tam tinh, không còn hồn vía nào nữa. Vác chênh vênh giữa trời, em lại đang vác lặc lè. Anh định kêu lên bắt em dừng lại nhưng không dám, sợ em giật mình, chơi vơi lao xuống thì nguy. Ở dưới kia, mọi người trong thấy em cũng đều phát hoảng. Họ cũng không dám lên tiếng. Anh phải dò dẫm từng bước thật êm nhẹ, nhích lại gần về phía em. Không dám cho em biết vì sợ em luống cuống mất bình tĩnh. Đến khi đầu ván va vào cọc, đóng đưa qua lại, anh muốn vỡ tim. Chỉ một chút xúu nữa thì anh trượt chân ngã nhào. Cũng may là có trời phạt che chở, em lại túm ngay được chiếc đóng tre. Anh cũng đã xuống đến rất gần em. Nhắm một cách thật chính xác, anh lao đến ngang ôm ngay lưng em ép chặt vào cọc tre, ghé vai đỡ tấm ván. Thật không còn hồn vía nào nữa. Mọi người ở dưới kia nhảy lên reo hò vì anh em mình đã thoát nạn. Ai cũng không thể ngờ được là cả hai đã thoát chết trong gang tấc.

Tôi đưa cánh tay lên gạt mồ hôi ngang mặt. Vừa lúc đó thằng Bảo và anh Hoàng cũng lao vào. Thằng Bảo the thé:

- Cứ tưởng mày toi mạng trăm phần trăm rồi chứ! ở dưới kia nhìn lên, thấy mày chung chiêng giữa trời, tao thót cả tim, tái cả mặt. Mày liều quá trời!.

Tao chẳng biết nói gì, cứ đàn ngồi chịu trận nghe mọi người mắng mòi. Đang nghĩ không biết cuộc trách cứ này bao giờ mới kết thúc, thì may quá, anh Nhu lôi tay tôi đỡ đứng dậy:

- Thôi, hai đứa xuống trước đi. Vào lán mà nghỉ, bọn anh làm nốt mấy việc rồi đi ăn cơm.

Tôi bước ra giàn giáo. Lúc này tôi càng thấy sợ. Nhìn xuống chóng cả mặt. Cứ xa hun hút. Trên cao, gió thổi ù ù, tưởng có thể bay cả người. Sao lúc đó tôi lại táo gan thế nhỉ? Nhưng thôi, bây giờ mọi việc đều đã qua. Tôi vẫn được sống giữa mọi người. Hàng ngày, tôi vẫn được chia sẻ mọi buồn vui với anh Nhu, anh Hoàng, thằng Bảo..., những người đã trở nên thân thiết, quá đỗi thân thiết đối với tôi.

25.

Tôi và thằng Bảo đang đẩy xe cút kít chở sỏi đã rửa sạch để trộn bê tông thì nghe tiếng gọi:

- Thiện ơi! Thiện! có tin vui đặc biệt đây này.

Thằng Tụng đang hót hơ hót hời chạy tới. Nó ôm chầm lấy tôi làm tôi lạng tay lái, chiếc cút kít nghiêng sang một bên, chực đổ. Tôi ghì tay lái, gắng hết sức giữ cho xe thăng bằng trở lại. Giọng Tụng vẫn hào hứng:

- Thơ của mày đăng rồi Thiện ạ. In rất trang trọng trong một quyển sách đẹp lắm.

Tôi biết chắc chắn là nó nói không đúng nên rất dửng dưng, tiếp tục đẩy xe sỏi đi tới. Tụng tròn xoe mắt;

- Sao? Mày ốm hay sao mà iu xiu thế? Tao chạy bờ hơi tai đến đây báo tin vui cho mày biết mà mày cứ hờ hững hững, phí cả công của tao.

Tụng vừa chạy găng theo tôi vừa cần nhằn trách cứ. Tôi vẫn gặt đi:

- Không có chuyện đó đâu! Mày nghe ai nói lăng nhăng?

- Sao lại lăng nhăng? Chứng cứ rõ ràng, tao tận mắt trông thấy mà! Thầy Luyện đang có trong tay quyển ấy. Thầy khoe với các cô giáo. Lúc đó tao cũng có mặt. Tao xin phép thầy cho tao xem nhờ, bài thơ hay của Mày có nhan đề “Tin về”, dưới đề tên “Trần Hồng Thiện, học sinh Bắc Giang” rõ ràng. Đúng không?.

- Nghe Tụng nói rành mạch, rõ ràng, tôi bắt đầu thấy hoài nghi. Đúng là bài thơ ấy tôi viết thật, nhưng tôi có gửi đi đâu đâu? Tôi chỉ dán lên báo tường của lớp nhân số đặc biệt về đấu tranh thống nhất nước nhà. Hai năm sau khi ký hiệp định đình chiến, đáng lẽ phải có hiệp thương tiến tới tổng tiến cử cả nước, nhưng đối phương đã phá bỏ. Cả nước sôi sục trong những cuộc mít tin, biểu tình đấu tranh đòi thống nhất đất nước. Tôi làm một bài thơ về đề tài đó. Chỉ “đăng” trên báo liếp của lớp tôi thôi chứ tôi có gửi đi đâu mà báo được in trong một quyển sách?

Tụng nhắc đi nhắc lại nhiều lần cũng làm cho tôi bán tín bán nghi. Nó cũng đoán chắc là thầy Luyện đang có trong tay quyển sách đó. Tôi bắt đầu thấy sốt ruột, chỉ mong mau chóng tan tằm, “liều mạng” đến hỏi thầy Luyện xem thực hư thế nào.

Thì ra đúng là bài thơ của tôi được đăng thật. Thầy Luyện cười bảo tôi là thầy đã gửi bài báo liếp của tôi đi. Thầy cũng không thật tin là bài thơ sẽ được đăng nên giấu không cho tôi biết, để tôi đỡ thất vọng nếu có chuyện gì trục trặc. Tôi thầm cảm ơn thầy. Cầm quyển sách trong tay mà tôi thấy mình như bầy lơ lửng. Tôi chỉ xem hơi lâu bài thơ của mình một chút rồi gấp sách lại, làm ra bộ không quan tâm lắm. Kỳ thực, lòng tôi nôn nao, bồn chồn, chỉ muốn xem đi xem lại cho thỏa. Đúng là bài thơ tôi viết đây ư? Bài thơ lần đầu tiên được in trong đời? Tôi muốn mượn thầy giáo quyển sách về khoe với anh Nhu, anh Hoàng, thằng Bảo nhưng không dám.

Từ hôm ấy, thỉnh thoảng lúc rảnh rỗi, tôi lại chạy ra hiệu sách. Cho đến lúc bây giờ, cả thị xã mới chỉ có một : “Hiệu sách nhân dân” vách đất, mái lợp lá gồi, ba gian hai chái. Quyển sách dày, tôi không có đủ tiền mua. Thầy Luyện gợi thơ của tôi cho tờ báo lớn. Chắc để phục vụ phong trào đấu tranh phục vụ hiệp thương thống nhất đất nước, người ta đã tập hợp các bài thơ in trên báo in lại thành sách, bài thơ của tôi mới được lọt vào quyển sách dày cộp đó. Không mua được sách, tôi đành mượn cô bán sách trong chốc lát, chỉ cốt nhìn bài thơ của mình, nhìn đi nhìn lại không chán mắt. Khi trả lại, tôi vẫn thèm thuồng nhìn quyển sách trên tay cô. Vài ba lần hỏi mượn, cô bán sách còn vui vẻ. Đến lần thứ tư, thứ năm, cô bắt đầu khó chịu. Buộc lòng phải chiều ý khách hàng, cô miễn cưỡng lấy quyển sách trong tủ kính ra, dẫn mạnh xuống mặt kính. Tôi biết đã làm phiền cô, nhưng không kìm lòng mình được, đành “mặt trời trán bóng” muối mặt liều hỏi mượn một hai lần nữa cho đến khi cô bán sách phải gắt lên tôi mới không dám hỏi mượn nữa. Tôi cứ mon men lại gần tủ kính, bàn thần nhìn cuốn sách, sờ sờ như người mất hồn. Thỉnh thoảng có một vài người khách đến hỏi mua quyển này quyển nọ, tôi đến bên, nói nhỏ: “Quyển gửi miền Nam kia hay lắm, bác mua đi!”. Người khách nói cô bán hàng cho mượn quyển đó, thế là tôi sán lại xem ké. Tất nhiên tôi chỉ chăm chăm nhìn vào bài thơ của tôi thôi. Tôi nhớ chính xác số trang để ngay lập tức có thể giở đúng trang có bài thơ của mình, đỡ làm mất thì giờ của khách hàng cho tôi em ké. Cứ như thế, tôi còn xem nhờ được mười lần nữa. Tôi tự nhủ kỳ này lãnh lương, thế nào tôi cũng in anh Nhu cho tôi mua một cuốn để giữ làm kỷ niệm. Nhưng thật buồn. Hôm tôi hí hửng mang tiền ra mua thì sách đã bán hết.

Tôi tiếc hậm tiếc hùi, tiếc đến muốn bật khóc. Nhưng tôi cố kìm không để ứa nước mắt. Tôi sẽ cố gắng viết. Vậy là ít nhiều đã có kết quả...

Bài thơ đầu tiên của tôi được in, tôi cảm động đã đành. Thằng Tụng cũng hớn hờ ra mặt. Hai hôm liền, đi học về, nó kéo bằng được tôi về nhà nó ăn cơm. Chỉ có hai đĩa ăn, vì nhà đã ăn rồi. Nó lấy ra đủ thứ. Nào bánh dày, bánh giò, nào chả quế, giò lụa. Nó bảo đừng ăn cơm, hai đĩa cứ ăn vĩa giò chả cho sượng miệng, gọi là để liên hoan mừng thành công đầu tiên của tôi. Chưa hết miếng này, nó đã gấp cho tôi miếng khác, ép tôi ăn đến không kịp thở. Vừa ăn, Tụng vừa bàn chuyện hai đứa sẽ quyết tâm ra một tờ báo viết tay, “phát hành” hằng tuần. Nó bàn bạc một cách sôi nổi. Điều đó hiếm thấy ở nó. Tính Tụng điềm đạm, trầm tĩnh, ít nói. Hôm nay nó hào hứng như thế là hiếm thấy lắm, chứng tỏ trong lòng nó nôn nao đến mức nào. Trong số bạn thân của tôi, chỉ duy nhất có Tụng là có cùng đam mê viết lách. Thằng Bảo thân đến thế nhưng tuyệt nhiên không bao giờ đã động đến chuyện sáng tác. Nó rất yêu văn học, nhưng viết lách thì không hề.

Ăn uống no căng xong, hai thằng lại kéo nhau ra bờ sông Thương ngồi. Nước loang loáng mặt sông, nhấp nháy ngàn vạn đốm sáng nhảy nhót. Tụng quay lại chuyện ra báo. Lấy tên là gì bây giờ? Hai thằng đưa ra cả chục tên, nào Văn, Văn học, sáng tác đầu tay, Cây bút trẻ..., tên nào cũng ghê gớm cả, cũng mang những khát vọng không giấu giếm. Nhưng vẫn thấy chưa ưng ý. Cuối cùng, tôi chợt nhớ đến bộ phim “Thời thơ ấu” đã từng làm mê mẩn cả hai đứa chúng tôi. Tôi ngồi bật dậy:

- Sao không đặt tên là “Vào đời!”? Muốn viết văn thì phải lăn vào đời sống. Chúng mình chẳng đang hăm hờ muốn vào đời là gì?

Tụng cười rạng rỡ:

-Đúng đấy! Lấy tên “ Vào đời” được đấy! Thế nhé, tờ báo của chúng mình sẽ có tên là “ Vào đời”!

Ngày ngày hôm sau, hai đứa tôi hăm hờ bắt tay vào chuẩn bị cho số đầu tiên. Tụng lấy tên là Hà Bắc làm “ chủ nhiệm”. Tôi làm “ chủ bút”. Ngoài bài của hai đứa làm nòng cốt, chúng tôi còn vận động một số bạn bè yêu thích văn chương viết bài, như thằng Tuấn Thanh, thằng Việt Hồng... Ngay cả thằng Bảo, tôi cũng ép nó viết cho kỳ được. Tôi gợi ý cho nó viết những câu chuyện về quê hương nó. Tôi tự nguyện làm mọi việc thay nó như nấu cơm, quét dọn nhà cửa... để cho nó có viết lấy vài trang. Cuối cùng nó cũng viết được mấy mẫu truyện ngắn hóm hỉnh. Một mình tôi cầm cúi chép lại bài vở của bạn bè mất khá nhiều thời gian. Mỗi tuần ra một số. Một số viết đặc mười hai trang giấy khổ lớn, đâu phải ít. Ra được bốn số thì bắt đầu cạn bài. Thêm nữa, một mình tôi chép không xuê. Bài vở ở lớp nhiều. Tôi bắt đầu chênh mảng chuyện học hành. Đành phải tạm đóng cửa “ Tòa soạn” một thời gian. Nhưng qua sự việc này, cả tôi và Tụng đều nhận ra vốn sống của chúng tôi còn quá mỏng, việc rèn luyện văn chương của chúng tôi còn quá sơ sài. Chúng tôi tự thấy còn phải cố gắng thêm rất nhiều nữa mới mong viết được một cái gì đó ra hồn.

Ít lâu sau đó, một hôm tôi nhận được giấy báo ra bưu điện nhận bưu phẩm. Vừa ngạc nhiên vừa pháp phỏm đoán già đoán non không biết ai gửi? Gửi cái gì? Hóa ra là tập bản thảo “ gia đình thân yêu”tôi đã liêu lĩnh nhờ nhà văn Tô Hoài đọc dùm cách đây mấy tháng. Giờ ông trả lại với một lá thư dài góp ý. Tôi ngón ngấu đọc những lời nhận xét thẳng thắn và rất chân tình của ông. Bản thảo của tôi viết về chính những chuyện của anh em tôi, về anh Nhu, anh Hoàng, thằng Bảo... nhà văn Tô Hoài khen tôi viết khá sinh động, có nhiều nhận xét tinh nhưng tôi viết còn “thật thà” quá, còn lan man thấy gì viết nấy, chưa dung được nhưng ông khuyên tôi nên tiếp tục viết. Ông tin là tôi sẽ viết được. Nhớ mãi câu nhận xét của ông “*Văn anh sẵn sàng một không khí trong sáng lắm...*”. Cả đêm thao thức không ngủ được. Tỉnh thoảng tôi lại ngồi dậy, châm đèn đọc lại lá thư. Hồi mới nghỉ hè về Hà Nội thăm nhà, dẫn đo mãi, cuối

cùng tôi đã “liều mạng” mang bản thảo “*Gia đình thân yêu*” lâu nay tôi vẫn dầm dúi viết đến Hội nhà văn và một hôm tôi qua đường Nguyễn Du, vô tình tôi trông thấy tấm bảng đá có khắc tên. Tôi không biết gửi bản thảo cho ai. Tôi nghĩ cứ liều đến đấy, gửi cho bất kỳ một ai đó mà tôi gặp. Những người ở trong ngôi nhà đó chắc chắn đều phải là những nhà văn rồi.

Tôi ra khỏi nhà từ sáng sớm. Quần áo gọn gàng, chỉnh tề như mình sắp sửa đi đến một chốn linh thiêng, được gặp gỡ những con người siêu phàm. Đến nơi, nhìn qua cổng sắt, tôi thấy mấy người đang đứng nói chuyện với nhau ở ngoài sân. Tôi ngại không dám vào. Cứ đi quanh quẩn, hết ra hồ Thiên Quang lại quay về mấy lượt, đám người nói chuyện vẫn chưa dứt. Tôi ra ngồi bên hồ thêm một lúc lâu nữa. Đến khi ngoài sân vắng lặng không còn ai, cổng đóng kín, mấy lần định bấm chuông, tự nhiên tôi lại thấy sợ. Lần nữa thôi, cuối cùng tôi kiễng chân, với tay bấm chuông. Có người ở trong nhà đi ra. Tôi bỗng cảm thấy sợ hãi, một nỗi sợ hãi vô cớ. Tôi bước nhanh sang bên kia đường, lảng đi. Tôi định bỏ về, hôm khác có đủ dũng khí hơn sẽ quay lại. Được một quãng, tiếc công đi, tôi quay trở lại. Vận dụng hết lòng dũng cảm, tôi với tay bấm chuông. Người trong nhà lại đi ra. Nỗi sợ lại giục tôi bỏ chạy. Tôi đi lang thang rất lâu dưới hàng cây sữa già nua bên hồ Thiên Quang. Hơn nửa tiếng đồng hồ sau, tôi quyết định lần này phải dũng cảm đến cùng. Tôi kiễng chân bấm chuông. Người trong nhà đi ra. Tôi nén nỗi hồi hộp đứng chờ. Nhưng khi người đó vừa hé mở cổng, không đủ can đảm nữa, tôi vùng bỏ chạy. Tiếng găt gọi giật tôi lại:

- Cậu bé kia, đứng lại!

Sợ quá, tôi đứng chôn chân tại chỗ. Tiếng người kia vẫn gay gắt:

- Sao nghịch tai quá thế, hả? Bấm chuông rồi bỏ chạy. Mấy lần rồi? Làm mất hết thời giờ của người ta.

Người đó bước nhanh đến bên tôi. Theo bản năng, tôi nhắm mắt chặt, đầu hể nghiêng sang bên, sẵn sàng chờ một cú bạt tai nẩy lửa. Nhưng chuyện đó không xảy ra. Hình như thấy bộ dạng tôi quá sợ hãi, con người cũng không có vẻ gì là tai quái nghịch ngợm, người đó nắm lấy tay tôi, giọng nói có phần dịu xuống:

- Sao em lại làm thế? Thiếu gì trò giải trí mà em phải nghịch ngợm...

- Cháu không nghịch... - Tôi ấp úng thanh minh, mặt vẫn cúi gằm xuống đất. - Cháu muốn đến gửi... bản thảo...

Để chứng minh, tôi đưa tập bản thảo cho người đó, vẫn không dám ngược nhìn ông ta. Tôi chỉ loáng thoáng nhận ra ông không còn trẻ, người tầm thước chứ không cao lớn, giọng nói nhỏ nhẹ. Người đó dẫn tôi vào trong nhà, bảo tôi ngồi xuống ghế, rót nước cho tôi uống. Vẫn chưa hết xấu hổ, mặt vẫn cúi xuống nhìn đôi bàn tay của mình, lúng túng vẩn vơ. Người đó hỏi tôi nhiều lắm. Nhà ở đâu? Đang học lớp mấy? Có đọc nhiều sách không? Có tập viết nhiều không?... Tôi lí nhí trả lời nhát gừng. Người đó khuyên tôi trước mắt phải tập trung vào học cho tốt, phải chịu khó quan sát, phải chú ý đến các chi tiết... Ông hứa sẽ đọc kỹ “tác phẩm” của tôi rồi sẽ trả lời chu đáo. Tôi bỗng thấy mình lo sợ quá. Mình thật liều lĩnh. Càng nghe người đó nói, tôi quá đơn giản, dễ dàng. Tôi muốn xin lại tập bản thảo quá nhưng muộn mất rồi. Tập bản thảo để ngay trên bàn, cách tôi vài gang tay, nhưng trở nên xa vời vợi, tôi không còn nín giữ lại được nữa. Mồ hôi rịn thành giọt lăn xuống làn mặt cay xè tôi cũng không dám đưa tay lên lau. Tôi cũng không biết bao lâu sau thì người đàn ông dẫn tôi lời cuối cùng:

- Thôi, em cứ yên tâm về đi. Tôi sẽ viết thư trao đổi kỹ với em sau. Em có ghi địa chỉ của em rồi, phải không? Tôi là Tô Hoài.

Tôi giật mình. Khắp người râm ran một cảm giác khó tả, vừa vui sướng vừa sợ hãi. Cho đến lúc ấy tôi mới biết người nói chuyện với tôi là nhà văn Tô Hoài. Ông tiễn tôi ra cổng, tôi vẫn không ngược mắt lên nhìn ông. Khi cánh cổng khép lại, tôi mới như

hoàn hồn. Bước đi lằng lằng, tôi hớn hở dạo quanh hồ Thiên Quang một lần nữa. Nhìn thấy bất kỳ ai đang đi trên đường, tôi cũng muốn reo lên với họ: “Tôi vừa gặp được nhà văn Tô Hoài đấy! Người đã viết *Đế Mèn phiêu lưu ký*, *Võ sĩ Bọ Ngựa*, *Cỏ dại*, *truyện Tây Bắc*... Một nhà văn nổi tiếng mà tôi từng ngưỡng mộ từ lâu...” Càng nghĩ tôi càng thấy mình quá bội phôi, dám đến nơi làm việc của các nhà văn, dám đưa cho họ xem những trang viết non dại của mình. Đối với tôi ngày ấy, các nhà văn là những thần tượng cao vời vợi, văn chương là một cái gì hết sức thiêng liêng cao quý. Tuổi nhỏ mà!

Lúc mang bản thảo đi gửi, tôi giấu không cho ai biết, sợ mọi người cười chê cái ước vọng ngông cuồng của mình. Nhưng lúc về, quá vui sướng, xúc động vì buổi gặp gỡ với một nhà văn có tiếng, tôi đã cố nén giấu mà không được. Tôi khoe với anh Hiệu tôi. Anh có vẻ ngạc nhiên, không thật tin là tôi dám liêu lĩnh như thế. Sự nghi ngờ của anh càng tăng lên khi tôi không trả lời được câu hỏi:

- Thế ông Tô Hoài đáng người thế nào?
- Em cũng không nhớ chính xác... - Tôi lúng túng trả lời.
- Ông ấy có dễ râu không?
- Em cũng không biết...
- Da ông trắng trẻo hay ngăm đen?
- Em... em...
- Ông ấy có một đặc điểm gì, em phải nhận ra chứ?
- Em cũng không nhớ..
- Thế thì câu “phịa” rồi, đúng không? Làm gì có chuyện gặp ông ấy mà lại chẳng nhớ một chi tiết nào?.

Tôi ức đến đỏ cả mặt vì lòng thành thực của mình bị nghi ngờ. Tôi chỉ biết lúng túng.

- Em nói thật mà! Em đã được gặp ông ấy, nhưng suốt buổi em không dám ngừng lên nhìn, cứ cúi mặt nghe ông ấy nói chuyện, giảng giải, căn dặn.

Và bây giờ thì nhà văn đã viết thư trả lời tôi. Tôi bèn chồn đọc lại bức thư. Cái câu: “*Văn anh sẵn sàng một không khí trong sáng lắm...*” cứ lay động mãi trong tôi, khuyến khích tôi đừng nản lòng. Tôi sẽ giữ mãi bức thư này, như một kỷ niệm sâu sắc của đời mình...

26.

Người thầy giáo đầu tiên mà tôi phải chịu ơn khuyến khích tôi đi vào con đường văn học, đã vun đắp cho tôi khả năng viết văn được nảy nở, phát triển – đó là thầy Luyện. Không chỉ đối với riêng tôi, mà cả lớp, ai cũng yêu quý thầy, được thầy truyền cho lòng yêu quý văn học và vẻ đẹp của ngôn ngữ nước nhà. Những bài giảng của thầy bao giờ cũng sinh động, đem lại cho chúng tôi biết bao hiểu biết và đặc biệt chúng tôi cảm thụ được vẻ đẹp lung linh của tiếng Việt, thấy tâm hồn mình giàu có hơn, phong phú hơn, tinh tế hơn. Hầu như sau tiết giảng nào, thầy cũng đọc cho cả lớp nghe thêm một truyện ngắn hay nào đấy, một chùm thơ nào đấy mà thầy mới tìm đọc được trong sách báo. Thầy xuýt xoa khen một chi tiết đặc sắc, một từ ngữ đặt đúng chỗ, một đoạn văn hay, một hình ảnh đẹp... Thầy hay lấy bài luận của tôi ra đọc trước lớp, lấy ra những hình ảnh những câu chữ mà thầy cho là được và cả những khiếm khuyết cần rút kinh nghiệm để tránh. Đôi khi thầy khen tôi hơi quá tôi thấy ngượng trước bạn bè. Nhưng dù sao tôi cũng biết ơn thầy. Chính những tình cảm yêu quý thầy dành cho tôi đã khuyến khích, động viên tôi rất nhiều.

Quê thầy ở xã Đào Quán. Một hôm thầy rủ tôi về thăm quê thầy. Thầy sẽ đèo xe đạp đưa tôi cùng về. Ban đầu tôi hơi ngại, chần chừ chưa dám nhận lời. Vì thầy là thầy giáo. Tôi là học trò yêu của thầy. Dù sao vẫn có một khoảng cách làm tôi phải e dè.

Thầy nói mấy lần, cuối cùng tôi nhận lời. Vì yêu quý thầy và còn một lý do khác nữa. Vào khoảng năm 1948, gia đình tôi trên đường đi tản cư, có dừng lại ở 50 Đường 73 Đảo Quán một thời gian. Lúc ấy tôi còn nhỏ quá, khoảng năm, sáu tuổi bấy giờ hình dung lại, mọi việc cứ chập chờn mờ ảo không thật rõ ràng, rất khó nắm bắt, rất khó định hình lại được. Chỉ một câu chuyện mà tôi còn nhớ rất rõ là hôm ấy hai chị em tôi đang làm thịt vịt ở góc sân, gần bờ giếng. Tôi ngồi hai tay bó gối gần hai chị, tò mò xem thịt vịt. Chợt có tiếng súng nổ rất gần. Tiếp theo là tiếng hò la, tiếng kèn báo động dồn dập. Mấy người chạy ngang qua ngõ, kêu to: “Giặc đến! Giặc đến! Chạy mau lên! Giặc đến làng bên rồi!”. Mọi người hốt hoảng vợ vội lấy một thứ của nả gì đó, kéo nhau chạy. Thấy hai chị ù té chạy, bỏ lại con vịt đang làm dở, tôi cũng cuống quýt chạy theo. Nghĩ thế nào, tôi chợt quay ngoắt lại, túm lấy đôi chân vịt, vội vàng chạy tiếp. Tiếng ới gọi nhau loạn xạ, tiếng kêu khóc ầm ĩ, xen lẫn tiếng kèn, tiếng trống hồi hã, tiếng đạn nổ chát chúa. Người trong các ngõ xóm tủa ra đông nghịt ở mấy thửa ruộng đầu làng. Người ủa ra chen lấn với người chạy vào, gồng gánh, búi rú nhau, tiếng khóc như ri. Tôi cứ bám lấy các anh chị tôi, theo mọi người chạy ra cánh đồng. Người ngoài cánh đồng lại xô nhau chạy vào trong làng, nơi chúng tôi vừa ở đó lao ra, cứ rối rít tít mù chạy quanh chạy quẩn trong lúc tiếng trống, tiếng kèn vẫn hồi thúc giục giã và tiếng súng vẫn rộ lên từng tràng dài. Chợt có tiếng ai đó hét lên:

- Trời ơi! Thăng bé kia bị thương rồi !

- Máu chảy ra đầm đìa kia!

- Bắn bỏ lại cho nó ngay đi!

- Khổ thân thằng bé! Máu lênh láng thế kia!.

Mọi người đổ xô chạy về phía tôi. Tôi vẫn cắm cúi chạy không biết là người ta đang nói về mình. Thì ra mọi người tưởng tôi bị trúng đạn. Khi nhận ra con vịt đang thịt dở lủng lẳng trên tay tôi, chiếc đầu vịt liên tục va bóp vào bắp chân tôi, máu vịt bê bết trên đùi, trên chân tôi, mọi người mới vỡ lẽ và cười rộ lên vui vẻ. Tôi xấu hổ, bẽn lễn nhìn đám đông đang lẫn ra cười. Tiếng súng lại rộ lên từng đoàn, mọi người lại chạy tủa ra hỗn loạn...

Một hình ảnh thứ hai mà tôi còn hình dung ra được khá rõ là ngọn đồi nhà cụ Quý. Ngọn đồi khá cao, hầu như chỉ có cỏ mọc êm mọc như không có một loại cây gì khác. Gần dưới chân đồi, cụ Quý dựng một ngôi nhà mái rạ, các vách tường còn trông hơi trắng hoác, hình như còn đang làm dở. Nền nhà đất nện còn mới, màu vàng cam tươi. Cụ Quý đã già, để râu dài, cười móm mém phúc hậu. Gia đình tôi cùng mấy gia đình nữa vừa tản cư đến, cụ Quý ở nhà nhờ hầu như hết cả gian nhà. Cụ còn túc cảnh làm thơ, sang sảng đọc cho mọi người nghe. Hơn năm chục năm đã qua mà tôi vẫn còn nhớ được hai câu: “Hôm nay tân tạo mới vừa xong. Đồng bào yêu quý đến chơi đông”. Các gia đình đang trên đường chạy giặc, chỉ ghé qua nhà nhờ cụ ít ngày, chắc không có ý định ở lâu nên mọi đồ đạc, hòm xiềng, quang gánh, chăn chiếu ngổn ngang, mỗi góc nhà là một gia đình. Bố mẹ, anh chị em tôi được chia ra một góc. Có lẽ nền đất còn ẩm nên mọi người trải rơm làm nệm, phủ chiếu lên. Một buổi sáng, chị Trọng tôi cuốn chiếu đem phơi chợt kêu hét lên vì một con rắn cạp nong khoanh đen khoanh vàng nằm khoanh tròn giữa ổ. Ai nấy đều hú vía, suốt đêm nằm trên nó mà không sao xảy ra chuyện gì. Con rắn lơ dờ như ồm dờ. Nó bị bệnh gì chẳng? Đi tản cư mà bọn trẻ con chúng vui như hội. Con cái các gia đình vốn xa lạ được dịp làm quen với nhau, rủ nhau đi chơi các trò trốn tìm, bịt mắt bắt dê hoặc kéo nhau lên đỉnh đồi sau nhà rồi cứ thế dang tay giả làm máy bay, lao vun vút dưới chân đồi không còn biết sợ là gì. Mấy lần bọn nhỏ chúng tôi chia hai phe đánh trận giả. Tôi bé nhất, tất nhiên chỉ quanh quẩn bên hai anh, thấy hai anh làm gì thì làm theo. Có lúc phe anh em tôi thắng, tha hồ hò hét, tha hồ khoa chân múa tay, diễu võ gương oai. Còn những lúc bị bên địch bao vây “tình thế hiểm nghèo”, mấy anh em tôi ra sức gào lên khản giọng,

kêu hai chị tôi ra ứng cứu. Hai nữ tướng Trưng trắc – trung Nhị lập tức xuất hiện. Vừa trông thấy hai chị tôi hăng hái xông lên, hai tay khua khoảng mấy cành củi khô, quân Đông hán lập tức tha1po chạy toán loạn...

Một ấn tượng suốt đời không thể nào quên được, đó là cái buổi sáng thần tiên bố tôi dẫn năm chị em tôi đến thăm cây đã nổi tiếng ở làng Tiên Lục. Cây cổ thụ khổng lồ có lẽ to lớn bậc nhất ở nước mình. Hơn chục năm qua rồi, không biết bây giờ gặp lại, dưới con mắt của một người đã đứng tuổi, cây đã cổ thụ ấy con uy nghi, bề thế, sừng sững và đầy vẻ linh thiêng kỳ bí như ngày xưa tôi hằng nghĩ nữa không? Còn khi ấy, trong tôi mắt thơ ngây trong veo của một cậu bé năm, sáu tuổi như tôi, cây đã cổ thụ hiện ra lẫm liệt như một vị thần. Chúng tôi rón rén bước lại gần cây, thành kính ngược nhìn lên vòm cây, bao la tỏa rộng, khe khẽ thì thầm nói chuyện với nhau về cây đã lớn chưa bao giờ từng thấy, xuýt xoa, trầm trồ trước vẻ đẹp gần như không có thực của cái cây kỳ lạ. Năm chị em tôi cùng dang tay nhưng không ôm xuể thân cây xù xì, cuộn cuộn như những cơ bắp khỏe khoắn, mạnh mẽ. Các nhánh cành phụ còn lớn hơn cả những cây bình thường, lan tỏa bốn phía, được phủ lên bằng những vòm lá xanh rười rượi, tỏa bóng mát xanh dịu huyền hoặc xuống phía dưới. Không gian tràn ngập hương thơm của lá non có mùi bạc hà nhẹ nhẹ. Sau những phút đầu tiên mới tiếp xúc phần sợ sệt, ngỡ ngàng, dần dần chị em tôi mạnh dạn lên, thân mật làm quen với cây. Hóa ra, cao to lực lưỡng ngang trời thế nhưng thật ra cây đã rất hiền. Cây tỏa bóng xanh mát che chở cho chúng tôi. Cây bao bọc lấy chúng tôi bằng hương thơm lan tỏa khắp vùng. Cứ mỗi đợt gió lướt qua, những vòm lá xào xạc tưởng như mưa lớn sầm sập kéo đến làm cho chúng tôi thoáng lo sợ nhưng rồi cây an ủi ngay chúng tôi bằng cánh thả xuống ngàn vạn chiếc là vàng chấp chới bay liệng. Có những chiếc đỏ thắm như những trái hồng. Có những chiếc vàng canh như những trái táo. Chị em tôi hò reo đuổi theo nhau, những bàn tay trắng hồng xò ra tóm bắt những trái hồng táo và những chiếc là non mà chúng tôi tưởng tượng là những con bướm xanh màu cốm đang rập rờn trước mắt. Cây cứ tì rào xào xạc mãi tưởng như không bao giờ dứt âm thanh muôn đời của gió, của lá. Thật đúng là một ngày thần tiên. Trong suốt cả cuộc đời dài dằng dặc, chỉ những ai hạnh phúc lắm mới may mắn có được một hai buổi sáng kỳ diệu như thế.

Ngược dòng thời gian, trở về quá khứ xa hun hút, tôi lại thấy những hình ảnh thời thơ ấu ẩn hiện trong đám sương mù ký ức. Đó là cảnh đại gia đình chúng tôi kéo nhau đi tản cư, từ Hải Dương cứ ngược lên phía Bắc. Tất cả đều đi bộ. Người gánh gồng, người khiêng vác, người dắt díu nhau, tay bồng tay bế. Những con đường bị đào bới ngổn ngang, những hố ngang hố dọc, ngoắt ngoéo chữ chi càng làm cho con đường dài hơn, đi lâu hơn. Có lúc tôi lon ton chạy theo người lớn. Có lúc anh em tôi vui sướng đuổi bắt nhau qua các hầm hố. Có lúc tôi được ai đó cõng đỡ một đoạn. Có lúc còn được ngồi toòng teng trong thùng quang treo, đầu bên kia là chăn chiếu, quần áo, thuê người gánh cả chục cây sô. Những ngọn đồi bát úp san sát hiện ra hai bên đường. Những con trâu bò nhẩn nha gặm cỏ ven đê... Cái gì cũng xa lạ, cũng mới mẻ với chị em tôi. Bao nhiêu vất vả, lo toan, người lớn gánh chịu hết. Còn bọn nhỏ chúng tôi, những ngày đầu tản cư ấy, tất cả chỉ là vui vẻ, hóm hờ, là những ngày vui tắt bạn...

27.

Vào năm học mới được ít lâu, một tin sét đánh đến với chúng tôi: bố anh Nhu bị mất đột ngột. Cùng với tin buồn đó là một quyết định quan trọng đã làm đảo lộn nhiều dự kiến của anh em tôi, ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của chúng tôi sau này. Đó là việc anh Nhu sẽ không sống cùng chúng tôi nữa. Anh phải về quê ở Gia Lương sống với mẹ. Anh chỉ có một người chị thì đã đi lấy chồng ở khác huyện từ mấy năm

trước. Bố anh mất, còn lại mình mẹ ở nhà. Mẹ anh lại bị liệt nửa người đã hơn một năm nay. Anh phải về quê chăm sóc mẹ và trông nom nhà cửa, vườn tược. Anh nói sẽ gắng đi học tiếp, thế nào cũng phải vào được đại học. Quê anh cũng mới mở thêm trường cấp ba.

Anh Nhu về chịu tang mấy ngày. Anh nói sẽ lên lại, lo giấy tờ, chuyển học bạ, ở thêm với chúng tôi ít bữa rồi mới về hẳn. Vắng anh, chúng tôi sống chênh mảng, tạm bợ. Đôi lúc tôi ngơ ngác như người mất hồn. Chúng tôi sắp mất đi một người anh cả, một con chim đầu đàn, linh hồn chính của nhóm anh em chúng tôi.

Khi lên trở lại, anh Nhu gầy guộc. Chỉ có mấy ngày mà trông thấy anh như một người vừa trải qua một cơn ốm nặng. Anh tất tả lo các thủ tục để chuyển trường. Anh còn đi xin việc cho tôi. Hở ra phút nào rảnh rỗi, anh dọn dẹp nhà cửa, trát lại vách nhà bếp bị mưa xối một mảnh trông hoác. Anh đóng cho bà cụ một chiếc chạn bát mới. Ai cũng khen anh khéo tay. Anh cười, bảo đã có ý định đóng chạn bát, chiếc giá sách và một chiếc bàn tre dài để mấy anh em ngồi học cho đỡ phải nằm phủ phục xuống giường, nhưng bận bịu quá không có thời gian. Giờ được nghỉ học vài hôm thì lại sắp phải xa mọi người.

Nghe anh nói đến câu “sắp phải xa mọi người”, tự nhiên thấy nghèn nghẹn nơi cổ. Tôi biết từ nay tôi sẽ cô đơn lắm. Sẽ không còn có cơ hội để anh em tôi sống chung với nhau một lần thứ hai nữa đâu. Sở dĩ tôi nghĩ thế trước đây mấy năm, lúc còn đang kháng chiến, anh em tôi đã chia tay một lần rồi. Lần đó, cứ tưởng sẽ mãi mãi chẳng bao giờ được gặp lại anh. Không ngờ sau hòa bình, tôi lại lên Bắc Giang và được sống cùng anh. Lần này chắc không còn cơ may như thế nữa. Tôi nhớ mãi, lần chia tay ấy anh ngồi nói chuyện với tôi rất lâu trên ngọn đồi Bãi Trại. Anh choàng tay ngang vai tôi, giọng thủ thủ. Anh tặng cho tôi chiếc khăn mùi soa còn mới nguyên, của rất hiếm thời đó. Anh nói mẹ anh gửi trong vùng tạm chiến ra cho anh. Với ý nghĩ còn rất trẻ con của một đứa trẻ học lớp ba lúc đó, tôi đã trải chiếc khăn lên mặt bàn, vuốt phẳng phiu và lấy chiếc bút bi (mà hồi đó mới xuất hiện, rất quý hiếm, được gọi là bút “Nguyên tử”) viết rất nắn nót, chữ rất to, kín hết cả mặt khăn những dòng chữ: “mãi mãi không bao giờ quên anh Nhu”. Tôi lấy giấy bóng bịt kín chiếc khăn, cất vào cặp sách, giữ làm kỉ niệm chứ không đem ra dùng. Mấy tháng sau, cô tôi không biết những ý nghĩ riêng tư ấy của tôi, tưởng là khăn mùi soa bình thường, đem ra giặt phau. Tôi cắn chặt môi để bật ra tiếng khóc. Cố kìm nén những nước mắt vẫn cứ trào ra. Tôi bỏ cơm, lang thang suốt cả một buổi chiều...

Lần này thì anh Nhu lại ngồi bên tiếu trên bờ đê quai trước nhà. Chiều đang dần xuống. Tiếng chuông nhà thờ trong thị xã giống giả, ngân nga, được gió lan truyền đến chỗ chúng tôi. Lúc thật rõ, lúc lại xa mơ hồ. Vẫn quàng tay qua vai tôi, giọng anh buồn buồn:

- Phải xa em và các bạn ở đây, anh buồn lắm. Những biết làm sao được? Cực chẳng đã em ạ. Em ở lại, nhớ giữ gìn sức khỏe. Mọi điều anh rất yên tâm về em. Chỉ lo sức khỏe em không được tốt. Mọi việc anh đã bàn lý với anh Hoàng rồi. Anh Hoàng rất tốt, rất quý thương em. Em cứ coi anh Hoàng như anh. Có gì, em cứ hỏi ý kiến anh Hoàng. Từ nay mấy anh em thôi không nhận mấy việc làm nặng nữa. Anh đã gặp mấy bác bên công trường nhà máy xay, xin được cho em chân dạy bổ túc văn hóa cho các cô chú công nhân. Dạy lớp hai, lớp ba thôi. Một tuần học ba buổi tối, không đến nổi vất vả lắm, vừa sức với em. Em thu xếp, ngay từ tuần tới sẽ khai giảng. Em thấy như vậy có được không?.

Tôi chỉ gật đầu không nói. Mở miệng ra, tôi sẽ khóc mất, anh Nhu lại nói tiếp.

- Chăn màn, mấy thứ vật dụng của anh, anh để lại cho em dùng. Bộ tăng đơ, dao kéo cắt tóc, để anh Hoàng thỉnh thoảng đi vào các xóm kiếm thêm ít nhiều phụ vào tiền ăn. Còn hơn bốn trăm đồng, quỹ chung của mấy anh em dành dụm được qua mấy

tháng hè, anh cũng giao cho anh Hoàng giữ để chi dùng đến hết năm học. Chịu khó chi tiêu tằn tiện thì cũng không lo lắm đâu. Bắt đầu từ tháng sau, nhà trường sẽ cấp cho em hai phần ba học bổng, được mười hai đồng mỗi tháng. Cô Kim mới nói cho anh biết chiều qua. Vậy cũng đỡ lắm. Em đừng gắng sức quá, nhớ đau ốm thì khổ.

Anh còn tâm sự với tôi nhiều nữa – về chuyện học hành của tôi – Chuyện gia đình của tôi ở Hà Nội – Nhất là chuyện ham muốn viết văn của tôi đang ấp ủ. Anh đưa cho tôi một gói nhỏ bọc kín giấy báo mà anh mang theo từ này. Anh bảo tôi giữ làm kỷ niệm. Tôi thận trọng mở ra từ từ. Thì ra quyển “*Gửi Miền Nam*”. Anh nói hôm vừa rồi về chịu tang, lúc lên qua thị xã Bắc Ninh, rẽ qua hiệu sách, tình cờ mua được. Tôi mừng quá. Cuốn sách mà tôi đã tiếc hậm hùi vì không mua được...

- Thiện này, dù thế nào em cũng không được bỏ học nhé – Nhưng một lúc lâu, chợt anh lên tiếng – Nhà có túng thiếu đến mấy cũng gắng kiếm thêm việc, vừa học vừa làm em ạ. Thời gian qua, anh em mình vất vả thế, nhưng em vẫn học tốt, được là học sinh gương mẫu của toàn trường, được tỉnh khen, anh rất mừng và tự hào về em. Em cố gắng thêm nữa nhé. Chị Trọng cũng sắp ra trường đi dạy học rồi. Chị Nga rồi đây cũng phải có lương bổng chứ, chẳng lẽ cứ chế độ độ năm đồng phụ cấp mỗi tháng mãi à? Anh Hiệu chắc chắn được học bổng. Anh Lượng trên công trường đường sắt Lào Cai giờ đây cũng bắt đầu ổn định... dứt khoát em phải học cho hết đại học. Có khả năng như em, rẽ ngang uống lắm.

Anh kéo tôi, cả hai anh em cùng nằm xuống triển dề. Đưa hai tay lên gối đầu, mắt nhắm nhắm nhìn lên bầu trời đã long lanh mấy ngôi sao, anh tha thiết nói với tôi;

- Anh phải nói đi nói lại với em điều đó vì anh biết sắp tới anh không còn dịp nói chuyện với em nhiều nữa. Sẽ không còn ít khó khăn đến với em. Thêm nữa, em cũng mấy lần có ý định rẽ ngang để sớm đi vào cuộc sống. Anh rất hiểu tâm tư của em. Em là một cậu bé sống có lý tưởng. Em muốn sớm được cống hiến. Muốn sớm được lăn vào đời, hy vọng em sẽ đi theo con đường văn học... nhưng dù sao em vẫn còn nhỏ quá. Nhiệm vụ chính của em bây giờ là phải học, học cho thật giỏi. Muốn viết văn ngoài vốn sống, điều rất quan trọng là phải có kiến thức rộng em ạ...

Nấn ná ở thêm với chúng tôi hai, ba hôm nữa rồi anh Nhu về quê. Chúng tôi bàn nhau sẽ làm một bữa cơm thật thịnh soạn để anh em ăn với nhau một bữa cuối cùng trước khi chia tay. Định sẽ ra chợ mua nhiều thứ, đủ cả cá thịt, những món ăn mà mấy anh em đều thích nhưng anh Nhu nhất định không chịu. Anh bảo chỉ cần mua một món gì đó gọi là có chút mỡ màng, để có cơ mà ngồi nhâm nhi với nhau thôi. Cả mấy tháng nay chưa được một bữa thịt nào cho ra hồn, mấy anh em đều nhất trí mua hẳn cả hai ký thịt lợn về nấu canh cà chua, chỉ một món đó thôi, cái món tủ của mấy anh em. Anh Hoàng và thằng Nam được phân công đi chợ mua hai ký thịt, một rổ cà chua, một bó hành, một chai nước mắm và cả chục cây xà lách, rau thơm. Sẽ nấu duy nhất một nồi canh thịt. Cơm cũng không dọn khoai nữa mà ăn cơm trắng đến no căng, vỗ bụng thì thôi. Hồi đó nhiều vùng đang bị đói. Chúng tôi ăn dọn khoai, dọn sắn liên miên.

Sáng hôm sau anh Nhu phải ra tàu sớm. Khoảng sáu giờ tàu chạy. Làm sao cơm nước xong phải xuôi trước 5 giờ. Thịt mua về, anh Hoàng thái sẵn, cho vào nồi qua loa để sáng mai việc đổ nước, đổ cà chua, hành vào là xong. Đang kỳ hạn hán nặng, giếng các nhà hầu như cạn đến gần đáy, các gia đình dùng riêng một cách dè dặt. Duy nhất chỉ còn một cái giếng ở đầu xóm là còn kha khá nước. Suốt ngày, trong xóm không người này thì người kia ra múc, cái giếng chung lúc nào cũng ồn ã tiếng eo xèo, cãi vã. Cho đến mấy hôm nay thì cả cái giếng lớn nhất, sâu nhất xóm ấy cũng gần như cạn kiệt. Tôi và thằng Bảo được phân công lo chuyện nước nội phục vụ bữa liên hoan sáng ngày mai. Để lấy được nước trong, hai đứa tôi quyết định khoảng hai, ba giờ đêm sẽ trở dậy, ra giếng vét nước. Gọi là vét nước thì mạch chảy rỉ rả, mãi mới đọng

thành vũng ở đáy giếng. Phải trèo xuống đó, lấy bát nhôm vét từng chút một vào thùng rồi kéo lên. Trời tối đen tối đặc đến nhưr mắt. Thằng Bảo vác chiếc thang đã mượn được từ hồi chiều, còn tôi quảy đôi thùng ra giếng, vừa đi vừa ngáp vì ngái ngủ. Thả chiếc thang xuống, vừa thận trọng bước lùi từng nấc, Bảo vừa dặn tôi:

- Mày cẩn thận nhá! Khi kéo thùng lên phải thật chắc tay không khéo thùng rơi xuống thì toi mạng tao!

Tôi ròng thùng xuống cho Bảo vét nước đổ vào. Tiếng bát nhôm cào vào đáy giếng quền quẹt, trong đêm tối yên tĩnh càng vang lên rõ mồn một. Bảo vừa vét nước vừa ư hử hát, chẳng bài nào ra bài nào. Có lẽ nó rên lên như thế cho đỡ lạnh. Một lúc lâu sau, tôi kéo được hai thùng nước đầy. Cho đến lúc đó tôi mới hết run. Thùng nước đầy, kéo từ đáy giếng lên, nặng lắm chứ! Tôi mím môi, cố giữ sợi dây thùng thật chắc, nhờ sẩy tay mà rơi xuống, thằng Bảo đang ngồi lu thu dưới đó thì gay. Tôi nhẹ cả người khi mọi chuyện trôi qua êm thấm. Nước đã kéo lên. Tôi sốt ruột gọi. Bảo rúc rích cười gì đó ở dưới đó. Khi lên, người nó ướt rườn rướt, quần áo cũng sũng sình nước. Nó cười hì hì: “Nước mát quá mày ạ. Tao tranh thủ tắm một cái”, nhưng liền sau đó, nó đã kêu trời: “Chết cha! Tóc tao ướt nhẹp toàn bùn. Cả người nữa này, nhớp nháp khó chịu quá!”. Thôi, sáng mai tiễn anh Nhu lên tàu xong, hai thằng mình ra sông Thương vùng vẫy một châu cho thoải nhá !. trời tối như bưng, tôi chỉ biết nó ướt chứ không trông rõ mặt mũi nó lem nhem thế nào.

Nước gánh về, phải để lâu cho bùn đất lắng dần, trong lại. Anh Nhu, anh Hoàng, thằng Nam cũng đã trở dậy. Mấy anh em lục cục thổi lửa nấu cơm. Rơm cháy dùng dùng hắt bóng mấy anh em lên vách bếp, chập chờn lúc to, lúc nhỏ. Bà cụ muộn cũng trở dậy, đưa cho anh Nhu một gói xôi lạc. Bà cụ bảo để anh mang đi ăn đường, đỡ phải vào hàng quán tốn tiền. Mọi người cười nói vui vẻ, cứ như là không có chuyện sắp phải chia tay nhau. Riêng tôi trầm ngâm, ngồi ở góc xa bếp lửa nhất. Anh Nhu vẫn còn đang ngồi trước mặt tôi kia mà tôi cảm thấy rất buồn. Chắc nhận ra sự cô độc của tôi, anh Nhu đến ngồi bên cạnh. Anh vui vẻ nói chuyện này chuyện khác, cố ý hỏi để cho tôi trả lời, cố ý pha trò để mọi người cùng cười. Nhưng sao tôi vẫn không thể nào cười lên được.

Nồi canh sôi sùng sục. Mùi thị, mùi hành thơm lừng. Mấy con thạch sùng lấp ló sau mấy cột tre, mấy tấm phen nửa. Có bao giờ thấy cảnh đó đâu! Chắc là lâu lắm chúng mới được ngửi mùi béo ngậy hấp dẫn đến thế.

Khi cơm canh vừa chín, lửa rơm tàn rụi thì cũng vừa tang tảng sáng. Nhìn ra bên ngoài một thứ ánh sáng phơi phới xanh đã lờ mờ hiện ra. Anh Nhu đem chiếc nong lớn đặt giữa sân. Nam cầm đèn bão soi cho Bảo lấy bát đĩa bày la liệt trên nong rồi lại quay vào giờ cao đèn soi cho anh Nhu và anh Hoàng khệ nệ bưng nồi canh to hú ra đặt ở chính giữa nong. Tôi lúi húi đi tìm mấy chiếc ghế thấp cho mọi người ngồi. Nồi canh bốc hơi nghi ngút, tỏa mùi thơm ngầy ngậy “điếc cả mùi” như thằng Bảo trầm trở với vẻ mặt tươi hơn hớn. Cả thằng Nam cũng hớn hở ra mặt. Chưa ăn cơm vội. Mỗi người húp trước một bát canh nóng bỏng lưỡi, màu cà chua và váng mỡ nổi sao vàng ngậy. Canh được múc ra một âu lớn dành để phân biệt bà cụ Muộn. Còn bao nhiêu, mấy anh em bảo nhau ăn cho kỳ hết. Anh Hoàng mò hôi, mò kê nhể nhại, mặt búng búng hoan hỉ, múc ra một bát đầy thịt để bên cạnh cho mọi người dễ ăn. Trời sáng dần. Ánh sáng đèn bão nhạt dần, nhường chỗ cho ánh sáng thật của trời. Mấy anh em xì súp húp mãi vẫn chưa hết được một bát, mặt ai nấy đều đỏ lựng, đầm đìa mồ hôi. Chưa bao giờ được ăn một bữa ngon như thế. Vì canh nóng, húp hơi lâu, mãi cũng chưa hết bát canh khai vị để bước vào bữa cơm chính thức còn hứa hẹn ngon lành, hấp dẫn hơn nhiều. Chợt thằng Bảo kêu ré lên:

- Chết cha rồi, con cóc!

Mọi người còn đang ngỡ ngàng chưa hiểu chuyện gì thì Bảo đã nhả nhó gắp trong bát thịt ra một con cóc bụng trắng hếu, giơ lên cho mọi người xem. Con cóc to bằng nửa nắm tay, bụng tròn trắng bóc, cặp chân lòng thông, đã bị luộc chín trong nồi canh. Thăng Nam dẫn bát xuống nong, đưa hai tay lên chẹn ngang cổ, lúi búi chạy ra sau nhà nôn ọe ầm ĩ. Anh Nhu, anh Hoàng cũng buông bát đĩa, ngỡ ngàng thắc mắc sao lại chuyện lạ lùng như vậy. Thăng Bảo vẫn cười cợt, tiếp tục giơ cao con cóc, cười nghiêng ngả. Tôi đoán ngay ra nguyên nhân sự việc. Có lẽ con cóc ở dưới đáy giếng nhảy vào thùng nước từ lúc tôi và thăng Bảo đi vét nước, trời tối mật chúng tôi không trông thấy. Rồi nó được trút từ thùng nước vào nồi canh. Lửa rơm nhập nhòa cũng không ai phát hiện ra nó. Thế là mất toi cả nồi canh thịt cả năm trời mới được nếm mùi. Không ai dám ăn canh tiếp nữa. Anh Hoàng vào bếp, lấy ra một chai nước mắm. Cũng may, còn gần nửa chai, mấy anh em rưới nước mắm ăn, cũng thấy ngon chán, vì có phải bảo giờ cũng được ăn cơm trắng, rưới nước mắm đâu?.

Chúng tôi ăn vội để tiễn anh Nhu ra ga cho kịp tàu. Tất cả mọi quần áo, sách vở của anh Nhu lèn chặt trong một chiếc ba lô bộ đội cũ. Cả gia tài anh chỉ có thế. Tôi tranh lấy việc khoác chiếc ba lô cho anh ấy. Mấy anh em tôi đã ra đến đầu ngõ, anh Nhu vẫn còn nấn ná bên bà cụ Muộn. Bà cụ khóc không ra tiếng, cứ nắm chặt hai tay anh Nhu lắc lắc mãi. Tôi không muốn nhìn lâu cảnh ấy, sợ mình cũng không kìm được nước mắt.

Ra đến ga, tàu lên Lạng Sơn đã về, đang đón thêm khách. Mấy anh em túm lại với nhau trên sân ga. Anh Nhu định quàng đỡ ba lô cho tôi nhưng tôi không chịu: tôi muốn được giữ lâu thêm chút nữa những gì của anh. Anh dặn cho Hoàng cho anh gửi lời chào các thầy cô giáo và bạn bè lần cuối, mặc dù mấy hôm vừa rồi anh đã đi chào khắp lượt, không sót một người nào. Anh nhắc Bảo đừng quá mê mẩn chuyện cá mú mà xao nhãng việc học. Anh bảo thăng Nam nên sống cởi mở hơn, gần bó hơn với mấy anh em trong nhóm. Còn tôi, anh không cần dặn gì thêm. Suốt thời gian chờ lên tàu, anh đứng bên tôi, đặt tay lên vai tôi thân thiết. Tôi biết, anh cũng rất buồn phải xa tôi và chính anh cũng biết tôi đơn độc biết bao nhiêu khi không có anh ở bên.

Con tàu rú lên những hồi còi lạnh lói. Chiếc đầu tàu phì hơi nước trắng xóa, phủ lên mù mịt một khúc thân tàu. Các bánh xe to lớn xịch xịch chuyển động. Anh Nhu ôm chặt lấy tôi, ộp đầu tôi vào ngực anh. Anh Hoàng, thăng Bảo, thăng Nam cũng xúm lại ôm choàng lấy anh Nhu và tôi. Không tìm được, tôi bật khóc nức lên. Anh Nhu gượng cười, giọng vỡ ra” “Đừng khóc! Đừng khóc, em! Rồi anh sẽ viết thư! Thế nào cũng có lúc anh lên thăm bọn em. Nín đi, đừng khóc!”. Anh nói thế nhưng người tôi vẫn rung lên thốn thốn và khi ngược lên nhìn anh, tôi cũng thấy nước mắt anh giàn dụa. Con tàu chậm chậm chuyển bánh trong tiếng còi hồi hã. Chúng tôi cùng chạy bám theo thành toa, vừa chạy vừa dìu đẩy anh Nhu leo lên bậc lên xuống. Tôi vẫn ngoắc ba lô trên vai, quên không đưa cho anh Nhu. Bối rối qua, anh Nhu cũng không nhớ đến chiếc ba lô, cứ đứng ở cửa toa vẫy tay chào chúng tôi, nói những gì không ai nghe rõ. Tàu đã bắt đầu tăng tốc, chạy nhanh dần, tôi mới chợt nhớ ra, kêu ầm lên. Anh Hoàng giằng lấy ba lô, lao thật nhanh, chơi với mấy lần anh mới lẳng được nó lên tàu, nhờ mấy hành khách chuyển tiếp cho anh Nhu. Con tàu thét lên những tiếng chói lói. Lòng tôi cũng nhói lên, có cái gì như đang tan nát. Con tàu như hiểu tâm trạng của tôi, liên tục thét lên vừa hồi hã, vừa da diết. Tôi cảm thấy ruột gan mình như bị trút ngược đến kiệt cùng, cùng với tiếng còi như nhói đến xé lòng...

Sài Gòn, tháng sáu đến tháng Mười Một. 1999

T.H.D